BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1	50954	DETERGENT TANK	BÌNH CHỨA XÀ PHÒNG	218,700
2	50955	ADJUSTABLE LANCE	ĐẦU XỊT RỬA	378,000
3	956372	PLEXIGLAS BLOCK	MIẾNG KÍNH THỬ MŨI KHOAN	1,134,375
4	3082130	INLET FITTING 3/4"" WITH WATER FILTI	ĐẦU NỐI	44,550
5	3082280	GUN/HW101	SÚNG XỊT ÁP LỰC/HW101	409,050
6	3082290	HP HOSE QUICK CONNECT 5MT PVC OP	DÂY DẪN 5MM	616,950
7	3082661	QUICK COUPLING	ĐẦU NỐI NHANH	279,450
8	3320120	ROTO POWER OPP SERIES 840.004	ĐẦU XỊT DẠNG XOÁY	99,900
9	3320130	EXTENSION LANCE READY 1ST TOOLIN	ỐNG XỊT MỞ RỘNG	98,550
10	3320152	GUN/HW102	SÚNG XỊT ÁP LỰC/HW102	415,800
11	3640090	COMPL. DETERG. TANK M - READY 870.	BÌNH CHỨA CHẤT TẨY RỬA	82,350
12	3640380	FOAM TANK ROLE RIDE 840.015	BÌNH CHỨA	83,875
13	3640630	HP HOSE 5 MT M- READY 840.026	DÂY DẪN 5MM	579,150
14	3640640	MULTI LANCE OPP (1.04) BLACK 840.021	ĐẦU XỊT THẲNG, DẸT	159,300
15	3640650	MULTI LANCE OPP (1.00) RED 840.020	ĐẦU XỊT THẲNG, DẸT	103,950
16	3640660	STEEL ARMED HOSE 12MM 5,5MT 840.02	DÂY DẪN 5,5MM/HW111	1,047,600
17	3640670	FOAM NOZZLE OPP 840.033	ỐNG PHUN	60,750
18	3640950	BAYONET FIX BRUSH 840.013	BÀN CHẢI/HW111	156,600
19	3641590	HIGH PRESSURE HOSE/ HW111	DÂY DẪN NƯỚC/HW111	1,200,150
20	0028002039	BLADE COVER/HTR5600	BẢO VỆ LƯỠI/HTR5600	544,320
21	0028109009	BLADE COVER/HTR7610	BẢO VỆ LƯỠI/HTR7610	380,160
22	0301140000	CHIP RECEIVER/HTR7610	BỘ CHỨA MẢNH VỤN/HTR7610	514,800
23	394369610	GUIDE TROLLEY DT4000/EK7651H	THANH ĐẨY ĐỊNH HƯỚNG/EK7651H	2,200,000
24	442040661	SPROCKET NOSE BAR/EA3503S	LAM/EA3503S	990,000
25	443053651	SPROCKET NOSE BAR 530MM	LAM 530MM	1,782,000
26	445045631	SPROCKET NOSE BAR 450MM	LAM 450MM	836,000
27	445050451	GUIDE BAR (SPROCKET NOSE BAR 500M	LAM BÁNH XE 500MM/EA5600F	2,222,000
28	445050655	SPROCKET NOSE BAR 500MM	LAM 500MM	913,000
29	445060455	SOLID NOSE BAR	LAM	2,068,000
30	523093672	SAW CHAIN SET 1,5MM/.058"X325"	DÂY XÍCH 1,5MM/.058"X325"	638,000
31	528099672	SAW CHAIN SET 72 1,5MM/.058"X3/8"	DÂY XÍCH 72 1,5MM/.058"X3/8"	808,500
32	528099684	SAW CHAIN SET 84 1,5MM/.058"X3/8"	DÂY XÍCH 84 1,5MM/.058"X3/8"	803,000
33	534686072	SAW CHAIN SET 72 1,5MM/.058"X325"	DÂY XÍCH 72 1,5MM/.058"X325"	561,000
34	952010640	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	180,900
35	952020650	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	244,750
36	952020660	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	216,000
37	988000009	Safety Helmet	Nón Bảo Hộ	2,312,550
38	988000103	Working Gloves	Găng Tay Bảo Hộ	1,549,800
39	5019001000	TOOL KIT	DỤNG CỤ MỞ ỐC	83,875
40	6018505200	BLADE (UPPER)	LƯỠI DAO CỦA MÁY TỈA HÀNG RÀO	963,600
41	6018505301	BLADE (LOWER)	LƯỠI DAO CỦA MÁY TỈA HÀNG RÀO	963,600
42	6018505400	UPPER BLADE	LƯỠI DAO CỦA MÁY TỈA HÀNG RÀO	1,072,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
43	6018505500	LOWER BLADE	LƯỠI DAO CỦA MÁY TỈA HÀNG RÀO	1,072,500
44	6417015003	BAND ASSY	NẸP	770,000
45	6659500901	PIPE	ỐNG CAO SU	135,000
46	6679504400	END PIPE	ĐẦU ỐNG	616,000
47	6908031000	NOZZLE 1 HEAD	BÉC 1 ĐẦU	421,200
48	6919500000	NOZZLE 4 HEAD	BÉC 4 ĐẦU	766,800
49	6939024000	JET NOZZLE	VÒI PHUN	5,788,800
50	6939025000	NOZZLE C-2	VÒI PHUN C-2	4,125,600
51	6958018000	NOZZLE 2 HEAD	VÒI PHUN 2 ĐẦU	561,600
52	6958025000	NOZZLE 2 HEAD	VÒI PHUN 2 ĐẦU	835,650
53	6958029000	NOZZZLE COMPLETE/DVF154	ĐẦU PHUN CHỮ Y/DVF154	245,700
54	040026-001	BLADE CHANGING ROD/SJ401	THANH CHẶN MỞ LƯỠI/SJ401	12,375
55	122193-4	DUST BAG	TÚI CHỨA BỤI	345,600
56	122202-9	TRIMMER BASE ASSY/3700B,N3701,3703	ĐẾ PHAY/3700B, N3701,3703,3704, 4403	772,750
57	122230-4	DUST BAG ASSY	TÚI CHỨA BỤI	1,209,600
58	122238-8	TRIMMER BASE ASSY/3700B, N3701, 370	ĐẾ PHAY TRONG SUỐT/3700B, N3701, 37	400,125
59	122256-6	GUIDE HOLDER ASSY	THANH DẪN HƯỚNG	671,000
60	122291-4	NOZZLE ASS"Y/CL104D	ĐẦU HÚT BỤI DÙNG CHO THẢM	475,200
61	122296-4	DUST BAG ASSY/9924DB	TÚI CHỨA BỤI/9924DB	344,250
62	122334-2	NOZZLE COMPACT TYPE A 38MM (DRY	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI NHỎ GỌN A 38MM (	540,000
63	122335-0	NOZZLE COMPACT TYPE B 38MM (WET	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI NHỎ GỌN B 38MM (	507,600
64	122343-1	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN CẮT MÉP BA VỚ	778,250
65	122351-2	DUST BAG ASSY/LS1011N,LS1030	TÚI CHỨA BỤI/ LS1011N,LS1030	125,550
66	122391-0	STRAIGHT GUIDE ASSY	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG	195,250
67	122402-1	DUST BAG ASSY/1911B	TÚI CHỨA BỤI/1911B	1,244,700
68	122446-1	HOLDER ASSY/LS1211s	GIÁ ĐỠ/LS1211	902,000
69	122464-9	GRIP ASSY	TAY CẦM	496,800
70	122470-4	VISE ASSY	KẸP NGANG	2,888,875
71	122472-0	SET PLATE ASSY	TẤM CHẶN THÉP	67,375
72	122473-8	ANGLE GUIDE ASSY	THANH DẪN GÓC	1,100,000
73	122536-0	VISE ASSY	KẸP THẲNG ĐỨNG	258,500
74	122548-3	DUST BAG ASSY/9910,9911	TÚI CHỨA BỤI/9910,9911	130,950
75	122562-9	DUST BAG ASSY/9912,9403	TÚI CHỨA BỤI/9912,9403	365,850
76	122563-7	VISE ASSY	KẸP NGANG	1,556,500
77	122567-9	VICE ASSY	KẸP NGANG	1,511,125
78	122574-2	DRILL CHUCK ASSY	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	1,375,650
79	122576-8	STOPPER POLE ASS'Y/DHP481	THƯỚC CANH ĐỘ SÂU/DHP481	44,550
80	122652-8	DUST NOZZLE ASSY	ỐNG KẾT NỐI HÚT BỤI	55,350
81	122683-7	BASE SET/4112HS	ĐẾ/4112HS	851,125
82	122699-2	TRIMMER GUIDE ASS'Y/MT362	THANH CỮ/MT362	67,375
83	122700-3	GUIDE HOLDER ASSY	ĐẦU DẪN HƯỚNG	339,625
84	122703-7	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN HƯỚNG CẮT MÉP	184,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
85	122704-5	STRAIGHT GUIDE ASSEMBLY	THANH DẪN HƯỚNG CẮT MÉP THẲNG	94,875
86	122707-9	RULER ASSY	THƯỚC ĐO	261,900
87	122716-8	SUB PLATE ASSY	MIẾNG CHÈN	83,875
88	122727-3	SIDE GRIP ASSY	TAY CẦM HÔNG	693,900
89	122739-6	RULER ASS'Y/2704N	THANH CỮ/2704N	4,036,500
90	122793-0	DUST BAG ASSY/KP0810,KP0800,DKP18(	TÚI CHỨA BỤI/KP0810,KP0800,DKP180	557,550
91	122846-5	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	250,250
92	122847-3	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	272,250
93	122852-0	DUST BAG ASSY/LS1016,LS1216,LH1040,	TÚI CHỨA BỤI/LS1016,LS1216,LH1040,BI	71,550
94	122853-8	DUST BAG ASSY/PC5000C	TÚI CHỨA BỤI/PC5000C	109,350
95	122854-6	VISE ASSEMBLY	KẸP	511,500
96	122864-3	TOOLLESS LOCK NUT ASSEMBLY M14/(	MẶT BÍCH NGOÀI/GA037G	1,254,000
97	122884-7	DUST BAG ASSEMBLY/DLS600	TÚI BỤI/DLS600	136,350
98	122889-7	WHEEL COVER 180K ASSEMBLY/GA705	CHỤP BẢO VỆ 180K/GA7050	184,250
99	122891-0	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	195,250
100	122892-8	WHEEL COVER 230 ASS'Y/MT903	CHỤP BẢO VỆ ĐĨA ĐÁ MÀI/MT903	244,750
101	122893-6	TOOLLESS WHEEL COVER 100K ASSY/D	CHỤP BẢO VỆ/DGA404	244,750
102	122896-0	WHEEL COVER 150MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 150MM	211,750
103	122906-3	SHOULDER STRAP/DUR369A	DÂY ĐEO VAI/DUR369A	523,800
104	122909-7	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀIDÙNG KH	127,875
105	122913-6	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	339,625
106	122914-4	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	383,625
107	122930-6	VISE ASSY	KẸP NGANG	2,733,500
108	122939-8	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	206,250
109	122940-3	VICE ASS'Y	BỘ KẸP THẲNG	266,750
110	122A18-8	SIDE GRIP/DDA460	TAY CẦM BÊN/DDA460	371,250
111	122A37-4	BAND ASSEMBLY/UH006G	DÂY ĐEO/UH006G	573,750
112	122C02-5	SIDE GRIP/DDF486	TAY CẦM BÊN/DDF486	581,850
113	122C54-6	DUST COLLECT COVER ATTACHMENT/	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI/DMC300	295,625
114	122C71-6	DUST NOZZLE ASSEMBLY/JV001G	PHỤ KIỆN THU BỤI/JV001G	82,350
115	122D08-9	GRIP ASSEMBLY/HP001G	TAY CẦM BÊN/HP001G	573,375
116	122D10-2	GRIP ASSEMBLY/DHP486	TAY CẦM BÊN/DHP486	573,375
117	122D11-0	GRIP ASSEMBLY/DHP481	TAY CẦM/DHP481	734,250
118	122D16-0	BARREL ASSEMBLY A SET 400G/DGP18(	ỐNG XY LANH CHỨA MỠ A 400G/DGP18	1,964,250
119	122D94-0	SHOULDER STRAP ASSEMBLY/UR017G	DÂY ĐEO VAI/UR017G	164,700
120	122F22-7	ABSORPTION CONNECTOR G3/4/HW001(	ĐẦU NỐI ỐNG DẪN NƯỚC G3/4/HW001G	97,200
121	122F94-2	BAND ASSEMBLY/UB003G	DÂY ĐEO VAI/UB003G	328,050
122	123001-2	TOP PLATE ASS'Y/DCU601	MIẾNG ĐẾ PHẲNG/DCU601	156,750
123	123004-6	SHARPENING HOLDER ASSY	BỆ MÀI LƯỠI BÀO	81,000
124	123006-2	SHARPENING HOLDER ASSY	BỆ MÀI LƯỠI BÀO	164,700
125	123009-6	BLADE GAUGE ASSY	THƯỚC CANH LƯỠI	344,250
126	123022-4	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN CẮT MÉP CHO MÁY PHAY	350,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
127	123029-0	STRAIGHT GUIDE ASSY/3600H	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG/3600H	661,375
128	123055-9	SHARPENING HOLDER ASSY	BỆ MÀI LƯỠI BÀO	93,150
129	123060-6	GUIDE RULE ASSY	THƯỚC DẪN	403,650
130	123062-2	BLADE GAUGE ASSY	THƯỚC CANH LƯỠI	76,950
131	123099-9	WHEEL COVER 125MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	130,625
132	123138-5	SIDE GRIP ASSEMBLY/DHR400	BỘ TAY CẦM/DHR400	518,400
133	123145-8	TOOLLESS WHEELCOVER 125AK ASSY/	CHỤP BẢO VỆ/DGA506Z	167,750
134	123150-5	DUST BAG ASSEMBLY/PJ7000	TÚI CHỨA BỤI/PJ7000	130,950
135	123230-7	WHEEL COVER 150AK ASSEMBLY/MT90	NẮP CHỤP BẢO VỆ 150K/MT905	145,750
136	123241-2	DUST BAG ASSEMBLY/UB1103	TÚI CHỨA BỤI/UB1103	130,950
137	123245-4	NOZZLE ASS'Y/UB1103	ỐNG THỔI/UB1103	93,150
138	123246-2	LONG NOZZLE ASSEMBLY/DUB185	ỐNG THỔI DÀI/DUB185	279,450
139	123328-0	DUST BAG ASS'Y/M9400B	TÚI CHỨA BỤI/M9400B	114,750
140	123422-8	SHOULDER STRAP/UR101C	DÂY ĐEO VAI/UR101C	87,750
141	123485-4	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	226,800
142	123486-2	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	272,700
143	123488-8	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	270,000
144	123539-7	NOZZLE BLACK 28	ĐẦU HÚT T MÀU ĐEN 28	272,700
145	123636-9	HEPA FILTER ASSEMBLY/DVC261	MÀNG LỌC HEPA/DVC261	168,480
146	123784-4	HIGH PRESSURE HOSE 10M/HW1200	DÂY DẪN 10M	491,400
147	125097-9	WHEEL COVER ASS'Y/9015B	CHỤP BẢO VỆ/9015B	133,375
148	125157-7	ARM 6 ASS'Y/9032	THANH TRƯỢT 6/9032	1,600,500
149	125158-5	ARM 9 ASS'Y/9032	THANH TRƯỢT 9/9032	862,125
150	125159-3	ARM 13 ASS'Y/9032	THANH TRƯỢT 13/9032	3,055,250
151	125172-1	WHEEL COVER 100MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	211,750
152	125185-2	WHEEL COVER ASS'Y/4112HS	CHỤP BẢO VỆ/4112HS	3,533,750
153	125266-2	WHEEL COVER 100MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	67,375
154	125268-8	WHEEL COVER 125MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	83,875
155	125336-7	WHEEL COVER ASS'Y/4114S	CHỤP BẢO VỆ/4114S	3,778,500
156	125516-5	BAND ASSEMBLY/PDC01	DÂY ĐEO/PDC01	81,000
157	125520-4	BAND ASSEMBLY/RBC413U	DÂY ĐEO VAI/RBC413U	129,600
158	125729-8	NOZZLE ASSEMBLY/BHX2500	ỐNG NỐI/BHX2500	232,200
159	125779-3	GRIP ASSEMBLY/BO5041	TAY CẦM /BO5041	187,650
160	125885-4	WHEEL COVER 100AK ASS'Y/GA4030	CHỤP BẢO VỆ/GA4030	89,375
161	126206-3	FLEXIBLE ASSEMBLY/DVR450Z	DÂY ĐẦM DÙI/ DVR450Z	6,604,200
162	126285-1	SHEAR BLADE ASSEMBLY/EH7500S	BỘ LƯỠI CẮT/EH7500S	1,628,000
163	126331-0	DUST NOZZLE ASSEMBLY/DJV181, DJV	PHỤ KIỆN KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV181, DJ	66,150
164	126412-0	GRIP ASSEMBLY/DDF481	TAY CẦM/DDF481	562,950
165	126599-8	DUST BAG/DSP600	TÚI CHỨA BỤI/DSP600	240,300
166	126617-2	VISE ASS'Y/LS1019L	KẸP GIỮ VẬT LIỆU/LS1019L	550,000
167	126642-3	PLASTIC BLADE ASSEMBLY255-M10/DU	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA Y255-M10/DUR365U	329,400
168	126688-9	DUST BAG ASSEMBLY/M4001B	TÚI CHỨA BỤI BẰNG VẢI/M4001B	125,550

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
169	126738-0	DUST BAG ASSEMBLY/4100KB	TÚI BỤI/4100KB	136,350
170	126751-8	DUST NOZZLE ASSY	ỐNG HÚT BỤI	504,900
171	126756-8	BENT PIPE ASSEMBLY/DVC260	ỐNG HÚT BỤI/DVC260	197,100
172	126766-5	HIGH PRESSURE HOSE 5M/DHW080	ỐNG XỊT NƯỚC ÁP LỰC CAO 5M/DHW08	398,250
173	127069-0	ANGLE RULE ASSEMBLY/2704N	THƯỚC CHỈNH GÓC CẮT VẬT LIỆU/2704	1,347,300
174	127093-3	BENDING PIPE ASSEMBLY WITH PIPE L	ỐNG NỐI HÚT BỤI CONG CÓ KHÓA 28M	306,450
175	127104-4	STORAGE BOX ASSEMBLY/DHW080	THÙNG ĐỰNG NƯỚC/DHW080	1,811,700
176	127147-6	115/125MM DUST COVER K SET/PC5010C	CHỤP BẢO VỆ/PC5010C	966,625
177	127214-7	DUST CASE ASSEMBLY/DX10	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI/DX10	1,210,000
178	127224-4	NOSEPIECE ASSEMBLY 6.4MM/DRV250	ĐẦU LẮP MŨI 6.4MM/DRV250	400,125
179	127228-6	NOSEPIECE ASSEMBLY 4.0MM/DRV150	ĐẦU LẮP MŨI 4.0MM/DRV150	394,625
180	127229-4	NOSEPIECE ASSEMBLY 3.2MM/DRV150	ĐẦU LẮP MŨI 3.2MM/DRV150	394,625
181	127230-9	NOSEPIECE ASSEMBLY 2.4MM/DRV150	ĐẦU LẮP MŨI 2.4MM/DRV150	411,125
182	127425-4	VACUUM PIPE A ASSEMBLY/DUB363	ỐNG HÚT BỤI A/DUB363	190,080
183	127474-1	JAW PUSHER ASSEMBLY 4.0/DRV250	THANH ĐẨY ĐINH 4.0/DRV250	156,750
184	127476-7	JAW PUSHER ASSEMBLY 3.1/DRV150	THANH ĐẨY ĐINH 3.1/DRV150	151,250
185	127477-5	JAW PUSHER ASSEMBLY 2.5/DRV150	THANH ĐẨY ĐINH 2.5/DRV150	156,750
186	127478-3	JAW PUSHER ASSEMBLY 1.9/DRV150	THANH ĐẨY ĐINH 1.9/DRV150	151,250
187	127482-2	DUST CAP ASSEMBLY/DCS553	BỘ ĐẦU NỐI HÚT BỤI/DCS553	633,150
188	127508-0	BAND ASS'Y/DUX18	BỘ DÂY ĐEO BẰNG VẢI/DUX18	108,000
189	127512-9	DUST BAG/LS002G	TÚI CHỨA BỤI/LS002G	213,300
190	127552-7	SIDE GRIP LONG/DF001G	TAY CẦM BÊN DÀI/DF001G	545,400
191	127579-7	SIDE GRIP SHORT/DF001G	TAY CẦM BÊN NGẮN/DF001G	600,875
192	127605-2	PLASTIC TELESCOPIC PIPE 28MM/DVC1	ỐNG HÚT BỤI ĐIỀU CHỈNH ĐỘ DÀI 28M	895,050
193	127607-8	TOOL BOX ASSEMBLY/DVC155Z	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ/DVC155Z	432,000
194	127622-2	TOOL BOX ASSEMBLY/DVC156	KHAY ĐỰNG PHỤ KIỆN HÚT BỤI/DVC15	437,400
195	127713-9	TOOLLESS WHEEL COVER 180MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CẮT 180MM/GA037	247,500
196	127714-7	TOOLLESS WHEEL COVER 230MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CẮT 230MM/GA038	284,625
197	127725-2	HEPA FILTER ASSEMBLY/DVC261	MÀNG LỌC HEPA/DVC261	159,300
198	127759-5	BAND ASSEMBLY L/UX01G	DÂY ĐEO L/UX01G	130,950
199	127825-8	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CAR	ĐẦU HÚT BỤI DÙNG CHO SÀN VÀ THẢM	306,450
200	127827-4	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CAR	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THẢM/MÀU	302,400
201	127828-2	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CAR	ĐẦU HÚT BỤI DÙNG CHO SÀN VÀ THẢM	306,450
202	12L	CUTTER HSS(LONG)12X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)12X55MM	647,625
203	12S	CUTTER HSS(SHORT)12X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)12X35MM	438,625
204	132025-7	NOZZLE CLEANER 220MM ASSY/DUB18	ĐẦU HÚT BỤI 220MM/DUB182	136,350
205	133533-1	WHEEL COVER 150 ASS'Y	CHỤP BẢO VỆ150/	286,000
206	134279-2	BORER ATTACHMENT	BỘ KẸP	4,114,000
207	134743-3	SOCKET USE WITH RATCHET HEAD SIZ	ĐẦU SIẾT BU LÔNG 17X31	361,625
208	134744-1	SOCKET USE WITH RATCHET HEAD SIZ	ĐẦU SIẾT BU LÔNG 19X33	367,125
209	134745-9	SOCKET ADAPTER USE WITH RATCHET	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG 9.5MM	440,000
210	134746-7	SOCKET ADAPTER USE WITH RATCHET	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG 12.7M	361,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
211	134825-1	SOCKET 13-38 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 13-38	115,500
212	134853-6	SOCKET 26-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 26-52	258,500
213	134854-4	SOCKET 26-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 26-95	522,500
214	134855-2	SOCKET 27-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 27-52	258,500
215	134856-0	SOCKET 27-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 27-95	522,500
216	134857-8	SOCKET 30-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 30-52	258,500
217	134858-6	SOCKET 30-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 30-95	522,500
218	134859-4	SOCKET 32-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 32-95	522,500
219	134860-9	SOCKET 35-56 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 35-56	313,500
220	134861-7	SOCKET 35-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 35-95	550,000
221	134862-5	SOCKET 36-56 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 36-56	324,500
222	134863-3	SOCKET 36-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 36-95	583,000
223	134864-1	SOCKET 35-80 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 35-80	572,000
224	134865-9	SOCKET 36-80 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 36-80	572,000
225	134870-6	EXTENSION BAR 25.4 ASSY	KHỚP NỐI DÙNG SIẾT BU LÔNG 25.4	2,924,100
226	134872-2	SOCKET 41-80 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 41-80	616,000
227	134874-8	EXTENSION BAR 12.7 ASSY	KHỚP NỐI DÙNG SIẾT BU LÔNG 12.7	824,850
228	134877-2	UNIVERSAL JOINT 12.7 ASSY	KHỚP NỐI ĐA NĂNG 12.7	2,422,750
229	134890-0	SIDE HANDLE 68 ASSY	TAY CẦM BÊN 68	1,188,000
230	134909-5	SIDE HANDLE ASSY	TAY CẦM BÊN	885,600
231	135108-2	TOOLLESS WHEEL COVER 125 ASSY	CHỤP BẢO VỆ KHÔNG CẦN DỤNG CỤ 1	156,750
232	135125-2	ANGLE HEAD(E-FORM/MZ)	ĐẦU VẶN VÍT GÓC (E-FORM/MZ)	3,146,000
233	135132-5	DUST BAG ASSY	TÚI CHỨA BỤI	143,100
234	135183-8	ANGLE HEAD(E-FORM/NZ)	ĐẦU VẶN VÍT GÓC (E-FORM/NZ)	2,978,250
235	135192-7	WHEEL COVER 150MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ 150MM	147,125
236	135197-7	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	699,300
237	135200-4	ANGLE HEAD(C-FORM)	ĐẦU VẶN VÍT GÓC (C-FORM)	2,822,875
238	135201-2	ANGLE WRENCH HEAD 9.5MM (3/8") SQ	ĐẦU SIẾT BU LÔNG GÓC 9.5MM (3/8")	3,067,625
239	135209-6	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	676,350
240	135222-4	DUST BAG ASSY/BO4555	TÚI CHỨA BỤI/BO4555	130,950
241	135246-0	DUST BOX ASSEMBLY WITH PAPER DU	HỘP ĐỰNG TÚI BỤI GIẤY	109,350
242	135269-8	SIDE HANDLE 82 ASSY	TAY CẦM HÔNG 82	1,287,900
243	135302-6	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	82,350
244	135327-0	DUST BOX ASSEMBLY	HỘP ĐỰNG BỤI	130,950
245	135332-7	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	643,950
246	135380-6	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	685,800
247	135963-2	HOOK ASSY/DHR280	MÓC TREO/DHR280	94,875
248	136018-6	DUST CASE ASSY/HR2650	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI/HR2650	2,019,600
249	136257-8	DUST CASE ASSY/HR2651T	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI/HR2651T	2,122,200
250	136258-6	DUST CASE ASSY/HR2651/HR2650	PHỤ KIỆN CHƯA BỤI/HR2651/HR2650	2,044,625
251	136362-1	SIDE HANDLE/HM001G	TAY CẦM BÊN/HM001G	633,150
252	136603-5	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	170,100

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
253	13L	CUTTER HSS(LONG)13X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)13X55MM	669,625
254	13S	CUTTER HSS(SHORT)13X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)13X35MM	444,125
255	140073-2	STEEL CARRYING CASE COMPLETE/PC	THÙNG MÁY/PC5000C	2,924,100
256	140115-2	DUST BAG COMPLETE/BO3710	TÚI CHỨA BỤI/BO3710	49,950
257	140248-3	CLOTH FILTER COMPLETE	TÚI ĐỰNG PHAO	306,450
258	140401-1	PLASTIC CASE COMPLETE/HR2611F	HỘP NHỰA/HR2611F	579,150
259	140441-9	PAD COMPLETE/BO3710	TẤM LÓT/BO3710	82,500
260	140G04-3	HOSE COMPLETE 28-2.0M WITH FRONT	ỐNG MỀM HÚT BỤI 28MM-2.0M VỚI VÒ	213,300
261	140G19-0	ALUMINUM TELESCOPIC PIPE ASSEMB	ỐNG NỐI HÚT BỤI(NHÔM)/DVC261	511,500
262	140G26-3	BENT PIPE COMPLETE WITH PIPE LOCK	ỐNG CONG LOẠI CÓ KHÓA	251,100
263	140G50-6	GRIP COMPLETE/DUT130	GIỮ CỐ ĐỊNH/DUT130	324,000
264	140H92-6	HOSE COMPLETE/CL121D	ỐNG DẪN BỤI/CL121D	261,900
265	140H94-2	SOFT BRUSH 360 COMPLETE	CHỔI TRÒN 360 XANH	109,350
266	140H95-0	SEAT NOZZLE 120 COMPLETE	ĐẦU HÚT T 120 XANH(DỌN GHẾ XE HƠ	130,950
267	140J64-3	BLOWER NOZZLE COMPLETE	ĐẦU THỔI KHE MỀM XANH	218,700
268	140K23-3	VALVE STAY COMPLETE/DCL280F	MIẾNG ĐỆM GÀI ĐẦU HÚT BỤI/DCL280	44,550
269	140N45-1	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL 12	CHỤP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT KIM CƯƠN	423,500
270	140X75-2	GRIP/PV301D	TAY CẦM BÊN/PV301D	145,750
271	140Y23-7	WATER SUPPLY HOSE COMPLETE/DCC	ỐNG DẪN NƯỚC/DCC500	186,300
272	141104-0	PLASTIC CARRYING CASE/DF030D	THÙNG NHỰA/DF030D	382,050
273	141856-3	PLASTIC CASE COMPLETE/DF456D	THÙNG MÁY/DF456D	480,600
274	141873-3	BELT HOOK COMPLETE/VC3211M	DÂY ĐEO CÓ MÓC GIỮ/VC3211M	44,550
275	141P46-4	WHEEL COVER 125 COMPLETE/GA5090	NẮP CHỤP BẢO VỆ 125/GA5090	156,750
276	141P47-2	WHEEL COVER 150 COMPLETE/GA048G	NẮP CHỤP BẢO VỆ 150/GA048G	206,250
277	142088-5	GRIP 36 COMPLETE/MT660	TAY CẦM/MT660	49,950
278	142845-1	CHARGER CASE COMPLETE	VỎ BỘ SẠC	1,833,300
279	143486-6	GRIP 37 COMPLETE/GA7060	TAY CẦM 37/GA7060	52,650
280	143603-8	PLASTIC CARRYING CASE	HỘP NHỰA BẢO VỆ	799,200
281	143627-4	DUST BAG COMPLETE/M9203B	TÚI CHỨA BỤI/M9203B	66,150
282	143677-9	VALVE STAY COMPLETE/CL182FD	MIẾNG ĐỆM GÀI ĐẦU HÚT/CL182FD	44,550
283	143787-2	HOSE 28-1M	ỐNG MỀM 28-1M	688,500
284	144408-9	HOSE 28-1.5 WITHOUT CUFFS	ỐNG MỀM 28-1.5 KHÔNG KHÓA	660,150
285	144675-6	FOOT COMPLETE/DCU180	CHÂN PHỤ/DCU180	148,500
286	14L	CUTTER HSS(LONG)14X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)14X55MM	691,625
287	14S	CUTTER HSS(SHORT)14X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)14X35MM	462,000
288	150662-5	SUB FENCE COMPLETE	TẤM CHẮN PHỤ	183,600
289	150980-1	STEEL PLATE COMPLETE	TẤM ĐỆM THÉP	200,750
290	151517-7	DUST BAG COMPLETE/BO6030	TÚI CHỨA BỤI BẰNG VẢI/BO6030	175,500
291	151780-2	DUST BAG COMPLETE	TÚI CHỨA BỤI	60,750
292	152490-4	SIDE GRIP/N9500N	TAY CẦM CHO MÁY MÀI/N9500N	71,550
293	152491-2	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	87,750
294	152492-0	GRIP 36 COMPLETE/9015B	TAY CẦM /9015B	87,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
295	152539-0	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	55,350
296	152892-4	GRIP COMPLETE/UT1305	TAY CẦM/UT1305	284,850
297	152992-0	HOSE 28-1.5	ỐNG MỀM 28-1.5	801,900
298	153489-2	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	33,750
299	153503-4	GRIP 36 COMPLETE/HP1630	TAY CẦM/HP1630	32,400
300	153504-2	GRIP 36 COMPLETE/GA4030	TAY CẦM 36/GA4030	44,550
301	153909-6	OUTER SLEEVE 22-39 COMPLETE/6922N	NẮP CHỤP NGOÀI/6922NB	1,556,500
302	154665-1	WHEEL COVER 230MM COMPLETE/M09	CHỤP BẢO VỆ 230MM/M0921B	222,750
303	154666-9	WHEEL COVER 180 COMPLETE/M0920B	CHỤP BẢO VỆ 180/M0920B	123,750
304	154672-4	WHEEL COVER 230MM COMPLETE	CHỤP BẢO VỆ 230MM	184,250
305	154674-0	WHEEL COVER 180MM COMPLETE	CHỤP BẢO VỆ 180MM	130,625
306	154755-0	WHEEL COVER COMPLETE/9500NB	CHỤP BẢO VỆ/9500NB	71,500
307	154935-8	GRIP 36 COMPLETE/HR2300	TAY CẦM/HR2300	62,100
308	155263-4	TRIMMER SHOE	ĐẾ CẮT VÁT CẠNH CHO MÁY PHAY	778,250
309	158024-1	HOOK COMPLETE	MÓC	39,875
310	158057-6	GRIP 36 COMPLETE/DHR165	TAY CẦM/DHR165	93,150
311	158131-0	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	340,200
312	158237-4	GRIP 36 COMPLETE/DGA413	TAY CẦM/DGA413	66,150
313	158323-1	PAD COMPLETE/BO4555	ĐẾ LÓT/BO4555	100,375
314	158324-9	PAD COMPLETE/BO4556	ĐẾ LÓT/BO4556	94,875
315	158595-8	PAD COMPLETE	ĐẾ LÓT/MT921	78,375
316	158796-8	PAD COMPLETE/MT920	ĐẾ LÓT/MT920	56,375
317	158980-5	KNOB 55 COMPLETE	TAY CẦM	240,300
318	15L	CUTTER HSS(LONG)15X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)15X55MM	709,500
319	15S	CUTTER HSS(SHORT)15X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)15X35MM	455,125
320	161347-8	SHOULDER BELT/DWT310	DÂY ĐEO VAI/DWT310	136,350
321	161377-9	HARNESS/DUP361	BỘ DÂY ĐEO/DUP361	769,500
322	161379-5	HOLSTER/DUP361	TÚI ĐEO/DUP361	311,850
323	161464-4	SHOULDER BELT/197941-0	DÂY ĐEO VAI/197941-0	114,750
324	161603-6	HARNESS/DUP362	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ/DUP362	758,700
325	161884-2	BAND COMPL/DVF154	DÂY ĐEO VAI/DVF154	338,850
326	161887-6	GUIDE BAR 10/DUC204	LAM 10/DUC204	533,500
327	161888-4	GUIDE BAR 8/DUC204	LAM 8/DUC204	489,500
328	162264-5	VIBRATION PROOF GRIP/GA9030R	TAY CẦM/GA9030R	29,160
329	162315-4	LATCH/DFS251	CHỐT GÀI/DFS251	34,375
330	162341-3	BRACKET/DTW1001	GIÁ TREO/DTW1001	159,300
331	162518-0	FILTER COMPLETE/DVC750L	BỘ LỌC BỤI/DVC750L	371,250
332	162544-9	SHOULDER BELT/CL121D	DÂY ĐEO VAI/CL121D	114,750
333	162547-3	SPROCKET NOSE BAR FOR M11	LAM BÁNH XE DÀNH CHO CỐT M11	794,750
334	162555-4	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL 1(	CHỤP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT 100MM	1,028,500
335	162635-6	HEPA FILTER COMPLETE/DVC750L	BỘ LỌC HEPA/DVC750L	229,500
336	162662-3	ADAPTER 1PC/DGP180	ĐẦU BƠM MỠ 1 CÁI/DGP180	302,400

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
337	162669-9	GUIDE BAR M11 250MM	LAM M11 250MM	2,156,000
338	162697-4	DUST BAG/DUB363	TÚI CHỨA BỤI/DUB363	529,200
339	162698-2	BAND 30 COMPLETE/DUB363	DÂY ĐEO VAI 30/DUB363	101,250
340	162706-9	WHEEL COVER FOR ABRASIVE CUT-OF	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	464,750
341	162708-5	WHEEL COVER FOR ABRASIVE CUT-OF	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	217,250
342	162742-5	WHEEL COVER 230/DCE090	BỌC BẢO VỆ LƯỠI 230/DCE090	856,625
343	162744-1	PIPE 4.1 COMPLETE/DRV250	ỐNG DẪN 4.1/DRV250	389,125
344	162745-9	PIPE 3.4 COMPLETE/DRV250	ỐNG DẪN 3.4/DRV250	1,377,750
345	162746-7	PIPE 2.6 COMPLETE/DRV150	ỐNG DẪN 2.6/DRV150	611,875
346	162747-5	PIPE 2.2 COMPLETE/DRV150	ỐNG DẪN 2.2/DRV150	611,875
347	162755-6	NYLON BRUSH/DTR180	CHỔI VỆ SINH ỐNG KẼM/DTR180	911,250
348	162947-7	WHEEL COVER 150/GA035G	CHỤP BẢO VỆ 150/GA035G	266,750
349	162C23-5	HOLSTER/UP001G	TÚI ĐEO HÔNG ĐỰNG MÁY/UP001G	207,900
350	163080-8	TEMPLET GUIDE 29	DẪN HƯỚNG 29	339,625
351	163319-9	HAND STRAP/PM7650H	DÂY ĐEO/PM7650H	30,240
352	163400-6	HANDSTRAP/DCL180	DÂY TREO MÁY/DCL180	22,950
353	163445-4	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	339,625
354	163446-2	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	339,625
355	163467-4	LATCH/DPB180	CHỐT GÀI/DPB180	39,875
356	163539-5	GUIDE RULE/M1100B	THƯỚT CANH MÉP/M1100B	306,450
357	164019-4	GUIDE RULE	THƯỚC DẪN	220,000
358	164095-8	GUIDE RULE/MT583	THƯỚC DẪN/MT583	76,950
359	164350-8	PIPE/4107R	ỐNG DẪN/4107R	785,700
360	164367-1	GUIDE RULE/N5900B	THƯỚC DẪN/N5900B	98,550
361	164379-4	TEMPLET GUIDE 9.5	DẪN HƯỚNG 9.5	416,625
362	164388-3	TEMPLET GUIDE 12	DẪN HƯỚNG 12	383,625
363	164393-0	TEMPLET GUIDE 20	DẪN HƯỚNG 20	573,375
364	164405-9	PIPE	ỐNG DẪN	234,900
365	164470-8	TEMPLET GUIDE 27	DẪN HƯỚNG 27	434,500
366	164471-6	TEMPLET GUIDE 30	DẪN HƯỚNG 30	367,125
367	164472-4	TEMPLET GUIDE 40	DẪN HƯỚNG 40	600,875
368	164533-0	GUIDE BAR	LAM	1,072,500
369	164775-6	TEMPLET GUIDE 11	DẪN HƯỚNG 11	383,625
370	164776-4	TEMPLET GUIDE 13	DẪN HƯỚNG 13	423,500
371	164834-6	STRAIGHT GUIDE/RP0900	THANH DẪN HƯỚNG/RP0900	111,375
372	165046-4	TEMPLET GUIDE 40	DẪN HƯỚNG 40	550,000
373	165153-3	GUIDE RULE/RS001G	THƯỚC DẪN/RS001G	216,000
374	165215-7	WHEEL COVER/9067	CHỤP BẢO VỆ/9067	151,250
375	165216-5	WHEEL COVER/9069	CHỤP BẢO VỆ/9069	233,750
376	165364-0	TEMPLET GUIDE 24	DẪN HƯỚNG 24	389,125
377	165366-6	TEMPLET GUIDE 17B	DẪN HƯỚNG 17B	394,625
378	165431-1	BASE/4114S	ĐẾ/4114S	445,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
379	165447-6	SUB BASE	ĐẾ PHỤ	403,650
380	165486-6	COVER FOR CUT OFF WHEEL 150MM	CHỤP BẢO VỆ KHI CẮT 150MM	1,012,000
381	165714-9	WHEEL COVER 125	CHỤP BẢO VỆ / GS5000	178,750
382	165757-1	MIXING BLADE 165/M6600XB	LƯỠI TRỘN 165/M6600XB	167,750
383	166043-3	DUST BAG	TÚI CHỨA BỤI	38,880
384	166058-0	SHOULDER BELT	DÂY ĐEO VAI	251,100
385	166078-4	DUST BAG/BO4555	TÚI CHỨA BỤI/BO4555	54,000
386	166094-6	SHOULDER BELT	DÂY ĐEO VAI	82,350
387	166124-3	SHOULDER BELT/DCL500	DÂY ĐEO/DCL500	93,150
388	168349-5	SHAFT/M6600B	THANH TRỤC TRỘN SƠN/M6600B	533,500
389	168407-7	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	1,958,000
390	16L	CUTTER HSS(LONG)16X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)16X55MM	732,875
391	16S	CUTTER HSS(SHORT)16X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)16X35MM	477,125
392	170043110N	GUARD	CHẮN BẢO VỆ	237,600
393	17L	CUTTER HSS(LONG)17X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)17X55MM	754,875
394	17S	CUTTER HSS(SHORT)17X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)17X35MM	506,000
395	183N93-7	PLASTIC WITH ACCESSORY	THÙNG ĐỰNG MÁY KÈM PHỤ KIỆN	642,600
396	183P96-3	FRONT NOZZLE SET/DUB184	ỐNG THỔI TRƯỚC/DUB184	237,600
397	183R02-0	LONG NOZZLE SET/DUB362	BỘ ỐNG THỔI DÀI/DUB362	136,350
398	183R04-6	VACUUM PIPE A ASSEMBLY/DUB363ZV	ỐNG HÚT BỤI LOẠI A/DUB363ZV	315,900
399	183R06-2	PIPE 90-72 ASSEMBLY/DUB363	ỐNG THỔI 90-72/DUB363	213,300
400	183R08-8	VACUUM PIPE B/DUB363ZV	ỐNG HÚT BỤI LOẠI B/DUB363ZV	159,300
401	18L	CUTTER HSS(LONG)18X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)18X55MM	794,750
402	18S	CUTTER HSS(SHORT)18X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)18X35MM	539,000
403	1910C2-9	FLEXIBLE SHAFT 32-2.4 SET/VR003G	TRỤC ĐẦM DÙI BÊ TÔNG 32-2.4 SET/VR	9,612,000
404	1910C4-5	FLEXIBLE SHAFT 38-2.4 SET/VR003G	TRỤC ĐẦM DÙI BÊ TÔNG DẺO 38-2.4 SE	9,337,950
405	1910C7-9	HIGH PERFOMANCE FILTER SET/CL003(	BỘ LỌC HIỆU SUẤT CAO/CL003G	295,650
406	1910C9-5	FILTER H SET/CL003G	BỘ LỌC H/CL003G	371,250
407	1910D3-4	CYCLONE UNIT SET WHITE//DCL180/28(	BỘ PHẬN LY TÂM (MÀU TRẮNG)DCL18	1,309,500
408	1910D4-2	CYCLONE UNIT SET BLUE/DCL180/280/2	BỘ PHẬN LY TÂM (MÀU XANH)DCL180/	1,296,000
409	1910D5-0	CYCLONE UNIT SET BLACK/DCL180/280	BỘ PHẬN LY TÂM (MÀU ĐEN)DCL180/28	1,309,500
410	1910E1-5	FLEXIBLE SHAFT 32-1.2 SET/VR003G	TRỤC ĐẦM DÙI BÊ TÔNG 32-1.2 SET/VR	8,509,050
411	1910E2-3	FLEXIBLE SHAFT 32-1.7 SET/VR003G	TRỤC ĐẦM DÙI BÊ TÔNG 32-1.7 SET/VR	8,923,500
412	1910E3-1	FLEXIBLE SHAFT 38-1.2 SET/VR003G	TRỤC ĐẦM DÙI BÊ TÔNG DẺO 38-1.2 SE	8,618,400
413	1910G0-1	CHARGER DC18WC	SẠC PIN DC18WC	1,633,500
414	1910H8-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 500MM/I	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH506	1,408,000
415	1910H9-0	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/I	LƯỠI TỈA HÀNG RAO 600MM/DUH606	1,511,125
416	1910J1-0	XGT BATTERY COVER 4.0Ah AND 8.0AI	VỎ BẢO VỆ PIN XGT 4.0Ah VÀ 8.0Ah	1,898,100
417	1910J4-4	BATTERY CASE H SET/VR001G	CHỤP BẢO VỆ PIN LOẠI H/VR001G	726,300
418	1910J6-0	ANGLE CHANGE ATTACHMENT FOR CC	PHỤ KIỆN THAY ĐỔI GÓC/DUA300	1,600,500
419	1910M4-5	HIGH PERFORMANCE DUST BAG SET/C]	TÚI CHỨA BỤI HIỆU SUẤT CAO/CL002G	180,900
420	1910M5-3	CHIP RECEIVER 500MM SET/DUN500W	KHAY CHỨA CỎ 500MM/DUN500W	988,200

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
421	1910M6-1	CHIP RECEIVER 600MM SET/DUN600L	KHAY CHỨA CỎ 600MM/DUN600L	922,050
422	1910M7-9	ADAPTER PIPE 104-72 SET/UB002C	ỐNG CHUYỂN ĐỔI 104-72/UB002C	392,850
423	1910N0-0	WATER FILTER SET/VC006G	BỘ LỌC NƯỚC/VC006G	469,800
424	1910R1-6	HOSE ASSEMBLY SET/DHW080	BỘ ỐNG NỐI/DHW080	552,150
425	1910R2-4	STRAINER ASSEMBLY SET/DHW080	BỘ ĐẦU NỐI BỘ LỌC/DHW080	791,100
426	1910R3-2	POLY VINYL BAG 10PCS SET/VC006G	TÚI BỤI NHỰA VINYL 10PCS/SET/VC006	360,450
427	1910T1-0	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET 500MM	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ SET 500MM/DUH50	949,050
428	1910T2-8	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET 600MM	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ SET 600MM/DUH60	954,450
429	1910T8-6	BRUSH COMPLETE/DVC560	CHỔI QUÉT CHO MÁY HÚT BỤI/DVC560	1,397,250
430	1910V6-4	SAW CHAIN 4 80TXL	DÂY XÍCH 4 80TXL	334,125
431	1910W0-3	GUIDE BAR 10MM	LAM 100MM	522,500
432	1910X1-8	BARREL ASSEMBLY B SET 450G/DGP180	ỐNG XY LANH CHỨA MỠ B 450G/DGP18	3,250,800
433	1910X3-4	BARREL ASSEMBLY C SET 500G/DGP180	ỐNG XY LANH CHỨA MỠ C 500G/DGP18	3,272,400
434	1910X4-2	CARTRIDGE BARREL B SET 450G/DGP18	ỐNG CHỨA MỠ B 450G/DGP180	2,333,375
435	1910X6-8	GRIP 35 SET/GA050G	TAY CẦM 35/GA050G	218,700
436	1910Y3-1	TELESCOPIC PIPE ASSEMBLY+NOZZLE	ỐNG NỐI HÚT BỤI + ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT	491,400
437	1910Y4-9	FILTER BAG SET 35L/VC006GM	TÚI LỌC BỤI BẰNG VẢI DỆT 35L/VC006	693,900
438	1911A1-3	SOLID CARVING BAR 250MM/25AP	LAM ĐIÊU KHẮC 250MM/25AP	2,044,625
439	1911B3-6	FUNCTIONAL UNIT FOR FLAT BUCKET	KHUNG THÙNG CHỨA PHẲNG + THÙNG	22,220,000
440	1911B4-4	DAMPER SET/VC006G	BỘ GIẢM RUNG/VC006G	93,150
441	1911B5-2	PRE-FILTER SET/VC006G	BỘ LỌC TRƯỚC/VC006G	284,850
442	1911B6-0	POWDER FILTER M SET/VC006G	BỘ LỌC BỤI M/VC006G	545,400
443	1911B7-8	POWDER FILTER H SET/VC006G	BỘ LỌC BỤI H/VC006G	573,750
444	1911H9-6	WIRE GIDE B/DTR181	DÂY DẪN HƯỚNG MÀU ĐEN LOẠI B/DT	867,625
445	1911J1-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 500MM/I	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH507	1,423,125
446	1911J2-4	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/I	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH607	1,518,000
447	1911J4-0	NOZZLE FOR HARD FLOOR	ĐẦU HÚT SÀN	726,300
448	1911J6-6	NOZZLE FOR CARPET	ĐẦU HÚT THẢM	387,450
449	1911K0-5	TOOL HANGER SET/DHR183	BỘ MÓC TREO/DHR183	133,375
450	1911K4-7	TIRE 330 ASSEMBLY	LỐP XE 330	2,727,000
451	1911K5-5	GRAY TIRE 330 ASSEMBLY	LỐP XE XÁM 330	2,814,750
452	1911K6-3	GRAY TIRE 210 ASSEMBLY	LỐP XE XÁM 210	1,942,650
453	1911L1-0	STAND FOR CLEANER	CHÂN ĐỨNG CHO MÁY HÚT BỤI CẦM T	922,050
454	1911L9-4	DC40WA BATTERY CHARGER SET	BỘ SẠC PIN DC40WA	4,200,625
455	1911M9-1	EXTENSION PIPE SET/DGP180	THANH NỐI DÀI/DGP180	323,125
456	1911P2-6	DUST COLLECTION SYSTEM SET/DX16	HỆ THỐNG THU BỤI/DX16	1,777,875
457	1911P5-0	DUST CASE SET/DX16	HỘP LỌC BỤI/DX16	611,550
458	1911P8-4	DUSTCUP SET/DHR183	LY CHỨA BỤI/DHR183	453,600
459	1911R0-4	HOLSTER/DUC101	TÚI ĐEO/DUC101	660,150
460	1911T4-0	HOLDER B SET FOR CAUKING GUN 600	BỘ ỐNG ĐỠ SILICON B 600ML	3,044,250
461	1911T5-8	HOLDER D SET FOR CAULKING GUN 40	BỘ ỐNG ĐỠ SILICON D 400ML	3,000,250
462	1911W1-7	SHEAR BLADE L SET/UP100D	LƯỠI CẮT CÀNH L/UP100D	423,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
463	1911W2-5	SHEAR BLADE U SET/UP100D	LƯỠI CẮT CÀNH U/UP100D	423,500
464	1911W4-1	PROTECTION COVER SET/VC008G	TÚI BẢO VỆ/VC008G	437,400
465	1911W5-9	DRIVE SPROCKET 80TXL FOR 18V/12V M	NHÔNG XÍCH 80TXL CHO MÁY 18V/12V	55,350
466	1911X4-8	PROTECTOR U SET (330MM FOR NYLON	CHỤP BẢO VỆ CHỮ U (DÀNH CHO ĐẦU	398,250
467	1911Y0-3	PROTECTOR FOR CHISEL BLADE/UR013	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CẮT CỎ/UR013G	943,650
468	1911Y1-1	PROTECTOR FOR SHLEDDER BLADE/UR	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CẮT CỎ/UR013G	628,375
469	1911Y2-9	NYLON CUTTER AY(QUICK LOADING, (	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC AY (LOẠI TẢ	742,500
470	1911Y3-7	NYLON CUTTER AY(QUICK LOADING, (	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC AY (LOẠI TẢ	785,700
471	1912A3-5	GRIP ASSEMBLY/DDF489	TAY CẦM HỖ TRỢ/DDF489	701,250
472	1912A4-3	GRIP ASSEMBLY/DHP489	TAY CẦM HỖ TRỢ/DHP489	712,250
473	1912B1-6	GRIP ASSEMBLY SET/DVC560	TAY CẦM CHO MÁY HÚT BỤI/DVC560	1,916,750
474	1912E4-1	DRESSER STONE SET/UP100D	ĐÁ MÀI LƯỠI CẮT CÀNH/UP100D	114,750
475	1912E8-3	SAW CHAIN 6 80TXL/DUC150	DÂY XÍCH 6 80TXL/DUC150	368,500
476	1912F1-4	GUIDE BAR 6 SET(150MM)/DUC150D	LAM(150MM)/DUC150D	334,125
477	1912G2-9	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN422M	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN422MP	1,072,500
478	1912G3-7	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN402M	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN402MP	1,622,500
479	1912L4-0	PROTECTION GUARD WITH PROTECTOI	CHỤP BẢO VỆ CÓ KẸP CHO MÁY CẮT C	617,375
480	1912R3-4	FILTER BAG SET 10L/VC001GL	TÚI LỌC BỤI/VC001GL	344,250
481	1912R9-2	BLOWER ATTACHMENT/UB402MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB402MP	2,509,650
482	1912T2-0	GROUND TRIMMER ATTACHMENT/EN4	PHỤ KIỆN TỈA CÀNH THẤP/EN422MP	4,822,125
483	1912U0-1	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT/EN402	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN402MP	5,156,250
484	1912V6-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN424M	LƯỠI TỈA SÁT ĐẤT/EN424MP	2,622,125
485	1912Y2-5	FOAM NOZZLE SET/HW001G	BÌNH CHỨA XÀ BÔNG/HW001G	507,600
486	1912Y4-1	VARIOSPRAY NOZZLE SET/HW001G	ĐẦU XỊT RỬA/HW001G	579,150
487	191383-0	SHEAR BLADE SET (2PCS/SET)	BỘ LƯỠI CẮT TÔN (2 LƯỠI/BỘ)	911,625
488	1913D1-6	GROUND TRIMMER ATTACHMENT/EN4	PHỤ KIỆN TỈA SÁT ĐẤT/EN424MP	5,555,000
489	1913E8-9	BATTERY ADAPTER SET 40V MAX/BAP(	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 40V MAX/BAP001C	2,440,625
490	1913F5-2	MULTIFUNCTIONAL ADAPTER/VS001G	BỘ CHUYỂN ĐỔI ĐA CHỨC NĂNG/VS00	2,891,700
491	1913F7-8	HIGH CAPACITY DUST BAG/VS001G	TÚI BỤI VẢI DUNG LƯỢNG LỚN/VS001C	4,052,700
492	1913G0-9	BATTERY BL1050B(LI-ION,12V MAX, 5.0	PIN BL1050B(LI-ION,12V MAX, 5.0AH)	3,389,375
493	1913H4-8	BLADE 430 SET/LM004G	LƯỠI CẮT CỎ ĐẨY 430/LM004G	567,875
494	1913H6-4	MULCHING BLADE 430 SET/LM003G	LƯỠI CẮT CỎ 430/LM003G	423,500
495	1913H8-0	MULCHING PLUG 430/LM004G	CHẶN CỎ 430/LM004G	279,450
496	1913J5-0	VERTICAL BLADE SET/UV001G	BỘ LƯỠI CẮT/UV001G	1,511,125
497	1913J7-6	DETHATCHING BLADE SET/UV001G	BỘ LƯỠI XỚI/UV001G	1,445,125
498	1913J9-2	KICKBACK REDUCTION STOPPER	PHỤ KIỆN CHỐNG PHẢN LỰC	143,100
499	1913K4-9	HOLSTER/DUC150	TÚI ĐEO HÔNG/DUC150	812,700
500	1913K5-7	EXTRUSION CLAMPS	KẸP ĐỠ MỞ RỘNG THANH RAY	1,069,200
501	1913K7-3	PARALLEL GUIDE	THƯỚC ĐO SONG SONG	3,753,000
502	1913L5-4	WEEDING BLADE 220MM(STANDARD B	LƯỠI CẮT 220MM(LƯỠI TIÊU CHUẨN)/W	917,125
503	1913L6-2	WEEDING BLADE 80MM(NARROW ARE	LƯỠI CẮT 80MM(KHU VỰC NHỎ HẸP)/W	862,125
504	1913L7-0	CULTIVATOR BLADE 170MM/WA400MP	LƯỠI XỚI 170MM/WA400MP	961,125

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
505	1913M9-3	BLADE SET 240MM/RM350D	LƯỠI CẮT 240MM/RM350D	863,500
506	1913N2-4	WIRE SET 150M/RM350D	DÂY KẼM 150M/RM350D	2,945,250
507	1913N4-0	WIRE REPAIR SET(5M WIRE SET,10PCS I	BỘ PHỤ KIỆN SỮA CHỮA(5M DÂY KẼM	1,021,950
508	1913N6-6	PEG SET 50PCS/RM350D	BỘ CHỐT 50 CÁI/RM350D	467,500
509	1913N8-2	COUPLER SET 5 PCS/RM350D	BỘ GHÉP NỐI 5 CÁI/RM350D	650,700
510	1913P0-2	RING SET/DTW1004	VÒNG ĐỆM/DTW1004	529,200
511	1913P3-6	SHEAR BLADE L SET/DUP180	LƯỠI CẮT CÀNH L/DUP180	517,000
512	1913P4-4	SHEAR BLADE U SET/DUP180	LƯỠI CẮT CÀNH U/DUP180	550,000
513	1913T9-2	WEEDING ATTACHMENT/WA400MP	PHỤ KIỆN LÀM CỎ/WA400MP	11,088,000
514	1913U9-9	BATTERY BL1015K(LI-ION, 10.8V, 1.5AH	PIN BL1015K(LI-ION, 10.8V, 1.5AH)	1,200,375
515	1913Y3-9	WIRE SET 50M/RM350D	DÂY KẼM 50M/RM350D	955,625
516	191454-3	GUIDE RULE SET	BỘ THƯỚC DẪN	426,600
517	191455-1	GUIDE RULE SET	BỘ THƯỚC DẪN	279,450
518	191496-7	FLEXIBLE HOSE	ỐNG HÚT BỤI DÈOCL 104D	243,000
519	1914C5-7	GREASE SET 30G	MỠ 30G	222,750
520	1914E7-7	SHEAR BLADE(ROUGH-CUT) AY 600MM	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/UN001G	2,811,875
521	1914F1-6	SAW CHAIN 250MM/1.1MM/3/8"/0.43"/40/	DÂY XÍCH 250MM/1.1MM/3/8"/0.43"/40/M	200,750
522	1914F2-4	SAW CHAIN 300MM/1.1MM/3/8"/0.43"/46/	DÂY XÍCH 300MM/1.1MM/3/8"/0.43"/46/M	228,250
523	1914F3-2	SAW CHAIN 350MM/1.1MM/3/8"/0.43"/52/	DÂY XÍCH 350MM/1.1MM/3/8"/0.43"/52/M	255,750
524	1914F4-0	SAW CHAIN 400MM/1.1MM/3/8"/0.43"/56/	DÂY XÍCH 400MM/1.1MM/3/8"/0.43"/56/M	277,750
525	1914F5-8	SAW CHAIN 250MM/1.3MM/3/8"/0.50"/40/	DÂY XÍCH 250MM/1.3MM/3/8"/0.50"/40/M	217,250
526	1914F6-6	SAW CHAIN 300MM/1.3MM/3/8"/0.50"/46/	DÂY XÍCH 300MM/1.3MM/3/8"/0.50"/46/M	250,250
527	1914F7-4	SAW CHAIN 350MM/1.3MM/3/8"/0.50"/52/	DÂY XÍCH 350MM/1.3MM/3/8"/0.50"/52/M	277,750
528	1914F8-2	SAW CHAIN 400MM/1.3MM/3/8"/0.50"/56/	DÂY XÍCH 400MM/1.3MM/3/8"/0.50"/56/M	301,125
529	1914G4-7	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 500MM/	LƯỠI CẮT CÀNH 500MM/UH020G	1,717,375
530	1914G5-5	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/	LƯỠI CẮT CÀNH 600MM/UH021G	1,805,375
531	1914H0-2	END NOZZLE 74 SET/UB004C	ỐNG THỔI 74/UB004C	540,000
532	1914H1-0	FLAT NOZZLE SET/UB004C	ĐẦU THỔI DẸP/UB004C	643,950
533	1914H3-6	BATTERY ADPATER SET(1.6M)/BO001CG	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN(1.6M)/BO001CG	1,056,000
534	1914H5-2	BATTERY ADPATER SET(5M)/BO001CG	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN(5M)/BO001CG	1,292,500
535	1914H7-8	PROTECTION COVER SET/BO001CG	CHỤP BẢO VỆ/BO001CG	1,063,800
536	1914H8-6	HARNESS SET/BO001CG	BỘ DÂY ĐEO/BO001CG	1,026,000
537	1914L7-6	DUSTCUP SET(DRILL)/HR2670	LY CHỨA BỤI(KHOAN)/HR2670	284,850
538	1914L8-4	DUSTCUP SET(DRILL)/HR2670FT	LY CHỨA BỤI(KHOAN)/HR2670FT	311,850
539	1914L9-2	DUSTCUP SET(SCALING)/HR2670	LY CHỨA BỤI(ĐỤC)/HR2670	317,250
540	1914M0-7	DUSTCUP SET(SCALING)/HR2670FT	LY CHỨA BỤI(ĐỤC)/HR2670FT	355,050
541	1914S1-7	SAW CHAIN 200MM(80TXL)	DÂY XÍCH 200MM(80TXL)	606,375
542	1914S3-3	GUIDE BAR 200MM(80TXL)	LAM 200MM(80TXL)	473,000
543	1914U3-7	BATTERY CHARGING CASE/BCC01	THÙNG SẠC PIN/BCC01	25,553,000
544	1914Y8-5	HOOK/UC029G	MÓC TREO/UC029G	206,250
545	191569-6	NOZZLE SET	VÒI HÚT BỤI	153,900
546	1915E3-1	GUIDE RULE	THƯỚC DẪN HƯỚNG	255,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
547	191657-9	ROUND BRUSH BLACK 38MM	BÀN CHẢI TRÒN MÀU ĐEN 38MM	365,850
548	191679-9	BATTERY 7000	PIN 7000	866,800
549	191681-2	BATTERY 9000	PIN 9000	1,381,600
550	191725-8	EXTENSION GUIDE SET	DẪN HƯỚNG	445,500
551	191852-1	JOINT 38-75MM/45	KHỚP NỐI HÚT BỤI 38-75MM/45	197,100
552	191897-9	CUTTING WAX	SÁP CẮT	361,625
553	191A01-6	AUXILIARY WHEEL ATTACHMENT SET	BÁNH XE PHỤ/DCU180	3,525,500
554	191A50-3	SOCKET ADAPTOR 9.5 SET/WR100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI VÍT 9.5/WR100D	489,500
555	191A51-1	SOCKET ADAPTOR 6.35 SET/WR100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI VÍT 6.35/WR100D	484,000
556	191A52-9	18VX2 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18VX2/PDC01	4,026,000
557	191A53-7	18VX1 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18V/PDC01	2,700,000
558	191A57-9	GALVANIZED TIE WIRE SET 50PCS/SET	DÂY BUỘC MẠ KẼM 50 CUỘN	6,644,000
559	191A62-6	PORTABLE POWER PACK SET(18V/18Vx	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI 2P/P	18,532,800
560	191A67-6	PORTABLE POWER PACK SET(18Vx2)/PI	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI 18Vx	16,027,200
561	191A76-5	LOCK ON ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU GÀI BƠM MỠ/DGP180	3,397,950
562	191A77-3	ANGLE ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU BƠM MỠ GÓC/DGP180	2,011,625
563	191A78-1	ADAPTER SET(3PCS/SET)/DGP180	BỘ ĐẦU BƠM MỠ(3CÁI/BỘ)/DGP180	739,800
564	191A79-9	FLEXIBLE HOSE 1200 SET/DGP180	BỘ ỐNG MỀM 1200/DGP180	2,090,000
565	191A80-4	FLEXIBLE HOSE 600 SET/DGP180	BỘ ỐNG MỀM 600/DGP180	1,447,200
566	191A81-2	BARREL ASSEMBLY B SET 450G/DGP18(	ỐNG XY LANH CHỨA MỠ B 450G/DGP18	3,278,000
567	191A86-2	KEYLESS DRILL CHUCK/DA333D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DA333D	191,700
568	191A87-0	KEYLESS DRILL CHUCK/HP331D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/HP331D	218,700
569	191B03-8	GUTTER NOZZLE SET FOR BLOWER	BỘ PHỤ KIỆN THỔI TRÊN CAO	2,290,950
570	191B12-7	BARREL ASSEMBLY A SET 400G/DGP18(	ỐNG XY LANH CHỨA MỠ A 400G/DGP18	2,024,000
571	191B15-1	BENDING PIPE ASSEMBLY WITH PIPE L	ỐNG NỐI HÚT BUI CÓ KHÓA	772,750
572	191B26-6	BATTERY BL4040(LI-ION,40V, 4.0AH)	PIN BL4040(LI-ION,40V, 4.0AH)	6,243,875
573	191B36-3	BATTERY BL4025(LI-ION,40V, 2.5AH)	PIN BL4025(LI-ION,40V,2.5AH)	5,044,875
574	191B44-4	BATTERY BL4025 SET(LI-ION, 40V, 2.5AI	PIN BL4025(LI-ION, 40V, 2.5AH)	4,620,000
575	191B54-1	PROTECTOR U 430 SET MG/DUR369	NẮP BẢO VỆ U 430 SET MG/DUR369	412,500
576	191B55-9	PROTECTOR/DUR369A/UR101C	CHỤP BẢO VỆ/DUR369A/UR101C	456,500
577	191B56-7	TANK ASSEMBLY SET A/DVC150L	BỘ HỘP CHỨA BỤI A/DVC150L	1,911,250
578	191B57-5	TANK ASSEMBLY SET B HEPA/DVC157L	BỘ HỘP CHỨA BỤI B HEPA/DVC157L	1,956,625
579	191B63-0	FUNCTIONAL UNIT FOR MANUAL DUM	GIÁ ĐỠ CHO XE ĐẨY/DCU603/DCU604	22,442,750
580	191B67-2	FRAME CARRIER/DCU604/DCU602	KHUNG XE ĐẨY/DCU604/DCU602	11,177,375
581	191B69-8	BUCKET/DCU603/DCU602	THÙNG CHỨA/DCU603/DCU602	16,154,875
582	191C03-4	ACCESSORY SET B FOR 4.8/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.8/D	400,125
583	191C04-2	ACCESSORY SET B FOR 4.0/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.0/D	405,625
584	191C05-0	HOOK SET/JR3051T	MÓC TREO/JR3051T	200,750
585	191C11-5	INTERCHANGEABLE ADAPTER/ADP10	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 18V SANG PIN 40V	1,344,750
586	191C13-1	SHEAR BLADE 600MM/DUN600L	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUN600L	2,645,500
587	191C14-9	SHEAR BLADE 500MM/DUN500W	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUN500W	2,311,375
588	191C15-7	ADAPTER B/UB400MP,UB401MP	KHỚP NỐI ỐNG THỔI B/UB400MP,UB401	224,100

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
589	191C17-3	SHARPENING HOLDER ASSEMBLY SET	BỆ MÀI LƯỠI	130,950
590	191C19-9	BLADE GAUGE ASSEMBLY SET	THƯỚC CANH LƯỠI BÀO	87,750
591	191C20-4	ELBOW SET/DKP181	ỐNG NỐI HÚT BỤI/DKP181	153,900
592	191C21-2	DUST BAG ASSEMBLY SET/DKP181	TÚI CHỨA BỤI/DKP181	665,550
593	191C22-0	CHAMFERING RULE ASSEMBLY/DKP18	THƯỚC PHAY/DKP181	2,116,800
594	191C23-8	GUIDE RULE ASSEMBLY SET/DKP181	THƯỚC DẪN/DKP181	676,350
595	191C26-2	FILTER BAG SET 10 PCS/DVC665	TÚI LỌC BỤI GIẤY 10 CÁI/DVC665	415,800
596	191C30-1	DUST BAG ASSEMBLY/DVC660,DVC665	TÚI CHỨA BỤI VẢI/DVC660,DVC665	311,850
597	191C37-7	HOOK SET/DHK180	MÓC TREO/DHK180	264,000
598	191D12-9	MAIN HEPA FILTER SET/DVC660	TẤM LỌC BỤI HEPA/DVC660	240,300
599	191D33-1	CHIP RECEIVER 600MM/DUH604S	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH604S	649,350
600	191D34-9	CHIP RECEIVER 750MM/DUH754S	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH754S	862,650
601	191D38-1	SHEAR BLADE ASSY 600MM/DUH604S	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH604S	3,366,000
602	191D39-9	SHEAR BLADE ASSY 750MM/DUH754S	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 750MM/DUH754S	3,784,000
603	191D41-2	ROTARY LAWN MOWER BLADE 380MM	BỘ LƯỠI CẮT CỎ 380MM	346,500
604	191D46-2	MULCHING PLUG SET/DLM382	NẮP CHẶN CỎ/DLM382	301,050
605	191D47-0	SWING BACK BLADE 460 SET/4PCS	LƯỠI THAY THẾ CHO LƯỠI CẮT CỎ 4 LƯ	939,125
606	191D48-8	SWING BACK BLADE 530 SET/4PCS	LƯỠI THAY THẾ CHO LƯỠI CẮT CỎ 4 LƯ	1,017,500
607	191D49-6	SWING BACK BLADE460	BỘ LƯỠI CẮT CỎ 4 LƯỠI 460	1,056,000
608	191D50-1	SWING BACK BLADE530	BỘ LƯỠI CẮT CỎ 4 LƯỠI 530	1,156,375
609	191D51-9	ROTARY LAWN MOWER BLADE 460 SET	BỘ LƯỠI CẮT CỎ 460	671,000
610	191D52-7	ROTARY LAWN MOWER BLADE/DLM53	LƯỠI CẮT CHO MÁY CẮT CỎ ĐẨY/DLM	750,750
611	191D60-8	CHAIN BLADE(M11) 1/4" 1.1X250MM	DÂY XÍCH(M11) 1/4" 1.1X250MM	745,250
612	191D63-2	FILTER BAG 10PCS/SET/DVC560	TÚI LỌC BỤI GIẤY 10 CÁI/BỘ/DVC560	405,000
613	191D65-8	LONG SASH NOZZLE/DVC560	ĐẦU HÚT KHE/DVC560	98,550
614	191D67-4	ROUND BRUSH/DVC560	CHỔI TRÒN/DVC560	180,900
615	191D69-0	BRUSH COMPLETE/DVC560	BÀN CHẢI/DVC560	1,047,600
616	191D71-3	CYCLONE ATTACHMENT(PIPE LOCK/W	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI(CÓ KI	785,700
617	191D73-9	CYCLONE ATTACHMENT(PIPE LOCK/BI	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI(CÓ KI	785,700
618	191D75-5	CYCLONE ATTACHMENT SET(BLACK)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI MÀU	785,700
619	191D76-3	STRAIGHT PIPE 340 SET(PIPE LOCK/WH	ỐNG HÚT BỤI THẲNG(CÓ KHÓA/MÀU T	197,100
620	191D77-1	STRAIGHT PIPE 340 SET(PIPE LOCK/BLA	ỐNG THẲNG NHỰA 340(CÓ KHÓA/MÀU	197,100
621	191D78-9	PLASTIC STRAIGHT PIPE 340MM(BLUE)	ỐNG HÚT BỤI THẲNG 340MM(MÀU XAN	183,600
622	191D79-7	STRAIGHT PIEPE 321 SET/DCL181F	ỐNG HÚT BỤI THẲNG/DCL181F	109,350
623	191D80-2	PLASTIC STRAIGHT PIPE 320MM(BLACK	ỐNG HÚT BỤI THẲNG 320MM(MÀU ĐEN	109,350
624	191D81-0	PLASTIC STRAIGHT PIPE 320MM(BLUE)	ỐNG HÚT BỤI THẲNG 320MM(MÀU XAN	108,000
625	191D89-4	TRIMMER HEAD 96-M10L SET (2.0MMX4	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.0MMX4M)	432,000
626	191D90-9	TRIMMER HEAD 96-M10L SET (2.4MMX3	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.4MMX3M)	432,000
627	191D92-5	TRIMMER HEAD 96-M8R SET (2.0MMX4M	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.0MMX4M)	426,600
628	191D93-3	TRIMMER HEAD 121-M10L SET (2.4MMX	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC 121-M10L (2.4	622,350
629	191E07-8	FAST CHARGER DC40RA	SẠC NHANH DC40RA	3,866,500
630	191E19-1	VACUUM KIT SET/DUB363	BỘ ỐNG VÀ TÚI HÚT BỤI/DUB363	1,749,600

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
631	191E23-0	SHAFT EXTENSION ATTACHMENT/LE40	PHỤ KIỆN THANH NỐI KÉO DÀI/LE400M	4,111,250
632	191E30-3	FLEXIBLE HOSE WITH PIPE LOCK	ỐNG MỀM CÓ KHÓA	349,650
633	191E39-5	MAIN FILTER H (HEPA FILTER)/DVC560	LỌC BỤI HEPA/DVC560	240,300
634	191E41-8	GRIP ASSEMBLY SET/HP002G/DF002G	TAY CẦM/HP002G/DF002G	799,200
635	191E43-4	PROTECTOR ASSEMBLY SET PDC01/A	BỘ DÂY ĐEO CHO PDC01/A	333,450
636	191E53-1	DX12 DUST COLLECTION SYSTEM SET/	DX12 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR001G/HR0	3,531,000
637	191F23-6	BARREL ASSEMBLY C SET 500G/DGP180	ỐNG XY LANH CHỨA MỠ C 500G/DGP18	3,240,000
638	191F24-4	CARTRIDGE BARREL A SET 400/DGP180	ỐNG CHỨA MỠ LOẠI A 400/DGP180	1,933,250
639	191F25-2	CARTRIDGE BARREL B SET 450G/DGP18	ỐNG CHỨA MỠ B 450G/DGP180	2,310,000
640	191F27-8	CARTRIDGE BARREL C SET 500G GREAS	ỐNG CHỨA MỠ C 500G/DGP180	2,622,125
641	191F45-6	TOOL HANGER SET/HR3001C	MÓC TREO/HR3001C	350,625
642	191F49-8	DUST CASE SET/DX10	BỘ THU BỤI/DX10	1,287,900
643	191F58-7	TOOL HANGER SET/TD001G	BỘ GIỮ MÁY/TD001G	1,401,125
644	191F68-4	BLOWER ATTACHMENT/UB400MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB400MP	4,838,400
645	191F78-1	ACCESSORY SET FOR 6.4/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 6.4/D	694,375
646	191F79-9	ACCESSORY SET A FOR 4.8/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.8/D	694,375
647	191F80-4	ACCESSORY SET A FOR 4.0/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI/DRV	1,355,750
648	191F81-2	DUST COLLECTION FOR WHEEL GUARI	CHỤP BẢO VỆ 125MM	993,600
649	191F82-0	POWDER FILTER HEPA SET/VC3210L/25	BỘ LỌC HEPA/VC3210L/2510L	999,000
650	191F95-1	DX10 DUST CORRECTION SYSTEMT /HR	DX10 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR3011FCWJ	3,067,625
651	191G05-4	DUST COLLECT COVER SET FOR X-LOC	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI X-LOCK 125MM	2,200,000
652	191G06-2	DUST COLLECT COVER SET FOR DIAMC	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 125MM(KHÔNG	1,938,750
653	191G08-8	RING SET/TW007G	VÒNG ĐỆM/TW007G	688,875
654	191G09-6	GARDEN NOZZLE ASSEMBLY SET/DUB	ỐNG THỔI SÂN VƯỜN/DUB186, DUB185	153,900
655	191G10-1	LOCK NUT WRENCH 35	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 35	61,875
656	191G11-9	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	407,000
657	191G13-5	GUIDE BAR 200MM	LAM 200MM	368,500
658	191G14-3	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	380,875
659	191G15-1	GUIDE BAR 300MM	LAM 300MM	418,000
660	191G16-9	GUIDE BAR 350MM	LAM 350MM	445,500
661	191G17-7	GUIDE BAR 400MM	LAM 400MM	495,000
662	191G22-4	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	416,625
663	191G23-2	GUIDE BAR 300MM	LAM 300MM	440,000
664	191G24-0	GUIDE BAR 350MM	LAM 350MM	411,125
665	191G25-8	GUIDE BAR 400MM	LAM 400MM	495,000
666	191G26-6	GUIDE BAR 450MM	LAM 450MM	517,000
667	191G33-9	GUIDE BAR 350MM	LAM 350MM	794,750
668	191G34-7	GUIDE BAR 400MM	LAM 400MM	933,625
669	191G52-5	GUIDE BAR 500MM	LAM 500MM	1,156,375
670	191G64-8	HOOK ASSEMBLY SET/DPB183	MÓC TREO/DPB183	151,250
671	191G67-2	EXTENSION HANDLE FOR IMPACT WRE	TAY CẦM MỞ RỘNG CHO MÁY SIẾT BU	3,667,125
672	191G76-1	MESH SLEEVE HOSE 28-5 SET	ỐNG HÚT BỤI CÓ LƯỚI BẢO VỆ 28MMX	2,484,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
673	191G86-8	NOZZLE ASSEMBLY SET 28MM	ĐẦU HÚT BỤI 28MM	758,700
674	191G87-6	NOZZLE FOR FLOORING AND CARPET 3	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THẢM 38MM	764,100
675	191G88-4	CLOTH FILTER SET/DVC156	TÚI LỌC BỤI/DVC156	403,650
676	191G89-2	TELESCOPIC PIPE SET	BỘ ỐNG HÚT BỤI	1,156,950
677	191G96-5	SAW CHAIN 1.3MM/.050' '/ 1/4" 25AP	DÂY XÍCH 1.3mm/.050' '/ 1/4" 25AP	688,875
678	191G99-9	SAW CHAIN 1.1MM/.043" 3/8" LP 90PX	DÂY XÍCH 1.1mm/.043" 3/8" LP 90PX	228,250
679	191H00-0	SAW CHAIN 40 1,1MM/.043"X3/8"/90PX	DÂY XÍCH 40 1,1MM/.043"X3/8"/90PX	284,625
680	191H01-8	SAW CHAIN 300 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90I	DÂY XÍCH 300 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90PX	467,500
681	191H02-6	SAW CHAIN 350 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90P	DÂY XÍCH 350 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90PX	445,500
682	191H03-4	SAW CHAIN 400 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90P	DÂY XÍCH 400 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90PX	467,500
683	191H08-4	SAW CHAIN 250 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91P	DÂY XÍCH 250 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	383,625
684	191H09-2	SAW CHAIN 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91I	DÂY XÍCH 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	589,875
685	191H10-7	SAW CHAIN 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91I	DÂY XÍCH 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	378,125
686	191H11-5	SAW CHAIN 350 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91I	DÂY XÍCH 350 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	389,125
687	191H12-3	SAW CHAIN 400 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91I	DÂY XÍCH 400 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	429,000
688	191H13-1	SAW CHAIN 450 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91	DÂY XÍCH 450 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	555,500
689	191H20-4	SAW CHAIN 250 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91V	DÂY XÍCH 250 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91VX	440,000
690	191H44-0	SAW CHAIN 1.5MM/ .058" 73DPX	DÂY XÍCH 1.5mm/ .058" 73DPX	778,250
691	191H51-3	SAW CHAIN 450MM/1.5MM/ .058" 3/8" 73I	DÂY XÍCH 450mm/1.5mm/ .058" 3/8" 73LPX	772,750
692	191H52-1	SAW CHAIN 1.5MM/ .058" 73LPX	DÂY XÍCH 1.5mm/ .058" 73LPX	816,750
693	191H54-7	SAW CHAIN 600MM 1.5MM/ .058" 3/8" 73I	DÂY XÍCH 600mm/ 1.5mm/ .058" 3/8" 73LP	933,625
694	191J13-3	ADAPTER FOR GUTTER NOZZLE/DUB36	ĐẦU NỐI ỐNG THỔI GÓC TRÊN CAO/DU	261,900
695	191J48-4	BAND ASSEMBLY SET/UB001C	DÂY ĐEO VAI/UB001C	234,900
696	191J50-7	18VX1 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18V/PDC01	2,945,700
697	191J51-5	18VX2 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18VX2/PDC01	4,394,500
698	191J59-9	POLY COATED TIE WIRE SET 50PCS/SET	DÂY BUỘC PHỦ POLI 50 CUỘN	8,599,250
699	191J81-6	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL4025*2+I	BỘ PIN SẠC PSKG1(BL4025*2+DC40RA)	12,386,000
700	191J97-1	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL4040*2+I	BỘ PIN SẠC PSKG1(BL4040*2+DC40RA)	14,687,750
701	191K37-5	BAND ASSEMBLY SET/DUA300	DÂY ĐEO VAI/DUA300	523,800
702	191K57-9	TOOL HANGER SET/DTW300	MÓC TREO/DTW300	1,401,125
703	191L00-4	BATTERY CHARGER DC4001/PDC1200	SẠC DC4001/PDC1200	4,683,250
704	191L13-5	ADAPTER PIPE 80-72 SET/DUB184	ỐNG CHUYỂN ĐỔI 80-72/DUB184	143,100
705	191L23-2	AUTOFEED ATTACHMENT SET/FS6300	ĐẦU BẮN VÍT TỰ ĐỘNG NẠP/FS6300	2,156,000
706	191L29-0	BATTERY BL4020(LI-ION, 40V, 2.0AH)	PIN BL4020(LI-ION, 40V, 2.0AH)	3,811,500
707	191L47-8	BATTERY BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	PIN BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	7,133,500
708	191L80-0	BATTERY CHARGER DC1002	SẠC PIN DC1002	539,000
709	191L91-5	SPACER SET/HR3011FC	VÒNG ĐỆM/HR3011FC	143,100
710	191L94-9	BAND ASSEMBLY SET/UB001C	DÂY ĐEO/UB001C	209,250
711	191L96-5	ADAPTER PIPE 85-72/UB001C,UB001G	KHỚP NỐI ỐNG THỔI 85-72/UB001C,UB0	284,850
712	191M20-4	VACUUM ATTACHMENT WITH VACUU	PHỤ KIỆN THU BỤI VỚI ỐNG HÚT BỤI/H	1,549,800
713	191M21-2	VACUUM ATTACHMENT/HM1511	PHỤ KIỆN THU BỤI/HM1511	584,550
714	191M27-0	EXTENSION HANDLE SET/DTR180	TAY CẦM NỐI DÀI/DTR180	4,887,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
715	191M30-1	BRUSH NOZZLE SET	ĐẦU DẠNG CHỔI	301,050
716	191M32-7	WIPER NOZZLE SET	ĐẦU GẠT NƯỚC	295,650
717	191M34-3	FLEXIBLE HOSE SET	ỐNG MỀM	349,650
718	191M39-3	WET FILTER SET/DVC750L	BỘ LỌC BỤI ƯỚT/DVC750L	301,050
719	191M40-8	CHIP RECEIVER SET/DUN500W,DUN600I	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUN500W,DUN600I	615,600
720	191M44-0	PORTABLE POWER PACK SET/PDC01	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI/PDC	14,589,450
721	191M48-2	WATER SUPPLY COVER SET A/DCC500Z	PHỤ KIỆN DẪN NƯỚC/DCC500Z	1,209,600
722	191M50-5	BATTERY ADAPTER FOR BL CLEANERS	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 18V/BAP18C	1,300,750
723	191M57-1	ROTARY SCISSORS ATTACH SET E/EM4	PHỤ KIỆN CẮT CỎ/EM407MP	17,576,625
724	191M75-9	ROTARY SCISSORS SET E/EM407MP	ĐẦU CẮT CỎ/EM407MP	16,776,375
725	191M77-5	JOINT A 32 SET	ỐNG NỐI BỘ A 32	317,250
726	191M78-3	JOINT B 35 SET	ỐNG NỐI BỘ B 35	279,450
727	191M79-1	JOINT C 38 SET	ỐNG NỐI BỘ C 38	279,450
728	191M83-0	STRAP SET/TW001G	DÂY ĐEO VAI/TW001G	507,600
729	191M90-3	CHARGER 40V/DC40RC	SẠC 40V/DC40RC	2,689,500
730	191N09-8	2PORT FAST CHARGER 40V/DC40RB	SẠC NHANH 2 CỔNG 40V/DC40RB	6,166,875
731	191N23-4	SHEAR BLADE ASSEMBLY 110 SET/DUM	LƯỠI CẮT/DUM111	734,250
732	191N24-2	HEDGE TRIMMER BLADE 200MM/UM11(	LƯỠI TỈA/UM110D	511,500
733	191N25-0	GRASS RECEIVER SET/UM110D	KHAY CHỨA CỎ/UM110D	248,400
734	191N34-9	GRASS TRIMMER ATTACHMENT 300MM	PHỤ KIỆN CẮT CỎ 300MM/EM408MP	4,444,000
735	191N46-2	GRASS TRIMMER ATTACHMENT 330MM	PHỤ KIỆN CẮT CỎ 330MM/EM409MP	2,667,500
736	191N60-8	DUST COVER COMPLETE/DBS180	BỘ NẮP CHẮN BỤI/DBS180	676,350
737	191N62-4	BATTERY ADAPTER FOR 40V MAX BAT	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN DÙNG CHO MÁY 4	4,122,250
738	191N69-0	BATTERY BL1820G(LI-ION, 18V, 2.0AH)	PIN BL1820G(LI-ION, 18V, 2.0AH)	2,044,625
739	191N76-3	BATTERY BL1420G(LI-ION, 14.4V, 2.0AH	PIN BL1420G(LI-ION, 14.4V, 2.0AH)	1,856,250
740	191N81-0	VACUUM ATTACHMENT/HR006G	PHỤ KIỆN THU BỤI/HR006G	2,226,150
741	191N83-6	DUST COVER SET/DCC500	BỘ HÚT BỤI/DCC500	522,500
742	191N90-9	SPONGE PAD 80MM SET	BỘ TẤM BỌT BIỂN 80MM	253,800
743	191N91-7	SPONGE PAD 80MM SET	BỘ TẤM BỌT BIỂN 80MM	322,650
744	191N92-5	WOOL PAD 80MM SET	ĐỆM LÔNG CỪU 80MM	317,250
745	191P00-8	SHEAR BLADE ASSEMBLY 460/DUN461V	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 460/DUN461W	1,222,375
746	191P11-3	HANDLE SET	BỘ TAY CẦM	3,645,125
747	191P18-9	MAGNET TAPE SET/DRC300	BĂNG KEO CẢM ỨNG/DRC300	922,050
748	191P20-2	MAIN BRUSH COMPLETE SET/SOFT TYF	CHỔI LĂN QUÉT BỤI/LOẠI MỀM/DRC30(	1,221,750
749	191P22-8	MAIN BRUSH COMPLETE SET/STANDAF	CHỔI LĂN QUÉT BỤI/LOẠI TIÊU CHUẨN	1,113,750
750	191P24-4	MAIN BRUSH COVER/DRC300	NẮP ĐẬY CHỔI QUÉT BỤI/DRC300	581,850
751	191P26-0	SIDE BRUSH(SOFT TYPE)/DRC300	CHỔI QUÉT BỤI(LOẠI MỀM)/DRC300	322,650
752	191P28-6	SIDE BRUSH(STANDARD TYPE)/DRC300	CHỔI QUÉT BỤI(LOẠI TIÊU CHUẨN)/DR(	322,650
753	191P31-7	HEPA FILTER/DRC300	BỘ LỌC HEPA/DRC300	256,500
754	191P37-5	VACUUM KIT SET/DUB363	BỘ ỐNG VÀ TÚI HÚT BỤI/DUB363	1,745,550
755	191P40-6	DUST BAG SET/DUB363	BỘ TÚI BỤI/DUB363	796,500
756	191P75-7	BLOWER ATTACHM.SET G/UB401MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB401MP	5,493,150

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
757	191P89-6	HOLDER D SET FOR CAULKING GUN 40	BỘ ỐNG ĐỠ SILICON D 400ML	2,200,000
758	191P97-7	END NOZZLE 80/UB001G	ỐNG THỔI 80/UB001G	207,900
759	191R02-6	DUST EXTRACTION SET/DTM51	BỘ THU BỤI/DTM51	290,125
760	191R06-8	BATTERY BL6440 SET(LI-ION,64V, 4.0AH	PIN BL6440(LI-ION,64V, 4.0AH)	10,532,500
761	191R51-3	CHIP RECEIVER 600 E SET/UH004G	KHAY CHỨA CỎ 600 E/UH004G	1,205,550
762	191R52-1	CHIP RECEIVER 750 SET/UH005G	KHAY CHỨA CỎ 750/UH005G	1,958,850
763	191R53-9	SHEAR BLADE 600 SET/UH004G	BỘ LƯỠI CẮT 600/UH004G	3,044,250
764	191R54-7	SHEAR BLADE 750 SET/UH005G	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 750/UH005G	3,667,125
765	191R55-5	SHEAR BLADE 600 SET/UH006G	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600/UH006G	3,555,750
766	191R56-3	SHEAR BLADE 750 SET/UH007G	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 750/UH007G	3,888,500
767	191R57-1	SHEAR BLADE 600 SET/UH008G	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600/UH008G	1,894,750
768	191R58-9	SHEAR BLADE 750 SET/UH009G	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 750/UH009G	2,039,125
769	191R81-4	SIDE GRIP/DA001G	TAY CẦM BÊN/DA001G	693,900
770	191S58-5	BATTERY CHECKER SET (BTC04+BTC05	BỘ KIỂM TRA PIN(BTC04+BTC05+BTC06	11,661,375
771	191T15-9	DUST COVER ATTACHMENT SET	BỘ PHỤ KIỆN CHE BỤI	222,750
772	191T41-8	POLE SAW ATTACHMENT SET 300MM/9	PHỤ KIỆN CƯA CÀNH 300MM/91PX/EY4	7,922,750
773	191T43-4	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET/DUN46	KHAY CHỨA CỎ/DUN461W	415,800
774	191T44-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY 500 SET/DUH	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH501	2,910,875
775	191T47-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY 500S SET/DU	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH502	1,689,875
776	191T62-0	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL1860B*1-	BỘ PIN SẠC PSKG1(BL1860B*1+BL4025*	11,990,000
777	191T64-6	POWER SOURCE KIT(BL1860B*2+BL4025	BỘ PIN SẠC(BL1860B*2+BL4025*2+ADP1	19,360,000
778	191T85-8	GUIDE BAR 250MM 80TXL	LAM 250MM 80TXL	400,125
779	191T86-6	80TXL GUIDE BAR (300MM)/UC010G	LAM 80TXL (300MM)/UC012G	402,875
780	191T87-4	80TXL GUIDE BAR (350MM)/UC012G	LAM 80TXL (350MM)/UC012G	456,500
781	191T88-2	80TXL GUIDE BAR (400MM)/UC012G	LAM 80TXL (400MM)/UC012G	517,000
782	191T89-0	SAW CHAIN 250MM 80TXL/1.1MM/.043"	XÍCH (250MM)80TXL/1.1MM/.043"	533,500
783	191T90-5	SAW CHAIN 80TXL 300MM	DÂY XÍCH 80TXL 300MM	611,875
784	191T91-3	80TXL SAW CHAIN (350MM)/UC012G	XÍCH 80TXL (350MM)/UC012G	682,000
785	191T92-1	80TXL SAW CHAIN (400MM)/UC012G	XÍCH 80TXL (400MM)/UC012G	792,000
786	191T96-3	FILTER BAG 10PCS/SET/DVC560	TÚI BỤI GIẤY 10 CÁI/BỘ/DVC560	437,400
787	191T97-1	CABLE UNIT C	DÂY CÁP C	99,000
788	191U28-6	POWER SOURCE KIT(BL4040*4+DC40RB	BỘ PIN SẠC(BL4040*4+DC40RB+MAKPA	27,531,625
789	191U42-2	POWER SOURCE KIT(BL4050F*4+DC40R	BỘ PIN SẠC(BL4050F*4+DC40RB+MAKP	32,219,000
790	191U83-8	VARIO SPRAY NOZZLE SET/DHW080	ĐẦU XỊT THẲNG, DẸT/DHW080	545,400
791	191U84-6	EXTENSION SET/DHW080	CẦN NỐI DÀI/DHW080	295,650
792	191U86-2	VARIO SPRAY NOZZLE SET/DHW080	ĐẦU XỊT THẲNG, DẸT/DHW080	621,000
793	191U88-8	VARIO SPRAY LANCE SET/DHW080	ĐẦU XỊT RỬA/DHW080	884,250
794	191V01-2	BIT2-137 SET/DFR452	MŨI VÍT PH2-137MM/DFR452	639,375
795	191V02-0	BIT2-155 SET/DFR551	MŨI VÍT PH2-155MM/DFR551	495,000
796	191V15-1	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL4020*2+I	BỘ PIN SẠC PSKG1(BL4020*2+DC40RC+I	7,920,000
797	191V35-5	POWER SOURCE KIT(BL4050F*2+DC40R	BỘ PIN SẠC(BL4050F*2+DC40RA*1+TYP	16,332,250
798	191V54-1	WHEEL COVER FOR CUTTING	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CẮT	202,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
799	191V56-7	CUTTING W.C.A SET FOR ABRASVE CU	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CẮT/GA050G	301,125
800	191V67-2	WATER FILTER SET FOR VC001G/VC003	BỘ LỌC NƯỚC DÙNG CHO VC001G/VC0	518,400
801	191V68-0	DAMPER SET FOR VC002G/VC004G	BỘ GIẢM RUNG DÙNG CHO VC002G/VC	213,300
802	191V69-8	PRE FILTER SET FOR VC002G/VC004G	BỘ LỌC TRƯỚC DÙNG CHO VC002G/VC	818,100
803	191V70-3	POWDER FILTER H(HEPA) SET FOR VC0	BỘ LỌC BỤI NHỎ (HEPA) DÙNG CHO VC	568,350
804	191V71-1	CLOTH FILTER SET FOR VC005G	BỘ LỌC VẢI DÙNG CHO VC005G	562,950
805	191V90-7	SPROCKET 6/90PX/91PX	NHÔNG XÍCH 6/90PX/91PX	148,500
806	191V91-5	DRIVE SPROCKET 7 FOR 40V/80TXL	NHÔNG XÍCH 7 CHO MÁY 40V/80TXL	284,850
807	191V92-3	DRIVE SPROCKET 25AP FOR 40V MAX M	NHÔNG XÍCH 25AP CHO MÁY 40V MAX	213,300
808	191V96-5	BLADE 530 SET/LM001J	LƯỠI CẮT 530/LM001J	728,750
809	191V97-3	BLADE 480 SET/DLM480	LƯỠI CẮT 480/DLM480	683,375
810	191W05-0	DUST COVER SET FOR CUP DIAMOND V	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO LƯỠI CẮT	1,511,125
811	191W19-9	BATTERY CHARGER DC64WA SET	SẠC PIN 64V DC64WA	3,689,125
812	191W37-7	CHARGER 18V DC18WB	SẠC PIN 18V DC18WB	1,078,000
813	191W56-3	CHIP RECEIVER 500MM SET/DUH501/DU	KHAY CHỨA CỎ 500MM/DUH501/DUH50	699,300
814	191W58-9	FLEXIBLE HOSE 1200 SET/DGP180	BỘ ỐNG MỀM 1200/DGP180	1,183,950
815	191W59-7	FLEXIBLE HOSE 600 SET/DGP180	BỘ ỐNG MỀM 600/DGP180	1,723,950
816	191W60-2	ADAPTER SET(3PCS/SET)/DGP180	BỘ ĐẦU BƠM MỠ(3CÁI/BỘ)/DGP180	761,750
817	191W61-0	ADAPTER 1 PC/DGP180	ĐẦU BƠM MỠ 1 CÁI/DGP180	312,125
818	191W87-2	GRASS COLLECTING BLADE 530MM/LM	LƯỠI CẮT CỎ 530MM/LM003	800,250
819	191W90-3	HOOK SET/HR007G	MÓC TREO/HR007G	339,625
820	191W93-7	CASING 41 ASSEMBLY/DFR452	ĐẦU BẮN VÍT 41/DFR452	4,067,250
821	191W94-5	CASING 55 ASSEMBLY/DFR452	ĐẦU BẮN VÍT 55/DFR452	4,045,250
822	191X01-4	WATER SUPPLY COVER SET A/DCC500	PHỤ KIỆN DẪN NƯỚC/DCC500	1,333,750
823	191X03-0	80TXL GUIDE BAR (450MM)/UC012G	LAM 80TXL (450MM)/UC012G	622,875
824	191X04-8	80TXL SAW CHAIN (450MM)/UC012G	XÍCH 80TXL (450MM)/UC012G	833,250
825	191X06-4	NOZZLE ASSEMBLY SET FLAT TYPE WI	ĐẦU HUT BỤI T DẠNG DẸP MÀU TRẮNG	1,331,100
826	191X11-1	NOZZLE FOR NARROW PLACE/AS001G	ĐẦU THỔI CHỖ HẸP/AS001G	49,950
827	191X13-7	NOZZLE FOR CLEANING FILTER/AS001G	ĐẦU THỔI LÀM SẠCH BỘ LỌC/AS001G	49,950
828	191X15-3	NOZZLE FOR BLOWING/AS001G	ĐẦU THỔI QUẠT/AS001G	49,950
829	191X17-9	NOZZLE FOR INFLATING FLOAT/AS001G	ĐẦU BƠM PHAO/AS001G	68,850
830	191X19-5	WIDE NOZZLE/AS001G	ĐẦU THỔI RỘNG/AS001G	114,750
831	191X21-8	FLEXIBLE TUBE NOZZLE/AS001G	ĐẦU THỔI ĐA NĂNG/AS001G	328,050
832	191X23-4	AIR VENT NOZZLE ATTACHMENT/AS00	ỐNG THÔNG HƠI/AS001G	437,400
833	191X25-0	RUBBER ATTACHMENT 20-30 SET/AS00	BỘ CAO SU ĐI KÈM 20-30/AS001G	98,550
834	191X27-6	RUBBER ATTACHMENT 65 SET/AS001G	BỘ CAO SU ĐI KÈM 65/AS001G	103,950
835	191X29-2	FILTER C/AS001G	BỘ LỌC C/AS001G	93,150
836	191X35-7	SPONGE SHEET SET/DRC300	TẤM ĐỆM BỌT BIỂN/DRC300	355,050
837	191X39-9	DX15 DUST COLLECTION SYSTEM SET /	DX15 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR007G	2,600,125
838	191X62-4	ALUMINIUM TELESCOPIC PIPE 32MM	ỐNG NỐI HÚT BỤI NHÔM 32MM	884,125
839	191X65-8	BATTERY BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	PIN BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	10,700,250
840	191X78-9	LONG NOZZLE SET/AS001G	BỘ ỐNG THỔI DÀI/AS001G	207,900

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
841	191X80-2	MAKPAC ORGANIZER SET	THÙNG MAKPAC CHO PHỤ KIỆN	1,593,000
842	191Y14-1	HARNESS COVER SET/VC008G	BỘ DÂY ĐEO/VC008G	245,700
843	191Y22-2	TRIANGULAR PAD(HOOK&LOOP)/DBO4	TẤM ĐẾ TAM GIÁC (GAI VÀ XÙ)/DBO48	202,500
844	191Y23-0	RECTANGULAR PAD(HOOK&LOOP)/DB	TẤM ĐẾ CHỮ NHẬT (GAI VÀ XÙ)/DBO48	180,900
845	191Y24-8	SQUARE PAD(HOOK&LOOP)/DBO480	TẤM ĐẾ VUÔNG (GAI VÀ XÙ)/DBO480	148,500
846	191Y25-6	SQUARE PAD(CLAMP)/DBO481	TẤM ĐẾ VUÔNG (KẸP)/DBO481	130,950
847	191Y44-2	CUTTER BLADE 200-8 SET/DUR194	LƯỠI CẮT CỎ 200-8/DUR194	220,000
848	191Y46-8	BLADE 230 SET/DLM230	LƯỠI CẮT CỎ 230/DLM230	266,750
849	191Y64-6	BLADE 480 SET FOR MULTING/DLM480	LƯỠI CẮT CỎ 480MM/DLM480	628,375
850	191Y65-4	BLADE 530 SET FOR MULTING/DLM538	LƯỠI CẮT CỎ 530MM/DLM538	661,375
851	191Y69-6	BATTERY BL64100(LI-ION,64V,10.0AH)	PIN BL64100(LI-ION,64V,10.0AH)	23,232,000
852	191Y82-4	STRAIGHT BIT 6E	MŨI PHAY THẲNG 6E	312,125
853	191Y84-0	DUST BAG/VC012G	TÚI BỤI/VC012G	398,250
854	191Y86-6	DUST BAG SET/DVC560	TÚI BỤI VẢI/DVC560	251,100
855	192035-6	DUST NOZZLE/3612BR	VÒNG HÚT BỤI/3612BR	421,200
856	192121-3	KEYLESS DRILL CHUCK 44/NZ	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 44/NZ	889,650
857	192173-4	DRILL CHUCK & KEY SET 44/NZ	ĐẦU KHOAN CÓ KHÓA 44/NZ	932,850
858	192176-8	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI	1,289,750
859	192202-3	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	56,375
860	192212-0	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,733,875
861	192219-6	SAFETY GOGGLE(STRAP)	KÍNH BẢO HỘ(DÂY ĐEO)	108,000
862	192227-7	SUPER FLANGE	MẶT BÍCH CHO MÁY MÀI	400,125
863	192236-6	ANCHOR NOZZLE	ĐẦU HÚT KHE	153,900
864	192278-0	HOSE 28MM 1.5M/DBS180	ỐNG NHỰA 28MM 1.5M/DBS180	1,058,400
865	192279-8	HOSE 28MM 3.0M/DBS180	ỐNG NHỰA MỀM 28MM 3.0M/DBS180	1,598,400
866	192349-3	JOINT 25-50	KHỚP NỐI 25-50	175,500
867	192352-4	ABRASIVE PAPER SET	GIẤY CHÀ NHÁM	55,350
868	192412-2	WHEEL GUARD FOR WIRE BEVEL BRUS	CHỤP BẢO VỆ CHỔI ĐÁNH KIM LOẠI 85	577,500
869	192439-2	RATSCHET HEAD	ĐẦU CHUYỂN SIẾT BU LÔNG	4,266,625
870	192440-7	STRAIGHT HEAD(NZ)	ĐẦU CHUYỂN VẶN VÍT(NZ)	1,867,250
871	192454-6	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	1,249,600
872	192486-3	STRAIGHT HEAD(E-FORM/MZ)	ĐẦU VẶN VÍT THẲNG(E-FORM/MZ)	1,622,500
873	192523-3	PUNCH PLATE	ĐẾ ĐỘT GIẤY NHÁM	734,250
874	192557-6	ANTI-SPLITERING DEVICE	TẤM CHẮN MÙN CƯA	170,100
875	192562-3	BENDING PIPE	ỐNG UỐN CONG	405,625
876	192563-1	STRAIGHT PIPE	ỐNG THẲNG	317,625
877	192595-8	BATTERY 9122	PIN 9122	2,017,440
878	192621-3	HOLDER SET	BỘ NÒNG THÉP	272,250
879	192622-1	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỬ CHẶN KHUÔN VÒM	2,022,625
880	192625-5	VISE SET	KẸP	511,500
881	192628-9	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỬ CHẶN KHUÔN VÒM	1,267,750
882	192629-7	WOOL PAD 180MM	NỈ ĐÁNH BÓNG 180MM	561,600

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
883	192655-6	ABRASIVE PAPER SET	BỘ GIẤY CHÀ NHÁM	55,350
884	192669-5	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỬ CHẶN KHUÔN VÒM	2,355,375
885	192672-6	VISE SET	KẸP	545,400
886	192732-4	GUIDE RULE SET	BỘ THƯỚC DẪN	213,300
887	192799-2	JOINT 38-56MM/55 ASSEMBLY	KHỚP NỐI 38-56MM/55	130,950
888	192877-8	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	1,069,200
889	192887-5	DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN	360,450
890	192936-8	CHARGER DC1439	SẠC PIN DC1439	3,515,600
891	192954-6	FLEXIBLE ASSY	PHỤ KIỆN ĐẦU MỀM	6,050,000
892	192968-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	6,422,625
893	192970-8	DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN	317,250
894	192985-5	SIDE HANDLE SET	TAY CẦM HÔNG	328,050
895	192988-9	COLLET CONE 8MM	CHẤU KẸP 8MM	851,850
896	192989-7	PUNCH PLATE/BO3710	ĐẾ ĐỘT GIẤY NHÁM/BO3710	189,750
897	193011-3	COLLET CONE 3MM	CHẤU KẸP 3MM	807,300
898	193012-1	COLLET CONE 6MM	CHẤU KẸP 6MM	670,950
899	193036-7	HOOD SET/2012NB	BỘ TẤM CHẮN/2012NB	545,400
900	193043-0	TEMPLET GUIDE 14.5	DẪN HƯỚNG 14.5	290,125
901	193059-5	BATTERY 1235 SET	PIN 1235 SET	2,268,000
902	193060-0	BATTERY 1435 SET	PIN 1435 SET	2,592,000
903	193066-8	WHEEL COVER SET	CHỤP BẢO VỆ SET	8,778,000
904	193067-6	DRILL CHUCK & KEY SET/DP4010	ĐẦU KHOAN CÓ KHÓA/DP4010	715,500
905	193178-7	COLLET CONE 8 ASSY	CHẤU KẸP 8MM	668,800
906	193179-5	COLLET CONE 6.35 ASSY	CHẤU KẸP 6.35MM	891,000
907	193180-0	COLLET CONE 6MM SET	CHẤU KẸP 6MM	753,500
908	193288-0	FELT PAD	ĐỆ NỈ	513,000
909	193312-9	STRAIGHT GUIDE	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG	3,489,750
910	193326-8	HOSE COMPLETE 38-2.5	GIÁ ĐỠ 38-2.5	2,090,000
911	193448-4	CIRCULAR GUIDE SET/DCO181	BỘ THANH DẪN HƯỚNG CONG/DCO181	995,500
912	193449-2	DUST COLLECTION COVER/DCO181	NẮP TÚI BỤI/DCO181	248,400
913	193450-7	DRYWALL GUIDE BIT 3MM/DCO181	MŨI KHOÉT THẠCH CAO 3MM/DCO181	162,250
914	193470-1	SPONGE PAD 190MM	ĐỆM ĐỆM 190MM	1,026,000
915	193471-9	SUB PLATE ASSY	MIẾNG CHÈN	56,375
916	193472-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI	1,156,375
917	193516-3	GUIDE RULE SET	THƯỚC DẪN	279,450
918	193517-1	GUIDE RAIL ADAPTER SET	BỘ ĐIỀU CHỈNH THANH DẪN HƯỚNG	1,039,500
919	193523-6	PAD	ĐỆM MÁY CHÀ NHÁM	473,000
920	193540-6	SET PLATE 82 SET	TẤM THÉP 82	277,750
921	193618-5	STAND SET/DBS180	BỘ GIÁ ĐỠ/DBS180	1,028,500
922	193682-6	AUTOMATIC REFRESHING ADAPTER/AI	BỘ XẢ PIN TỰ ĐỘNG/ADP03	4,822,200
923	193730-1	FLUORESCENT LIGHT SET	BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG	111,375
924	193751-3	WATER SUPPLY PIPE ASSEMBLY	ỐNG DẪN NƯỚC	355,050

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
925	193794-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	4,422,000
926	193822-6	DRILL CHUCK S13/HP2070	ĐẦU KHOAN S13/HP2070	720,900
927	193894-1	DUST COVER SET/MT362	NẮP CHỤP BỤI/MT362	49,950
928	193903-6	DUST COVER ATTACHMENT SET/GA508	BỘ PHỤ KIỆN CHE BỤI/GA5080	272,700
929	193959-9	BATTERY 7050	PIN 7050	409,200
930	194026-3	PORTABLE BAND SAW STAND/2107F	ĐẾ CƯA VÒNG DI ĐỘNG/2107F	25,263,900
931	194033-6	OUTER SLEEVE 22-49 SET	BẠC ĐỆM BÊN TRONG 22-49	2,956,250
932	194034-4	OUTER SLEEVE 24-49 SET/6924N	BẠC ĐỆM BÊN TRONG 24-49/6924N	2,645,500
933	194041-7	DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN	301,050
934	194044-1	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	7,089,500
935	194079-2	DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN	1,745,550
936	194085-7	PLASTIC CASE/MT814KSP	VỎ HỘP MÁY/MT814KSP	943,650
937	194086-5	LEFT TABLE SET	BÀN PHỤ TRÁI	1,089,000
938	194087-3	REAR TABLE SET	BÀN MỞ RỘNG MẶT SAU	1,123,375
939	194092-0	OUTER SLEEVE 7/8-49 SET	BẠC ĐỆM BÊN TRONG 7/8-49	3,379,200
940	194093-8	STAND SET/2704	GIÁ ĐỠ MÁY CƯA BÀN/2704	10,554,500
941	194098-8	SAW CHAIN SET 60 1,3MM/.050"X1/4"/25A	DÂY XÍCH 60 1,3MM/.050"X1/4"/25AP	682,000
942	194254-0	KEYLESS DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	1,085,400
943	194267-1	TRIMMER BASE ASSEMBLY SET	ĐẾ MÁY SOI	328,625
944	194268-9	TRIMMER BASE ASSEMBLY SET	ĐẾ MÁY SOI	306,625
945	194269-7	TRIMMER BASE ASSY SET	ĐẾ MÁY SOI	1,489,125
946	194270-2	TRIMMER BASE ASSY SET	ĐẾ MÁY SOI	1,311,750
947	194289-1	DUST COVER ATTACHMENT SET	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI	94,875
948	194303-3	DUST COLEECTING WHEELCOVER SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,823,250
949	194305-9	LOCK NUT RELEASE SOCKET 35 SET	ĐẦU TUÝP THÁO ỐC 35	1,556,500
950	194310-6	INNER SLEEVE 22-48 SET	BẠC ĐỆM BÊN NGOÀI 22-48	4,933,500
951	194311-4	INNER SLEEVE 24-49 SET/6924N	NẮP CHỤP TRONG/6924N	4,911,500
952	194312-2	INNER SLEEVE 1-49 SET	BẠC ĐỆM BÊN NGOÀI 1-49	4,404,400
953	194368-5	GUIDE RAIL 1400MM	THANH RAY 1400MM	1,333,750
954	194385-5	CLAMP SET(STANDARD TYPE)	KẸP(LOẠI TIÊU CHUẨN)	995,500
955	194416-0	REPAIR TAPE/LONG RULAR(SHEET)	BĂNG KEO CHỐNG TRƯỢT THƯỜNG	966,625
956	194417-8	REPAIR TAPE/LONG RULAR(RUBBER SH	BĂNG KEO CHỐNG TRƯỢT BẰNG TẤM	1,222,375
957	194483-5	LOOP HANDLE SET	TAY CẦM	218,700
958	194485-1	PIN 4 SET/DTW1004	CHỐT MÁY 4/DTW1004	189,750
959	194514-0	VIBRATION PROOF GRIP SET	TAY CẦM CHỐNG RUNG	426,600
960	194533-6	BATTERY CHARGER SET DC18SD	BỘ SẠC PIN DC18SD	2,278,375
961	194543-3	VIBRATION PROOF GRIP SET	TAY CẦM CHỐNG RUNG	486,000
962	194579-2	GUIDE RAIL ADAPTER SET	BỘ ĐIỀU CHỈNH RÃNH TRƯỢT	1,222,375
963	194580-7	DUSTCUP SET	LY CHỨA BỤI	561,600
964	194581-5	GRIP BASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỨA BỤI	432,000
965	194582-3	GRIP BASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỨA BỤI	148,500
966	194583-1	GRIPBASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỨA BỤI	108,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
967	194588-1	CHARGER DC10WA	SẠC PIN DC10WA	1,189,375
968	194621-9	CHARGER DC18SE	SẠC PIN DC18SE	2,486,000
969	194677-2	CORD HOLDER COMPLETE SET	BỘ GIỮ DÂY	66,000
970	194679-8	ARM BAND COMPLETE SET	BỘ GĂNG TAY	130,950
971	194681-1	CHIP RECEIVER ASSY SET	BỘ CHỨA MẢNH VỤN	660,000
972	194684-5	GRIP ATTACHMENT SET	GÁ KẸP	462,000
973	194691-8	BAND SAW BLADE 13-1140	BỘ LƯỠI CƯA VÒNG13-1140	606,375
974	194692-6	BAND SAW BLADE 13-1140	BỘ LƯỠI CƯA VÒNG 13-1140	617,375
975	194733-8	DUST NOZZLE	ỐNG NỐI HÚT BỤI	76,950
976	194746-9	PAPER DUST BAG 5PCS	TÚI BỤI GIẤY 5PCS	120,150
977	194759-0	HOOK SET/DF0300	MÓC TREO/DF0300	156,750
978	194869-3	FAST CHARGER DC36RA	SẠC NHANH DC36RA	4,268,000
979	194904-7	TOOL SET/EBH340U	BỘ DỤNG CỤ/EBH340U	83,875
980	194925-9	GUIDE RAIL 1900MM	THANH RAY 1900MM	1,889,250
981	194929-1	PAD COMPLETE SET	BỘ ĐẾ	242,000
982	194930-6	PAD COMPLETE SET	BỘ ĐẾ	473,000
983	194934-8	DUST NOZZLE/RP1801	ỐNG KẾT NỐI HÚT BỤI/RP1801	224,100
984	194947-9	PUNCH PLATE SET	ĐẾ ĐỘT GIẤY NHÁM	229,500
985	195050-9	CHIP RECEIVER ASSEMBLY/DUH523	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH523	769,500
986	195055-9	GUIDE RULE SET	THƯỚC DẪN	234,900
987	195059-1	DUST COVER ATTACHMENT	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI	350,625
988	195081-8	DRILL CHUCK SET/HP1630	ĐẦU KHOAN/HP1630	229,500
989	195134-3	FILTER SET 5PCS	BỘ LỌC 5PCS	251,100
990	195136-9	STRAIGHT GUIDE WITH MICRO ADJUST	BỘ THANH CỮ CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH/RT(	1,344,750
991	195149-0	CUTTER ASSY SET/BBC300L	LƯỠI CẮT/BBC300L	691,200
992	195173-3	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	136,350
993	195178-3	SHEAR BLADE ASSY SET/UH200D	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/UH200D	673,200
994	195179-1	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	213,300
995	195232-3	ANTI KICK BACK HEAD ASSEMBLY	PHỤ KIỆN CHỐNG PHẢN LỰC	7,378,250
996	195237-3	DUST COVER SET	PHỤ KIỆN THU BỤI	1,289,750
997	195240-4	HOLDER 200 SET	BỘ NÒNG THÉP 200	206,250
998	195253-5	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỮ CHẶN KHUÔN VÒM	2,422,750
999	195267-4	SHEAR BLADE ASSY SET 160MM	LƯỠI CẮT CỎ 160MM	1,622,500
1000	195274-7	BLADE COVER SET	BỘ BẢO VỆ LƯỠI	143,100
1001	195284-4	VACUUM KIT	TÚI HÚT CHÂN KHÔNG	3,316,950
1002	195311-7	BAP36N/BATTERY ADAPTER SET	BAP36N/BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN	1,298,000
1003	195334-5	JOINT DUST NOZZLE/HS301D	ỐNG NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/HS301D	28,350
1004	195354-9	TOOLLESS LOCK NUT SET	ĐAI ỐC HÃM	1,445,125
1005	195384-0	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,364,000
1006	195387-4	DUST COVER SET FOR GRINDER 180MM	BẢO VỆ ĐĨA HÚT BỤI CHO MÁY MÀI 18	1,571,400
1007	195423-6	CHARGER DC18WA	SẠC PIN DC18WA	1,278,750
1008	195430-9	DRILL CHUCK SET/HP1630	ĐẦU KHOAN/HP1630	290,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1009	195432-5	POLY BAG SET 10PCS/SET	TÚI CHỨA BỤI BẰNG NHỰA 10CÁI/BỘ	259,200
1010	195433-3	HOSE COMPLETE 28-3.5 SET	ỐNG MỀM 28-3.5	1,549,800
1011	195434-1	HOSE COMPLETE	ỐNG HÚT BỤI	1,517,400
1012	195435-9	HOSE 38MM-5M	ỐNG MỀM 38MM-5M	2,640,600
1013	195436-7	HOSE 28-5 WITH FRONT CUFFS 22/24/38	ỐNG MỀM 28-5 VỚI VÒNG GĂNG TRƯỚ	1,833,300
1014	195437-5	HOSE 28-2.5	ỐNG MỀM 28-2.5	1,244,700
1015	195438-3	POWDER FILTER SET	BỘ LỌC	1,135,350
1016	195439-1	CLEANING SET	BỘ LÀM SẠCH	2,578,125
1017	195440-6	POLY BAG SET 10PCS/SET	TÚI CHỨA BỤI BẰNG NHỰA 10CÁI/BỘ	197,100
1018	195441-4	POWDER FILTER SET	BỘ LỌC	1,352,700
1019	195471-5	CHARGER DC36WA	SẠC PIN DC36WA	3,410,000
1020	195534-7	WATER SET/EK7651	ỐNG DẪN NƯỚC/EK7651	858,600
1021	195544-4	HOLDER 10-33 SET	BỘ BỆ ĐỠ 10-33	23,375
1022	195545-2	FRONT CUFF 38 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 38	143,100
1023	195546-0	FRONT CUFF 24 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 24	71,550
1024	195547-8	FRONT CUFF 22 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 22	49,950
1025	195548-6	JOINT 22-38 SET	ĐẦU NỐI 22-38	295,650
1026	195549-4	NOZZLE ASSY A SET	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI A (HÚT KHÔ)	448,200
1027	195550-9	NOZZLE ASSY B SET	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI B (HÚT ƯỚT)	432,000
1028	195551-7	NOZZLE ASSEMBLY SET	VÒI HÚT BỤI	715,500
1029	195552-5	DAMPER SET	BỘ GIẢM SỐC	229,500
1030	195553-3	PRE-FILTER SET	BỘ LỌC TRƯỚC	502,200
1031	195554-1	PRE-FILTER SET/VC2510L	BỘ LỌC TRƯỚC/VC2510L	654,750
1032	195555-9	FILTER FOR WATER SET	BỘ LỌC BỤI ƯỚT	889,650
1033	195556-7	FILTER FOR WATER SET/VC2510L	BỘ LỌC BỤI ƯỚT/VC2510L	932,850
1034	195557-5	FILTER	LỌC BỤI	480,600
1035	195558-3	FILTER	LỌC BỤI	562,950
1036	195559-1	DUST NOZZLE	ỐNG HÚT BỤI	71,550
1037	195562-2	OFFSET BASEE SET	ĐẾ PHAY	2,422,750
1038	195564-8	GUIDE HOLDER SET	THANH DẪN HƯỚNG	127,875
1039	195584-2	FAST CHARGER DC18RC	SẠC NHANH DC18RC	2,888,875
1040	195611-5	FILTER FOR WATER SET/VC3210L	BỘ LỌC BỤI ƯỚT/VC3210L	922,050
1041	195612-3	POWDER FILTER SET/VC3210L	BỘ LỌC BỤI/VC3210L	627,750
1042	195624-6	CUTTER BLADE 305MM	LƯỠI CẮT CỎ (2 RĂNG) 305MM	345,125
1043	195637-7	HOLDER CUFF SETFRONT CUFF 22 FRO	BỘ ĐẦU GIỮ KHỚP NỐI, VÒNG BÍT TRU	130,950
1044	195638-5	TOOL BAG SET/DSL801	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ/DSL801	1,680,750
1045	195707-2	CULTIVATOR ATTACHMENT 160MM/KR	PHỤ KIỆN XỚI ĐẤT 160MM/KR400MP	8,558,000
1046	195716-1	CULTIVATOR ATTACHMENT 160MM/KR	PHỤ KIỆN XỚI ĐẤT 160MM/KR400MP	8,558,000
1047	195726-8	COFFEE HARVESTER ATTACHMENT/EJ4	PHỤ KIỆN HÁI CÀ PHÊ/EJ400MP	8,530,650
1048	195769-0	SHEAR BLADE COMPLETE SET 520MM	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 520MM	1,244,375
1049	195779-7	HOOK SET/DCO181	MÓC TREO/DCO181	100,375
1050	195798-3	BATTERY PROTECTOR S	ỐP BẢO VỆ PIN	1,166,400

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1051	195854-9	DUST CASE SET/DX01	TÚI ĐỰNG BỤI/DX01	637,200
1052	195855-7	FILTER SET/DX01	BỘ LỌC/DX01	349,650
1053	195866-2	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	2,242,350
1054	196008-1	DRILL CHUCK/DUT131	ĐẦU KHOAN/DUT131	382,050
1055	196074-8	VACUUM ATTACHMENT/HR4511C	PHỤ KIỆN THU BỤI/HR4511C	2,574,450
1056	196094-2	PLUNGE BASE SET	ĐẾ SOI	2,000,625
1057	196125-7	TOOL SET/EBH340U	BỘ DỤNG CỤ/EBH340U	83,875
1058	196152-4	FELT PAD	TẤM ĐỆM NỈ	437,400
1059	196167-1	SHEAR BLADE COMPLETE SET	BỘ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO	1,244,375
1060	196193-0	KEYLESS DRILL CHUCK/M8101B	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/M8101B	421,200
1061	196205-9	SAW CHAIN SET 40 1,3MM/.050"X3/8"/91I	DÂY XÍCH 40 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	357,500
1062	196207-5	SAW CHAIN SET 52 1,3MM/.050"X3/8"/91I	DÂY XÍCH 52 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	385,000
1063	196235-0	BATTERY BL1815N(LI-ION,18V,1.5AH)	PIN BL1815N (LI-ION, 18V,1.5AH)	1,867,250
1064	196252-0	HEPA POWDER FILTER SET/VC3211M	BỘ LỌC BỤI HEPA/VC3211M	398,250
1065	196254-6	DAMPER SET/VC3211M	BỘ GIẢM RUNG/VC3211M	114,750
1066	196264-3	END COVER & BLADE COVER/EN410MP	VỎ BẢO VỆ LƯỠI CẮT CÀNH/EN410MP	218,700
1067	196272-4	ADAPTER A SET/TM3000C	BỘ CHUYỂN ĐỔI LƯỠI/TM3000C	111,375
1068	196280-5	BATTERY BL1415NA(LI-ION,14.4V,1.5AH	PIN BL1415NA(LI-ION,14.4V,1.5AH)	2,800,875
1069	196303-9	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT SET/EI	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN401MP	8,571,750
1070	196306-3	KEYLESS DRILL CHUCK/DDF453	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF453	344,250
1071	196308-9	KEYLESS DRILL CHUCK/DA331D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DA331D	306,450
1072	196309-7	KEYLESS DRILL CHUCK/DDF343	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF343	301,050
1073	196324-1	NYLON HEAD SET (2.4MMX3.6M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.4MMX3.6M	654,750
1074	196326-7	STAND CHAIN VISE AND COVER SET/21	BỘ ĐẾ CƯA VÒNG VÀ VỎ BẢO VỆ/2107F	28,686,625
1075	196351-8	KIT OF HOLDER A 300ML	GIÁ ĐỠ A 300ML	1,036,800
1076	196353-4	PROTECTOR SET	BỘ BẢO VỆ	329,400
1077	196426-3	4 PORT CHARGER DC18SF	SẠC PIN 4 CỔNG DC18SF	6,366,250
1078	196432-8	WATER SUPPLY PIPE SET/M4100B	ỐNG CẤP NƯỚC/M4100B	301,050
1079	196499-6	NOZZLE SET(0.7,0.8)/PM7650H	BÉC PHUN(0.7,0.8)/PM7650H	195,250
1080	196520-1	JOINT (DUST NOZZLE)	ỐNG KẾT NỐI MÁY HÚT BỤI	109,350
1081	196521-9	SAW CHAIN SET 56 1,3MM/.050"X3/8"/91I	DÂY XÍCH 56 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	723,250
1082	196536-6	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	1,684,800
1083	196564-1	KEYLESS DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	392,850
1084	196568-3	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	390,150
1085	196571-4	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	1,020,600
1086	196586-1	HOOK SET/DPB182	MÓC TREO/DPB182	89,375
1087	196613-4	TRIMMER BASE SET/DRT50	ĐẾ TỈA MÉP/DRT50	666,875
1088	196643-5	FLEXIBLE HOSE SET	BỘ ỐNG MỀM CHO MÁY THỔI	317,250
1089	196664-7	BEVEL GUIDE SET	BỘ DẪN GÓC XIÊN	972,125
1090	196684-1	PAD 150 SET (SOFT)/BO6030	MIẾNG ĐỆM/BO6030	1,026,000
1091	196685-9	PAD 150MM SET SUPER HARD/BO6030	BỘ TẤM ĐỆM 150MM SIÊU CỨNG/BO603	993,600
1092	196686-7	PAD 150MM SET SUPER SOFT/BO6030	BỘ TẤM ĐỆM 150MM SIÊU MỀM/BO6030	1,146,150

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1093	196688-3	SHEAR BLADE ASS"Y SET/BUH650	BỘ DAO TỈA HÀNG RÀO/BUH650	2,851,200
1094	196733-4	BAND/PM001G	DÂY ĐEO/PM001G	93,150
1095	196745-7	BLADE SET 203MM/UE001G	LƯỠI CẮT 203MM/UE001G	328,625
1096	196751-2	EDGER ATTACHMENT/EE400MP	PHỤ KIỆN TỈA MÉP/EE400MP	4,334,000
1097	196792-8	SIDE HANDLE 73 SET/DHR400	TAY CẦM/DHR400	654,750
1098	196797-8	SHEAR BLADE/EH6000W	LƯỠI CẮT/EH6000W	1,578,500
1099	196809-7	BCV03/BATTERY CONVERTER SET	BCV03/BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN/BCV03	2,956,250
1100	196817-8	SHOULDER BELT SET(A-60589)	DÂY ĐEO VAI(A-60589)	130,950
1101	196818-6	HARNES/BAP182	VỎ CHỨA PIN/BAP182	939,600
1102	196829-1	BATTERY CHARGER DC1001	SẠC PIN DC1001	411,125
1103	196845-3	DUST COLLECT COVER K SET / GA5021(	TÚI BỤI/GA5021C	2,000,625
1104	196846-1	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 125	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 125MM	2,090,000
1105	196858-4	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/I	TÚI BỤI/HR2512C	2,095,200
1106	196877-0	BATTERY BL1415N(LI-ION,14.4V,1.5AH)	PIN BL1415N(LI-ION,14.4V,1.5AH)	1,958,000
1107	196896-6	ACCESSORY SET 2PCS/SET/EM3400U	CỜ LÊ/EM3400U	111,375
1108	196924-7	GRIP ATTACHMENT SET	BỘ TAY CẦM	1,777,875
1109	196933-6	2 PORT FAST CHARGER DC18RD	SẠC NHANH 2 CỔNG DC18RD	4,444,000
1110	196943-3	BASE COVER SET/DCC500	BẢO VỆ ĐẾ/DCC500	109,350
1111	196952-2	JOINT DUST NOZZLE/DHS680	ỐNG NỐI /DHS680	44,550
1112	196953-0	GUIDE RAIL ADAPTER/DHS680	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHOTHA	895,125
1113	196961-1	DUST NOZZLE SET/DHS680	BỘ KHỚP NỐI/DHS680	33,750
1114	197024-6	LOCATOR LONG	CỮ DÀI	195,250
1115	197025-4	LOCATOR SHORT	CỮ NGẮN	195,250
1116	197027-0	LOCATOR 3/8" SET/FS2500	ĐẦU ĐIỀU CHỈNH MŨI VÍT3/8"/FS2500	94,875
1117	197043-2	TOOL CATCHER	MÓC TREO	995,500
1118	197148-8	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT/HM1	PHỤ TÙNG KHỬ BỤI/HM1812	1,707,750
1119	197166-6	Powder Filter H Set /VC860D	BỘ LỌC BỤI/VC860D	1,382,400
1120	197168-2	VACUUM ATTACHMENT SET/HM1306	ĐẦU NỐI MÁY HÚT BỤI/HM1306	1,200,150
1121	197195-9	HOLDER C SET FOR CAULKING GUN 80(	BỘ ỐNG ĐỠ SILICON C 800ML	1,790,100
1122	197200-2	TOOL KIT/EK8100	BỘ DỤNG CỤ/EK8100	110,000
1123	197221-4	JOINT (DUST NOZZLE)/HS7600	ĐẦU NỐI HÚT BỤI/HS7600	93,150
1124	197224-8	WIDE HOOK SET/DHR182	MÓC TREO/DHR182	59,125
1125	197243-4	BAND ASSEMBLY SET/PDC01	DÂY ĐEO VAI/PDC01	178,200
1126	197252-3	GUIDE RAIL ADAPTER/DHS710	BỘ CHUYỂN ĐỔI THANH DẪN HƯỚNG/I	1,777,875
1127	197254-9	BATTERY BL1820B(LI-ION, 18V, 2.0AH)	PIN BL1820B(LI-ION, 18V, 2.0AH)	2,200,000
1128	197280-8	BATTERY BL1850B(LI-ION, 18V, 5.0AH)	PIN BL1850B(LI-ION, 18V, 5.0AH)	3,444,375
1129	197294-7	PROTECTION GUARD FOR BRUSH CUTT	BẢO VỆ LƯỠI DÙNG CHO MÁY CẮT CỎ	523,800
1130	197296-3	STRING TRIMMER HEAD/DUR365	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC/DUR365	480,600
1131	197297-1	STRING TRIMMER HEAD (2.0MMX3M)/D	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.0MMX3M)/	550,800
1132	197323-6	HOSE STAND	GIÁ ĐỠ ỐNG HÚT BỤI	4,538,875
1133	197324-4	TOOL KIT/EA4301F	BỘ DỤNG CỤ/EA4301F	159,500
1134	197343-0	CHARGER DC10WD	SẠC PIN DC10WD	1,401,125

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1135	197363-4	FAST CHARGER DC10SB	SẠC NHANH DC10SB	1,755,875
1136	197367-6	SHEAR BLADE L SET(STANDARD)	LƯỠI CẮT CÀNH L(TIÊU CHUẨN)	1,511,125
1137	197393-5	BATTERY BL1016(LI-ION,12V MAX,1.5A	PIN BL1016(LI-ION,12V MAX, 1.5AH)	1,067,000
1138	197396-9	BATTERY BL1021B(LI-ION,12V MAX, 2.0	PIN BL1021B(LI-ION,12V MAX, 2.0AH)	1,311,750
1139	197406-2	BATTERY BL1041B(LI-ION,12V MAX, 4.0	PIN BL1041B(LI-ION,12V MAX, 4.0AH)	1,823,250
1140	197422-4	BATTERY BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0 AH)	PIN BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0AH)	4,010,875
1141	197439-7	GREASE VESSEL SET 80ML	MỠ BÒ 80ML	233,750
1142	197462-2	GUIDE RALL ADAPTER/HS6600	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHOTHA	567,875
1143	197538-5	RING SET(RING+BRACKET)/DTW1001	BỘ VÒNG TREO MÁY (VÒNG TREO VÀ (	301,125
1144	197581-4	BATTERY ADAPTER SET/BAP182	BỘ PHỤ KIỆN KẾT NỐI PIN VỚI MÁY/BA	4,533,375
1145	197588-0	SHEAR BLADE U (STANDARD)/DUP361	LƯỠI CẮT CÀNH U (TIÊU CHUẨN)/DUP3	1,622,500
1146	197599-5	BATTERY BL1830B (LI-ION, 18V, 3.0 AH)	PIN BL1830B (LI-ION, 18V,3.0AH)	2,267,375
1147	197615-3	BATTERY BL1430B SET(LI-ION,14.4V,3.0	PIN BL1430B(LI-ION,14.4V, 3.0AH)	2,800,875
1148	197624-2	POWER SOURCE KIT MKP1RT182(BL185	BỘ PIN SẠC MKP1RT182(BL1850B*2/DC1	9,066,750
1149	197629-2	POWER SOURCE KIT MKP3PT182(BL185(	BỘ PIN SẠC MKP3PT182(BL1850B*2/DC1	9,086,000
1150	197709-4	BATTERY BL1460B SET(LI-ION,14.4V, 6.(	PIN BL1460B(LI-ION,14.4V, 6.0AH)	4,323,000
1151	197723-0	LONG PIPE 90 SET/EB7660TH	ỐNG THỔI 90/EB7660TH	302,400
1152	197742-6	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT/EN410	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN410MP	4,389,000
1153	197749-2	SHEAR BLADE L SET/DUP361	LƯỠI CẮT CÀNH/DUP361	1,556,500
1154	197768-8	SHEAR BLADE ASEMBLY SET ME/EN41(	LƯỠI CẮT/EN410MP	1,567,500
1155	197810-5	CONNECTOR SET/HW1300	ĐẦU NỐI/HW1300	197,100
1156	197822-8	VARIABLE NOZZLE ASSY	ĐẦU XỊT RỬA	306,450
1157	197824-4	CYCLONE JET NOZZLE SET	ĐẦU XỊT DẠNG XOÁY	328,050
1158	197828-6	WASH BRUSH ASSY	ĐẦU XỊT DẠNG BÀN CHẢI	234,900
1159	197831-7	ROTATION BRUSH ASSY	BÀN CHẢI XOAY	453,600
1160	197837-5	PIPE CLEANING HOSE ASSY 10M	VÒI XỊT LÀM SẠCH ỐNG 10M	824,850
1161	197840-6	PIPE CLEANING HOSE ASSY 15M	VÒI XỊT LÀM SẠCH ỐNG 15M	1,004,400
1162	197842-2	TRIGGER GUN SET	SÚNG XỊT RỬA	448,200
1163	197845-6	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 5M	DÂY ÁP SUẤT CAO 5M	715,500
1164	197847-2	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 8M	DÂY ÁP SUẤT CAO 8M	954,450
1165	197850-3	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 10M	DÂY ÁP SUẤT CAO 10M	1,113,750
1166	197853-7	ACCESSORY JOINT ASSY	ĐẦU NỐI	175,500
1167	197859-5	UNDER BODY SPRAY LANCE SET/DHW(	ĐẦU XỊT GÓC/DHW080	805,750
1168	197864-2	CYCLONE GUARD SET	BÀN CHẢI XOAY	568,350
1169	197867-6	TWIST PREVENTION JOINT SET	ĐẦU NỐI CHỐNG XOẮN/HW1200	504,900
1170	197870-7	EXTENDED HOSE ASSY	ĐẦU NỐI DÀI	1,222,375
1171	197873-1	SELF-SUCTION HOSE ASSY	ỐNG HÚT NƯỚC	895,050
1172	197876-5	VARIOSPRAY LANCE SET	ĐẦU XỊT RỬA	529,200
1173	197879-9	CLEANER PIN ASSY	PHỤ KIỆN VỆ SINH	67,375
1174	197881-2	ABSORPTION CONNECTER ASSY	ĐẦU NỐI	121,500
1175	197883-8	ONE TOUCH JOINT ASSY	ĐẦU NỐI NHANH	109,350
1176	197886-2	FOAM NOZZLE ASSY	BÌNH CHỨA XÀ PHÒNG	491,400

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1177	197888-8	EXTENSION NOZZLE SET/DUB184	ĐẦU THỔI MỞ RỘNG/UB001G	153,900
1178	197889-6	FLAT NOZZLE SET/DUB362	ĐẦU THỔI DẸP/UB001G	130,950
1179	197899-3	DUST BAG ASSEMBLY/DVC261/265	TÚI CHỨA BỤI VẢI/DVC261/265	518,400
1180	197900-4	NOZZLE SET	VÒI HÚT BỤI	118,800
1181	197901-2	NOZZLE SET	VÒI HÚT BỤI	143,100
1182	197903-8	FILTER BAG SET/DVC261/265	TÚI CHỨA BỤI GIẤY/DVC261/265	387,450
1183	197920-8	WOOL PAD 125 SET	MŨ ĐÁNH BÓNG	371,250
1184	197935-5	CONNECTOR SET/HW1200	ĐẦU NỐI/HW1200	240,300
1185	197940-2	TOOL HANGER SET(WITH OUT SHOULD	BỘ MÓC TREO (KẾT HỢP VỚI DÂY ĐEO	195,250
1186	197941-0	TOOL CATCHER SET/DTW300	DÂY ĐEO KÈM MÓC TREO/DTW300	356,125
1187	197952-5	POWER SOURCE KIT/MKP1RF182(BL183	BỘ PIN SẠC/MKP1RF182(BL1830B*2/DC1	7,060,625
1188	197993-1	STRING TRIMMER HEAD(2.4MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(2.4MM*3M)	392,850
1189	198000-3	BATTERY BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	PIN BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	1,167,375
1190	198043-5	SIDE GRIP/DPO500	TAY CẦM/DPO500	207,900
1191	198044-3	GRIP 36 SET	TAY CẦM	213,300
1192	198051-6	DRILL CHUCK 13 SET	ĐẦU KHOAN S13	109,350
1193	198061-3	GROUNDTRIMMER ATTACHMENT/EN42	PHỤ KIỆN TỈA CÀNH THẤP/EN420MP	7,400,250
1194	198116-4	POWER SOURCE KIT/MKP1RG182(BL186	BỘ PIN SẠC/MKP1RG182(BL1860B*2/DC1	10,027,875
1195	198149-9	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(IVORY)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THẢM (MÀU N	388,800
1196	198150-4	NOZZLE ASSY SET (IVORY)	ĐẦU HÚT BỤI (MÀU NGÀ)	388,800
1197	198170-8	BATTERY TIMER/BPS01	BỘ HẸN GIỜ CHO PIN /BPS01	3,383,875
1198	198186-3	BATTERY BL1815G(LI-ION, 18V, 1.5AH)	PIN BL1815G(LI-ION, 18V, 1.5AH)	1,666,500
1199	198192-8	BATTERY BL1415G(LI-ION, 14.4V, 1.5AH	PIN 14V BL1415G(LI-ION, 14.4V, 1.5AH)	1,289,750
1200	198195-2	SHEAR BLADE/EN420MP	LƯỠI CẮT/EN420MP	1,100,000
1201	198225-9	NOZZLE 0.7 SET/PM7650H	BÉC PHUN 0.7/PM7650H	102,600
1202	198249-5	DEFLECTOR SET MG/PM001G	NẮP CHỤP ĐẦU PHUN/PM001G	213,300
1203	198259-2	DRIVE SPROCKET TYPE 1/4”	NHÔNG XÍCH LOẠI 1/4"	87,750
1204	198266-5	CUTTER ASSY 110-M10L (2.4MMX6M)/5I	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.4MMX6M)/	758,700
1205	198362-9	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	272,700
1206	198363-7	ADP07 AC ADAPTER SET/DF001D	ADP07 CỤC SẠC PIN/DF001D	233,750
1207	198379-2	DUST COLLEC COVER K SET C/GA9020	NẮP CHỨA BUI/GA9020	2,772,000
1208	198380-7	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOI	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 230MM	3,168,000
1209	198383-1	PLASTIC BLADE 255MM	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 255MM	584,550
1210	198385-7	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(2.0MM*3M)	432,000
1211	198401-5	CHIP RECEIVER ASSEMBLY	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ	159,300
1212	198408-1	SHEAR BLADE 200MM/UH201D	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 200MM/UH201D	555,500
1213	198412-0	GRASS RECEIVER 160 SET/UH201D	BỘ BẢO VỆ LƯỠI/UH201D	284,850
1214	198413-8	DUST COLLECTING WHEELCOVER 100C	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO ĐÁ CẮT KI	372,625
1215	198414-6	DUST COLLECTING WHEELCOVER 100C	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	339,625
1216	198415-4	DUST COLLECTING WHEELCOVER 125C	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,556,500
1217	198416-2	DUST COLLECTING WHEELCOVER 125C	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,556,500
1218	198426-9	REPLACEMENT PLASTIC BLADE 255MM	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 255MM LOẠI RỜI(1	251,100

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1219	198440-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 230	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 230MM/GA038G	3,966,875
1220	198444-7	CHARGER DC18RE	SẠC DC18RE	3,146,000
1221	198486-1	LONG HANDLE ATTACHMENT SET/UM6	PHỤ KIỆN TAY CẦM NỐI DÀI/UM600D	1,518,000
1222	198514-2	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOI	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 180MM	4,083,750
1223	198525-7	NOZZLE ASSY SET FOR RUG AND CARP	ĐẦU HÚT BỤI CHO THẢM (MÀU TRẮNG	388,800
1224	198527-3	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(BLUE)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THẢM (MÀU X	388,800
1225	198528-1	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(WHITE)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THẢM (MÀU T	392,850
1226	198529-9	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(BLACK)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THẢM (MÀU Đ	392,850
1227	198532-0	NOZZLE FOR FLOORING AND CARPET(V	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THẢM(MÀU	654,750
1228	198533-8	F/C SWITCHING T-NOZZLE 38MM	ĐẦU HUT BỤI CHO SÀN VÀ THẢM CÓ C	772,200
1229	198534-6	SHELF BRUSH BLUE	ĐẦU HÚT BÀN CHẢI DẸP MÀU XANH	156,600
1230	198535-4	SHELF BRUSH RED	ĐẦU HÚT BÀN CHẢI DẸP MÀU ĐỎ	156,600
1231	198537-0	SHELF BRUSH/IVORY	CHỔI HÚT BỤI DÙNG CHO KỆ/MÀU NGÀ	156,600
1232	198538-8	SHELF BRUSH(BLUE)	CHỔI DỌN KỆ (MÀU XANH)	156,600
1233	198540-1	SHELF BRUSH(BLACK)	CHỔI DỌN KỆ (MÀU ĐEN)	159,300
1234	198544-3	FLEXIBLE HOSE(IVORY)	ỐNG MỀM(MÀU NGÀ)	221,400
1235	198545-1	FLEXIBLE HOSE(BLUE)	ỐNG MỀM (MÀU XANH)	243,000
1236	198547-7	FLEXIBLE HOSE(BLACK)	ỐNG MỀM (MÀU ĐEN)	245,700
1237	198548-5	ROUND BRUSH IVORY	BÀN CHẢI TRÒN MÀU NGÀ	145,800
1238	198550-8	ROUND BRUSH RED/CL104D	BÀN CHẢI TRÒN MÀU ĐỎ	145,800
1239	198552-4	ROUND BRUSH(IVORY)	CHỔI TRÒN (MÀU NGÀ)	162,000
1240	198553-2	ROUND BRUSH(BLUE)	CHỔI TRÒN (MÀU XANH)	162,000
1241	198555-8	ROUND BRUSH(BLACK)	CHỔI TRÒN (MÀU ĐEN)	164,700
1242	198560-5	PLASTIC TELESCOPIC PIPE 28	ỐNG NỐI BẰNG NHỰA 28	529,200
1243	198570-2	GUIDE RALL ADAPTER/HS0600	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHO THÁ	4,756,125
1244	198589-1	TOOL BAG SET	TÚI ĐỰNG MÁY/CP100	643,950
1245	198604-1	MULTI CUTTER BLADE SET/CP110D	LƯỠI CẮT ĐA NĂNG/CP100D	173,250
1246	198641-5	FILTER SET(FRAME 2PCS/FILTER 20PCS	BỘ LỌC (KHUNG 2PCS/BỘ LỌC 20PCS)	540,000
1247	198642-3	FILTER SET(FRAME 2PCS/FILTER 20PCS	BỘ LỌC (KHUNG 2PCS/BỘ LỌC 20PCS)	540,000
1248	198643-1	FILTER(20 PCS)/FJ206D	BỘ LỌC(20 CÁI)/FJ206D	372,600
1249	198644-9	FILTER(20 PCS)/FJ206D	BỘ LỌC/FJ206D	388,800
1250	198673-2	GUIDE RALL ADAPTER SET	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHOTHA	511,500
1251	198687-1	STAND SET	BỘ ĐẾ SET	11,584,350
1252	198688-9	STAND SET	GIÁ ĐỨNG	3,142,800
1253	198692-8	TOOL KIT/EK6101	BỘ DỤNG CỤ/EK6101	121,000
1254	198704-7	GUIDE RAIL ADAPTER SET/DJV184	BỘ ĐIỀU CHỈNH THANH RAY/DJV184	628,375
1255	198730-6	MAKPAC ADAPTER SET(CONNECTING M	PHỤ KIỆN LIÊN KẾT MÁY HÚT BỤI VÀ T	1,382,400
1256	198731-4	BATTERY HOLDER 12V MAX	BỘ GIỮ PIN 12V MAX	946,000
1257	198732-2	BATTERY HOLDER 18V	BỘ GIỮ PIN 18V	990,000
1258	198744-5	PRE FILTER ANTI-BACTERIAL TYPE 10 I	TÚI BỤI GIẤY LOẠI KHÁNG KHUẨN(10C	175,500
1259	198745-3	PRE FILTER ANTI-BACTERIAL TYPE 5PC	TÚI BỤI GIẤY LOẠI KHÁNG KHUẨN (5 C	87,750
1260	198747-9	DUST BAG	TÚI BỤI VẢI	87,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1261	198749-5	EASY SHAKE OFF DUST BAG	TÚI BỤI VẢI CAO CẤP	159,300
1262	198750-0	PRE FILTER SET	BỘ LỌC TRƯỚC	91,800
1263	198751-8	PRE FILTER	BỘ LỌC TRƯỚC	103,950
1264	198752-6	HIGH PERFORMANCE FILTER	BỘ LỌC CAO CẤP	167,400
1265	198757-6	HOSE COMPLETE 38-1.5M SET	ỐNG HÚT BỤI 38MM X 1.5M	1,483,650
1266	198848-3	PLASTIC BLADE 230MM SET/UR100D	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 230MM/UR100D	480,600
1267	198850-6	PLASTIC BLADE 230MM SPARE SET/UR	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 230MM LOẠI RỜI/U	151,200
1268	198853-0	CUTTER ASSEMBLY SET/UR100D	ĐẦU LƯỠI CẮT CỎ/UR100D	484,000
1269	198854-8	STRING TRIMMER HEAD(1.65MM*8M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(1.65MM*8M)	589,950
1270	198868-7	FLEXIBLE HOSE(WHITE)	ỐNG MỀM (MÀU TRẮNG)	245,700
1271	198873-4	SHELF BRUSH(WHITE)	CHỔI DỌN KỆ (MÀU TRẮNG)	159,300
1272	198878-4	ROUND BRUSH(WHITE)	CHỔI TRÒN (MÀU TRẮNG)	164,700
1273	198885-7	CONECT ADAPTER	KẾT NỐI THANH DẪN HƯỚNG	573,375
1274	198889-9	PROTECTION GUARD WITH PROTECTOI	BẢO VỆ LƯỠI VỚI ĐẦU MỞ RỘNG/DUR3	432,000
1275	198893-8	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(2.0MM*3M)	415,800
1276	198909-9	UNDER BODY SPRAY LANCE SET/HW12	ĐẦU XỊT GÓC/HW1200,HW1300	747,900
1277	198915-4	FILTER 10PCS PKG	BỘ LỌC (10 CÁI/BỘ)	180,900
1278	198918-8	CORNER NOZZLE 300-28(WHITE)	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU TRẮNG)	91,800
1279	198919-6	LONG SASH NOZZLE SET 300-28 WHI	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU TRẮNG)	98,550
1280	198971-4	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(2.0MM*3M)	459,000
1281	198975-6	SPONGE SET FOR MAKPAC	MIẾNG LÓT THÙNG MAKPAC	159,300
1282	198982-9	DUST CASE SET/HR2650	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI/HR2650	699,600
1283	198987-9	TILT BASE SET	ĐẾ NGHIÊNG	816,750
1284	198989-5	CORNER NOZZLE 300-28(BLUE)	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU XANH)	91,800
1285	198990-0	CORNER NOZZLE 330(BLUE)	ĐẦU HÚT KHE 330 (MÀU XANH)	97,200
1286	198992-6	CORNER NOZZLE 330(BLACK)	ĐẦU HÚT KHE 300 (MÀU ĐEN)	98,550
1287	198993-4	GREASE VESSEL SET	MỠ BÔI TRƠN	217,250
1288	199006-4	USB CABLE SET/SK312GD	CÁP USB/SK312GD	302,500
1289	199007-2	HAND STRAP SET/SK312GD	DÂY ĐEO/SK312GD	48,600
1290	199008-0	BUCKET SET/DCU180	THÙNG CHỨA/DCU180	4,194,450
1291	199009-8	CARRIER SET/DCU180	THÙNG ĐỂ HÀNG DẠNG KHUNG/DCU18	5,511,000
1292	199013-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/I	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI KHOAN/DRH40(	2,052,000
1293	199016-1	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/I	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI ĐỤC LOẠI DẸT/	368,500
1294	199018-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/I	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI ĐỤC LOẠI TRÒI	1,094,500
1295	199038-1	SEAT NOZZLE 28 FOR CAR SEAT(WHITE	ĐẦU HÚT BỤI 28 CHO GHẾ NGỒI XE HƠ	197,100
1296	199039-9	SEAT NOZZLE 28 FOR CAR SEAT(BLACK	ĐẦU HÚT BỤI CHO GHẾ NGỒI XE HƠI 28	197,100
1297	199041-2	SEAT NOZZLE 28(BLUE)	ĐẦU HÚT BỤI 28 CHO GHẾ NGỒI XE HƠ	194,400
1298	199063-2	DRIVE SPROCKET 3/8"LP	NHÔNG XÍCH 3/8"LP	71,550
1299	199069-0	SHOULDER STRAP/DSC102/SC103D	DÂY ĐEO VAI/DSC102/SC103D	360,450
1300	199083-6	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M	LƯỠI CẮT SẮT REN M10/DSC102	1,733,875
1301	199084-4	CUTTER BLADE SET M8/DSC102	LƯỠI CẮT SẮT REN M8/DSC102	1,672,000
1302	199085-2	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M	LƯỠI CẮT SẮT REN M8/DSC102	1,733,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1303	199086-0	CUTTER BLADE SET M6/DSC102	LƯỠI CẮT SẮT REN M6/DSC102	1,760,000
1304	199087-8	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M	LƯỠI CẮT SẮT REN M6/DSC102	1,733,875
1305	199089-4	TRIMMER BASE ASSEMBLY CLEAR	ĐẾ SOI	544,500
1306	199137-9	TIE WIRE SET 50PCS/SET	DÂY BUỘC BẰNG KIM LOẠI MỀM 50 CU	5,260,750
1307	199140-0	GUIDE RAIL 1000	THANH RAY 1000	1,094,500
1308	199141-8	GUIDE RAIL 1500	THANH RAY 1500	1,467,125
1309	199142-6	VACUUM ATTACHMENT/DHR400	PHỤ KIỆN THU BỤI/DHR400	2,073,600
1310	199143-4	VACUUM ATTACHMENT WITHOUT VAC	PHỤ KIỆN THU BỤI KHÔNG CÓ ỐNG HÚ	459,000
1311	199144-2	VACUUM ATTACHMENT/DHR400	BỘ HÚT BỤI DÀNH CHO MÁY ĐỤC/DHR	1,156,950
1312	199151-5	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ	572,400
1313	199154-9	KEYLESS DRILL CHUCK/DHP485	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DHP485	379,350
1314	199155-7	BIT 2-130 SET 1SET=5PCS/FS6300	BỘ MŨI VÍT 2-130(5PCS/SET)/FS6300	928,125
1315	199168-8	SHEAR BLADE U SET(FOR HARD BRANC	LƯỠI CẮT CÀNH U(CÀNH CỨNG)	2,134,000
1316	199169-6	SHEAR BLADE L SET(FOR HARD BRANC	LƯỠI CẮT CÀNH L(CÀNH CỨNG)	2,689,500
1317	199171-9	SHEAR BLADE L SET(FOR THIN BRANC	LƯỠI CẮT CÀNH L(CÀNH MỀM)	2,645,500
1318	199176-9	LOOP HANDLE SET/GA7070	TAY CẦM CONG/GA7070	595,375
1319	199178-5	USB CABLE SET/SK105	DÂY SẠC/SK105	291,500
1320	199185-8	CULTIVATOR ATTACHMENT 220MM/KR	PHỤ KIỆN XỚI ĐẤT 220MM/KR401MP	7,999,750
1321	199204-0	ROTOR LR SET/KR401MP	CỤM LƯỠI XỚI ĐẤT/KR401MP	2,211,000
1322	199231-7	HOOK SET	BỘ MÓC TREO	167,750
1323	199232-5	GUIDE RAIL ADAPTER I SET/DHS660	BỘ CHUYỂN ĐỔI RAY DẪN HƯỚNG/DHS	1,072,500
1324	199294-3	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 100	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 100MM	1,377,750
1325	199295-1	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO ĐÁ CẮT KI	1,333,750
1326	199296-9	TOOL HANGER/DCS553	MÓC TREO/DCS553	310,750
1327	199311-9	BRANCH CATHER SET/DUP361	BỘ GIỮ CÀNH/DUP361	5,644,375
1328	199314-3	SHEAR BLADE U SET(FOR THIN BRANC	LƯỠI CẮT CÀNH U(CÀNH MỀM)	2,245,375
1329	199323-2	POWER BRUSH ATTACHMENT/BR400MP	PHỤ KIỆN CHỔI QUÉT/BR400MP	13,379,850
1330	199344-4	SWEEPER ATTACHMENT/SW400MP	PHỤ KIỆN CHỔI QUÉT NƯỚC/SW400MP	13,450,050
1331	199367-2	BLADE 460 SET	BỘ LƯỠI CẮT CỎ 460	306,625
1332	199378-7	BAND ASSEMBLY SET/DUR369A	BỘ DÂY ĐEO CHO MÁY CẮT CỎ/DUR369	1,394,550
1333	199386-8	HOOK SET/HS780D	BỘ MÓC TREO/HS780D	397,375
1334	199388-4	HOSE 38MM WITH FRONT SLEEVE 1.5M	ỐNG MỀM 38MM VỚI KHỚP NỐI TRƯỚC	1,593,000
1335	199393-1	WIRELESS UNIT SET/WUT01	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY/WUT01	1,644,500
1336	199424-6	WOOL PAD 150MM	TẤM ĐỆM ĐÁNH BÓNG 150MM	638,550
1337	199428-8	TOOL CATCHER SET/DHP485	MÓC TREO BẰNG THÉP/DHP485	1,445,125
1338	199431-9	F/C SWITCHING T-NOZZLE 28 BLU	ĐẦU HÚT T 28 CHUYỂN ĐỔI SÀN/THẢM	712,800
1339	199439-3	LONG NOZZLE 415	ỐNG DÀI 415	98,550
1340	199443-2	CUTTER BLADE 5/16 SET/DSC102	LƯỠI CẮT SẮT REN W5/16/DSC102	1,839,200
1341	199450-5	GREASE VESSEL SET 80ML	MỠ BÒ 80ML	306,625
1342	199453-9	HOSE 32MM WITH FRONT SLEEVE 1.0M	ỐNG HÚT BỤI 32MM 1.0M	464,400
1343	199454-7	NOZZLE ASSEMBLY FLAT TYPE 28MM	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG DẸP 28MM	791,100
1344	199455-5	NOZZLE ASSEMBLY SET 38MM	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG DẸP 38MM	791,100

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1345	199486-4	SHOULDER BELT/DVC750L	DÂY ĐEO VAI/DVC750L	159,300
1346	199491-1	CYCLONE ATTACHMENT SET(WHITE)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI MÀU	785,700
1347	199493-7	HOSE COMPLETE 32-1.7M	ỐNG NỐI HÚT BỤI 32-1.7M	513,000
1348	199514-5	DUST COVER ATTACHMENT SET	BỘ CHẮN BỤI CHO MÁY MÀI	654,750
1349	199542-0	MULTI TOOL STARLOCK BLADES SET V	BỘ LƯỠI ĐA NĂNG STARLOCK (KÈM H	2,017,125
1350	199555-1	DUST CASE SET	HỘP LỌC BỤI	984,500
1351	199557-7	FILTER SET	TÚI LỌC BỤI	251,100
1352	199561-6	DX06 DUST COLLECTION SYSTEM /DHR	DX06 HỆ THỐNG LỌC BỤI /DHR242	2,866,875
1353	199579-7	DX08 DUST COLLECTION SYSTEM SET /	DX08 HỆ THỐNG HÚT BỤI /DHR280/DHR	3,389,375
1354	199586-0	DUST CASE SET/HR2653	HỘP LỌC BỤI/HR2653	1,069,200
1355	199593-3	TOOL CATCHER SET/DHR182	MÓC TREO BẰNG THÉP/DHR182	628,375
1356	199595-9	DUST CASE SET/DX05	HỘP LỌC BỤI/DX05	1,001,000
1357	199596-7	FILTER SET/DX05	BỘ LỌC BỤI/DX05	175,500
1358	199600-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY 750S SET	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 750S	1,914,000
1359	199618-3	DUST ATTACHMENT SET	ỐNG NỐI DẸP NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI	195,250
1360	199624-8	DUST ATTACHMENT SET/ TM3010C	ỐNG NỐI DẸP NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/TM	207,625
1361	199627-2	DUST ATTACHMENT SET /DTM51	ỐNG NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/DTM51	264,600
1362	199630-3	DUST ATTACHMENT SET /TM30D	ỐNG NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/TM30D	275,000
1363	199652-3	TIPPED SAW BLADE 255 SET (250MMX3(	LƯỠI CẮT CỎ TCT (250MMX36T)	621,500
1364	199658-1	DX05 DUST COLLECTION SYSTEM SET /	DX05 HỆ THỐNG LỌC BỤI /DHR182	1,995,125
1365	199687-4	TWO PORT MULTI CHARGER/DC18SH	SẠC PIN 2 CỔNG/DC18SH	3,422,375
1366	199710-5	CUTTING WHEEL COVER ATTACHMENT	CHỤP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT 125MM	244,750
1367	199725-2	ACCESSORY SET FOR 6.0/DRV250	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 6.0/D	666,875
1368	199728-6	ACCESSORY SET FOR 3.2/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 3.2/D	811,250
1369	199729-4	ACCESSORY SET FOR 2.4/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 2.4/D	851,125
1370	199730-9	ACCESSORY SET/DRV250	ĐẦU RÚT/DRV250	550,000
1371	199731-7	ACCESSORY SET/DRV250	ĐẦU RÚT/DRV250	467,500
1372	199810-1	WIRLESS UNIT ADAPTOR SET/WUT02	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY/WUT02	2,024,000
1373	199818-5	WIRLESS UNIT ADAPTOR SET/WUT02	BỘ CHUYỂN ĐỔI THU VÀ PHÁT KHÔNG	6,278,250
1374	199822-4	WIRLESS UNIT ADAPTOR SET	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY	6,666,000
1375	199826-6	RATCHET CLAMP COMPLETE(QUICK TY	BỘ KẸP TỰ ĐỘNG(LOẠI NHANH)	2,509,650
1376	199827-4	PRE FILTER AND DAMPER SET/DVC750I	BỘ LỌC TRƯỚC VÀ BỘ GIẢM SÓC/DVC7	328,050
1377	199843-6	ALUMINUM STRAIGHT PIPE 32	ỐNG HÚT BỤI 32 BẰNG NHÔM	222,750
1378	199844-4	ALUMINUM JOINT PIPE (L=465MM)	ỐNG NỐI HÚT BỤI BẰNG NHÔM (L=465M	200,750
1379	199868-0	PLASTIC BLADE 305 SET	LƯỠI CẮT NHỰA 305	916,650
1380	199870-3	PLASTIC BLADE 305 BLADE SET	LƯỠI CẮT NHỰA 305	693,900
1381	199872-9	CHISEL BLADE 255MM/UR012G	LƯỠI CẮT PHÁ DẠNG TRÒN 225MM/UR(	606,375
1382	199873-7	PROTECTOR 225 SET MG/UR640AD	TẤM CHẮN BẢO VỆ 255/UR640AD	660,150
1383	199874-5	SHREDDER BLADE 270MM/UR012G	LƯỠI CẮT PHÁ DẠNG NGHIỀN 270MM/U	917,125
1384	199875-3	PROTECTOR SET MG/UR640AD	TẤM CHẮN BẢO VỆ/UR640AD	555,500
1385	199884-2	TRIMMER HEAD 105-M10L SET MG/UR0	BỘ ĐẦU CẮT CỎ 105-M10L MG/UR012G	681,750
1386	199895-7	DUST ATTACHMENT SET/MT980	PHỤ KIỆN HÚT BỤI/MT980	654,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1387	199900-0	TOOL BAG/CL121D/DCL184(490*210*230	TÚI ĐỰNG MÁY/CL121D/DCL184Z(490*2	769,500
1388	199901-8	TOOL BAG SET/FOR CLEANER(600*210*	TÚI ĐỰNG MÁY/MÁY HÚT BỤI(600*210*	796,500
1389	199911-5	PLANER BLADE 306/2012NB	BỘ LƯỠI BÀO 306 (2 LƯỠI/ 1 BỘ)/2012NB	2,178,000
1390	199917-3	POLE SAW ATTACHMENT SET	PHỤ KIỆN CƯA CÀNH	5,478,000
1391	199925-4	POLE SAW ATTACHMENT SET/91VXL/E	PHỤ KIỆN CƯA CÀNH TRÊN CAO/91VXL	7,524,000
1392	199937-7	EXTENSION HANDLE SET/DSL800	TAY CẦM MỞ RỘNG/DSL800	4,691,250
1393	199938-5	PAD 220 SET/DSL800	BỘ ĐẾ 220/DSL800	1,578,500
1394	199939-3	PAD 210 SET/DSL800	BỘ ĐẾ 210/DSL800	1,445,125
1395	199940-8	PAD 210 SET/DSL800	BỘ ĐẾ 210/DSL800	1,644,500
1396	199966-0	HIGH PERFORMANCE FILTER SET/DCL2	TÚI LỌC BỤI CAO CẤP/DCL280F	159,300
1397	199971-7	HOLDER SET/DCL280F	GIÁ ĐỠ/DCL280F	143,100
1398	199989-8	HEPA FILTER SET/DCL280F	MÀNG LỌC BỤI HEPA/DCL280F	153,900
1399	19L	CUTTER HSS(LONG)19X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)19X55MM	840,125
1400	19S	CUTTER HSS(SHORT)19X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)19X35MM	528,000
1401	20L	CUTTER HSS(LONG)20X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)20X55MM	885,500
1402	20S	CUTTER HSS(SHORT)20X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)20X35MM	616,000
1403	21L	CUTTER HSS(LONG)21X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)21X55MM	913,000
1404	21S	CUTTER HSS(SHORT)21X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)21X35MM	613,250
1405	224019-7	OUTER FLANGE 50/GS5000	MẶT BÍCH NGOÀI 50/GS5000	233,750
1406	224053-7	OUTER FLANGE 65/5103N	MẶT BÍCH NGOÀI 65/5103N	148,500
1407	224080-4	INNER FLANGE 36/4100NB	MẶT BÍCH TRONG/4100NB	23,375
1408	224081-2	OUTER FLANGE 36/4100NB	MẶT BÍCH NGOÀI/4100NB	23,375
1409	224177-9	OUTER FLANGE 28/CC300D	MẶT BÍCH NGOÀI 28/CC300D	17,875
1410	224180-0	INNER FLANGE 45/5806B	MẶT BÍCH TRONG/5806B	56,375
1411	224181-8	INNER FLANGE 65/5103N	MẶT BÍCH TRONG 65/5103N	154,000
1412	224184-2	INNER FLANGE 100/4112HS	MẶT BÍCH TRONG 100/4112HS	301,125
1413	224200-0	INNER FLANGE 55/4107R	MẶT BÍCH TRONG 55/4107R	178,750
1414	224208-4	OUTER FLANGE 140/2416S	MẶT BÍCH NGOÀI 140/2416S	478,500
1415	224209-2	INNER FLANGE 140/2416S	MẶT BÍCH TRONG 140/2416S	495,000
1416	224257-1	INNER FLANGE 78	MẶT BÍCH TRONG/	173,250
1417	224270-9	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG 30	64,625
1418	224275-9	OUTER FLANGE 40/LS002G	MẶT BÍCH NGOÀI 40/LS002G	50,875
1419	224280-6	INNER FLANGE 40/PJ7000	MẶT BÍCH TRONG/PJ7000	88,000
1420	224286-4	OUTER FLANGE 55/4107R	MẶT BÍCH NGOÀI 55/4107R	111,375
1421	224299-5	FLANGE 90/MT243	MẶT BÍCH TRONG/MT243	61,875
1422	224301-4	OUTER FLANGE 42/N5900B	MẶT BÍCH NGOÀI/N5900B	50,875
1423	224303-0	INNER FLANGE 42/N5900B	MẶT BÍCH TRONG/N5900B	67,375
1424	224308-0	INNER FLANGE 69/LC1230	MẶT BÍCH TRONG/LC1230	350,625
1425	224314-5	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG	34,375
1426	224325-0	OUTER FLANGE 45/HS0600	MẶT BÍCH NGOÀI/HS0600	156,750
1427	224329-2	OUTER FLANGE 45/5806B	MẶT BÍCH NGOÀI/5806B	39,875
1428	224333-1	FLANGE 53/LH1040	MẶT BÍCH TRONG/LH1040	64,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1429	224347-0	OUTER FLANGE 53/2704	MẶT BÍCH NGOÀI/2704	44,000
1430	224366-6	OUTER FLANGE 40/4131	MẶT BÍCH NGOÀI 40/4131	61,875
1431	224370-5	INNER FLANGE 40/4131	MẶT BÍCH TRONG 40/4131	45,375
1432	224379-7	OUTER FLANGE 69/LC1230	MẶT BÍCH NGOÀI/LC1230	312,125
1433	224386-0	INNER FLANGE 40/MT583	MẶT BÍCH TRONG/MT583	34,375
1434	224387-8	OUTER FLANGE 40/MT583	MẶT BÍCH NGOÀI/MT583	45,375
1435	224391-7	INNER FLANGE 30/DCS550	MẶT BÍCH TRONG/DCS550	28,875
1436	224401-0	INNER FLANGE 53	MẶT BÍCH TRONG 53	78,375
1437	224404-4	OUTER FLANGE 30/DCS550	MẶT BÍCH NGOÀI/DCS550	70,125
1438	224405-2	OUTER FLANGE 35/SP6000	MẶT BÍCH NGOÀI 35/SP6000	137,500
1439	224406-0	INNER FLANGE 35/CA5000X	MẶT BÍCH 35/CA5000X	140,800
1440	224409-4	OUTER FLANGE 35/DHS680	MẶT BÍCH NGOÀI/DHS680	28,875
1441	224415-9	INNER FLANGE 14-45	MẶT BÍCH TRONG 42	49,500
1442	224423-0	INNER FLANGE 36/4100NH2	MẶT BÍCH NGOÀI/4100NH2	45,375
1443	224424-8	OUTER FLANGE 36/4100NH2	MẶT BÍCH TRONG/4100NH2	45,375
1444	224428-0	INNER FLANGE 46/LS1016	MẶT BÍCH NGOÀI/LS1016	61,875
1445	224429-8	OUTER FLANGE 46/LS1016	MẶT BÍCH TRONG/LS1016	75,625
1446	224431-1	INNER FLANGE 53/LS1216	ỐP LƯỠI SAU/LS1216	67,375
1447	224432-9	OUTER FLANGE 53/LS1216	ỐP LƯỠI TRƯỚC/LS1216	61,875
1448	224435-3	INNER FLANGE 28/CC300D	MẶT BÍCH TRONG 28/CC300D	34,375
1449	224443-4	FLANGE 102/EK7651H	MẶT BÍCH TRONG/EK7651H	148,500
1450	224444-2	INNER FLANGE 40	MẶT BÍCH NGOÀI 40	61,875
1451	224445-0	OUTER FLANGE 40/DLM431	MẶT BÍCH NGOÀI/DLM431	72,875
1452	224447-6	INNER FLANGE 42	MẶT BÍCH TRONG 42	89,375
1453	224455-7	OUTER FLANGE 22/TM30D	MẶT BÍCH NGOÀI/TM30D	28,875
1454	224457-3	INNER FLANGE 50/GS5000	MẶT BÍCH NGOÀI/GS5000	372,625
1455	224478-5	FLANGE 102/EK7651H	MẶT BÍCH TRONG/EK7651H	319,000
1456	224479-3	OUTER FLANGE 35/CA5000	MẶT BÍCH NGOÀI 35/CA5000	467,500
1457	224482-4	OUTER FLANGE 53/2704	MẶT BÍCH NGOÀI/2704	50,875
1458	224483-2	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG 30	28,875
1459	224485-8	LOCK NUT 14-45	MẶT BÍCH NGOÀI 14-45	61,875
1460	224490-5	INNER FLANGE 14-45	MẶT BÍCH TRONG 14-45	39,875
1461	224491-3	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG 30	39,875
1462	224493-9	LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI 10-30	23,375
1463	224494-7	INNER FLANGE 45/HS0600	MẶT BÍCH TRONG/HS0600	50,875
1464	224501-6	SANDING LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI/	64,625
1465	224502-4	SANDING LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI/	61,875
1466	224505-8	LOCK NUT 10-40/PJ7000	MẶT BÍCH NGOÀI/PJ7000	56,375
1467	224515-5	SANDING LOCK NUT M14-48	MẶT BÍCH NGOÀ M14-48	122,375
1468	224523-6	SANDING LOCK NUT 16-48/9207SPB	MẶT BÍCH NGOÀI/9207SPB	138,875
1469	224526-0	LOCK NUT 12-30	MẶT BÍCH NGOÀI/	89,375
1470	224543-0	LOCK NUT 14-45/9067	MẶT BÍCH NGOÀI/9067	89,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1471	224554-5	LOCK NUT 14-45/9015B	MẶT BÍCH NGOÀI/9015B	61,875
1472	224559-5	LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI	34,375
1473	224577-3	LOCK NUT 14-45/SG1251	MẶT BÍCH NGOÀI/SG1251	167,750
1474	224578-1	LOCK NUT 10-30/9500N	MẶT BÍCH NGOÀI/9500N	72,875
1475	224584-6	LOCK NUT 14-45/M0920B	MẶT BÍCH NGOÀI 14-45/M0920B	45,375
1476	224593-5	INNER FLANGE 35/DHS660	MẶT BÍCH TRONG/DHS660	39,875
1477	224600-4	OUTER FLANGE 38/DHS900	MẶT BÍCH NGOÀI 38/DHS900	34,375
1478	224604-6	OUTER FLANGE 46/DCE090	MẶT BÍCH NGOÀI 46/DCE090	78,375
1479	224605-4	INNER FLANGE 46/DCE090	MẶT BÍCH TRONG 46/DCE090	72,875
1480	224609-6	INNER FLANGE 38/DHS900	MẶT BÍCH TRONG 38/DHS900	100,375
1481	224610-1	LOCK NUT 10-29/M0910B	MẶT BÍCH 10-29/M0910B	23,375
1482	224614-3	INNER FLANGE 40/LS002G	MẶT BÍCH TRONG 40/LS002G	45,375
1483	227947-5	DRIVE SPROCKET 80TXL FOR 18V/12V N	NHÔNG XÍCH 80TXL CHO MÁY 18V/12V	27,000
1484	22L	CUTTER HSS(LONG)22X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)22X55MM	952,875
1485	22S	CUTTER HSS(SHORT)22X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)22X35MM	635,250
1486	23L	CUTTER HSS(LONG)23X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)23X55MM	987,250
1487	23S	CUTTER HSS(SHORT)23X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)23X35MM	653,125
1488	24L	CUTTER HSS(LONG)24X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)24X55MM	1,032,625
1489	24S	CUTTER HSS(SHORT)24X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)24X35MM	675,125
1490	25L	CUTTER HSS(LONG)25X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)25X55MM	1,157,750
1491	25S	CUTTER HSS(SHORT)25X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)25X35MM	760,375
1492	26L	CUTTER HSS(LONG)26X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)26X55MM	1,201,750
1493	26S	CUTTER HSS(SHORT)26X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)26X35MM	783,750
1494	273457-0	GRIP 32	TAY CẦM 32	213,300
1495	273466-9	GRIP 37	TAY CẦM 37	197,100
1496	273467-7	GRIP 32	TAY CẦM 32	202,500
1497	273495-2	GRIP 32	TAY CẦM 32	164,700
1498	273649-1	GRIP 34	TAY CẦM 34	151,250
1499	27L	CUTTER HSS(LONG)27X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)27X55MM	1,247,125
1500	27S	CUTTER HSS(SHORT)27X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)27X35MM	805,750
1501	281012-4	HOOK	MÓC TREO	277,750
1502	28L	CUTTER HSS(LONG)28X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)28X55MM	1,315,875
1503	28S	CUTTER HSS(SHORT)28X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)28X35MM	896,500
1504	29L	CUTTER HSS(LONG)29X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)29X55MM	1,383,250
1505	29S	CUTTER HSS(SHORT)29X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)29X35MM	925,375
1506	30L	CUTTER HSS(LONG)30X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)30X55MM	1,452,000
1507	30S	CUTTER HSS(SHORT)30X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)30X35MM	947,375
1508	318685-1	GRIP ATTACHMENT SET	TAY CẦM	56,375
1509	319371-7	PRESSURE DISC 20.0/EK6101	MẶT BÍCH/EK6101	181,500
1510	319372-5	PRESSURE DISC 25.4/EK6101	MẶT BÍCH/EK6101	225,500
1511	31L	CUTTER HSS(LONG)31X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)31X55MM	1,519,375
1512	31S	CUTTER HSS(SHORT)31X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)31X35MM	976,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1513	321144-6	DEPTH GAUGE/MT814	THƯỚC CANH ĐỘI SÂU/MT814	22,950
1514	321308-2	TEMPLET GUIDE	KHUÔN DẪN	533,500
1515	321472-9	TEMPLET GUIDE 12.7	KHUÔN DẪN 12.7	566,500
1516	321492-3	TEMPLET GUIDE ADAPTER 30	BỘ CHUYỂN KHUÔN DẪN 30	622,875
1517	321493-1	TEMPLET GUIDE ADAPTER 30	BỘ CHUYỂN KHUÔN DẪN 30	473,000
1518	322279-6	BIT PIECE	ĐẦU CHÊM MŨI VÍT	50,875
1519	323018-7	TEMPLET GUIDE	KHUÔN DẪN	198,000
1520	323023-4	TEMPLET GUIDE	KHUÔN DẪN	539,000
1521	323448-2	TEMPLET GUIDE 9.5	KHUÔN DẪN	550,000
1522	323449-0	TEMPLET GUIDE 12.7	KHUÔN DẪN	462,000
1523	325896-1	BASE FRAME	KHUNG SƯỜN	105,600
1524	326649-1	SHAFT HOLDER 1/2-M14/DUT130	ĐẦU NỐI CẦN TRỘN 1/2-M14/DUT130	198,000
1525	327280-6	JOINT 6.4/DRV150	ỐNG NỐI 6.4/DRV150	120,150
1526	327285-6	JOINT 4.8/DRV150	ỐNG NỐI 4.8/DRV150	98,550
1527	327687-6	ADAPTER D/DDG460	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOAN/DDG460	1,039,500
1528	327A93-1	NOZZLE 4.5/PM001G	ĐẦU BÉC PHUN 4.5/PM001G	78,375
1529	327B34-3	SHAFT HOLDER 1/2-M12/UT001G	TRỤC NỐI 1/2-M12/UT001G	145,750
1530	327C46-2	NOZZLE 0.5/PM001G	ĐẦU BÉC PHUN 0.5	122,375
1531	32L	CUTTER HSS(LONG)32X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)32X55MM	1,566,125
1532	32S	CUTTER HSS(SHORT)32X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)32X35MM	1,005,125
1533	331886-4	DEPTH GAUGE/DHR280	THƯỚC CANH ĐỘ SÂU/DHR280	49,950
1534	331955-1	DEPTH GAUGE/DHR400	THƯỚC CANH ĐỘ SÂU/DHR400	82,350
1535	33L	CUTTER HSS(LONG)33X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)33X55MM	1,633,500
1536	33S	CUTTER HSS(SHORT)33X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)33X35MM	1,100,000
1537	341650-5	GUIDE BAR	LAM	1,911,250
1538	341705-6	STEEL PLATE	TẤM ĐỆM THÉP	72,875
1539	341796-7	WASHER	VÒNG ĐỆM	17,875
1540	341947-2	STRAIGHT GUIDE	MIẾNG ĐỆM PHẲNG	346,500
1541	342390-8	DEPTH GUIDE	THANH HƯỚNG DẪN SÂU	67,375
1542	342428-9	STRAIGHT GUIDE	MIẾNG ĐỆM PHẲNG	133,375
1543	343411-9	CUTTER	LƯỠI LÓC	1,012,000
1544	343577-5	TEMPLET GUIDE 10	BỘ ĐIỀU CHỈNH MẪU 10	17,875
1545	344364-5	TEMPLET GUIDE 16	BỘ ĐIỀU CHỈNH MẪU 16	67,375
1546	346555-4	CORD CUTTER/UR100D	LƯỠI CẮT/UR100D	23,375
1547	346909-5	HOOK/DF031D	MIẾNG ĐỆM GÀI/DF031D	23,375
1548	347478-9	WHEEL COVER 100/GA4050	CHỤP BẢO VỆ/GA4050	562,375
1549	347479-7	WHEEL COVER 115/GA4050	CHỤP BẢO VỆ/GA4050	116,875
1550	347480-2	WHEEL COVER 125/GA4050	CHỤP BẢO VỆ/GA4050	133,375
1551	347618-9	WHEEL COVER 125/DGA419	NẮP CHỤP BẢO VỆ/DGA419	178,750
1552	347776-1	WHEEL COVER 150/GA035G	CHỤP BẢO VỆ 150/GA035G	184,250
1553	347962-4	BLADE GUARD/DUH604S/754S	VỎ BỌC LƯỠI CẮT/DUH604S/754S	544,500
1554	34L	CUTTER HSS(LONG)34X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)34X55MM	1,724,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1555	34S	CUTTER HSS(SHORT)34X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)34X35MM	1,134,375
1556	35L	CUTTER HSS(LONG)35X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)35X55MM	1,791,625
1557	35S	CUTTER HSS(SHORT)35X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)35X35MM	1,157,750
1558	410047-0	WRENCH HOLDER 5.6	CỜ LÊ BẰNG NHỰA 5.6	12,375
1559	410048-8	WRENCH HOLDER 3.4/4304	CỜ LÊ NHỰA 3.4/4304	12,375
1560	410054-3	GUIDE BAR CASE/5012B	VỎ BẢO VỆ LAM XÍCH/5012B	130,950
1561	410306-2	CORNER NOZZLE	ĐẦU HÚT KHE	60,750
1562	411111-0	GAUGE PLATE	THƯỚC CANH	39,150
1563	411780-7	KEY HOLDER 10/6501	GIÁ TREO MỞ ĐẦU KHOAN 10/6501	12,150
1564	412028-0	VINYL TUBE 5X9X5000	ỐNG NHỰA VINYL 5X9X5000	272,700
1565	412088-2	VINYL TUBE 5	ỐNG DẪN NƯỚC	71,550
1566	412137-5	VINYL TUBE 5/M0401B	ỐNG DẪN NƯỚC/M0401B	44,550
1567	412758-3	END NOZZLE 80/UB001C	ỐNG THỔI 80/UB001C	153,900
1568	412768-0	BLADE COVER 500MM/DUH504S	BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MMI/D	71,550
1569	412769-8	BLADE COVER/DUH604S	BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG/DUH604S	76,950
1570	412770-3	BLADE COVER/DUH754S	BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/DUH754S	87,750
1571	412908-0	BLADE GUARD/DUH501/502/601/602/751/	VỎ BỌC LƯỠI CẮT/DUH501/502/601/602/7	261,900
1572	412911-1	BLADE COVER/UH004G/UH004G	BẢO VỆ LƯỠI/UH004G	172,800
1573	412912-9	BLADE COVER/UH005G/UH005G	BẢO VỆ LƯỠI/UH005G	180,900
1574	413148-3	OFFSET BASE PLATE	ĐẾ PHAY	111,375
1575	413150-6	TILT BASE PLATE	ĐẾ NGHIÊNG	61,875
1576	413720-1	BLADE COVER/DUN461W/DUN461W	BẢO VỆ LƯỠI/DUN461W	93,150
1577	413769-1	SASH NOZZLE 28 IVO	ĐẦU HÚT DẸP 28 IVO	22,950
1578	413770-6	SASH NOZZLE/WHITE/CL001G	ĐẦU HÚT KHE/MÀU TRẮNG/CL001G	22,950
1579	413794-2	BLADE GUARD/UH006G/007G	VỎ BỌC LƯỠI CẮT/UH006G/007G	136,350
1580	413809-5	SASH NOZZLE/BLACK/CL001G	ĐẦU HÚT KHE/MÀU ĐEN/CL001G	22,950
1581	413885-9	BLADE COVER 110/UM110D	BẢO VỆ LƯỠI 110/UM110D	24,300
1582	413B75-6	PROTECTOR/DTWA260	VỎ BỌC BẢO VỆ MÁY/DTWA260	1,680,750
1583	413B98-4	BLADE COVER 600/UH013G	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM	191,700
1584	413B99-2	BLADE COVER 750/UH013G	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 750MM	229,500
1585	413F05-1	DUST NOZZLE/DJV184	ỐNG KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV184	98,550
1586	413F67-9	LOOP HANDLE/PV001G	TAY CẦM BẰNG NHỰA/PV001G	290,250
1587	413G21-9	BAR COVER	VỎ LAM	93,150
1588	413G23-5	CHAIN COVER/CHAIN SAW	CHỤP BẢO VỆ XÍCH/CHAIN SAW	103,950
1589	413G40-5	PROTECTOR/DTW1001	VỎ BẢO VỆ MÁY/DTW1001	747,900
1590	413L55-2	MULTING PLUG/LM002G	MIẾNG CHẶN CỎ/LM002G	143,100
1591	413L57-8	DISCHARGE CHUTE/LM002G	MIẾNG CHẮN XẢ CỎ/LM002G	301,050
1592	413L91-8	BLADE COVER/DUH507	MIẾNG BỌC LƯỠI CẮT 500/DUH507	120,150
1593	413L92-6	BLADE COVER/DUH606	MIẾNG BỌC LƯỠI CẮT 600/DUH606	125,550
1594	413M40-1	BAR COVER/DUC10C/UC100D	VỎ LAM/DUC10C/UC100D	49,950
1595	413T67-3	BAR COVER/DUC150	VỎ LAM/DUC150	55,350
1596	415021-3	NOSE JOINT 38 CUFFS 38	ĐẦU KHỚP NỐI 38MM	164,700

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1597	415579-2	SET PLATE 4	TẤM ĐỆM	122,375
1598	416041-0	SASH NOZZLE/IVORY	ĐẦU HÚT KHE/MÀU NGÀ	21,600
1599	416256-9	LOOP HANDLE	TAY CẦM DẠNG VÒNG	267,300
1600	417349-5	PROTECTOR USE FOR CORDLESS IMPA(	VỎ BẢO VỆ DÙNG CHO MÁY VẶN VÍT	341,000
1601	417724-5	LATCH/HR1830	NẮP GÀI THÙNG MÁY/HR1830	12,150
1602	417852-6	COVER PLATE	NẮP BẢO VỆ	70,200
1603	417926-3	SHOULDER STRAP/ML187	DÂY ĐEO VAI/ML187	12,150
1604	418198-3	KEY HOLDER 9/MT653	GÁ ĐỠ KHÓA MỞ/MT653	12,375
1605	418500-0	JOINT 38-28MM/38	KHỚP NỐI 38-28MM/38	93,150
1606	418647-0	CHIP DEFLECTOR/MT372	TẤM CHẮN/MT372	49,950
1607	418919-3	SASH NOZZLE/MT401	ĐẦU ỐNG THỔI/MT401	22,950
1608	418920-8	JOINT/MT401	ỐNG NỐI/MT401	12,150
1609	419242-9	CHAIN COVER	TẤM BẢO VỆ	87,750
1610	419288-5	CHAIN COVER	TẤM BẢO VỆ	87,750
1611	419620-3	DUST NOZZLE	ỐNG NỐI	60,750
1612	421093-8	CORK RUBBER PLATE	TẤM ĐỆM CAO SU	91,800
1613	421342-3	DUST CUP 5	LY CHỨA BỤI 5	44,550
1614	421641-3	RUBBER CAP/DFS600	NẮP CAO SU/DFS600	16,200
1615	421664-1	DUST CUP 9	LY CHỨA BỤI 9	87,750
1616	421905-5	NOZZLE/MT401	ỐNG THỔI/MT401	71,550
1617	422163-6	RUBBER CAP(LARGE)/DFS600	NẮP CAO SU/DFS600	59,400
1618	422437-5	RUBBER NOZZLE 330	ĐẦU HÚT KHE 330 XÁM	180,900
1619	422449-8	DAMPER/DVC750L	GIẢM SỐC/DVC750L	71,550
1620	422718-7	PROTECTOR CLEAR/TD112D	VỎ BẢO VỆ/TD112D	949,050
1621	422807-8	BATTERY PROTECTOR/DBO380	ỐP BẢO VỆ PIN/DBO380	93,150
1622	422827-2	PROTECTOR CLEAR/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU TRONG SUỐT/DFT060T	644,875
1623	422828-0	PROTECTOR RED/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ/DFT060T	745,250
1624	422829-8	PROTECTOR BLUE/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH/DFT060T	745,250
1625	422830-3	PROTECTOR YELLOW/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG/DFT060T	745,250
1626	422872-7	NOSE ADAPTER/PT002G	ĐẦU BẢO VỆ MŨI/PT002G	56,375
1627	422992-7	SEALING CAP(5PCS/SET)/DX16	MIẾNG ĐỆM(5CÁI/BỘ)/DX16	17,550
1628	422A02-6	CAP/VC011G	NẮP ĐẬY/VC011G	71,550
1629	424009-2	JOINT 38-28MM/H	KHỚP NỐI 38-28MM/H	33,750
1630	443060-3	FILTER	LỌC GIÓ	22,950
1631	450066-4	PUNCH PLATE	TẤM DẠNG LỖ	34,375
1632	450128-8	BATTERY COVER	NẮP BẢO VỆ PIN	17,550
1633	451241-5	PLASTIC STRAIGHT WHITE 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU TRẮNG 28	60,750
1634	451242-3	SASH NOZZLE HOLDER 28(WHITE)	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI 28 MÀU TRẮNG	22,950
1635	451244-9	PLASTIC STRAIGHT PIPE BLUE 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU XANH DƯƠNG	59,400
1636	451329-1	NOZZLE	ỐNG HÚT	44,550
1637	451340-3	GRIP	TAY CẦM	103,950
1638	451424-7	PLASTIC STRAIGHT PIPE IVORY 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU NGÀ 28	59,400

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1639	451749-9	HANDLE/DTW180	TAY CẦM/DTW180	33,750
1640	451880-1	CHID DECEIVER	CHID DECEIVER	57,200
1641	452055-5	BLADE COVER	BẢO VỆ LƯỠI	71,550
1642	452093-7	GUIDE BAR CASE	VỎ BẢO VỆ LAM	64,800
1643	452198-3	CLANK COVER/UH201D	VỎ BẢO VỆ LƯỠI/UH201D	33,750
1644	452685-2	BLADE COVER/DUH523	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/DUH5	109,350
1645	452947-8	BIT HOLDER	PHỤ KIỆN GIỮ MŨI VÍT	12,150
1646	453974-8	LATCH/HR1841	NẮP GÀI/HR1841	17,550
1647	454279-9	BLADE COVER/EN410MP	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN410	93,150
1648	454703-2	JOINT/DUB185	ĐẦU NỐI/DUB185	12,150
1649	454880-0	GRASS RECEIVER 110/UM110D	KHAY CHỨA CỎ/UM110D	89,375
1650	455292-0	LOOP HANDLE	TAY CẦM VÒNG	207,900
1651	456585-8	SASH NOZZLE HOLDER 28(BLACK)	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI 28 MÀU ĐEN	22,950
1652	456586-6	SASH NOZZLE	ĐẦU HÚT BỤI DẸP	21,600
1653	456587-4	PLASTIC STRAIGHT PIPE BLACK 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU ĐEN 28	60,750
1654	457247-1	LATCH(WHITE)	NẮP GÀI(MÀU TRẮNG)	22,950
1655	457273-0	PROTECTION GUARD NARROW TYPE/U	TẤM CHẮN BẢO VỆ/UR101C	338,850
1656	457426-1	GRASS RECEIVER 160	KHAY CHỨA CỎ 160	91,800
1657	457801-1	DUST NOZZLE ASSEMBLY/DJV102, DJV	PHỤ KIỆN KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV102, DJ	114,750
1658	457867-1	COVER PLATE/DJV184	TẤM CHE BỤI/DJV184	39,150
1659	457924-5	FRAME	KHUNG CHỨA QUẠT	76,950
1660	457974-0	KEY HOLDER/DA332D	VÒNG KHÓA/DA332D	23,375
1661	458101-2	HOLDER JOINT	PHỤ KIỆN KẾT NỐI ỐNG HÚT BỤI	66,150
1662	458184-2	BENDING PIPE ASSEMBLY WITHOUT SI	KHỚP NỐI HÚT BỤI CONG 38/32MM	148,500
1663	458191-5	DUST COVER/JV103D	MIẾNG CHẮN BỤI/JV103D	24,300
1664	458342-0	BLADE COVER	BẢO VỆ LƯỠI	93,150
1665	458345-4	BLADE COVER/EN420MP	BẢO VỆ LƯỠI/EN420MP	109,350
1666	458359-3	BLADE COVER/UH353D	BỌC LƯỠI DAO/UH353D	76,950
1667	458408-6	GUARD E/DUH501	NẮP CHỤP BẢO VỆ/DUH501	264,000
1668	458501-6	BAR COVER 250MM	TẤM BẢO VỆ 250MM	114,750
1669	458503-2	BAR COVER/DUC254	VỎ LAM/DUC254	136,350
1670	458891-7	WIDE NOZZLE/DVC750L	ĐẦU HÚT T/DVC750L	82,350
1671	458919-1	SASH NOZZLE/DVC750L	ĐẦU HÚT KHE/DVC750L	39,150
1672	458940-0	PLASTIC STRAIGHT PIPE FOR PIPE LOCI	ỐNG THẲNG BẰNG NHỰA CÓ KHÓA(MA	55,350
1673	458942-6	PLASTIC STRAIGHT PIPE 479MM(BLACK	ỐNG HÚT BỤI THẲNG 479MM(MÀU ĐEN	60,750
1674	459036-0	SASH NOZZLE HOLDER 28 FOR PIPE LO	KẸP GIỮ ỐNG 28(MÀU NGÀ)	16,200
1675	459038-6	SASH NOZZLE HOLDER BLACK/DCL280	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI MÀU ĐEN/DCL2	17,550
1676	459056-4	MAT NOZZLE	ĐẦU HÚT T XANH(DỌN SÀN, THẢM)	66,150
1677	459120-1	BLADE COVER 500S/DUH502	VỎ BỌC LƯỠI 500/DUH502	143,100
1678	459121-9	BLADE COVER 600S/DUH602	VỎ BỌC LƯỠI 600/DUH602	164,700
1679	459122-7	BLADE COVER 750S/DUH752	VỎ BỌC LƯỠI 750/DUH752	175,500
1680	459206-1	SEALING CAP/DX10	NẮP ĐẬY/DX10	17,550

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1681	459234-6	DUST NOZZLE/DLS800	ỐNG THU BỤI/DLS800	120,150
1682	459249-3	HOSE JOINT/DLS211	KHỚP NỐI HÚT BỤI/DLS211	87,750
1683	459353-8	PIPE/DCL281F	ỐNG HÚT BỤI/DCL281F	60,750
1684	459354-6	SASH NOZZLE HOLDER WHITE 28/DCL2	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI MÀU TRẮNG 28	17,550
1685	459355-4	SASH NOZZLE HOLDER BLUE/DCL280F	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI MÀU XANH/DC	16,200
1686	459404-7	PROTECTOR RED/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ DÙNG CHO MÁY C	884,250
1687	459405-5	PROTECTOR BLUE/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH DƯƠNG DÙNG	884,250
1688	459406-3	PROTECTOR YELLOW/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG DÙNG CHO MÁ	884,250
1689	459407-1	PROTECTOR GREEN/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH LÁ DÙNG CHO	884,250
1690	459408-9	PROTECTOR CLEAR/DTDA040	VỎ BẢO VỆ TRONG SUỐT DÙNG CHO M	884,250
1691	459409-7	PROTECTOR RED/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ DÙNG CHO MÁY C	622,350
1692	459410-2	PROTECTOR BLUE/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH DƯƠNG DÙNG	622,350
1693	459411-0	PROTECTOR YELLOW/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG DÙNG CHO MÁ	622,350
1694	459412-8	PROTECTOR GREEN/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH LÁ DÙNG CHO	622,350
1695	459413-6	PROTECTOR CLEAR/DTDA100	VỎ BẢO VỆ TRONG SUỐT DÙNG CHO M	622,350
1696	459887-1	SIDE DISCHARGE MOUTH/DLM530Z	KHỚP NỐI BẰNG NHỰA/DLM530Z	103,950
1697	459997-4	PROTECTOR GREEN/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH RÊU DÙNG CHO	884,250
1698	459998-2	PROTECTOR GREEN/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH RÊU DÙNG CHO	622,350
1699	4YT-1023	JIG FOR DEMONSTRATION	MÔ HÌNH DEMO CHO MÁY SIẾT BU LÔN	28,209,600
1700	630B63-0	FAST CHARGER DC40RA SET(BULK)	BỘ SẠC NHANH DC40RA(KHÔNG ĐÓNG	3,542,000
1701	632006-6	BATTERY 7000 EN/FR/DE	PIN 7000 EN/FR/DE	906,400
1702	632G25-4	BATTERY BL1430B(BULK)	PIN BL1430B(LI-ION 14.4V, 3AH)(KHÔNG	2,398,000
1703	632G42-4	BATTERY BL1460A (LI-ION, 14.4V, 6.0 AH	PIN BL1460A (LI-ION,14.4V,6.0 AH)(BULK	4,666,750
1704	632R12-9	BATTERY (LI-ION, 10.8V, 2AH)/CL111D	PIN (LI-ION, 10.8V, 2AH)/CL111D	867,625
1705	654575-7	TERMINAL BLOCK/PC5000C	ĐẦU NỐI NHANH/PC5000C	39,875
1706	682575-7	CORD GUARD 12-90/VC3210L	DÂY TREO MỀM 12-90/VC3210L	17,550
1707	723050-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 6	LƯỠI CƯA KIẾM 150MM TPI 6	189,750
1708	723065-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 14	LƯỠI CƯA KIẾM 150MM TPI 14	244,750
1709	723067-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 24	LƯỠI CƯA KIẾM 150MM TPI 24	244,750
1710	723068-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 10	LƯỠI CƯA KIẾM 150MM TPI 10	244,750
1711	723069-A5	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 18	LƯỠI CƯA KIẾM 225MM TPI 18	356,125
1712	723070-A5	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 10	LƯỠI CƯA KIẾM 225MM TPI 10	356,125
1713	723071-A5	RECIPRO SAW BLADE 300MM TPI 10	LƯỠI CƯA KIẾM 300MM TPI 10	445,500
1714	723074-A3	RECIPRO SAW BLADE 300MM TPI 6	LƯỠI CƯA KIẾM 300MM TPI 6	368,500
1715	723075-A3	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 9	LƯỠI CƯA KIẾM 150MM TPI 9	375,375
1716	723076-A3	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 9	LƯỠI CƯA KIẾM 225MM TPI 9	317,625
1717	723078-A5	RECIPRO SAW BLADE 200MM TPI 6	LƯỠI CƯA KIẾM 200MM TPI 6	339,625
1718	724104-1	ABRASIVE CUT-OFF WHEEL 100MM	ĐÁ CẮT 100MM	153,900
1719	725163-8	SHEAR BLADE A/EH7500S	LƯỠI CẮT A/EH7500S	1,210,000
1720	725164-6	SHEAR BLADE B/EH7500S	LƯỠI CẮT B/EH7500S	1,342,000
1721	725184-0	SHEAR BLADE/EH6000W	LƯỠI TỈA CÀNH/EH6000W	506,000
1722	725185-8	SHEAR BLADE A/EH7500S	LƯỠI TỈA CÀNH A/EH7500S	467,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1723	725186-6	SHEAR BLADE B/EH7500S	LƯỠI TỈA CÀNH B/EH7500S	467,500
1724	725187-4	SHEAR BLADE/EN401MP	LƯỠI CẮT/EN401MP	506,000
1725	725197-1	SHEAR BLADE/EN420MP	LƯỠI CẮT/EN420MP	301,125
1726	733237-1	STRAIGHT BIT 12E/MT360	MŨI THẲNG 12E/MT360	266,750
1727	733238-9	STRAIGHT BIT 6E	MŨI PHAY THẲNG 6E	255,750
1728	741015-5	GRINDING WHEEL (125 X 19 X 12.7MM)	ĐÁ MÀI (125 X 19 X 12.7MM) 24P	491,400
1729	741016-3	GRINDING WHEEL (125 X 19 X 12.7MM)	ĐÁ MÀI (125 X 19 X 12.7MM) 36P	491,400
1730	741421-4	DEPRESSED CENTER WHEEL 230-24	ĐÁ MÀI TÂM TRŨNG 230-24	502,200
1731	741422-2	DEPRESSED CENTER WHEEL 230-36	ĐÁ MÀI TÂM TRŨNG 230-36	496,800
1732	741458-1	DEPRESSED CENTER WHEEL 115-36	ĐÁ MÀI TÂM TRŨNG 115-36	129,600
1733	741614-3	WHEEL POINT 1-19-60	ĐÁ MÀI GÓC 1-19-60	82,350
1734	741615-1	WHEEL POINT 4-19-60	ĐÁ MÀI GÓC 4-19-60	114,750
1735	743008-8	RUBBER PAD 170	ĐẾ CAO SU 170	414,720
1736	743009-6	RUBBER PAD 76	ĐẾ CAO SU 76	61,875
1737	743012-7	RUBBER PAD 170	ĐẾ CAO SU 170	440,000
1738	743015-1	RUBBER PAD 115	ĐẾ CAO SU 115	264,600
1739	743016-9	RUBBER PAD 125	ĐẾ CAO SU 125	256,500
1740	743025-8	PLASTIC PAD 120	ĐẾ NHỰA 120	109,350
1741	743033-9	RUBBER PAD 147	ĐẾ CAO SU 147	649,350
1742	743036-3	RUBBER PAD 100	ĐẾ CAO SU 100	229,500
1743	743053-3	PAD 165 M14	ĐẾ 165 M14	522,500
1744	743054-1	PAD 165 M16	ĐẾ 165 M16	616,000
1745	743081-8	PAD 123/BO5041	ĐẾ 123/B05041	484,000
1746	743124-6	PAD 50MM	TẤM ĐẾ 50MM	382,050
1747	743125-4	PAD 75MM	TẤM ĐẾ 75MM	1,026,000
1748	743126-2	ADAPTER /DPV300	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/DPV300	100,375
1749	744015-4	ROUND FILE 3.2MM M11/DUC254HZR/DU	DŨA TRÒN 3.2MM M11/DUC254HZR/DU	94,875
1750	762001-3	TRIANGULAR RULE/LH1040	THƯỚC CANH/LH1040	22,950
1751	762007-1	THICKNESS GAUGE	THƯỚC ĐO	76,950
1752	762013-6	THICKNESS GAUGE/JS1601	THƯỚC ĐO ĐỘ DÀY/JS1601	76,950
1753	762014-4	MAGNETIC HOLDER	GIÁ ĐỠ CÓ TỪ TÍNH	136,350
1754	762016-0	BLADE GAUGE/2012NB	THƯỚC CANH LƯỠI/2012NB	114,750
1755	763066-8	DRILL CHUCK S16/DS5000	ĐẦU KHOAN S16/DS5000	1,140,750
1756	763077-3	DRILL CHUCK 6.5	ĐẦU KHOAN 6.5	156,600
1757	763114-3	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	333,450
1758	763115-1	DRILL CHUCK S13/6307	ĐẦU KHOAN S13/6307	279,450
1759	763142-8	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	426,600
1760	763170-3	DRILL CHUCK 6.5	ĐẦU KHOAN 6.5	114,750
1761	763174-5	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	1,102,950
1762	763181-8	KEYLESS DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	202,500
1763	763182-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	317,250
1764	763183-4	DRILL CHUCK S13/DDA450	ĐẦU KHOAN S13/DDA450	567,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1765	763232-7	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	98,550
1766	763235-1	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	23,375
1767	763236-9	COLLET NUT6/GD0603	ĐAI ỐC KẸP	45,375
1768	763238-5	KEYLESS DRILL CHUCK 10/DF332D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10/DF332D	172,800
1769	763241-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DDF483	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF483	395,550
1770	763242-4	KEYLESS DRILL CHUCK 10	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10	197,100
1771	763243-2	KEYLESS DRILL CHUCK 10	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10	216,000
1772	763244-0	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	93,150
1773	763245-8	DRILL CHUCK S10/DA332D	ĐẦU KHOAN S10/DA332D	665,550
1774	763250-5	DRILL CHUCK S-13/DDA460	ĐẦU KHOAN S-13/DDA460	774,900
1775	763251-3	CHUCK KEY S-13/DDA460	KHÓA S-13/DDA460	86,625
1776	763252-1	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DHP481	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DHP481	568,350
1777	763260-2	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	344,250
1778	763261-0	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DHP489	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/DHP489	540,000
1779	763262-8	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	392,850
1780	763266-0	DRILL CHUCK S13/DP4020/DP4021	ĐẦU KHOAN S13/DP4020/DP4021	98,550
1781	763267-8	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DP4021	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/DP4021	365,850
1782	763415-9	CHUCK KEY S10	KHÓA ĐẦU KHOAN S10	67,375
1783	763418-3	CHUCK KEY S10	KHÓA ĐẦU KHOAN S10	45,375
1784	763430-3	CHUCK KEY S13/6307	KHÓA MỞ ĐẦU KHOAN S13/6307	28,875
1785	763432-9	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	61,875
1786	763441-8	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	28,875
1787	763442-6	CHUCK KEY S6	KHÓA ĐẦU KHOAN S6	23,375
1788	763447-6	CHUCK KEY S10	KHÓA ĐẦU KHOAN S10	17,875
1789	763448-4	CHUCK KEY S13/DUT131	KHÓA ĐẦU KHOAN S13/DUT131	45,375
1790	763449-2	CHUCK KEY S6.5	KHÓA ĐẦU KHOAN S6.5	17,875
1791	763450-7	CHUCK KEY S10/DA332D	KHÓA ĐẦU KHOAN S13/DA332D	39,875
1792	763452-3	CHUCK KEY S10/MT80A	KHÓA ĐẦU KHOAN S10/MT80A	17,875
1793	763453-1	CHUCK KEY S13/MT80B	KHÓA MỞ ĐẦU KHOAN S13/MT80B	23,375
1794	763601-2	COLLET CHUCK 12MM	CHẤU KẸP 12MM	922,625
1795	763602-0	COLLET CHUCK 1/2"	CHẤU KẸP 1/2"	827,200
1796	763606-2	COLLET NUT 6	ĐAI ỐC KẸP 6MM	105,875
1797	763610-1	COLLET CONE 3MM	CHẤU KẸP 3MM	71,550
1798	763615-1	COLLET NUT	ĐAI ỐC KẸP	83,875
1799	763619-3	COLLET CONE 3/8"	CHẤU KẸP 3/8"	76,950
1800	763620-8	COLLET CONE 6MM	CHẤU KẸP 6MM	322,650
1801	763622-4	COLLET CONE 12.7	CHẤU KẸP 12.7MM	409,050
1802	763627-4	COLLET CONE 3MM	CHẤU KẸP 3MM	360,450
1803	763629-0	COLLET NUT	ĐAI ỐC KẸP	122,375
1804	763632-1	COLLET CONE 13MM	CHẤU KẸP 13MM	807,300
1805	763637-1	COLLET CONE 1/4"	CHẤU KẸP 1/4"	261,900
1806	763645-2	COLLET NUT	ĐAI ỐC KẸP	83,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1807	763646-0	COLLET CONE 6/GD0800C	CHẤU KẸP 6MM	295,650
1808	763661-4	COLLET NUT 6	ĐAI ỐC KẸP	61,875
1809	763663-0	COLLET CONE 6.35	CHẤU KẸP 6,35MM	99,900
1810	763664-8	COLLET NUT 6	ĐAI ỐC KẸP	39,875
1811	763665-6	COLLET CONE 6.0	CHẤU KẸP 6MM	82,350
1812	763668-0	COLLET NUT/GD0602	ĐAI ỐC KẸP	34,375
1813	763669-8	COLLET CONE 3MM	CHẤU KẸP 3MM	550,000
1814	763670-3	COLLET CONE 6MM	CHẤU KẸP 6MM	317,625
1815	763671-1	COLLET CONE 8MM	CHẤU KẸP 8MM	550,000
1816	763674-5	COLLET NUT	ĐAI ỐC KẸP	156,750
1817	763675-3	COLLET NUT/DCO180	ĐAI ỐC KẸP	138,875
1818	763678-7	COLLET CONE 6MM/DCO181	CHẤU KẸP 6MM	211,750
1819	763679-5	COLLET CONE 3.0/DCO181	CHẤU KẸP 3MM	206,250
1820	763801-4	COLLET SLEEVE FOR 6 MM BIT	CHẤU KẸP ỐNG 6MM	91,800
1821	763803-0	COLLET SLEEVE FOR 1/4" BIT	CHẤU KẸP ỐNG 1/4"	98,550
1822	763805-6	COLLET SLEEVE FOR 3/8" BIT	CHẤU KẸP ỐNG 3/8"	98,550
1823	763806-4	COLLET SLEEVE F/INCH CHUCK,10M	CHẤU KẸP ỐNG 10MM	101,250
1824	763807-2	COLLET SLEEVE FOR 10 MM BIT	CHẤU KẸP ỐNG 10MM	102,600
1825	763808-0	COLLET SLEEVE 6.35MM	CHẤU KẸP ỐNG 6.35MM	97,200
1826	763809-8	COLLET SLEEVE 6.35/MT362	CHẤU KẸP ỐNG 6.35MM	55,350
1827	763810-3	COLLET SLEEVE 9.53/MT362	CHẤU KẸP ỐNG 9.53	55,350
1828	764352-0	INNER SLEEVE 22-85 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 22-85	4,467,375
1829	764353-8	INNER SLEEVE 3/4-84 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 3/4-84	3,982,000
1830	764354-6	INNER SLEEVE 22-170/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-170/6922NB	14,488,375
1831	764356-2	INNER SLEEVE 16-82/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-82/6922NB	3,511,750
1832	764357-0	INNER SLEEVE 16-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-100/6922NB	3,422,375
1833	764361-9	OUTER SLEEVE 20-37/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI/6922NB	1,094,500
1834	764362-7	OUTER SLEEVE 16-35/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 16-35/6922NB	1,111,000
1835	764363-5	OUTER SLEEVE 20-83	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 20-83	2,956,250
1836	764364-3	OUTER SLEEVE 22-85	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-85	2,934,250
1837	764365-1	OUTER SLEEVE 22-170/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-170/6922NB	8,732,625
1838	764367-7	OUTER SLEEVE 16-81/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 16-81/6922NB	1,911,250
1839	764400-5	INNER SLEEVE 16-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-100/6922NB	12,111,000
1840	764402-1	INNER SLEEVE 20-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 20-100/6922NB	11,533,500
1841	764404-7	INNER SLEEVE 22-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-100/6922NB	12,843,875
1842	764405-5	INNER SLEEVE 22-200/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-200/6922NB	18,066,125
1843	764406-3	OUTER SLEEVE 16-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 16-100/6922NB	7,800,375
1844	764408-9	OUTER SLEEVE 20-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 20-100/6922NB	5,132,875
1845	764410-2	OUTER SLEEVE 22-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-100/6922NB	5,132,875
1846	764411-0	OUTER SLEEVE 22-200/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-200/6922NB	9,488,875
1847	764416-0	INNER SLEEVE 16-36/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-36/6922NB	3,067,625
1848	764417-8	INNER SLEEVE 20-38 COMPLETE/6922NE	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG/6922NB	2,910,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1849	764418-6	INNER SLEEVE 22-39 COMPLETE/6922NE	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG/6922NB	2,978,250
1850	764419-4	INNER SLEEVE 3/4-38 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 3/4-38	2,521,200
1851	764420-9	INNER SLEEVE 5/8-36 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 5/8-36	2,635,600
1852	765027-4	ADJUSTMENT GRIP	BỘ ĐIỀU CHỈNH LỰC	562,375
1853	766012-0	KEYLESS DRILL CHUCK 10/DF0300	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DF0300	218,700
1854	766014-6	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	82,350
1855	766016-2	DRILL CHUCK S13/DUT131	ĐẦU KHOAN 13/DUT131	199,800
1856	766019-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/M8103B	415,800
1857	766021-9	DRILL CHUCK S6.5	ĐẦU KHOAN S6.5	98,550
1858	766022-7	DRILL CHUCK S10/MT80A	ĐẦU KHOAN S10/MT80A	87,750
1859	766026-9	KEYLESS DRILL CHUCK 10/MT607	ĐẦU KHOAN S10/MT607	114,750
1860	781006-4	WRENCH 13/MT660	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 13/MT660	37,125
1861	781010-3	WRENCH 19/UT1305	CỜ LÊ 19/UT1305	67,375
1862	781012-9	WRENCH 23/HM1306	CỜ LÊ 23/HM1306	45,375
1863	781019-5	WRENCH 50	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 50	105,875
1864	781028-4	WRENCH 32	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 32	89,375
1865	781030-7	WRENCH 24/3600H	CỜ LÊ 24/3600H	72,875
1866	781034-9	WRENCH 8-24/3612BR	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 8 - 24/3612BR	53,625
1867	781036-5	WRENCH 10/3709	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 10/3709	23,375
1868	781037-3	WRENCH 17/3709	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 17/3709	28,875
1869	781038-1	WRENCH 19	CỜ LÊ 19	83,875
1870	781039-9	WRENCH 13/MT912	CỜ LÊ 13/MT912	34,375
1871	781041-2	WRENCH 22/MT412	CỜ LÊ 22/MT412	23,375
1872	781043-8	WRENCH 22/4100NB	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 22/4100NB	50,875
1873	781044-6	HEX. WRENCH 6/LS1019L	KHÓA LỤC GIÁC 6/LS1019L	23,375
1874	781206-6	WRENCH 19/GD0800C	CỜ LÊ 19/GD0800C	105,875
1875	782016-4	OFFSET WRENCH 13	CỜ LÊ 13	23,375
1876	782017-2	WRENCH 22/4107R	KHÓA MỞ 22/4107R	78,375
1877	782023-7	WRENCH 13-16	CỜ LÊ 13-16	66,000
1878	782024-5	WRENCH 13-22	CỜ LÊ 13-22	83,875
1879	782026-1	UNIVERSAL WRENCH 13/16/EA3503S	CỜ LÊ 13-16/EA3503S	88,000
1880	782028-7	UNIVERSAL WRENCH 13-19/EK8100	CỜ LÊ 13-19/EK8100	61,875
1881	782034-2	LOCK NUT WRENCH 35	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 35	67,375
1882	782203-5	SOCKET WRENCH 9	TAY MỞ 9	138,875
1883	782209-3	BOX WRENCH 9/4100NB	TAY MỞ 9/4100NB	56,375
1884	782210-8	SOCKET WRENCH 17/LC1230	CỜ LÊ 17/LC1230	39,875
1885	782212-4	SOCKET WRENCH 13/4107R	CỜ LÊ 13/4107R	50,875
1886	782229-7	BOX WRENCH 9	TAY MỞ 9	34,375
1887	782401-1	LOCK NUT WRENCH 20	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 20	45,375
1888	782407-9	LOCK NUT WRENCH 35	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 35	61,875
1889	782412-6	LOCK NUT WRENCH 28	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 28	83,875
1890	782420-7	LOCK NUT WRENCH 20	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 20	28,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1891	782423-1	LOCK NUT WRENCH 35	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 35	39,875
1892	782426-5	LOCK NUT WRENCH 35/PC5000C	CỜ LÊ 35/PC5000C	50,875
1893	783013-3	BOX DRIVER 16-17/EE2650H	ĐẦU MỞ ỐC 16-17/EE2650H	55,000
1894	783019-1	DRIVER/PM7650H	TUA VÍT/PM7650H	38,500
1895	783020-6	DRIVER/EY2650H	CỜ LÊ LỤC GIÁC/EY2650H	50,875
1896	783021-4	HEX. WRENCH 1.5	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC	12,375
1897	783022-2	HEX. WRENCH 5/CA5000X	KHÓA LỤC GIÁC 5/CA5000X	23,375
1898	783023-0	HEX. WRENCH 8/MT243	KHÓA LỤC GIÁC 8/MT243	23,375
1899	783201-2	HEX. WRENCH 3	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 3	12,375
1900	783202-0	HEX. WRENCH 4	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 4	17,875
1901	783203-8	HEX. WRENCH 5/DSP600	KHÓA LỤC GIÁC/DSP600	12,375
1902	783208-8	HEX. WRENCH 2.5	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC 2.5	23,375
1903	783214-3	HEX.SOCKET SCREW KEY 2/DUP361	KHÓA LỤC GIÁC/DUP361	9,625
1904	783217-7	HEX. WRENCH 5/DHS710	CỜ LÊ HÃM ĐAI ỐC/DHS710	12,375
1905	783223-2	HEX. WRENCH 4/EBH340U	KHÓA LỤC GIÁC 4/EBH340U	16,500
1906	784202-3	BIT 2-45/DF012D	MŨI VÍT 2-45/DF012D	23,375
1907	784203-1	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM (1PCS)	MŨI VẶN VÍT (PH 2)X65MM (1 CÁI)	39,875
1908	784206-5	PHILLIPS BIT (PH 2)X110MM (1PCS)	MŨI VẶN VÍT (PH 2)X110MM (1 CÁI)	83,875
1909	784221-9	PHILLIPS BIT (PH 2)X250MM (1PCS)	MŨI VẶN VÍT (PH 2)X250MM (1 CÁI)	244,750
1910	784229-3	PHILLIPS BIT (PH 2)X45MM (1PCS)	MŨI VẶN VÍT (PH 2)X45MM (1 CÁI)	56,375
1911	784230-8	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM (1PCS)	MŨI VẶN VÍT (PH 2)X65MM (1 CÁI)	61,875
1912	784243-9	BIT 1-45/DF012D	MŨI VÍT 1-45/DF012D	17,875
1913	784244-7	SCREW BIT 2-50/DA333D	MŨI VÍT 2-50/DA333D	17,875
1914	784261-7	BIT 2-25/FS4000	MŨI VÍT 2-25/FS4000	12,375
1915	784402-5	SOCKET BIT 7-55	MŨI TUÝP LỤC GIÁC 7-55	236,500
1916	784403-3	SOCKET BIT 8-55	MŨI TUÝP LỤC GIÁC 8-55	242,000
1917	784406-7	SOCKET BIT 10-70	MŨI TUÝP LỤC GIÁC 10-70	242,000
1918	784614-0	BIT 2-45 (PH2 - SL0.8)X45MM	MŨI VẶN VÍT 2-45 (PH2 - SL0.8)X45MM	61,875
1919	784636-0	BIT 2-65/DF347D	MŨI VÍT 2-65/DF347D	23,375
1920	784801-1	MAGNETIC BIT HOLDER 6.35-76	GIỮ MŨI BẰNG TỪ TÍNH 6.35-76	138,875
1921	784802-9	MAGNETIC SOCKET BIT 3/8-65/6802BV	ĐẦU CHUYỂN 3/6802BV	500,500
1922	784811-8	MAGNETIC CONNECT BIT 6.35-60/6821	CHUÔI GÀI KẾT NỐI 6.35-60/6821	83,875
1923	784813-4	MAGNETIC BIT HOLDER 6.35-60	ĐẦU GIỮ MŨI CÓ NAM CHÂM 6.35-60	156,750
1924	791121-6	T.C.T. HAMMER BIT 18-380	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 18-380	1,504,800
1925	791133-9	T.C.T. HAMMER BIT 20-525	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 20-525	2,292,400
1926	792077-6	MITER SAW BLADE 255	LƯỠI CƯA ĐA GÓC 255	4,356,000
1927	792078-4	MITER SAW BLADE 255	LƯỠI CƯA ĐA GÓC 255	5,377,625
1928	792148-9	RECIPRO SAW BLADE 165MM	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 165MM	374,000
1929	792149-7	RECIPRO SAW BLADE NO.24	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM NO.24	814,000
1930	792264-7	DIE	KHUÔN DẬP	2,147,200
1931	792265-5	PUNCH	MŨI ĐỘT	866,800
1932	792287-5	SHEAR BLADES SET	BỘ LƯỠI CẮT TÔN	1,089,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1933	792292-2	DIE	KHUÔN DẬP	873,125
1934	792392-8	CHISEL T. COMBI. SAW BLADE 210/	LƯỠI CƯA 210	889,625
1935	792443-7	DIAMOND WHEEL 80/9803	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 80 325M/9803	3,278,000
1936	792518-2	JIG SAW BLADE B-17	LƯỠI CƯA LỌNG B-17	151,250
1937	792533-6	SIDE BLADE SET	LƯỠI CẮT CẠNH	1,578,500
1938	792534-4	CENTER BLADE	LƯỠI CẮT THẲNG	1,956,625
1939	792536-0	SIDE BLADE SET	LƯỠI CẮT CẠNH	1,337,600
1940	792537-8	CENTER BLADE	LƯỠI CẮT THẲNG	2,530,000
1941	792556-4	BAND SAW BLADE 18 (H.S.STEEL	LƯỠI CƯA VÒNG 18 (H.S.STEEL)	845,625
1942	792557-2	BAND SAW BLADE 14 (H.S. STEEL)	LƯỠI CƯA VÒNG 14 (H.S. STEEL)	845,625
1943	792558-0	BAND SAW BLADE 24 (C.STEEL)	LƯỠI CƯA VÒNG 24 (C.STEEL)	1,100,000
1944	792559-8	BAND SAW BLADE 18 (C.STEEL)	LƯỠI CƯA VÒNG 18 (C.STEEL)	1,067,000
1945	792560-3	BAND SAW BLADE 14 (C.STEEL)	LƯỠI CƯA VÒNG 14 (C.STEEL)	1,100,000
1946	792567-9	BAND SAW BLADE 6 (C.S.) F/WOOD	LƯỠI CƯA VÒNG 6 CHO GỖ	1,100,000
1947	792691-8	JIG SAW BLADE NO.B-10S	LƯỠI CƯA LỌNG HỢP KIM NO.B-10S	250,250
1948	792707-9	RECIPRO SAW BLADE 23B	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 23B	350,625
1949	792728-1	PUNCH	MŨI ĐỘT	990,000
1950	792731-2	DIAMOND WHEEL 80-325N/9803	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 80-325N/9803	3,273,600
1951	793009-6	T.C.T. PLANER BLADE 110	BỘ LƯỠI BÀO 110 (2 LƯỠI/ 1 BỘ)	4,622,750
1952	793018-5	PLANER BLADE 306	BỘ LƯỠI BÀO 306 (2 LƯỠI/ 1 BỘ)	2,044,625
1953	793019-3	PLANER BLADE 400	BỘ LƯỠI BÀO 410 (2 LƯỠI/ 1 BỘ)	3,432,000
1954	793126-2	STRAIGHT BIT 8	MŨI PHAY THẲNG 8	451,000
1955	793346-8	PLANER BLADE 306	BỘ LƯỠI BÀO 360 (2 LƯỠI/ 1 BỘ)	1,267,750
1956	794050-2	WHEEL POINT 1- 5-60	MŨI MÀI THẲNG 1- 5-60	589,875
1957	794051-0	WHEEL POINT 1- 6-60	MŨI MÀI THẲNG 1- 6-60	418,000
1958	794052-8	WHEEL POINT 1- 8-60	MŨI MÀI THẲNG 1- 8-60	528,000
1959	794053-6	WHEEL POINT 1-10-60	MŨI MÀI THẲNG 1-10-60	529,200
1960	794054-4	WHEEL POINT 2- 5-60	MŨI MÀI THẲNG 2- 5-60	789,250
1961	794055-2	WHEEL POINT 2- 6-60	MŨI MÀI THẲNG 2- 6-60	789,250
1962	794057-8	WHEEL POINT 2-10-60	MŨI MÀI THẲNG 2-10-60	712,250
1963	794059-4	WHEEL POINT 3-10-60	MŨI MÀI THẲNG 3-10-60	822,800
1964	794060-9	DRESSING STONE 180-1200	ĐÁ MÀI 180-1200	355,050
1965	794061-7	DRESSING STONE 150-1200	ĐÁ MÀI 150-1200	301,050
1966	794065-9	ABRASIVE DISC 100 #24	ĐĨA NHÁM 100 #24	513,000
1967	794066-7	ABRASIVE DISC 100 #30	ĐĨA NHÁM 100 #30	464,400
1968	794067-5	ABRASIVE DISC 100 #50	ĐĨA NHÁM 100 #50	480,600
1969	794068-3	ABRASIVE DISC 100 #80	ĐĨA NHÁM 100 #80	459,000
1970	794069-1	ABRASIVE DISC 100 #120	ĐĨA NHÁM 100 #120	432,000
1971	794070-6	ABRASIVE DISC 150 #24	ĐĨA NHÁM 150 #24	793,800
1972	794071-4	ABRASIVE DISC 150 #30	ĐĨA NHÁM 150 #30	793,800
1973	794072-2	ABRASIVE DISC 150 #50	ĐĨA NHÁM 150 #50	761,400
1974	794073-0	ABRASIVE DISC 150 #80	ĐĨA NHÁM 150 #80	696,600

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
1975	794074-8	ABRASIVE DISC 150 #120	ĐĨA NHÁM 150 #120	675,000
1976	794091-8	ABRASIVE DISC 180 #16	ĐĨA NHÁM 180 #16	955,800
1977	794093-4	ABRASIVE DISC 180 #24	ĐĨA NHÁM 180 #24	842,400
1978	794094-2	ABRASIVE DISC 180 #50	ĐĨA NHÁM 180 #50	826,200
1979	794095-0	ABRASIVE DISC 180 #80	ĐĨA NHÁM 180 #80	745,200
1980	794096-8	ABRASIVE DISC 125 #24	ĐĨA NHÁM 125 #24	653,400
1981	794097-6	ABRASIVE DISC 125 #30	ĐĨA NHÁM 125 #30	583,200
1982	794098-4	ABRASIVE DISC 125 #50	ĐĨA NHÁM 125 #50	599,400
1983	794099-2	ABRASIVE DISC 125 #80	ĐĨA NHÁM 125 #80	556,200
1984	794100-3	ABRASIVE DISC 125 #120	ĐĨA NHÁM 125 #120	572,400
1985	794104-5	ABRASIVE DISC 115 #24	ĐĨA NHÁM 115 #24	507,600
1986	794105-3	ABRASIVE DISC 115 #30	ĐĨA NHÁM 115 #30	518,400
1987	794106-1	ABRASIVE DISC 115 #50	ĐĨA NHÁM 115 #50	432,000
1988	794107-9	ABRASIVE DISC 115 #80	ĐĨA NHÁM 115 #80	421,200
1989	794108-7	ABRASIVE DISC 115 #120	ĐĨA NHÁM 115 #120	426,600
1990	794156-6	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #60	73,440
1991	794157-4	ABRASIVE PAPER 93X228 #100	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #100	69,120
1992	794159-0	FOAM POLISHING PAD FOR DRILL 125M	TẤM ĐỆ ĐÁNH BÓNG DÙNG CHO MÁY	409,050
1993	794173-6	WOOL BONNET FOR DRILL 100MM	ĐỆM LÔNG CỪU DÙNG CHO MÁY KHOA	290,250
1994	794176-0	WOOL BONNET 180	MŨ ĐÁNH BÓNG 180	710,100
1995	794180-9	GRINDING WHEEL 100-46	ĐÁ MÀI 100-46	839,700
1996	794195-6	ABRASIVE PAPER SET 114X100 FOR BO4	GIẤY CHÀ NHÁM 114X100 FOR BO4510	39,150
1997	794214-8	ABRASIVE PAPER 114X140 #150	GIẤY CHÀ NHÁM 114X140 #150	64,800
1998	794218-0	ABRASIVE DISC 180 #30	ĐĨA NHÁM 180 #30	891,000
1999	794219-8	ABRASIVE DISC 150 #100	ĐĨA NHÁM 150 #100	702,000
2000	794221-1	ABRASIVE DISC 180 #120	ĐĨA NHÁM180 #120	723,600
2001	794227-9	ABRASIVE DISC 100 #100	ĐĨA NHÁM 100 #100	432,000
2002	794229-5	FLEX. GRINDING WHEEL 100-60	ĐÁ MÀI MỀM 100-60	529,200
2003	794274-0	ABRASIVE DISC 150 #60	ĐĨA NHÁM 150 #60	280,800
2004	794277-4	ABRASIVE DISC 150 #150	ĐĨA NHÁM 150 #150	237,600
2005	794324-1	WIRE CUP BRUSH 90 M16X2	CHỔI KIM LOẠI 90 M16X2	1,352,160
2006	794325-9	WIRE CUP BRUSH 110 M16X2	CHỔI KIM LOẠI 110 M16X2	1,766,880
2007	794329-1	STRAIGHT CUP WHEEL 125-20/24	ĐÁ MÀI THẲNG 125-20/24	1,308,960
2008	794330-6	STRAIGHT CUP WHEEL 125-46/60	ĐÁ MÀI THẲNG 125-46/60	1,308,960
2009	794372-0	WIRE CUP BRUSH 110 M14X2	CHỔI KIM LOẠI 110 M14X2	1,749,600
2010	794379-6	NYLON BRUSH WHEEL 120-100	CHỔI NYLON 120-100	5,498,550
2011	794380-1	SLIT PAPER WHEEL 120-40 (FOR RUST A	ĐĨA NHÁM (ĐÁNH GỈ VÀ SƠN)	5,934,600
2012	794381-9	COTTON BUFF WHEEL 120 (FOR POLISH	ĐĨA ĐÁNH BÓNG 120	5,782,050
2013	794382-7	WIRE BRUSH WHEEL120 (FOR RUST REI	ĐĨA ĐÁNH GỈ 120	4,450,950
2014	794383-5	NYLON BRUSH WHEEL 120-240	CHỔI NYLON 120-240	5,367,600
2015	794384-3	NYLON BRUSH WHEEL 120-80	CHỔI NYLON 120-80	5,934,600
2016	794471-8	ABRASIVE PAPER 93X228 #80	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #80	77,760

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2017	794542-1	SANDING PAPER 60/DBO180	GIẤY CHÀ NHÁM 60/DBO180	306,450
2018	794543-9	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 125MM-	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 125	306,450
2019	794544-7	ABRASIVE DISC WA120 125X120	GIẤY CHÀ NHÁM WA120 125X120	279,450
2020	794545-5	ABRASIVE DISC 125 #180	ĐĨA NHÁM 125 #180	376,650
2021	794546-3	ABRASIVE DISC 125 #240	ĐĨA NHÁM 125 #240	349,650
2022	794558-6	SPONGE PAD	TẤM ĐỆM BỌT BIỂN	469,800
2023	794560-9	WOOL PAD	MŨ ĐÁNH BÓNG	415,800
2024	794562-5	ABRASIVE PAPER 93X228 # 80	GIẤY CHÀ NHÁM BĂNG 93X228 # 80	140,400
2025	794608-7	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150	469,800
2026	794609-5	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150	437,400
2027	794610-0	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150	437,400
2028	794611-8	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150	437,400
2029	794612-6	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150	437,400
2030	794613-4	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150	437,400
2031	798299-6	SLOTTED BIT (SL1.0X6.35)X45MM	VÍT (SL1.0X6.35)X45MM	272,250
2032	798300-7	SLOTTED BIT (SL1.2X8.0)X45MM	VÍT (SL1.2X8.0)X45MM	308,000
2033	798301-5	SLOTTED BIT (SL 0.6X5.0)X45MM	VÍT (SL 0.6X5.0)X45MM	301,125
2034	798302-3	SLOTTED BIT (SL1.2X8.0)X70MM	VÍT (SL1.2X8.0)X70MM	350,625
2035	798303-1	SLOTTED BIT (SL1.2X10.0)X52MM	VÍT (SL1.2X10.0)X52MM	372,625
2036	798308-1	PHILLIPS BIT (PH 2)X45MM	VÍT (PH 2)X45MM	94,875
2037	798309-9	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM	VÍT (PH 2)X65MM	127,875
2038	798310-4	PHILLIPS BIT (PH 3)X45MM	VÍT (PH 3)X45MM	244,750
2039	798311-2	PHILLIPS BIT (PH 3)X65MM	VÍT (PH 3)X65MM	228,250
2040	798337-4	PHILLIPS BIT (PH 2)X110MM	VÍT (PH 2)X110MM	372,625
2041	798338-2	PHILLIPS BIT (PH 2)X150MM	VÍT (PH 2)X150MM	440,000
2042	798339-0	PHILLIPS BIT (PH 3)X110MM	VÍT (PH 3)X110MM	511,500
2043	798383-7	COLD CHISEL 28-410/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 28-410/HM1812	1,430,000
2044	798385-3	RAMMER 200/HM1812	ĐẦM NỆN 200/HM1812	7,062,000
2045	821080-1	WOODEN CARRYING CASE/1804N	THÙNG MÁY/1804N	2,749,950
2046	821524-1	PLASTIC CARRYING CASE/DHP486	HỘP NHỰA BẢO VỆ/DHP486	774,900
2047	821549-5	MAKPAC CASE 1 (396X296X105MM)	THÙNG MAKPAC (396X296X105MM)	868,050
2048	821550-0	MAKPAC CASE 2 (395X295X155MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X155MM)	1,058,400
2049	821551-8	MAKPAC CASE 3 (406X305X229MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X210MM)	1,221,750
2050	821552-6	MAKPAC CASE 4 (395X295X315MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X315MM)	1,506,600
2051	821645-9	PLASTIC CARRYING CASE/DFS251	HỘP ĐỰNG MÁY/DFS251	589,950
2052	821709-9	PLASTIC CARRYING CASE/TL064D	HỘP NHỰA BẢO VỆ/TL064D	591,300
2053	821723-5	PLASTIC CARRYING CASE/DA333D	THÙNG MÁY/DA333D	459,000
2054	821746-3	PLASTIC CASE/DHR400	THÙNG MÁY BẰNG NHỰA/DHR400	1,113,750
2055	821817-6	PLASTIC CASE/GA403D	THÙNG MÁY/GA403D	731,700
2056	821822-3	CARRY CASE/DVP181	THÙNG MÁY/DVP181	1,020,600
2057	821857-4	PLASTIC CARRYING CASE/DTD172	HỘP NHỰA BẢO VỆ/DTD172	780,300
2058	821929-5	PLASTIC CASE/TW009G/TW010G	HỘP ĐỰNG MÁY/TW009G/TW010G	1,393,200

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2059	824789-4	PLASTIC CARRYING CASE/HR2810	THÙNG MÁY BẰNG NHỰA/HR2810	417,150
2060	824913-9	PLASTIC CARRYING CASE/HR2601	THÙNG MÁY BẰNG NHỰA/HR2601	545,400
2061	831253-8	TOOL BAG(350*220*270)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(350*220*270)	831,600
2062	831269-3	TOOL BAG	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ	1,750,950
2063	831284-7	TOOL BAG/DUP361	TÚI DỤNG CỤ/DUP361	1,035,450
2064	831304-7	ACCESSORY BAG/EBH340R	TÚI ĐỰNG/EBH340R	43,200
2065	831340-3	TOOL BAG/EK8100	TÚI DỤNG CỤ/EK8100	120,150
2066	832319-7	TOOL BAG(350x220x270)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(350x220x270)	777,600
2067	832393-5	TOOL BAG/BTC04	TÚI ĐỰNG MÁY/BTC04	355,050
2068	832411-9	TOOL BAG(500*300*300)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(500*300*300)	842,400
2069	832599-5	TOOL BAG(500*230*250)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(500*230*250)	864,000
2070	839725-7	INNER TRAY	KHAY ĐỰNG TRONG THÙNG MAKPAC	82,350
2071	839726-5	INNER TRAY	KHAY NHỰA	76,950
2072	839742-7	INNER TRAY	KHAY NHỰA	76,950
2073	A-00387	FIBER SANDING DISC 100MM #16	ĐĨA NHÁM 100MM #16	426,600
2074	A-00393	FIBER SANDING DISC 100MM #20	ĐĨA NHÁM 100MM #20	399,600
2075	A-00418	FIBER SANDING DISC 100MM #14	ĐĨA NHÁM 100MM #14	453,600
2076	A-00424	FIBER SANDING DISC 100MM #14	ĐĨA NHÁM 100MM #14	583,200
2077	A-01351	CUT-OFF WHEEL 355x3x25.4MM	ĐÁ CẮT 355X3X25.4MM	1,166,400
2078	A-02200	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	3,225,200
2079	A-02216	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	8,060,800
2080	A-02303	RECIPRO SAW BLADE 150-4T	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 150-4T	284,625
2081	A-02319	RECIPRO SAW BLADE 150-10T	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 150-10T	284,625
2082	A-02624	UNIVERSAL SAW BLADE 160	LƯỠI CƯA ĐA NĂNG 160	3,102,000
2083	A-02680	DIAMOND WHEEL 7" US 185MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 7" US 185MM	2,466,750
2084	A-02705	DIAMOND BLADE 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	7,194,000
2085	A-02761	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	4,488,000
2086	A-02777	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	7,405,200
2087	A-02808	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	2,046,000
2088	A-02814	DIAMOND WHEEL 180MM (SEGMENTED	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 180	3,335,200
2089	A-02820	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	4,510,000
2090	A-02842	DIAMOND WHEEL 110MM US	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110MM US	1,738,000
2091	A-05050	CUT-OFF WHEEL 405x3x25.4MM	ĐÁ CẮT 405X3X25.4MM	7,418,250
2092	A-07331	DIAMOND WHEEL 5" US 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG5" US 125MM	2,662,000
2093	A-07381	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	4,624,400
2094	A-07397	PLANER BLADE 80MM	BỘ LƯỠI BÀO 80MM (2 LƯỠI/1 BỘ)	321,200
2095	A-14065	ABRASIVE PAPER 115-60/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-60/STD	175,500
2096	A-14071	ABRASIVE PAPER 115-80/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-80/STD	170,100
2097	A-14087	ABRASIVE PAPER 115-100/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-100/STD	170,100
2098	A-14093	ABRASIVE PAPER 115-120/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-120/STD	170,100
2099	A-14102	ABRASIVE PAPER 115-150/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-150/STD	164,700
2100	A-14118	ABRASIVE PAPER 115-180/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-180/STD	164,700

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2101	A-14124	ABRASIVE PAPER 115-240/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-240/STD	164,700
2102	A-14130	ABRASIVE PAPER 115-60/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-60 (KHÓA DÁN)	355,050
2103	A-14146	ABRASIVE PAPER 115-80/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-80 (KHÓA DÁN)	328,050
2104	A-14152	ABRASIVE PAPER 115-100/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-100 (KHÓA DÁN)	317,250
2105	A-14168	ABRASIVE PAPER 115-120/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-120 (KHÓA DÁN)	301,050
2106	A-14174	ABRASIVE PAPER 115-150/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-150 (KHÓA DÁN)	301,050
2107	A-14180	ABRASIVE PAPER 115-180/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-180 (KHÓA DÁN)	301,050
2108	A-14196	ABRASIVE PAPER 115-240 /VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-240 (KHÓA DÁN)	301,050
2109	A-15051	DIE	KHUÔN DẬP	562,375
2110	A-16922	BISCUIT NO.0	MIẾNG GỖ GHÉP MỘNG NO.0	272,700
2111	A-16938	BISCUIT NO.10	MIẾNG GỖ GHÉP MỘNG NO.10	272,700
2112	A-16944	BISCUIT NO.20	MIẾNG GỖ GHÉP MỘNG NO.20	272,700
2113	A-17457	SDS-MAX HAMMER BIT 14.3X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14.3X3	1,034,000
2114	A-17463	SDS-MAX HAMMER BIT 14.5X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14.5X3	1,050,500
2115	A-17491	SDS-MAX HAMMER BIT 17.5X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 17.5X3	1,144,000
2116	A-19875	RAMMER FOR SDS-MAX 140MM	MŨI ĐẦM SDS-MAX 140MM	2,711,500
2117	A-19881	BUSHING TOOL FOR SDS-MAX 60X60MM	MŨI ĐẦM SDS-MAX 60X60MM	1,467,125
2118	A-19897	SDS-MAX SHANK(A-19881/A-19875)	THANH NỐI CHUÔI SDS-MAX(A-19881/A	1,006,500
2119	A-21428	RAMMER 17-140	MŨI ĐẦM 17-140	3,000,250
2120	A-21434	RAMMER 21-140	MŨI ĐẦM 21-140	3,089,625
2121	A-21484	BUSHING TOOL 17HEX	MŨI ĐẦM BÊ TÔNG CHUÔI LỤC GIÁC 17	3,111,625
2122	A-21490	BUSHING TOOL 21 HEX	MŨI ĐẦM BÊ TÔNG CHUÔI LỤC GIÁC 21	3,177,625
2123	A-23313	BRUSH WHEEL/GRIT 100	CUỘN ĐÁNH CƯỚC/HẠT 100	4,730,400
2124	A-23357	BRUSH WHEEL/GRIT 240	CUỘN ĐÁNH CƯỚC/HẠT 240	4,622,400
2125	A-23363	BRUSH WHEEL/GRIT 80	CUỘN ĐÁNH CƯỚC/HẠT 80	5,097,600
2126	A-24234	SANDING BELT 100X610 CC40 5PCS/SET	GIẤY NHÁM BĂNG CỠ HẠT 100X610 CC	1,209,600
2127	A-24309	ABRASIVE BELT 100X610MM(5PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHÁM BĂNG 100X610MM(5 C	729,000
2128	A-24620	GRINDING WHEEL 200-60/9820	ĐÁ MÀI 200-60/9820	1,101,600
2129	A-25214	CLAY SPADE 105-400	MŨI XẺNG 105-400	2,333,375
2130	A-30075	GROOVING CHISEL 8-170	MŨI ĐỤC 8-170	611,875
2131	A-30106	SCRAPER ASSY 100MM	LƯỠI NẠO 100MM	2,200,000
2132	A-30617	RUBBER SLEEVE 36-38/SJ401	ỐNG CAO SU 36-38/SJ401	16,200
2133	A-31099	SCROLL SAW BLADE 0.46MM(5PCS/SET	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG BÀN 0.46MM(5 CÁI	195,250
2134	A-31108	SCROLL SAW BLADE 0.25MM(5PCS/SET	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG BÀN 0.25MM(5 CÁI	178,750
2135	A-31245	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #60	120,150
2136	A-31251	ABRASIVE PAPER 93X228 #80	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #80	114,750
2137	A-31267	ABRASIVE PAPER 93X228 #120	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #120	114,750
2138	A-31273	ABRASIVE PAPER 93X228 #180	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #180	109,350
2139	A-31289	ABRASIVE PAPER 93X228 #240	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #240	109,350
2140	A-31485	RAMMER 30-200	MŨI ĐẦM 30-200	4,155,250
2141	A-32415	SOCKET ADAPTER	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG ADAPTER(NZ	382,800
2142	A-33065	MIXING BLADE INOX 190MM	LƯỠI TRỘN SƠN INOX 190MM	1,333,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2143	A-33071	MIXING BLADE INOX 201MM	LƯỠI TRỘN SƠN INOX 201MM	1,826,000
2144	A-34229	HOSE 28-5 WITH FRONT CUFFS 22/38	ỐNG MỀM 28-5 VỚI VÒNG GĂNG TRƯỚ	1,702,350
2145	A-34235	HOSE COMP 28-1.5	VÒI HÚT BỤI	905,850
2146	A-34447	ABRASIVE BELT 9X533-A40(10PCS/SET)/	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A40(10 CÁI/BỘ	496,800
2147	A-34453	ABRASIVE BELT 9X533-A60(10PCS/SET)/	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A60(10 CÁI/BỘ	469,800
2148	A-34469	ABRASIVE BELT 9X533-A80(10PCS/SET)/	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A80(10 CÁI/BỘ	459,000
2149	A-34475	ABRASIVE BELT 9X533-A100(10PCS/SET	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A100(10 CÁI/B	442,800
2150	A-34481	ABRASIVE BELT 9X533-A120(10PCS/SET	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A120(10 CÁI/B	448,200
2151	A-34512	ABRASIVE BELT 6X533-A40(10PCS/SET)/	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A40(10 CÁI/BỘ	475,200
2152	A-34528	ABRASIVE BELT 6X533-AA60(10 PCS/SE	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A60(10 CÁI/BỘ	437,400
2153	A-34534	ABRASIVE BELT 6X533-A80(10PCS/SET)/	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A80(10 CÁI/BỘ	432,000
2154	A-34540	ABRASIVE BELT 6X533-A100(10PCS/SET	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A100(10 CÁI/B	415,800
2155	A-34556	ABRASIVE BELT 6X533-A120(10PCS/SET	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A120(10 CÁI/B	415,800
2156	A-34562	ABRASIVE BELT 13X533-A40(10PCS/SET	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A40(10 CÁI/B	518,400
2157	A-34578	ABRASIVE BELT 13X533-A60(10PCS/SET	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A60(10 CÁI/B	496,800
2158	A-34584	ABRASIVE BELT 13X533-A80(10PCS/SET	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A80(10 CÁI/B	480,600
2159	A-34590	ABRASIVE BELT 13X533-A100(10PCS/SE	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A100(10 CÁI/	459,000
2160	A-34609	ABRASIVE BELT 13X533-A120(10PCS/SE	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A120(10 CÁI/	459,000
2161	A-34827	ABRASIVE BELT 6X533-AA150(10PCS/SE	GIẤY CHÀ NHÁM VÒNG 6X533-AA150 (1	351,000
2162	A-34833	ABRASIVE BELT 6X533-AA240(10PCS/SE	GIẤY CHÀ NHÁM VÒNG 6X533-AA240 (1	351,000
2163	A-34849	ABRASIVE BELT 9X533-AA150(10PCS/SE	GIẤY CHÀ NHÁM VÒNG 9X533-AA150 (1	378,000
2164	A-34855	ABRASIVE BELT 9X533-AA240(10PCS/SE	GIẤY CHÀ NHÁM VÒNG 9X533-AA240 (1	378,000
2165	A-34861	ABRASIVE BELT 13X533-AA150(10PCS/S	GIẤY CHÀ NHÁM VÒNG 13X533-AA150 (	394,200
2166	A-34877	ABRASIVE BELT 13X533-AA240(10PCS/S	GIẤY CHÀ NHÁM VÒNG 13X533-AA240 (	388,800
2167	A-35726	AUTO REFRESH ADAPTOR	BỘ XẢ PIN	6,048,000
2168	A-36712	TYPE 43 DRILL STAND	BÀN KHOAN 43	5,755,750
2169	A-42248	SHEAR BLADE	LƯỠI CẮT TÔN	1,183,600
2170	A-43670	MIXING BLADE 130	LƯỠI TRỘN SƠN 130	323,125
2171	A-43686	MIXING BLADE 150	LƯỠI TRỘN SƠN 150	830,500
2172	A-43692	MIXING BLADE 165	LƯỠI TRỘN SƠN 165	367,125
2173	A-43701	MIXING BLADE ALUMINIUM 175MM	LƯỠI TRỘN SƠN NHÔM 175MM	475,750
2174	A-43717	MIXING BLADE	LƯỠI TRỘN SƠN	922,625
2175	A-43723	MIXING BLADE ALUMINIUM 135MM	LƯỠI TRỘN SƠN NHÔM 135MM	440,000
2176	A-43739	MIXING BLADE ALUMINIUM 183MM	LƯỠI TRỘN SƠN NHÔM 183MM	709,500
2177	A-43773	SHAFT COMPLETE / UT2204	THANH TRỤC / UT2204	1,083,500
2178	A-44644	CLAY SPADE 140-546/HM1812	MŨI XẺNG 140-546/HM1812	5,412,000
2179	A-45456	TUNGSTEN CARBIDE-TIPPED BIT 19X28	MŨI KHOAN HỢP KIM 19X280MM	1,188,000
2180	A-45587	TUNGSTEN CARBIDE-TIPPED BIT 16X50	MŨI KHOAN HỢP KIM 16X505MM	1,500,400
2181	A-47276	GROUND ROD ADAPTER	MŨI ĐÓNG CỌC	383,625
2182	A-47391	CLAY SPADE 130-460	MŨI XẺNG 130-460	3,245,000
2183	A-47846	WIDE TYPE	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI RỘNG ĐẦU	949,050
2184	A-48430	PAPER FILTER SET FOR DRY DUST EXC	TÚI BỤI GIẤY DÀNH CHO HÚT BỤI KHÔ	360,450

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2185	A-48555	GROOVING CHISEL 22-280	MŨI ĐỤC 22-280	966,625
2186	A-48561	GROOVING CHISEL FOR HEX SHANK HA	MŨI ĐỤC CHUÔI LỤC GIÁC 17MM(26-28	666,875
2187	A-48957	ROTARY BLADE 160/DLM160	LƯỠI CẮT XOAY 160/DLM160	506,000
2188	A-49541	DUST PAPER FILTER 7L	TÚI GIẤY LỌC BỤI 7L	371,250
2189	A-49585	TORSION SCREW BIT (PH 2)X85MM	VÍT TORSION (PH 2)X85MM	275,000
2190	A-49915	SHEAR BLADE 350MM	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 350MM	1,134,375
2191	A-50924	DOUBLE ENDED SILVER TORSION SCRE	MŨI VÍT TORSION BẠC 2 ĐẦU (PH 2)X65	209,000
2192	A-50952	DOUBLE ENDED SLIVER TORSION SCRE	MŨI VÍT TORSION 2 ĐẦU (PH 2)X85MM	220,000
2193	A-50980	DOUBLE ENDED SLIVER TORSION SCRE	MŨI VÍT TORSION 2 ĐẦU (PH 2)X110MM	258,500
2194	A-52897	TORSION SCREW BIT (PH 1)X110MM 3PC	VÍT TORSION (PH 1)X110MM 3PC	264,000
2195	A-52912	TORSION SCREW BIT (PH 3)X110MM 3PC	MŨI VÍT 2 ĐẦU TORSION BẠC (PH3)X11(	264,000
2196	A-54368	SDS-PLUS BIT 8.5X165MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS BIT 8.5X165MM	291,500
2197	A-54617	SDS-PLUS BIT 21.5X165MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 21.5X165MM	1,078,000
2198	A-55924	RECEIVER SET	BỘ NHẬN TÍN HIỆU	25,154,250
2199	A-56889	ATTACHMENT SET	TÚI CHỨA BỤI	259,200
2200	A-57504	TORSION SCREW BIT (PH 2)X120MM 3PC	MŨI VÍT TORSION (PH 2)X120MM 3PCS	242,000
2201	A-58154	ANTI-GLARE FILM/DML805	MÀN CHỐNG CHÓI/DML805	100,375
2202	A-58914	SEMI LONG SOCKET BIT 8MM	ĐẦU TUÝP CHUÔI LỤC GIÁC 8MM	198,000
2203	A-58920	SEMI LONG SOCKET BIT 10MM	ĐẦU TUÝP CHUÔI LỤC GIÁC 10MM	209,000
2204	A-58936	SEMI LONG SOCKET BIT 12MM	ĐẦU TUÝP CHUÔI LỤC GIÁC 12MM	220,000
2205	A-58958	SEMI LONG SOCKET BIT 14MM	ĐẦU TUÝP CHUÔI LỤC GIÁC 14MM	225,500
2206	A-58964	SEMI LONG SOCKET 17MM	ĐẦU TUÝP CHUÔI LỤC GIÁC 17MM	247,500
2207	A-58970	SEMI LONG SOCKET 19MM	ĐẦU TUÝP CHUÔI LỤC GIÁC 19MM	247,500
2208	A-58986	SEMI LONG SOCKET 21MM	ĐẦU TUÝP CHUÔI LỤC GIÁC 21MM	247,500
2209	A-58992	SEMI LONG SOCKET BIT 24MM	ĐẦU TUÝP CHUÔI LỤC GIÁC 24MM	363,000
2210	A-59570	TWIST TORSION BIT (PH 2)X90MM 3PCS	MŨI VÍT XOẮN (PH 2)X90MM BỘ 3 CÁI	247,500
2211	A-59586	TWIST TORSION BIT (PH 2)X120MM 3PC	MŨI VÍT XOẮN (PH 2)X120MM BỘ 3 CÁI	286,000
2212	A-59617	DOUBLE ENDED TWIST TORSION SCRE	ĐẦU VÍT TORSION XOẮN KÉP (PH2 SLIN	302,500
2213	A-59623	DOUBLE ENDED TWIST TORSION SCRE	ĐẦU VÍT TORSION XOẮN KÉP (PH2 SLIN	357,500
2214	A-60551	ACCESSORY TRAY	KHAY NHỰA CHỨA PHỤ KIỆN	2,268,000
2215	A-62066	DUST COLLECTION PAD 38	MIẾNG ĐỆM THU BỤI 38	1,857,600
2216	A-67315	DC WHITE TIP SAW BLADE(230MMX32T	LƯỠI CƯA TCT(230MMX32T)	555,500
2217	A-67321	DC WHITE TIP SAW BLADE(255MMX36T	LƯỠI CƯA TCT(255MMX36T)	666,875
2218	A-67402	TCT SAW BLADE 150MM FOR DRYWALL	LƯỠI CƯA TCT CHO THẠCH CAO 150X2	1,828,750
2219	A-67424	TCT SAW BLADE FOR THICK METAL 15(	LƯỠI CƯA HỢP KIM 150×20×32T	1,017,500
2220	A-68161	SCRAPER ASSEMBLY FOR SDS-PLUS HA	MŨI LÓC SDS-PLUS 100X160MM	2,200,000
2221	A-68666	WORK GROVE M	GĂNG TAY LÀM VIỆC SIZE M	907,200
2222	A-68672	WORK GROVE L	GĂNG TAY LÀM VIỆC SIZE L	907,200
2223	A-68937	LONG JOINT 200MM	ĐẦU VÍT NỐI DÀI 200MM	506,000
2224	A-68943	LONG JOINT 300MM	ĐẦU VÍT NỐI DÀI 300MM	814,000
2225	A-68959	LONG JOINT 600MM	ĐẦU VÍT NỐI DÀI 600MM	836,000
2226	A-69272	MALE DIE 38-70MM/TC300DRG	MŨI ÉP COS 38-70MM/TC300DRG	2,844,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2227	A-69288	MALE DIE 80-150MM/TC300DRG	MŨI ÉP COS 80-150MM/TC300DRG	2,844,875
2228	A-69319	FEMALE DIE 14-38MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 14-38MM/TC300DRG	3,311,000
2229	A-69325	FEMALE DIE 60-70MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 60-70MM/TC300DRG	3,311,000
2230	A-69331	FEMALE DIE 80-100MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 80-100MM/TC300DRG	3,311,000
2231	A-69347	FEMALE DIE 150MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 150MM/TC300DRG	3,311,000
2232	A-69397	YOKE FOR COMPRESSION DIE/TC300DR	KHUÔN BẤM COS/TC300DRG	12,288,375
2233	A-69440	T DIE 27-44MM/TC300DRG	MŨI BẤM COS 27-44MM/TC300DRG	4,867,500
2234	A-69456	T DIE 45-60MM/TC300DRG	MŨI BẤM COS 45-60MM/TC300DRG	4,867,500
2235	A-69462	T DIE 61-76MM /TC300DRG	MŨI BẤM COS 61-76MM /TC300DRG	4,867,500
2236	A-69478	T DIE 77-98MM/TC300DRG	MŨI BẤM COS 77-98MM/TC300DRG	4,867,500
2237	A-69484	T DIE 99-122MM/TC300DRG	MŨI BẤM COS 99-122MM/TC300DRG	4,867,500
2238	A-69490	T DIE 123-154MM/TC300DRG	MŨI BẤM COS 123-154MM/TC300DRG	4,867,500
2239	A-69509	T DIE 155-190MM/TC300DRG	MŨI BẤM COS 155-190MM/TC300DRG	4,867,500
2240	A-69515	T DIE 191-240MM/TC300DRG	MŨI BẤM COS 191-240MM/TC300DRG	4,867,500
2241	A-69593	CABLE CUTTER/TC300DRG	ĐẦU CẮT DÂY ĐIỆN/TC300DRG	28,620,625
2242	A-70334	FIXED BLADE 160/DLM160	LƯỠI CẮT CỐ ĐỊNH 160/DLM160	533,500
2243	A-70459	SHEAR BLADE 500MM/DUH504S	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH504S	2,422,750
2244	A-71093	SHOULDER BELT/CW001G	DÂY ĐEO VAI/CW001G/CW001G	109,350
2245	A-71205	BRUSH NOZZLE SET	ĐẦU DẠNG CHỔI	313,200
2246	A-71211	WIPER NOZZLE SET	ĐẦU GẠT NƯỚC	302,400
2247	A-71227	FLEXIBLE HOSE SET	ỐNG MỀM	302,400
2248	A-80117	DIAMOND WHEEL 180 (WET)	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180 (ƯỚT)	3,344,000
2249	A-80391	JIG SAW BLADE NO.B-28	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B-28	301,125
2250	A-80400	JIG SAW BLADE NO.B-29	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B-29	272,250
2251	A-80416	JIG SAW BLADE NO.B-K	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B-K	517,000
2252	A-80438	D.WHEEL 125X22.23	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125X22.23	1,534,500
2253	A-80472	DIAMOND CORE BIT 80	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 80	5,847,600
2254	A-80488	DIAMOND CORE BIT 105	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 105	7,590,000
2255	A-80494	DIAMOND CORE BIT 120	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 120	7,554,800
2256	A-80569	COLD CHISEL 17X280	MŨI ĐỤC DẸP 17X280	236,500
2257	A-80656	DC GRINDING WHEEL 125X6X22.23	ĐÁ MÀI 125X6X22.23	59,400
2258	A-80690	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	2,794,000
2259	A-80709	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	4,180,000
2260	A-80830	TILE CHISEL 50X300 SDS-MAX	MŨI ĐỤC GẠCH 50X300 SDS-MAX	654,500
2261	A-80846	GRINDING WHEEL/STAINLESS/DEPRESS	ĐÁ MÀI KIM LOẠI TÂM TRŨNG /150X6.0	79,650
2262	A-80852	GRINDING WHEEL 100X6X16	ĐÁ MÀI 100X6X16	36,450
2263	A-80880	GRINDING WHEEL 180X6X22	ĐÁ MÀI 180X6X22	109,350
2264	A-80896	GRINDING WHEEL/STAINLESS/DEPRESS	ĐÁ MÀI KIM LOẠI TÂM TRŨNG/230X6.0	180,900
2265	A-80911	GRINDING WHEEL/METAL 100X6.0X16M	ĐÁ MÀI SẮT 100X6.0X16MM/A36P	27,000
2266	A-80933	GRINDING WHEEL 125X6X22,23	ĐÁ MÀI 125X6X22,23	43,200
2267	A-80949	GRINDING WHEEL 180X6X22	ĐÁ MÀI 180X6X22	64,800
2268	A-80955	GRINDING WHEEL/METAL/DEPRESSED/	ĐÁ MÀI KIM LOẠI TÂM TRŨNG /230X6.0	130,950

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2269	A-80961	T.C.T.SAW BLADE 255X32X30	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X32X30	1,650,000
2270	A-81365	T.C.T. SAW BLADE 110X20X30T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 110X20X30T	511,500
2271	A-81474	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X25.4X60T	1,562,000
2272	A-81505	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X60T	1,672,000
2273	A-81511	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255TX25.4X80T	1,914,000
2274	A-81577	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X120T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 405X25.4X120T	5,016,000
2275	A-81583	T.C.T SAW BLADE 510X25.4X52T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 510X25.4X52T	5,808,000
2276	A-81642	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X120T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X120T	4,334,000
2277	A-81795	T.C.T.SAW BLADE 235X30X48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X30X48T	1,562,000
2278	A-81816	T.C.T.SAW BLADE 270X30X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 270X30X40T	2,178,000
2279	A-81860	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X60T/LC12	3,339,875
2280	A-81991	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X30T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X25.4X30T	1,034,000
2281	A-82024	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X24T	1,122,000
2282	A-82030	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X30T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X30T	1,210,000
2283	A-82046	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X36T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X36T	1,386,000
2284	A-82052	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X48T	1,628,000
2285	A-82149	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X60T	2,800,875
2286	A-82286	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X80T	1,760,000
2287	A-82292	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X100T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X100T	1,914,000
2288	A-82301	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X120T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X120T	2,310,000
2289	A-82317	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X80T	2,596,000
2290	A-82345	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X80T	2,886,400
2291	A-82367	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X120T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X120T	3,845,600
2292	A-82507	T.C.T. SAW BLADE 203X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 203X25.4X60T	1,342,000
2293	A-82513	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X24T	891,000
2294	A-82529	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X40T	1,188,000
2295	A-82535	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X80T	2,477,750
2296	A-82541	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X80T	3,011,250
2297	A-82563	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X120T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X120T	3,542,000
2298	A-82600	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X100T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 405X25.4X100T	5,566,000
2299	A-82616	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X120T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 405X25.4X120T	5,874,000
2300	A-82725	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X40T	1,474,000
2301	A-82921	T.C.T. MINI PLANER BLADE 82MM	BỘ LƯỠI BÀO MINI HỢP KIM 82MM	374,000
2302	A-83951	PUNCH	MŨI ĐỘT JN1601	933,625
2303	A-84062	125MM WAVE/GRANITE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125 MM	357,500
2304	A-84084	230MM WAVE/GRANITE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	869,000
2305	A-84159	125MM WAVE/CONCRETE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG SÓNG CH	330,000
2306	A-84187	105MM SEG/CONCRETE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG SÓNG CH	198,000
2307	A-84193	105MM WAVE/CONCRETE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG SÓNG CH	220,000
2308	A-84981	DC GRINDING WHEEL 150X6X22.23	ĐÁ MÀI 150X6X22.23	54,000
2309	A-85014	T.C.T.SAW BLADE 260X30X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 260X30X60T	2,310,000
2310	A-85086	DIAMOND CORE BIT 90	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 90	6,204,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2311	A-85092	T.C.T.SAW BLADE 165X15.88X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165X15.88X24T	589,875
2312	A-85123	CUT OFF WHEEL 100X2X16	ĐÁ CẮT 100X2X16	22,950
2313	A-85139	FLEXIBLE WHEEL 100X2X16	ĐÁ MÀI MỀM 100X2X16	28,350
2314	A-85232	JIGSAW BLADE NO.B-8	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B-8	173,250
2315	A-85248	RING 20 (THICKNESS:2.0MM)	VÒNG ĐỆM 20 (MỎNG: 2.0MM)	233,750
2316	A-85313	CUT OFF WHEEL 125X2.5X22	ĐÁ CẮT 125X2.5X22	44,550
2317	A-85329	CUT OFF WHEEL 180X2.5X22	ĐÁ CẮT 180X2.5X22	51,300
2318	A-85335	CUT-OFF WHEEL/METAL/FLAT/230X2.5X	ĐÁ CẮT MỎNG CHO KIM LOẠI 230MMX	87,750
2319	A-85438	T.C.T. SAW BLADE 185X20X38T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185X20X38T	1,489,125
2320	A-85494	SOCKET 17-50	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 17-50	247,500
2321	A-85503	SOCKET 17-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 17-95	550,000
2322	A-85519	SOCKET 19-50	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 19-50	247,500
2323	A-85525	SOCKET 19-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 19-95	506,000
2324	A-85531	SOCKET 21-52	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 21-52	264,000
2325	A-85547	SOCKET 21-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 21-95	511,500
2326	A-85553	SOCKET 22-52	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 22-52	247,500
2327	A-85569	SOCKET 22-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 22-95	511,500
2328	A-85575	SOCKET 24-52	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 24-52	247,500
2329	A-85581	SOCKET 24-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 24-95	511,500
2330	A-85597	DIAMOND CORE BIT 152	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 152	9,310,400
2331	A-85606	DIAMOND CORE BIT 127	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 127	9,266,400
2332	A-85612	DIAMOND CORE BIT 162	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 162	11,690,800
2333	A-85628	JIGSAW BLADE NO.B10	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B10	159,500
2334	A-85634	JIGSAW BLADE NO.B11	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B11	167,750
2335	A-85640	JIGSAW BLADE NO.B12	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B12	173,250
2336	A-85656	JIGSAW BLADE NO.B13	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B13	111,375
2337	A-85662	JIGSAW BLADE NO.B14	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B14	116,875
2338	A-85678	JIGSAW BLADE NO.B15	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B15	116,875
2339	A-85684	JIGSAW BLADE NO.B16	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B16	145,750
2340	A-85690	JIGSAW BLADE NO.B17	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B17	151,250
2341	A-85709	JIGSAW BLADE NO.B18	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B18	122,375
2342	A-85715	JIGSAW BLADE NO.B19	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B19	162,250
2343	A-85721	JIGSAW BLADE NO.B21	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B21	266,750
2344	A-85737	JIGSAW BLADE NO.B22	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B22	151,250
2345	A-85743	JIGSAW BLADE NO.B23	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B23	151,250
2346	A-85759	JIGSAW BLADE NO.B24	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B24	151,250
2347	A-85765	JIGSAW BLADE NO.B25	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B25	167,750
2348	A-85771	JIGSAW BLADE NO.B26	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B26	200,750
2349	A-85787	JIGSAW BLADE NO.B27	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B27	162,250
2350	A-85793	JIGSAW BLADE NO.BR13	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.BR13	127,875
2351	A-85802	JIGSAW BLADE NO.1	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.1	167,750
2352	A-85818	JIGSAW BLADE NO.10	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.10	178,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2353	A-85824	JIGSAW BLADE NO.10S	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.10S	200,750
2354	A-85830	JIGSAW BLADE NO.16	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.16	145,750
2355	A-85846	JIGSAW BLADE NO.17	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.17	167,750
2356	A-85852	JIGSAW BLADE NO.2	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.2	167,750
2357	A-85868	JIGSAW BLADE NO.3	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.3	122,375
2358	A-85874	JIGSAW BLADE NO.4	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.4	167,750
2359	A-85896	JIGSAW BLADE NO.42	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.42	272,250
2360	A-85905	JIGSAW BLADE NO.5	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.5	156,750
2361	A-85911	JIGSAW BLADE NO.8	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.8	145,750
2362	A-85927	JIGSAW BLADE NO.9	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.9	195,250
2363	A-85999	T.C.T.SAW BLADE 185X20X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185X20X40T	808,500
2364	A-86050	T.C.T.SAW BLADE 185X30X16T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185X30X16T	610,500
2365	A-86066	T.C.T.SAW BLADE 185X30X20T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185X30X20T	715,000
2366	A-86072	T.C.T.SAW BLADE 185X30X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185X30X40T	946,000
2367	A-86088	T.C.T.SAW BLADE FOR FIBRE CEMENT	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO BẢNG X	1,423,125
2368	A-86153	T.C.T. SAW BLADE 216X25.4X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 216X25.4X40T	1,556,500
2369	A-86290	JIG SAW BLADE L1	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG L1	301,125
2370	A-86309	JIG SAW BLADE L2	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG L2	222,750
2371	A-86315	JIG SAW BLADE L-10 (B-TYPE)	LƯỠI CƯA LỌNG HỢP KIM L-10	266,750
2372	A-86359	T.C.T. SAW BLADE 190X20X72T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 190X20X72T	1,364,000
2373	A-86446	T.C.T.SAW BLADE 185X20X70T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185X20X70T	1,804,000
2374	A-86561	JIG SAW BLADE NO.51	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.51	167,750
2375	A-86577	JIG SAW BLADE NO.58	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.58	162,250
2376	A-86583	JIG SAW BLADE NO.59	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.59	206,250
2377	A-86664	SHEAR BLADE(L)	LƯỠI CẮT TÔN(L)	1,534,500
2378	A-86670	SHEAR BLADE(U)	LƯỠI CẮT TÔN(U)	1,017,500
2379	A-86723	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X60T/LC12	5,533,000
2380	A-86767	T.C.T.SAW BLADE 190X20X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 190X20X60T	1,355,750
2381	A-86860	RING 16MM FOR DIAMOND WHEEL	VÒNG ĐỆM LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 16M	125,550
2382	A-86898	JIG SAW BLADE ASSORTMENT	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG (5 LOẠI)	151,250
2383	A-87127	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X78T/LC1230	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X78T/LC12	4,389,000
2384	A-87242	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X60T/LC12	2,872,375
2385	A-87317	DIAMOND WHEEL 14"(350MM)	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 14"(350MM)	6,820,000
2386	A-87482	COLD CHISEL 600MMX24MM	MŨI ĐỤC DẸP 600MMX24MM	701,250
2387	A-87535	DIAMOND CORE BIT 38X175 (DRY)	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 38X175 (K	6,510,625
2388	A-87541	DIAMOND CORE BIT 54X175 (DRY)	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 54X175 (K	6,866,750
2389	A-87557	DIAMOND CORE BIT 65X175 (DRY)	MŨI KHOAN LÕI KIM CƯƠNG 65X175 (K	7,422,250
2390	A-87563	CENTER BIT	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM	1,755,875
2391	A-87579	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X76T/LC1230	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X76T/LC12	6,517,500
2392	A-87719	GRINDING WHEEL 100X6X16	ĐÁ MÀI 100X6X16	21,600
2393	A-87884	OFF SET DIAMOND WHEEL 115MM	LƯỠI KIM CƯƠNG BÀO BÊ TÔNG 115MM	4,210,800
2394	A-88054	ROUTER BIT SET 8MMSHANK (12PC)	BỘ MŨI PHAY CHUÔI 8MM (12CÁI)	3,278,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2395	A-88490	FLEXIBLE WHEEL 180X3X22	ĐÁ MÀI MỀM 180X3X22	82,350
2396	A-88808	305MM RESCUE DIAMOND BLADE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 305MM	16,566,000
2397	A-89523	HEDGE TRIMER ATTACHMENT	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO	9,372,000
2398	A-89735	CUT-OFF WHEEL 305x3.5x25.4MM	ĐÁ CẮT 305X3.5X25.4	5,913,000
2399	A-89894	RESCUE DIAMOND BLADE 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	10,450,000
2400	A-89947	TCT SAW BLADE 235X25X20T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X25X20T	728,750
2401	A-90314	T.C.T.SAW BLADE 165MMX15.88MMX40	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165MMX15.88MMX4	756,250
2402	A-90320	T.C.T.SAW BLADE 165MMX15.88MMX52	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165MMX15.88MMX5	889,625
2403	A-90473	DIAMOND WHEEL 180MM(CORRUGATE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG MÉP LIÊN TỤC 1	1,933,250
2404	A-91051	ROUTER BIT SET 1/4" SHANK (12 PC)	BỘ MŨI PHAY CHUÔI 1/4" 12 PC	3,460,875
2405	A-94524	TCT SAW BLADE 136MMX15.88MMX50T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 136MMX15.88MMX5	1,156,375
2406	A-94904	T.C.T.SAW BLADE 136MMX15.88MMX16	LƯỠI CƯA HỢP KIM 136MMX15.88MMX	473,000
2407	A-94910	T.C.T.SAW BLADE 10"X5/8"X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM10"X5/8"X24T	862,125
2408	A-94998	OFFSET DIAMOND WHEEL 125	LƯỠI KIM CƯƠNG BÀO BÊ TÔNG 125	7,089,500
2409	A-95009	OFFSET DIAMOND WHEEL 125	LƯỠI KIM CƯƠNG BÀO BÊ TÔNG 125	3,533,750
2410	A-95037	TCT SAW BLADE 136MMX15.88MMX30T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 136MMX15.88MMX3	650,375
2411	A-95794	TCT SAW BLADE FOR SUS 136MMX15.88	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO SUS 136MMX1	1,267,750
2412	A-95875	TCT SAW BLADE 185X15.88X64T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185X15.88X64T	2,044,625
2413	AB45127080	WEEDING NOZZLE WITH COVER	ĐẦU PHUN CỎ CÓ CHỤP BẢO VỆ	1,085,400
2414	ADP001G	USB ADAPTER(40V MAX)	BỘ CHUYỂN ĐỔI USB(40V MAX)	1,100,000
2415	ADP08	USB ADAPTER(12V MAX)	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN CỔNG USB(12V MA	627,000
2416	AL00000004	OUTER FLANGE/GB602	MẶT BÍCH NGOÀI/GB602	23,375
2417	AL00000005	INNER FLANGE/GB602	MẶT BÍCH TRONG/GB602	17,875
2418	AL00000044	WRENCH 10-13/GB602	CỜ LÊ 10-13/GB602	34,375
2419	AL00000045	WRENCH 8-19/GB602	CỜ LÊ 8-19/GB602	39,875
2420	AL00000062	OUTER FLANGE/GB801	MẶT BÍCH NGOÀI/GB801	39,875
2421	AL00000063	INNER FLANGE/GB801	MẶT BÍCH TRONG/GB801	39,875
2422	AS0VP007MK	ALUMINUM CASE/DVP180	HỘP ĐỰNG/DVP180	2,727,000
2423	B-00767	RECIPRO SAW BLADE NO.3023	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM NO.3023	578,875
2424	B-00795	DIAMOND WHEEL 110	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110	3,044,250
2425	B-00804	RECIPRO SAW BLADE NO.21	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM NO.21	244,750
2426	B-00810	RECIPRO SAW BLASE NO.22	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM NO.22	222,750
2427	B-00826	RECIPRO SAW BLADE NO.23	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM NO.23	151,250
2428	B-00832	RECIPRO SAW BLADE NO.24	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM NO.24	312,125
2429	B-00898	T.C.T. HOLE SAW #278 16MM	MŨI KHOÉT #278 16MM	1,600,500
2430	B-00907	T.C.T. HOLE SAW #278 18MM	MŨI KHOÉT #278 18MM	1,600,500
2431	B-00913	T.C.T. HOLE SAW #278 20MM	MŨI KHOÉT #278 20MM	1,600,500
2432	B-00929	T.C.T. HOLE SAW #278 21MM	MŨI KHOÉT #278 21MM	1,600,500
2433	B-00935	T.C.T. HOLE SAW #278 22MM	MŨI KHOÉT #278 22MM	1,600,500
2434	B-00941	T.C.T. HOLE SAW #278 25MM	MŨI KHOÉT #278 25MM	1,600,500
2435	B-00957	T.C.T. HOLE SAW #278 27MM	MŨI KHOÉT #278 27MM	1,845,250
2436	B-00963	T.C.T. HOLE SAW #278 28MM	MŨI KHOÉT #278 28MM	1,845,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2437	B-00979	T.C.T. HOLE SAW #278 30MM	MŨI KHOÉT #278 30MM	1,845,250
2438	B-00985	T.C.T. HOLE SAW #278 32MM	MŨI KHOÉT #278 32MM	2,134,000
2439	B-00991	T.C.T. HOLE SAW #278 35MM	MŨI KHOÉT #278 35MM	2,134,000
2440	B-01002	T.C.T. HOLE SAW #278 38MM	MŨI KHOÉT #278 38MM	2,466,750
2441	B-01018	T.C.T. HOLE SAW #278 40MM	MŨI KHOÉT #278 40MM	2,466,750
2442	B-01024	T.C.T. HOLE SAW #278 45MM	MŨI KHOÉT #278 45MM	2,866,875
2443	B-01030	T.C.T. HOLE SAW #278 48MM	MŨI KHOÉT #278 48MM	3,223,000
2444	B-01046	T.C.T. HOLE SAW #278 50MM	MŨI KHOÉT #278 50MM	3,223,000
2445	B-01052	T.C.T. HOLE SAW #278 55MM	MŨI KHOÉT #278 55MM	3,623,125
2446	B-01074	T.C.T. HOLE SAW #278 65MM	MŨI KHOÉT #278 65MM	5,368,000
2447	B-01080	T.C.T. HOLE SAW #278 70MM	MŨI KHOÉT #278 70MM	6,204,000
2448	B-01096	T.C.T. HOLE SAW #278 75MM	MŨI KHOÉT #278 75MM	6,688,000
2449	B-01105	T.C.T. HOLE SAW #278 80MM	MŨI KHOÉT #278 80MM	7,194,000
2450	B-01111	T.C.T. HOLE SAW #278 85MM	MŨI KHOÉT #278 85MM	7,964,000
2451	B-01127	T.C.T. HOLE SAW #278 90MM	MŨI KHOÉT #278 90MM	8,756,000
2452	B-01133	T.C.T. HOLE SAW #278 95MM	MŨI KHOÉT #278 95MM	9,108,000
2453	B-01155	T.C.T. HOLE SAW #278 110MM	MŨI KHOÉT #278 110MM	11,814,000
2454	B-01161	T.C.T. HOLE SAW #278 120MM	MŨI KHOÉT #278 120MM	14,300,000
2455	B-01177	CENTER DRILL C-6	MŨI KHOAN TRUNG TÂM C-6	261,250
2456	B-01270	JIG SAW BLADE NO.B-11	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B-11	104,500
2457	B-01286	JIG SAW BLADE NO.B-13	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B-13	66,000
2458	B-01339	JIG SAW BLADE NO.B-23	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B-23	88,000
2459	B-01367	JIG SAW BLADE NO.B-27	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG NO.B-27	104,500
2460	B-01971	NYLON CORD 2.4X5M	LƯỠI CẮT CỎ NYLON 2.4X5M	82,080
2461	B-02060	DIAMOND WHEEL 180	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180	4,268,000
2462	B-02652	T.C.T. HOLE SAW 68MM	MŨI KHOÉT HỢP KIM 68MM	6,204,000
2463	B-02808	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX60	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305MMX25.4MMX6	4,664,000
2464	B-02814	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX96	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305MMX25.4MMX9	4,950,000
2465	B-02820	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX10	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305MMX25.4MMX1	5,082,000
2466	B-02939	T.C.T. SAW BLADE 190MMX30MMX12T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 190MMX30MMX12T	676,500
2467	B-02973	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	2,178,000
2468	B-03028	DIAMOND WHEEL 105MM (DRY)	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM (KHÔ)	687,500
2469	B-03030	RECIPRO SAW BLADE NO.3030	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM NO.3030	600,875
2470	B-03822	T.C.T.SAW BLADE 305X30X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X30X60T	2,200,000
2471	B-03844	TC.T. SAW BLADE 305X30X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X30X60T	2,486,000
2472	B-04307	BRAD NAIL 15(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 15MM (5000 ĐINH/HỘP)	222,750
2473	B-04313	BRAD NAIL 20(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 20MM (5000 ĐINH/HỘP)	272,250
2474	B-04329	BRAD NAIL 25(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 25MM (5000 ĐINH/HỘP)	323,125
2475	B-04335	BRAD NAIL 30(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 30MM (5000 ĐINH/HỘP)	367,125
2476	B-04357	BRAD NAIL 35(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 35MM (5000 ĐINH/HỘP)	400,125
2477	B-04379	BRAD NAIL 40(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 40MM (5000 ĐINH/HỘP)	445,500
2478	B-04385	BRAD NAIL 45(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 45MM (5000 ĐINH/HỘP)	489,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2479	B-04391	BRAD NAIL 50(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 50MM (5000 ĐINH/HỘP)	539,000
2480	B-04400	STAPLE 10(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 10(5000 GHIM/HỘP)	206,250
2481	B-04416	STAPLE 13(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 13(5000 GHIM/HỘP)	239,250
2482	B-04422	STAPLE 16(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 16(5000 GHIM/HỘP)	272,250
2483	B-04438	STAPLE 19(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 19(5000 GHIM/HỘP)	312,125
2484	B-04444	STAPLE 22(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 22(5000 GHIM/HỘP)	339,625
2485	B-04450	STAPLE 4X25 5000PCS	ĐINH U 4X25 5000PCS	378,125
2486	B-04466	STAPLE 10X10 5000PCS	ĐINH U 10X10 5000PCS	239,250
2487	B-04472	STAPLE 10X13 5000PCS	ĐINH U 10X13 5000PCS	284,625
2488	B-04488	STAPLE 10X16 5000PCS	ĐINH U 10X16 5000PCS	312,125
2489	B-04494	STAPLE 10X19 5000PCS	ĐINH U 10X19 5000PCS	345,125
2490	B-04503	STAPLE 10X22 5000PCS	ĐINH U 10X22 5000PCS	367,125
2491	B-04519	STAPLE 10X25 5000PCS	ĐINH U 10X25 5000PCS	400,125
2492	B-04628	CERMET SAW BLADE 185X20X36T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185X20X36T	1,777,875
2493	B-04977	SANDING PAPER 95X22 A60	GIẤY CHÀ NHÁM 95X22 A60	103,680
2494	B-05000	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X24T	781,000
2495	B-05038	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 152M	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM CHO KIM LOẠI 152I	489,500
2496	B-05044	RECIPRO SAW BLADE FOR PLYWO 152M	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM CHO VÁN 152MM	562,375
2497	B-05072	T.C.T. SAW BLADE 260X30X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 260X30X40T	1,017,500
2498	B-05088	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X40T	962,500
2499	B-05131	BUMP & FEED Z5 M BRAND MHI	TĂNG GIẢM DÂY CƯỚC	723,600
2500	B-05153	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD 203M	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM CHO GỖ 203MM	511,500
2501	B-05169	RECIPROSAWBLADE GOT METAL 152M	LƯỠI CƯA KIẾM CHO KIM LOẠI 152MM	423,500
2502	B-05175	RECIPROSAWBLADE FOR WOOD 152MM	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM CHO GỖ 152MM	478,500
2503	B-05848	DELTAGON TCT HAMMER BIT 5X216MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 5X21	347,600
2504	B-06460	JIGSAW BLADE B-51	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG B-51	233,750
2505	B-06476	JIGSAW BLADE B-51	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG B-51	261,250
2506	B-06482	JIGSAW BLADE B-52	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG B-52	272,250
2507	B-06890	HM JIGSAW BLADE B60	HM BỘ LƯỠI CƯA LỌNG B60	811,250
2508	B-06909	HM JIGSAW BLADE B61	HM BỘ LƯỠI CƯA LỌNG B61	1,178,375
2509	B-06921	BULL POINT 12-220/HK1810	MŨI ĐỤC NHỌN 12-220/HK1810	324,500
2510	B-07250	RECIPROSAW BLADE FOR STAINL 152M	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM CHO INOX 152MM	1,178,375
2511	B-07353	TCT SAW BLADE 165X20X48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165X20X48T	1,333,750
2512	B-07375	NYLON CORD 3.0X4M	LƯỠI CẮT CỎ NYLON 3.0X4M	108,000
2513	B-07434	TCT SAW BLADE 165X20X28T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165X20X28T	1,134,375
2514	B-07440	TCT SAW BLADE 165X20X56T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165X20X56T	1,889,250
2515	B-07456	DELTAGON TCT HAMMER BIT 15x166MI	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 15x1(	554,400
2516	B-07593	DELTAGON TCTHAMMER BIT 6.5X316M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 6.5X1	577,500
2517	B-10126	DELTAGON TCT HAMMER BIT 13X166M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 13X1	382,800
2518	B-10148	DELTAGON TCTHAMMER BIT 13X316MI	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 13X3	913,000
2519	B-10300	CLAY SPADE 120-500	MŨI XẺNG 120-500	3,511,750
2520	B-10344	T.C.T.SAW BLADE 165X20X48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165X20X48T	1,845,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2521	B-10350	BAND SAW BLADE 18 BIMETAL	LƯỠI CƯA VÒNG 18 BIMETAL	462,000
2522	B-10388	SELF SHARPENING BULL POINT (30MM	MŨI ĐỤC NHỌN TỰ MÀI (CHUÔI LỤC GI	1,050,500
2523	B-10394	RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED C	LƯỠI CƯA KIẾM CHO BÊ TÔNG NHẸ MA	1,178,375
2524	B-10403	RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED C	LƯỠI CƯA KIẾM CHO BÊ TÔNG NHẸ MA	1,611,500
2525	B-10431	JIGSAW BLADE B-32	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG B-32	233,750
2526	B-10584	T.C.T. SAW BLADE 260X25.4X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 260X25.4X24T	984,500
2527	B-10609	RECIPRO SAW BLADE ICE 3T 305MM	LƯỠI CƯA KIẾM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC	272,250
2528	B-10621	SELF SHARPENING BULL POINT SDS-MA	MŨI ĐỤC NHỌN TỰ MÀI SDS-MAX 400	536,800
2529	B-10637	305MM LONG RECIPROSAW BLADE	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM DÀI 305MM	672,375
2530	B-10730-5	CUT OFF WHEEL 355X3X25.4(5PCS/SET)	ĐÁ CẮT 355X3X25.4(5CÁI/BỘ)	540,000
2531	B-11265	BIM HOLESAW 16X40MM	MŨI KHOÉT 16X40MM	180,400
2532	B-11271	BIM HOLESAW 19X40MM	MŨI KHOÉT 19X40MM	180,400
2533	B-11287	BIM HOLESAW 20X40MM	MŨI KHOÉT 20X40MM	180,400
2534	B-11293	BIM HOLESAW 22X40MM	MŨI KHOÉT 22X40MM	184,800
2535	B-11302	BIM HOLESAW 24X40MM	MŨI KHOÉT 24X40MM	189,200
2536	B-11318	BIM HOLESAW 25X40MM	MŨI KHOÉT 25X40MM	189,200
2537	B-11324	BIM HOLESAW 29X40MM	MŨI KHOÉT 29X40MM	220,000
2538	B-11330	BIM HOLESAW 30X40MM	MŨI KHOÉT 30X40MM	220,000
2539	B-11346	BIM HOLESAW 32X40MM	MŨI KHOÉT 32X40MM	220,000
2540	B-11352	BIM HOLESAW 35X40MM	MŨI KHOÉT 35X40MM	246,400
2541	B-11368	BIM HOLESAW 38X40MM	MŨI KHOÉT 38X40MM	246,400
2542	B-11374	BIM HOLESAW 41X40MM	MŨI KHOÉT 41X40MM	259,600
2543	B-11380	BIM HOLESAW 44X40MM	MŨI KHOÉT 44X40MM	272,800
2544	B-11396	BIM HOLESAW 48X40MM	MŨI KHOÉT 48X40MM	277,200
2545	B-11405	BIM HOLESAW 51X40MM	MŨI KHOÉT 51X40MM	290,400
2546	B-11411	BIM HOLESAW 57X40MM	MŨI KHOÉT 57X40MM	325,600
2547	B-11427	BIM HOLESAW 60X40MM	MŨI KHOÉT 60X40MM	325,600
2548	B-11433	BIM HOLESAW 64X40MM	MŨI KHOÉT 64X40MM	338,800
2549	B-11455	BIM HOLESAW 70X40MM	MŨI KHOÉT 70X40MM	360,800
2550	B-11477	BIM HOLESAW 83X40MM	MŨI KHOÉT 83X40MM	453,200
2551	B-11483	BIM HOLESAW 92X40MM	MŨI KHOÉT 92X40MM	497,200
2552	B-11499	BIM HOLESAW 102X40MM	MŨI KHOÉT 102X40MM	572,000
2553	B-11514	BIM HOLESAW 127X40MM	MŨI KHOÉT 127X40MM	830,500
2554	B-11542	HSS-G PILOT DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G CHO MŨ	145,200
2555	B-11645	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 5.5X110	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 5.5X11	132,000
2556	B-11732	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 6.5X260	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 6.5X26	312,400
2557	B-11748	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 6.5X310	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 6.5X31	369,600
2558	B-11900	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 12X310M	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 12X31(	369,600
2559	B-11966	HOLESAW PLUMBER SET 19,22,29,38,44,	MŨI KHOÉT CHO THI CÔNG ỐNG NƯỚC	2,970,000
2560	B-12120	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 25X250M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS NEMES	1,104,400
2561	B-12158	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 28X450M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS NEMES	1,592,800
2562	B-12267	THIN CUT OFF WHEEL 180X1.6X22	ĐÁ CẮT MỎNG180X1.6X22	48,600

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2563	B-12273	THIN CUT OFF WHEEL 230X1.9X22	ĐÁ CẮT MỎNG 230X1.9X22	81,000
2564	B-12295	OFFSET DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI BÀO BÊ TÔNG KIM CƯƠNG 125MM	3,938,000
2565	B-12603	TCT SAW BLADE 335X25X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 335X25X60T	1,911,250
2566	B-12843	TCT SAW BLADE 270X25.4X18T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 270X25.4X18T	1,134,375
2567	B-13275	DIAMOND WHEEL 350, ASPHALT / COM	ĐĨA CẮT KIM CƯƠNG COMET PHÂN ĐO	6,218,100
2568	B-13297	DIAMOND WHEEL 350, SEG, DIAMAK PI	ĐĨA CẮT KIM CƯƠNG DIAMAK PHÂN Đ	2,357,100
2569	B-14168	SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X80T	550,000
2570	B-14607	T.C.T. SAW BLADE 85X15X20T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 85X15X20T	244,750
2571	B-15045	SDS MAX 32X920MM ZENTRO MINING E	MŨI KHOAN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	3,938,000
2572	B-16667	BAND SAW BLADE 2240-16MM/WOOD/L	LƯỠI CƯA VÒNG 2240-16MM/GỖ/LB1200	1,578,500
2573	B-16673	BAND SAW BLADE 2240-13MM/WOOD/L	LƯỠI CƯA VÒNG 2240-13MM/GỖ/LB1200	1,311,750
2574	B-16689	BAND SAW BLADE 2240-6MM/WOOD/LE	LƯỠI CƯA VÒNG 2240-6MM/GỖ/LB1200E	1,311,750
2575	B-16695	BAND SAW BLADE 2240-16MM/NONFE/L	LƯỠI CƯA VÒNG 2240-16MM/KIM LOẠI(	1,733,875
2576	B-16754	EZYCHANGE BIM HOLESAW 40X40MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 40X40MM	259,600
2577	B-16760	EZYCHANGE BIM HOLESAW 22X40MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 22X40MM	347,600
2578	B-16776	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 14T 1	LƯỠI CƯA KIẾM CHO KIM LOẠI 14T 225	525,250
2579	B-16776-25	RECIPROSAW BLADE 228MM 25PCS	LƯỠI CƯA KIẾM DÀNH CHO KIM LOẠI	2,755,500
2580	B-16950	T.C.T. SAW BLADE 110X20X30T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 110X20X30T	275,000
2581	B-17005	T.C.T. SAW BLADE 160X20X48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 160X20X48T	286,000
2582	B-17033	T.C.T. SAW BLADE 180X20X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 180X20X24T	264,000
2583	B-17061	T.C.T. SAW BLADE 180X20X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 180X20X40T	297,000
2584	B-17083	T.C.T. SAW BLADE 185X20TX40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185X20TX40T	297,000
2585	B-17099	T.C.T. SAW BLADE 203X25.4X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 203X25.4X24T	445,500
2586	B-17164	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X25.4X24T	434,500
2587	B-17170	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X30T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X25.4X30T	429,000
2588	B-17186	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X36T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X25.4X36T	445,500
2589	B-17217	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X25.4X60T	544,500
2590	B-17223	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X25.4X80T	654,500
2591	B-17239	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X24T	544,500
2592	B-17245	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X30T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X30T	572,000
2593	B-17251	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X36T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X36T	610,500
2594	B-17267	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X40T	654,500
2595	B-17273	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X48T	665,500
2596	B-17289	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X60T	745,250
2597	B-17295	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X80T	858,000
2598	B-17304	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X100T FOR A	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X100T CHO	1,333,750
2599	B-17326	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X120T FOR A	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X120T CHO	1,777,875
2600	B-17332	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X30T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X30T	808,500
2601	B-17348	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X36T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X36T	885,500
2602	B-17354	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X40T	1,010,625
2603	B-17360	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X48T	929,500
2604	B-17376	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X60T	1,067,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2605	B-17382	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X80T	1,226,500
2606	B-17407	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X120T FOR A	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X120T CHO	2,178,000
2607	B-17413	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X30T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X30T	1,122,000
2608	B-17429	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X36T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X36T	1,254,000
2609	B-17435	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X40T	1,244,375
2610	B-17441	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X48T	1,298,000
2611	B-17457	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X60T	1,377,750
2612	B-17463	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 355X25.4X80T	1,474,000
2613	B-17734	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X24T	811,250
2614	B-18203	GRINDING WHEELL 4"(100X2X16 MM) A	ĐÁ MÀI 4"(100X2X16 MM) AC46, 1G ĐEN	28,350
2615	B-18219	4" (100X2X16 MM) AC80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X2X16 MM) AC80, 1G ĐEN	22,950
2616	B-18225	4" (100X2X16 MM) AC120, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X2X16 MM) AC120, 1G ĐE	22,950
2617	B-18231	4" (100X3X16 MM) AC36, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) AC36, 1G ĐEN	28,350
2618	B-18247	GRINDING WHEEL 4"(100X3X16 MM) AC	ĐÁ MÀI 4"(100X3X16 MM) AC46, 1G ĐEN	44,550
2619	B-18253	4"(100X3X16 MM) AC60, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X3X16 MM) AC60, 1G ĐEN	28,350
2620	B-18269	4" (100X3X16 MM) AC80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) AC80, 1G ĐEN	28,350
2621	B-18328	5" (125X3X22 MM) AC46, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5" (125X3X22 MM) AC46, 2G ĐEN	39,150
2622	B-18340	5" (125X3X22 MM) AC80, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5" (125X3X22 MM) AC80, 2G ĐEN	39,150
2623	B-18471	4" (100X3X16) WA46, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16) WA46, 1G ĐEN	37,800
2624	B-18487	4" (100X3X16 MM) WA60, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) WA60, 1G ĐE	32,400
2625	B-19897	SDS-MAX NEMESIS DRILL 12X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	761,750
2626	B-19928	SDS-MAX NEMESIS DRILL 14X340MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	816,750
2627	B-19934	SDS-MAX NEMESIS DRILL 14X540MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	944,625
2628	B-19962	SDS-MAX NEMESIS DRILL 16X340MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	944,625
2629	B-19978	SDS-MAX NEMESIS DRILL 16X540MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,134,375
2630	B-19990	SDS-MAX NEMESIS DRILL 18X340MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	955,625
2631	B-20002	SDS-MAX NEMESIS DRILL 18X540MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,200,375
2632	B-20024	SDS-MAX NEMESIS DRILL 20X320MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,050,500
2633	B-20030	SDS-MAX NEMESIS DRILL 20X520MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,311,750
2634	B-20052	SDS-MAX NEMESIS DRILL 22X320MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,134,375
2635	B-20068	SDS-MAX NEMESIS DRILL 22X520MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,355,750
2636	B-20080	SDS-MAX NEMESIS DRILL 24X320MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,200,375
2637	B-20096	DRILLS BIT FOR SDS MAX NEMESIS 24X	MŨI KHOAN SDS MAX NEMESIS 24X520	1,445,125
2638	B-20105	SDS-MAX NEMESIS DRILL 25X320MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,267,750
2639	B-20111	SDS-MAX NEMESIS DRILL 25X520MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,534,500
2640	B-20149	SDS-MAX NEMESIS DRILL 28X370MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,401,125
2641	B-20155	SDS-MAX NEMESIS DRILL 28X570MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,666,500
2642	B-20183	SDS-MAX NEMESIS DRILL 30X370MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,622,500
2643	B-20199	SDS-MAX NEMESIS DRILL 30X570MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,911,250
2644	B-20208	SDS-MAX NEMESIS DRILL 32X370MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	1,823,250
2645	B-20214	SDS-MAX NEMESIS DRILL 32X570MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	2,134,000
2646	B-20236	SDS-MAX NEMESIS DRILL 35X370MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	2,134,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2647	B-20242	SDS-MAX NEMESIS DRILL 35X570MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	2,378,750
2648	B-20270	SDS-MAX NEMESIS DRILL 38X370MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	2,422,750
2649	B-20286	SDS-MAX NEMESIS DRILL 38X570MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	2,800,875
2650	B-20292	SDS-MAX NEMESIS DRILL 40X370MM/H	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMES	2,978,250
2651	B-20301	SDS-MAX NEMESIS 40X570MM	MŨI KHOAN SDS-MAX NEMESIS 40X570	3,267,000
2652	B-20395	RECIPRO SAW BLADE 100MM/24TPI	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 100MM/24TPI	361,625
2653	B-20404	RECIPRO SAW BLADE 100MM/18TPI	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 100MM/18TPI	339,625
2654	B-20410	RECIPRO SAW BLADE 100MM/14TPI	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 100MM/14TPI	339,625
2655	B-20426	RECIPRO SAW BLADE 100MM/10TPI	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 100MM/10TPI	339,625
2656	B-20432	RECIPRO SAW BLADE 100MM/6TPI	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 100MM/6TPI	389,125
2657	B-20448	RECIPRO SAW BLADE 100MM/6TPI	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 100MM/6TPI	389,125
2658	B-20454	RECIPRO SAW BLADE 100MM/14-18TPI	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM 100MM/14-18TPI	389,125
2659	B-20476	BACK UP PAD 100MM	NẮP CHỤP ĐÁ MÀI MỀM 100MM	28,875
2660	B-20482	BACK UP PAD 115/125 MM	NẮP CHỤP ĐÁ MÀI MỀM 115/125MM	39,875
2661	B-20644	CUTTER 100X6T/DPJ180	LƯỠI CẮT 100X6T/DPJ180	661,375
2662	B-21082	DIAOMOND WHEEL 85MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 85MM	655,875
2663	B-21107	GRINDING WHEEL FOR HEAVY DUTY (1	ĐÁ MÀI CHO CÔNG VIỆC NẶNG (100 X 6	27,000
2664	B-21135	GRINDING WHEEL FOR HEAVY DUTY (1	ĐÁ MÀI CHO CÔNG VIỆC NẶNG (180 X 6	64,800
2665	B-21222	GRINDING WHEEL 2 IN 1/100X3.2X16	ĐÁ MÀI 2 TRONG 1 100X3.2X16	27,000
2666	B-21559	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG 60,8	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC (MÀU ĐỎ)	97,200
2667	B-21565	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG60	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 60 (MÀU Đ	98,550
2668	B-21571	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG80	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 80 (MÀU Đ	98,550
2669	B-21587	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG100	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 100 (MÀU Đ	98,550
2670	B-21593	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG120	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 120 (MÀU Đ	98,550
2671	B-21602	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG180	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 180 (MÀU Đ	98,550
2672	B-21618	ABRASIVEPAPER DELTA RED SET (60,8(	BỘ GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC (MÀU Đ	91,800
2673	B-21624	ABRASIVEPAPER DELTA RED 60	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 60 (MÀU Đ	91,800
2674	B-21630	ABRASIVEPAPER DELTA RED 80	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 80 (MÀU Đ	93,150
2675	B-21646	ABRASIVEPAPER DELTA RED 120	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 120 (MÀU Đ	87,750
2676	B-21652	ABRASIVEPAPER DELTA RED 180	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 180 (MÀU Đ	87,750
2677	B-21668	ABRASIVEPAPER DELTA RED 240	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 240 (MÀU	87,750
2678	B-21674	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE SET 60	BỘ GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC (TRẮN	98,550
2679	B-21680	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 60	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 60 (TRẮNG	98,550
2680	B-21696	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 80	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 80 (TRẮNG	98,550
2681	B-21705	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 100	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 100 (TRẮN	103,950
2682	B-21711	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 240	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 240 (TRẮN	98,550
2683	B-21727	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 320	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 320 (TRẮN	98,550
2684	B-21733	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK SET (1	BỘ GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC (ĐEN) (	98,550
2685	B-21749	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 120	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 120 (ĐEN)	98,550
2686	B-21755	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 240	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 240 (ĐEN)	98,550
2687	B-21761	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 400	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 400 (ĐEN)	98,550
2688	B-21777	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 600	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 600 (ĐEN)	98,550

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2689	B-21783	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 1200	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 1200 (ĐEN)	98,550
2690	B-21799	FLEECE DELTA MEDIUM 94MM	ĐÁNH BÓNG LÔNG CỪU TAM GIÁC (MI	60,750
2691	B-21808	FLEECE DELTA COARSE 94MM	ĐÁNH BÓNG LÔNG CỪU TAM GIÁC (TH	60,750
2692	B-21814	FLEECE DELTA WITHOUT GRIT 94MM	ĐÁNH BÓNG LÔNG CỪU TAM GIÁC 94M	60,750
2693	B-21820	POLISHING FELT DELTA 94MM	GIẤY NHÁM TAM GIÁC 94MM	60,750
2694	B-21842	TORSION SCREW BIT (PH 1)X85MM 3PC.	VÍT TORSION (PH 1)X85MM 3PC	269,500
2695	B-22931	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG240	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 240 (MÀU H	98,550
2696	B-22947	ABRASIVEPAPER DELTA RED 100	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 100 (MÀU H	87,750
2697	B-22953	ABRASIVEPAPER DELTA RED 150	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC 150 (MÀU H	87,750
2698	B-22969	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 120	GIẤY CHÀ NHÁMTAM GIÁC 120 (MÀU T	98,550
2699	B-23117	TCT SAW BLADE FOR SUS 136MMX20M	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO SUS 136MMX2	1,166,000
2700	B-23151	TCT SAW BLADE FOR SUS 305MMX25.4	LƯỠI CƯA HỢP KIM305MMX25.4MMX10	6,210,875
2701	B-23248	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 305MM	LƯỠI CƯA KIẾM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC	555,500
2702	B-23254	RECIPRO SAW BLADE ICE 10T 305MM	LƯỠI CƯA KIẾM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC	555,500
2703	B-23357	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX2	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO KIM LOẠI 185	1,845,250
2704	B-23391	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX2	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO KIM LOẠI 185	2,090,000
2705	B-23450	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 1-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 1-25MM	34,375
2706	B-23466	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 2-25MM	34,375
2707	B-23472	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 3-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 3-25MM	34,375
2708	B-23488	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 1-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 1-25MM	34,375
2709	B-23494	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 2-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 2-25MM	34,375
2710	B-23503	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 3-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 3-25MM	34,375
2711	B-23519	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.	BỘ MŨI VẶN VÍT (CÁI/BỘ),SL 0.5X4.0-25	34,375
2712	B-23525	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),SL 0.6X4.5-2	34,375
2713	B-23531	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),SL 0.8X5.5-2	34,375
2714	B-23581	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 8-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),T 8-25MM	34,375
2715	B-23597	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 10-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3 CÁI/BỘ),T 10-25MM	34,375
2716	B-23606	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 15-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),T 15-25MM	34,375
2717	B-23612	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 20-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),T 20-25MM	34,375
2718	B-23628	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 25-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),T 25-25MM	34,375
2719	B-23634	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 27-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),T 27-25MM	34,375
2720	B-23640	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 30-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),T 30-25MM	34,375
2721	B-23656	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 40-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),T 40-25MM	34,375
2722	B-23662	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 1.5-25M	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 1.5-25M	34,375
2723	B-23678	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 2.0-25M	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 2.0-25M	34,375
2724	B-23684	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 2.5-25M	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 2.5-25M	34,375
2725	B-23690	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 3.0-25M	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 3.0-25M	33,000
2726	B-23709	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 4.0-25M	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 4.0-25M	34,375
2727	B-23715	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 5.0-25M	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 5.0-25M	34,375
2728	B-23721	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 6.0-25M	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 6.0-25M	34,375
2729	B-23737	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 8.0-25M	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 8.0-25M	45,375
2730	B-24119	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 1-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 1-25MM	34,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2731	B-24125	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 2-25MM	34,375
2732	B-24131	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 3-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 3-25MM	34,375
2733	B-24533	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T20,T25,T3(	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),T20,T25,T30	33,000
2734	B-25018	SCREW BIT SET (100PCS./SET),PH 2-25M	BỘ MŨI VẶN VÍT (100CÁI/BỘ),PH 2-25M	522,500
2735	B-26652	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 2X38	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 2X3	67,375
2736	B-26668	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3X46	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3X4	100,375
2737	B-26674	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.1X4	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.1	116,875
2738	B-26680	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.2X4	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.2	122,375
2739	B-26696	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.3X4	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.3	127,875
2740	B-26705	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.5X5	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.5	133,375
2741	B-26711	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.8X5	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.8	156,750
2742	B-26727	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4X55	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4X	156,750
2743	B-26733	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.1X5	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.1	167,750
2744	B-26749	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.2X5	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.2	173,250
2745	B-26755	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.3X5	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.3	173,250
2746	B-26761	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.5X5	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.5	195,250
2747	B-26777	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.8X6	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.8	211,750
2748	B-26783	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.9X6	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.9	228,250
2749	B-26799	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5X62	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5X	228,250
2750	B-26808	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.1X6	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.1	266,750
2751	B-26814	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.2X6	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.2	266,750
2752	B-26820	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.5X6	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.5	266,750
2753	B-26836	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 6X66	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 6X6	312,125
2754	B-26842	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 8X79	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 8X	555,500
2755	B-26858	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 10X89	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 10	856,625
2756	B-28210	TORSION SCREW BIT SQ3-50 2PC	TORSION SCREW BIT SQ3-50 2PC	136,400
2757	B-28226	TORSION SCREW BIT T10-50 2PC	TORSION SCREW BIT T10-50 2PC	136,400
2758	B-28232	TORSION SCREW BIT T15-50 2PC	VÍT TORSION T15-50 2PC	137,500
2759	B-28254	TORSION SCREW BIT T25-50 2PC	VÍT TORSION T25-50 2PC	136,400
2760	B-28391	TORSION INSERT BIT T10-25 2PC	VÍT TORSION T10-25 2PC	61,600
2761	B-29072	FLEXIBLE BIT HOLDER 200MM	ĐẦU VÍT DẺO 200M	133,375
2762	B-29094	FLEXIBLE BIT HOLDER 300MM	ĐẦU VÍT DẺO 300MM	162,250
2763	B-30128	BAND SAW BLADE 1140MM X 10TPI	LƯỠI CƯA VÒNG 1140MM X 10TPI	533,500
2764	B-30564	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 228MM	LƯỠI CƯA KIẾM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC	511,500
2765	B-30570	RECIPRO SAW BLADE ICE 10T 228MM	LƯỠI CƯA KIẾM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC	511,500
2766	B-33772	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 2.5X4	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10 CÁI 2.5	100,375
2767	B-33788	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 6.5X7	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10 CÁI 6.5	429,000
2768	B-36762	FLAP WHEEL 25.4X25.4X6MM	NHÁM XẾP CUỘN 25.4X25.4X6MM	70,200
2769	B-36980	FLAP WHEEL/DIA 50.8MM, GRIT 80	CUỘN NHÁM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 50.8MM	194,400
2770	B-37007	FLAP WHEEL/DIA 50.8MM, GRIT 120	CUỘN NHÁM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 50.8MM	194,400
2771	B-37041	FLAP WHEEL 63.5X25.4X6MM	NHÁM XẾP CUỘN 63.5X25.4X6MM	221,400
2772	B-37100	FLAP WHEEL 76.0X25.4X6MM	NHÁM XẾP CUỘN 76.0X25.4X6MM	286,200

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2773	B-37138	FLAP WHEEL/DIA 76.0MM, GRIT 80	CUỘN NHÁM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 76.0MM	529,200
2774	B-37150	FLAP WHEEL/DIA 76.0MM, GRIT 120	CUỘN NHÁM XẾP / ĐƯỜNG KÍNH 76.0M	529,200
2775	B-38912	MAGNET NUTSETTER 1PC 6X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẶN ỐC 1PC 6X50MM	48,125
2776	B-38928	MAGNET NUTSETTER 1PC 7X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẶN ỐC 1PC 7X50MM	48,125
2777	B-38934	MAGNET NUTSETTER 1PC 8X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẶN ỐC 1PC 8X50MM	48,125
2778	B-38940	MAGNET NUTSETTER 1PC 10X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẶN ỐC 1PC 10X50MM	48,125
2779	B-38956	MAGNET NUTSETTER 1PC 12X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẶN ỐC 1PC 12X50MM	53,625
2780	B-38962	MAGNET NUTSETTER 1PC 13X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẶN ỐC 1PC 13X50MM	53,625
2781	B-39198	DIAMOND WHEEL SEGMENTED FOR CC	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG KIỂU PHÂN ĐOẠ	158,400
2782	B-39497	TCT SAW BLADE 216X25.4X48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 216X25.4X48T	884,125
2783	B-39883	IMPACT SOCKET 3/8" 6X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 6X28MM	60,500
2784	B-39899	IMPACT SOCKET 3/8" 7X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 7X28MM	60,500
2785	B-39908	IMPACT SOCKET 3/8" 8X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 8X28MM	60,500
2786	B-39914	IMPACT SOCKET 3/8" 9X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 9X28MM	60,500
2787	B-39920	IMPACT SOCKET 3/8" 10X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 10X28MM	60,500
2788	B-39936	IMPACT SOCKET 3/8" 11X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 11X28MM	60,500
2789	B-39942	IMPACT SOCKET 3/8" 12X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 12X28MM	66,000
2790	B-39958	IMPACT SOCKET 3/8" 13X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 13X28MM	71,500
2791	B-39964	IMPACT SOCKET 3/8" 14X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 14X28MM	71,500
2792	B-39970	IMPACT SOCKET 3/8" 15X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 15X28MM	77,000
2793	B-39986	IMPACT SOCKET 3/8" 16X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 16X28MM	77,000
2794	B-39992	IMPACT SOCKET 3/8" 17X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 17X30MM	77,000
2795	B-40004	IMPACT SOCKET 3/8" 18X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 18X30MM	88,000
2796	B-40010	IMPACT SOCKET 3/8" 19X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 19X30MM	88,000
2797	B-40026	IMPACT SOCKET 3/8" 20X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 20X30MM	88,000
2798	B-40032	IMPACT SOCKET 3/8" 21X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 21X30MM	88,000
2799	B-40048	IMPACT SOCKET 3/8" 22X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 22X30MM	99,000
2800	B-40054	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 8X38	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")8X38MM	66,000
2801	B-40060	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 9X38	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")9X38MM	66,000
2802	B-40082	IMPACT SOCKET 38MM(1/2")	ĐẦU TUÝP 38MM(1/2")	71,500
2803	B-40098	SOCKET 1/2" 12X38 ASSEMBLY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1/2" 12X38MM	71,500
2804	B-40113	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2")14X3	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")14X38MM	71,500
2805	B-40129	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 15X3	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")15X38MM	71,500
2806	B-40135	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 16X3	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")16X38MM	82,500
2807	B-40157	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 18X3	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")18X38MM	88,000
2808	B-40179	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 20X3	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")20X38MM	88,000
2809	B-40185	SOCKET 21-52/12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 21-52/12.7MM	88,000
2810	B-40191	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 22X3	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")22X38MM	99,000
2811	B-40200	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 23X3	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")23X38MM	126,500
2812	B-40216	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 24X3	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")24X38MM	132,000
2813	B-40222	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 27X4	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2") 27X42MM	137,500
2814	B-40238	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 30X4	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")30X44MM	154,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2815	B-40244	SOCKET 32-50/12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 32-50/12.7MM	220,000
2816	B-40543	PORTABLE BAND SAW BLADE 14TPI	LƯỠI CƯA VÒNG 14TPI	1,311,750
2817	B-40559	PORTABLE BAND SAW BLADE 18TPI	LƯỠI CƯA VÒNG 18TPI	1,333,750
2818	B-40565	PORTABLE BAND SAW BLADE 24TPI	LƯỠI CƯA VÒNG 24TPI	1,311,750
2819	B-42438	SHOCK DRIVER PH2 X125	VÍT ĐÓNG PH2 X125	555,500
2820	B-42444	SHOCK DRIVER PH3 X150	TUA VÍT 4 CẠNH PH3X150	611,875
2821	B-42450	SHOCK DRIVER PZ2 X125	TUA VÍT 4 CẠNH PZ2X125	533,500
2822	B-42466	SHOCK DRIVER PZ3 X150	TUA VÍT 4 CẠNH PZ3X150	605,000
2823	B-42983	THREADED ROD SOCKET BIT (M10)	ĐẦU VẶN VÍT REN(M10)	387,200
2824	B-43147	RECIPRO SAW FOR BI-METAL 152X25X1	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM CHO SẮT 152X25X1	495,000
2825	B-43212	RECIPRO SAW BLADE 305X25X1.1MM(5	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM CHO SẮT 305X25X1	723,250
2826	B-43228	RECIPRO SAW BLADE METAL 305MM	LƯỠI CƯA KIẾM KIM LOẠI 305MM	739,750
2827	B-43256	RECIPRO SAW BLADE 225X22X1.6MM(5	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM CHO GỖ VÀ SẮT 22	825,000
2828	B-43278	RECIPRO SAW BLADE 305X22X1.6MM(5	BỘ LƯỠI CƯA KIẾM CHO GỖ VÀ SẮT 30	958,375
2829	B-45711	THIN CUT-OFF WHEEL 100X0.8X16	ĐÁ CẮT MỎNG 100X0.8X16	37,800
2830	B-45733	THIN CUT-OFF WHEEL METAL/STAINLE	ĐÁ CẮT MỎNG CHO KIM LOẠI/INOX 125	59,400
2831	B-45870	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 16X40MM	661,375
2832	B-45886	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 19X40MM	734,250
2833	B-45892	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 25X40MM	878,625
2834	B-45901	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 30X40MM	1,001,000
2835	B-45917	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 32X40MM	1,045,000
2836	B-45923	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 35X40MM	1,134,375
2837	B-45939	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 38X40MM	1,200,375
2838	B-45945	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 45X40MM	1,355,750
2839	B-45951	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 50X40MM	1,511,125
2840	B-45967	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 53X40MM	1,556,500
2841	B-45973	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 57X40MM	1,644,500
2842	B-45989	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLE	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 64X40MM	1,823,250
2843	B-45995	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 16X40MM	400,125
2844	B-46006	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 19X40MM	473,000
2845	B-46012	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 25X40MM	622,875
2846	B-46028	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 30X40MM	739,750
2847	B-46034	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 32X40MM	789,250
2848	B-46040	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 35X40MM	862,125
2849	B-46056	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 38X40MM	933,625
2850	B-46062	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 45X40MM	1,100,000
2851	B-46078	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 50X40MM	1,244,375
2852	B-46084	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 53X40MM	1,311,750
2853	B-46090	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 57X40MM	1,401,125
2854	B-46109	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 64X40MM	1,556,500
2855	B-46115	SHANK WITH PILOT DRILL FOR 13MM	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT KIM CƯƠ	290,125
2856	B-46121	PILOT DRILL FOR 13MM DRILL	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM 13MM	116,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2857	B-46137	SHANK FOR 13MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT KIM CƯ	184,250
2858	B-46296	T.C.T SAW BLADE FOR METAL 150X20X	LƯỠI CƯA T.C.T CHO KIMLOẠI 150X20X	939,125
2859	B-47008	T.C.T SAW BLADE FOR THIN SHEET ME	LƯỠI CƯA CHO TẤM KIM LOẠI MỎNG1	1,134,375
2860	B-47014	T.C.T SAW BLADE FOR STAINLESS / ME	LƯỠI CƯA CHO INOX/KIM LOẠI 150X20	1,289,750
2861	B-47020	T.C.T SAW BLADE FOR ALUMINUM 150	LƯỠI CƯA CHO NHÔM 150X20X52T	1,134,375
2862	B-48832	GROOVING TCT SAW BLADE 118MM (90	LƯỠI CƯA RÃNH TCT 118MM (90°)118X	4,178,625
2863	B-48860	GROOVING TCT SAW BLADE 118X20MM	LƯỠI CƯA RÃNH TCT 118X20MMX6T 13	4,710,750
2864	B-49703	BOARD CUTTER BLADE	LƯỠI CẮT THẠCH CAO	473,000
2865	B-49703-10	BOARD CUTTER BLADE FOR PLASTERE	LƯỠI CẮT THẠCH CAO(10CÁI/BỘ)/DSD1	2,245,375
2866	B-49719	BOARD CUTTER BLADE FOR WOOD	LƯỠI CẮT GỖ TẤM (CHO MÁY CẮT THẠ	628,375
2867	B-49719-10	BOARD CUTTER BLADE FOR WOOD(10F	LƯỠI CẮT GỖ(10CÁI/BỘ)/DSD180	2,888,875
2868	B-49834	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & ME	LƯỠI CƯA KIẾM CHO GỖ, KIM LOẠI 152	456,500
2869	B-49840	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & ME	LƯỠI CƯA KIẾM CHO GỖ, KIM LOẠI 228	644,875
2870	B-49856	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & ME	LƯỠI CƯA KIẾM CHO GỖ, KIM LOẠI 305	805,750
2871	B-51356	FLEXIBLE GRINDING WHEEL FOR STO	ĐÁ MÀI CHO ĐÁ GC60P 100X3X16MM	37,800
2872	B-51493	ABRASIVE DISC 150MM A400	GIẤY NHÁM TRÒN 150MM A400	167,400
2873	B-51649	ABRASIVE WHEEL IDEAL 2IN1 FOR DC	ĐÁ MÀI 2 TRONG 1 CHO MÁY MÀI DC 1	36,450
2874	B-51655	ABRASIVE WHEEL IDEAL 2IN1 FOR DC	ĐÁ MÀI 2IN1 125MMX2.2MMX22.23MM	63,450
2875	B-51823	DIAMOND PIN DRILL 6MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯƠNG 6MM	928,125
2876	B-51839	DIAMOND PIN DRILL 8MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯƠNG 8MM	1,006,500
2877	B-51845	DIAMOND PIN DRILL 10MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯƠNG 10MM	1,006,500
2878	B-51851	FLEXIBLE TOUGH BIT HOLDER 300MM	ĐẦU VÍT DẺO 300MM	745,250
2879	B-51904	GRINDING WHEEL 150MM FOR BENCH	ĐÁ MÀI 150MM (A36)	344,250
2880	B-51910	GRINDING WHEEL (BENCH,150)	ĐÁ MÀI (MÁY MÀI HAI ĐÁ, 150)	324,000
2881	B-51932	GRINGDING WHEEL (150 X 16 X 12.7MM	ĐÁ MÀI (150 X 16 X 12.7MM) GC120H	486,000
2882	B-51948	GRINDING WHEEL 205MM	ĐÁ MÀI 205MM	507,600
2883	B-51960	GRINDING WHEEL 205MM	ĐÁ MÀI CHO MÁY MÀI 2 ĐÁ 205MM	572,400
2884	B-51976	GRINGDING WHEEL (205 X 19 X 15.88MM	ĐÁ MÀI (205 X 19 X 15.88MM) GC120H	864,000
2885	B-52043	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 152MM	LƯỠI CƯA KIẾM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC	478,500
2886	B-52146	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2'	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 8X81,5MM	88,000
2887	B-52152	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 10X81,5MM	88,000
2888	B-52168	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 11X81,5MM	88,000
2889	B-52174	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2'	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 12X81,5MM	88,000
2890	B-52205	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 16X81,5MM	93,500
2891	B-52227	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 18X81,5MM	115,500
2892	B-52233	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 19X81,5MM	121,000
2893	B-52249	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 21X81,5MM	143,000
2894	B-52255	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 22X81,5MM	154,000
2895	B-52261	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 24X81,5MM	170,500
2896	B-52277	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 27X81,5MM	187,000
2897	B-52283	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 30X81,5MM	209,000
2898	B-52299	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 32X81,5MM	231,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2899	B-52582	HOLLOW SOCKET 13MMX150MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC SẮT REN 13MMX15(	599,500
2900	B-52629	HOLLOW SOCKET 17MMX75MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC SẮT REN 17MMX75M	555,500
2901	B-52635	HOLLOW SOCKET 17MMX150MM(MZ)	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC SẮT REN 17MMX15(	638,000
2902	B-52691	SDS-PLUS SHANK 182MM(M12-M16)-CE	CHUÔI SDS 182MM(M12-M16)-MŨI KHOA	429,000
2903	B-52700	SDS-PLUS SHANK 182MM(M12-M16)	CHUÔI SDS 182MM(M12-M16)	339,625
2904	B-52716	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	383,625
2905	B-52722	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	383,625
2906	B-52738	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	383,625
2907	B-52744	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	383,625
2908	B-52750	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	383,625
2909	B-52766	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	383,625
2910	B-52772	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SF-10X20X6MM)	383,625
2911	B-52788	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SF-10X20X6MM)	383,625
2912	B-52794	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF10X20X	MŨI DOA KIM LOẠI (SF10X20X6MM)	383,625
2913	B-52803	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25	MŨI DOA KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	383,625
2914	B-52819	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25	MŨI DOA KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	383,625
2915	B-52825	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25	MŨI DOA KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	383,625
2916	B-52831	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	383,625
2917	B-52847	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	383,625
2918	B-52853	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20	MŨI DOA KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	383,625
2919	B-52934	SCREW GUIDE BIT HOLDER CLEAR TYP	THANH GIỮ ĐẦU VÍT LOẠI TRONG SUỐ	88,000
2920	B-53160	PCD OFFSET DIAMOND 125 X 22.23MM	LƯỠI BÀO SƠN 125X22.23MM	3,433,375
2921	B-53279	TCT SAW BLADE 165MMX20MM X44T F(	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO MDF VÀ GỖ 1(	933,625
2922	B-53671	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 1(	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN ĐA	1,001,000
2923	B-53693	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 12	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN ĐA	1,067,000
2924	B-53702	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 18	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN ĐA	1,684,375
2925	B-53718	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 23	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN ĐA	2,777,500
2926	B-53914	VACUUM BRAZED DIA HOLESAW 68MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 68MM	1,911,250
2927	B-54081	RACHET SCREW BIT SET MINI RATCHE	BỘ MŨI VẶN VÍT CÓ CẦN SIẾT 21PCS	701,250
2928	B-54128	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 5	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	48,125
2929	B-54134	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 5	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	48,125
2930	B-54140	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	49,500
2931	B-54156	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	53,625
2932	B-54162	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	53,625
2933	B-54178	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 8	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	53,625
2934	B-54184	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 8	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	59,125
2935	B-54190	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 1(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	66,000
2936	B-54209	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 1(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	72,875
2937	B-54215	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 1	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	77,000
2938	B-54221	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 1	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	88,000
2939	B-54302	EARTH AUGER DRILL SET 20MM(13/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 20MM(13/16")	5,266,250
2940	B-54318	EARTH AUGER DRILL SET 25MM(1")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 25MM(1")	5,311,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2941	B-54324	EARTH AUGER DRILL SET 30MM(1-3/16"	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 30MM(1-3/16")	5,889,125
2942	B-54330	EARTH AUGER DRILL SET 35MM(1-3/8")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 35MM(1-3/8")	6,777,375
2943	B-54380	SOCKET SET 3/4 " FOR EARTH AUGER D	ĐẦU TUÝP 3/4" CHO MŨI KHOAN ĐẤT	1,123,375
2944	B-54396	PIN FOR 3/4" SQ. SOCKET	CHỐT 3/4" CHO ĐẦU TUÝP	133,375
2945	B-54405	O-RING FOR 3/4" SQ. SOCKET	VÒNG CAO SU 3/4" CHO ĐẦU TUÝP	28,350
2946	B-54542	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT S	VÒNG CHỮ O DÙNG CHO ĐẦU TUÝP 8M	22,950
2947	B-54558	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT S	VÒNG CHỮ O DÙNG CHO ĐẦU TUÝP 17	22,950
2948	B-54564	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT S	VÒNG CHỮ O DÙNG CHO ĐẦU TUÝP 18	22,950
2949	B-54570	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT S	VÒNG CHỮ O DÙNG CHO ĐẦU TUÝP 20	22,950
2950	B-54586	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCK	CHỐT GIỮ ĐẦU TUÝP 8MM ĐẾN 16MM	23,375
2951	B-54592	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCK	CHỐT GIỮ ĐẦU TUÝP 17MM 3 CÁI/BỘ	23,375
2952	B-54601	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCK	CHỐT GIỮ ĐẦU TUÝP 18MM ĐẾN 19MM	28,875
2953	B-54617	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCK	CHỐT GIỮ ĐẦU TUÝP 20MM ĐẾN 32MM	28,875
2954	B-54689	3/8" SQUARE DRIVE SOCKET ADAPTER(	ĐẦU CHUYỂN VĂN VÍT SANG BU LÔNG	45,375
2955	B-54695	1/2" SQUARE DRIVE SOCKET ADAPTER(	CHUYỂN ĐỔI TỪ CHUÔI VẶN VÍT (NZ 1/	61,875
2956	B-55310	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL F	LƯỠI KIM CƯƠNG DÙNG CHO CỨU HỘ	1,227,875
2957	B-55326	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL F	LƯỠI KIM CƯƠNG CỨU HỘ 230X3.1X22.	2,934,250
2958	B-55332	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL F	LƯỠI KIM CƯƠNG DÙNG CHO CỨU HỘ	3,700,125
2959	B-55348	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL F	LƯỠI KIM CƯƠNG DÙNG CHO CỨU HỘ	4,633,750
2960	B-55398	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 7MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 7MM CỐT 3/8"	77,000
2961	B-55407	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 8MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 8MM CỐT 3/8"	77,000
2962	B-55413	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 9MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 9MM CỐT 3/8"	77,000
2963	B-55429	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 10MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 10MM CỐT 3/8"	77,000
2964	B-55435	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 11MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 11MM CỐT 3/8"	77,000
2965	B-55441	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 12MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 12MM CỐT 3/8"	77,000
2966	B-55457	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 13MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 13MM CỐT 3/8"	77,000
2967	B-55463	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 14MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 14MM CỐT 3/8"	77,000
2968	B-55479	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 15MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 15MM CỐT 3/8"	93,500
2969	B-55485	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 16MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 16MM CỐT 3/8"	93,500
2970	B-55491	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 17MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 17MM CỐT 3/8"	99,000
2971	B-55500	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 18MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 18MM CỐT 3/8"	110,000
2972	B-55516	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 19MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 19MM CỐT 3/8"	110,000
2973	B-55522	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 20MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 20MM CỐT 3/8"	115,500
2974	B-55538	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 21MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 21MM CỐT 3/8"	132,000
2975	B-55544	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 22MM 3/8	ĐẦU TUÝP DÀI 22MM CỐT 3/8"	137,500
2976	B-55697	COLOR SCREW BIT SET 43PCS	BỘ MŨI VÍT MÀU 43CÁI	878,625
2977	B-55706	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSIO	ĐẦU NỐI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 2	200,750
2978	B-55712	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSIO	ĐẦU NỐI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 1	151,250
2979	B-55728	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSIO	ĐẦU NỐI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 7	111,375
2980	B-55762	IMPACT SOCKET WITH SOCKET 1/2" AD	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1/2" CÓ ĐA	577,500
2981	B-55778	IMPACT SOCKET WITH SOCKET 3/8" AD	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/8" CÓ ĐA	495,000
2982	B-55859	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	48,125

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
2983	B-55865	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	48,125
2984	B-55871	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	53,625
2985	B-55887	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	53,625
2986	B-55893	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	53,625
2987	B-55902	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	67,375
2988	B-55918	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	72,875
2989	B-55924	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	53,625
2990	B-55930	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	59,125
2991	B-55946	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	67,375
2992	B-55952	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	67,375
2993	B-55968	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	78,375
2994	B-55974	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	66,000
2995	B-55980	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	66,000
2996	B-55996	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	89,375
2997	B-56007	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	94,875
2998	B-56013	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	167,750
2999	B-56029	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	105,875
3000	B-56035	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	125,125
3001	B-56041	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	184,250
3002	B-56057	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	105,875
3003	B-56063	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	133,375
3004	B-56079	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	134,750
3005	B-56085	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	148,500
3006	B-56091	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	159,500
3007	B-56100	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	211,750
3008	B-56116	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	133,375
3009	B-56122	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	154,000
3010	B-56138	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	184,250
3011	B-56144	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	200,750
3012	B-56150	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMN	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP K	239,250
3013	B-56384	GRINDING WHEEL FOR HEAVY INDUST	ĐÁ MÀI CHO CÔNG NGHIỆP NẶNG A24S	66,150
3014	B-56465	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	189,750
3015	B-56471	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	239,250
3016	B-56487	TCT SAW BLADE 165X20X64T WOOD/DI	LƯỠI CƯA GỖ T.C.T 165X20X64T/DLS60(	972,125
3017	B-56530	TIP SAW 165X20X60T. FOR ALUMINIUM	LƯỠI CẮT HỢP KIM CHO NHÔM 165X20	1,056,000
3018	B-56580	RECIPRO SAW BLADE FOR BAMBOO, W	LƯỠI CƯA KIẾM CÂY XANH, GỖ 190X0.(	200,750
3019	B-56596	RECIPROSAW BLADE FOR BAMBOO, W(	LƯỠI CƯA KIẾM CHO TRE, GỖ 190MM X	211,750
3020	B-56655	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX56T F	T.C.T LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO NHÔM 1	1,556,500
3021	B-56661	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX60T F	T.C.T LƯỠI CƯA HỢP KIM 165MMX20MM	1,333,750
3022	B-56677	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX60T F	T.C.T LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO MDF 165	1,333,750
3023	B-56683	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX48T F	T.C.T LƯỠI CƯA HỢP KIM ĐÁ NHÂN TẠ(	1,534,500
3024	B-57130	TAPE MEASURE 3.5M	THƯỚC KÉO 3.5M	240,300

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3025	B-57146	TAPE MEASURE 5.5M	THƯỚC KÉO 5.5M	523,800
3026	B-57152	TAPE MEASURE 7.5M	THƯỚC KÉO 7.5M	638,550
3027	B-57168	TAPE MEASURE 10M	THƯỚC KÉO 10M	747,900
3028	B-57174	TAPE MEASURE WITH HOLDER & SAFE	THƯỚC KÉO 7.5M (CÓ MÓC TREO)	1,113,750
3029	B-57364	TCT BLADE 165X20X56T WOOD/MDF	LƯỠI CẮT GỖ/MDF TCT 165X20X56T	1,078,000
3030	B-57386	RECIPRO SAW BLADE FOR BAMBOO, W	LƯỠI CƯA KIẾM CÂY XANH, GỖ 225X0.9	312,125
3031	B-57392	RECIPROSAW BLADE FOR BAMBOO, W	LƯỠI CƯA KIẾM CHO TRE,GỖ 225MMX0	345,125
3032	B-57401	HSS-TIN METAL DRILL BIT 3X90 1PC (SI	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 3X90MM	45,375
3033	B-57417	HSS-TIN METAL DRILL BIT 3.5X100 1PC	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 3.5X100	56,375
3034	B-57423	HSS-TIN METAL DRILL BIT 4X105 1PC (S	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 4X105M	56,375
3035	B-57439	HSS-TIN METAL DRILL BIT 4.5X110 1PC	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 4.5X110	61,875
3036	B-57445	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5X116 1PC (S	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 5X116M	72,875
3037	B-57451	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5.5X123 1PC	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 5.5X123	78,375
3038	B-57467	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6X123 1PC (S	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 6X123M	78,375
3039	B-57473	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6.5X131 1PC	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 6.5X131	89,375
3040	B-57489	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 4X105 1	MŨI KHOAN GỖ 4X105 1CÁI (CHUÔI SDS	59,125
3041	B-57495	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 5X116 1	MŨI KHOAN GỖ 5X116 1CÁI (CHUÔI SDS	56,375
3042	B-57504	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 6X123 1	MŨI KHOAN GỖ 6X123 1CÁI (CHUÔI SDS	61,875
3043	B-57510	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 8X147 1	MŨI KHOAN GỖ 8X147 1CÁI (CHUÔI SDS	67,375
3044	B-57526	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 10X163	MŨI KHOAN GỖ 10X163 1CÁI (CHUÔI SD	77,000
3045	B-57532	SDS-PLUS SHANK DRILL BITS SET 3,4,5,	BỘ MŨI KHOAN CHUÔI SDS-PLUS 3,4,5,	253,000
3046	B-57548	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER WITH SDS	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI VẶN VÍT CHUÔI SDS	116,875
3047	B-57554	MAGNET NUTSETTER 4PCS(8,10,12,13)X	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC 4CÁI(8,10,12,13)X48	122,375
3048	B-57576	EARTH AUGER DRILL SET 40MM(1-9/16"	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 40MM (1-9/16")	8,533,250
3049	B-57897	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	162,250
3050	B-57906	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	136,125
3051	B-57912	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	189,750
3052	B-57928	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	206,250
3053	B-57934	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	339,625
3054	B-57940	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	143,000
3055	B-57956	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	127,875
3056	B-57962	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	122,375
3057	B-57978	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	127,875
3058	B-57984	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	178,750
3059	B-57990	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	195,250
3060	B-58001	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	317,625
3061	B-58023	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	145,750
3062	B-58045	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	250,250
3063	B-58051	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	317,625
3064	B-58067	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	151,250
3065	B-58073	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	151,250
3066	B-58089	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	195,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3067	B-58095	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	156,750
3068	B-58104	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	151,250
3069	B-58110	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	195,250
3070	B-58126	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	250,250
3071	B-58132	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	323,125
3072	B-58154	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	467,500
3073	B-58176	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	151,250
3074	B-58182	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	255,750
3075	B-58198	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	156,750
3076	B-58207	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	162,250
3077	B-58213	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	200,750
3078	B-58229	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	261,250
3079	B-58235	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	328,625
3080	B-58257	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	434,500
3081	B-58263	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	661,375
3082	B-58279	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER	MŨI KHOAN TCT CHUÔI SDS PLUS NEM	1,534,500
3083	B-58285	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	165,000
3084	B-58338	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	198,000
3085	B-58344	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	242,000
3086	B-58350	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	308,000
3087	B-58366	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	445,500
3088	B-58394	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	209,000
3089	B-58425	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	418,000
3090	B-58431	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	231,000
3091	B-58447	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	312,125
3092	B-58453	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	357,500
3093	B-58475	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	462,000
3094	B-58506	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	302,500
3095	B-58540	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	352,000
3096	B-58556	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	396,000
3097	B-58562	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	440,000
3098	B-58578	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	467,500
3099	B-58584	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	577,500
3100	B-58615	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 18	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	632,500
3101	B-58637	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 20	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	687,500
3102	B-58659	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 20	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	797,500
3103	B-58665	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 22	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	761,750
3104	B-58687	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 22	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	990,000
3105	B-58693	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 24	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	1,078,000
3106	B-58702	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 24	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	1,083,500
3107	B-58718	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 25	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	972,125
3108	B-58724	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 25	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	1,244,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3109	B-58746	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 28	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	1,311,750
3110	B-58752	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 28	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	1,467,125
3111	B-58768	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 30	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	1,467,125
3112	B-58774	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 30	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	1,534,500
3113	B-58780	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 32	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	1,933,250
3114	B-62022	TCT SAW BLADE EFFICUT 185MM x 20 x	LƯỠI CẮT HỢP KIM EFFICUT 185MM x 2	456,500
3115	B-62125	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ18X21(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	209,000
3116	B-62131	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ18X35(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	255,750
3117	B-62147	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ19X21(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	251,625
3118	B-62153	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ19X35(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	301,125
3119	B-62169	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ20X21(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	264,000
3120	B-62175	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ20X35(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	306,625
3121	B-62181	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ22X21(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	391,875
3122	B-62197	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ22X35(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	394,625
3123	B-62206	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ24X21(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	441,375
3124	B-62212	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ24X35(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	478,500
3125	B-62228	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ25X21(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	448,250
3126	B-62234	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ25X35(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	484,000
3127	B-62240	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ28X21(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	570,625
3128	B-62256	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ28X35(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	606,375
3129	B-62262	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ30X21(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	710,875
3130	B-62278	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ30X35(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	756,250
3131	B-62284	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ32X35(	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	911,625
3132	B-62496	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X110M	59,125
3133	B-62505	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X160M	59,125
3134	B-62511	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X210M	66,000
3135	B-62527	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X260M	77,000
3136	B-62533	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X110MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6.5X110	66,000
3137	B-62549	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6.5X160	66,000
3138	B-62555	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6.5X210	71,500
3139	B-62561	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6.5X260	82,500
3140	B-62577	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X110MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 7X110M	71,500
3141	B-62583	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 7X160M	71,500
3142	B-62599	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 7X210M	77,000
3143	B-62608	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X110M	77,000
3144	B-62614	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X160M	77,000
3145	B-62620	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X210M	88,000
3146	B-62636	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X260M	88,000
3147	B-62642	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X310MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X310M	94,875
3148	B-62658	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X460MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X460M	159,500
3149	B-62664	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X110M	100,375
3150	B-62670	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X160M	94,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3151	B-62686	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X210M	111,375
3152	B-62692	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X260M	129,250
3153	B-62701	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X310MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X310M	123,750
3154	B-62717	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X350MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X350M	129,250
3155	B-62723	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X460MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X460M	188,375
3156	B-62739	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X160M	141,625
3157	B-62745	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X210M	147,125
3158	B-62751	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X260M	159,500
3159	B-62767	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X310M	165,000
3160	B-62773	4CUTTER FOR SDS-PLUS 12X350MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X350M	170,500
3161	B-62789	4CUTTER FOR SDS-PLUS 12X460MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X460M	228,250
3162	B-62795	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X160M	204,875
3163	B-62804	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X210M	211,750
3164	B-62810	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X260M	228,250
3165	B-62826	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X310M	228,250
3166	B-62832	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X350M	233,750
3167	B-62848	4CUTTER FOR SDS-PLUS 14X460MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X460M	262,625
3168	B-62854	4CUTTER FOR SDS-PLUS 16X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X160M	233,750
3169	B-62860	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X210M	257,125
3170	B-62876	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X260M	269,500
3171	B-62882	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X310M	287,375
3172	B-62898	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X350M	292,875
3173	B-62907	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLU	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X460M	334,125
3174	B-63018	TCT SAW BLADE EFFICUT SPECIALIZEI	LƯỠI CƯA HỢP KIM EFFICUT CHO MÁY	701,250
3175	B-63096	BIT CATCHER NZ(MAKITA BLUE)	MÓC TREO MŨI VÍT (MÀU XANH)	259,600
3176	B-63111	KEY ADAPTER NZ	MÓC TREO CHÌA KHÓA NZ	94,875
3177	B-63161	T.C.T SAW BALDE 165MM×20MM×42T	LƯỠI CẮT HỢP KIM 165MM×20MM×42T	1,342,000
3178	B-63585	TC RECIPRO SAW BLADE FOR AERATEI	LƯỠI CƯA KIẾM TC CHO BÊ TÔNG KHÍ	816,750
3179	B-63591	TC RECIPRO SAW BLADE FOR AERATEI	LƯỠI CƯA KIẾM TC CHO BÊ TÔNG KHÍ	1,078,000
3180	B-64200	TCT SAW BLADE IDEAL FOR DC CIRCU	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO MÁY PIN 190M	683,375
3181	B-64238	PREMIUM BULL POINT FOR SDS-PLUS 2	MŨI ĐỤC NHỌN TỰ MÀI SDS-PLUS 250	217,250
3182	B-64244	PREMIUM COLD CHISEL FOR SDS-PLUS	MŨI ĐỤC DẸP TỰ MÀI SDS-PLUS 250	217,250
3183	B-64250	PREMIUM SCALING CHISEL FOR SDS-PI	MŨI ĐỤC DẸP TỰ MÀI SDS-PLUS 250	346,500
3184	B-64266	PREMIUM BULL POINT FOR SDS-MAX 4	MŨI ĐỤC NHỌN TỰ MÀI SDS-MAX 400	383,625
3185	B-64272	PREMIUM COLD CHISEL FORSDS-MAX 4	MŨI ĐỤC DẸP TỰ MÀI SDS-MAX 400	383,625
3186	B-64288	PREMIUM SCALING CHISEL FOR SDS-M	MŨI ĐỤC DẸP TỰ MÀI SDS-MAX 380	478,500
3187	B-64381	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	1,628,000
3188	B-64397	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	1,716,000
3189	B-64406	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	1,804,000
3190	B-64412	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	2,156,000
3191	B-64440	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	3,960,000
3192	B-64456	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	4,048,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3193	B-64478	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	4,202,000
3194	B-64484	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	4,708,000
3195	B-64509	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	4,862,000
3196	B-64521	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, C	5,082,000
3197	B-64668	TCT SAW BLADE EFFICUT 260MM X 25.4	LƯỠI CƯA HỢP KIM EFFICUT 260MMX2	1,244,375
3198	B-64696-5	CUT-OFF WHEEL 14" IDEAL FOR CORDL	ĐÁ CẮT 14" DÙNG CHO MÁY PIN 355x 2	710,100
3199	B-64799	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA045	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN 85/TMA045	578,875
3200	B-64808	SEGMENT SAW BLADE 100/TMA046	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN 100/TMA046	728,750
3201	B-64814	PLUNGE CUT SAW BLADE 28/TMA047	LƯỠI CƯA 28/TMA047	367,125
3202	B-64820	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA048	LƯỠI CƯA 65/TMA048	484,000
3203	B-64836	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA049	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN 85/TMA049	429,000
3204	B-64842	PLUNGE CUT SAW BLADE 20/TMA050	LƯỠI CƯA 20/TMA050	266,750
3205	B-64858	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA051	LƯỠI CƯA 32/TMA051	295,625
3206	B-64864	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA052	LƯỠI CƯA 65/TMA052	334,125
3207	B-64870	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA053	LƯỠI CƯA 32/TMA053	423,500
3208	B-64886	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE	LƯỠI CƯA CHO MÁY ĐA NĂNG 32/TMA	290,125
3209	B-64892	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA055	LƯỠI CƯA 65/TMA055	484,000
3210	B-64901	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA056	LƯỠI CƯA 65/TMA056	378,125
3211	B-64917	PLUNGE CUT SAW BLADE 10/TMA057	LƯỠI CƯA 10/TMA057	244,750
3212	B-64923	PLUNGE CUT SAW BLADE 20/TMA058	LƯỠI CƯA 20/TMA058	250,250
3213	B-64939	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA059	LƯỠI CƯA 32/TMA059	423,500
3214	B-64945	HM BAR PLUNGE BLADE 20/TMA060	LƯỠI CƯA CHO MÁY ĐA NĂNG 20/TMA	578,875
3215	B-64951	HM BAR PLUNGE BLADE 32/TMA061	LƯỠI CƯA CHO MÁY ĐA NĂNG 32/TMA	728,750
3216	B-64967	SEGMENT KNIFE BLADE/TMA063	LƯỠI CƯA CHO MÁY ĐA NĂNG/TMA063	745,250
3217	B-64973	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA064	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN 85/TMA064	750,750
3218	B-64989	SCRAPER 52 RIGID/TMA065	LƯỠI LÓC 52X26 CHO MÁY ĐA NĂNG/T	250,250
3219	B-64995	SCRAPER 52 FLEXIBLE/TMA066	LƯỠI LÓC 52X45 CHO MÁY ĐA NĂNG/T	233,750
3220	B-65006	GENERAL JOINT CUTTER/TMA067	LƯỠI CẮT ĐA NĂNG CHO MÁY ĐA NĂN	456,500
3221	B-65012	UNIVERSAL PURPOSE KNIFE/TMA068	LƯỠI CẮT ĐA NĂNG/TMA068	525,250
3222	B-65028	HM SEG SAW BLADE 85/TMA069	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN HM 85/TMA069	827,750
3223	B-65034	DIAMOND SEG SAWBLADE 85/TMA070	LƯỠI CƯA KIM CƯƠNG 85/TMA070	1,355,750
3224	B-65040	HM SEG SAW BLADE 65/TMA071	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN HM 65/TMA071	661,375
3225	B-65056	HM SEG SAW BLADE 85/TMA072	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN HM 85/TMA072	606,375
3226	B-65062	HM SANDING PLATE 78/TMA073	HM SANDING PLATE 78/TMA073	688,500
3227	B-65078	TC REMOVER/TMA074	LƯỠI LOẠI BỎ TM/TMA074	1,178,375
3228	B-65084	HM PLUNGE BLADE 32/TMA075	LƯỠI CẮT CHO MÁY ĐA NĂNG 32/TMA	661,375
3229	B-65090	TC REMOVER/TMA076	LƯỠI LOẠI BỎ TM/TMA076	592,625
3230	B-65109	TC REMOVER/TMA077	LƯỠI LOẠI BỎ TMTMA077	600,875
3231	B-65115	SANDING PAD FOR MULTI TOOL/TMA07	ĐẾ CHÀ NHÁM CHO MÁY ĐA NĂNG/TM	361,800
3232	B-65414	ADJUSTABLE WRENCH 150MM	CỜ LÊ 150MM	330,000
3233	B-65486	WATER PUMP PLIER 250MM	KIỀM MỎ QUẠ 250MM	616,000
3234	B-65492	WATER PUMP PLIER 300MM	KIỀM MỎ QUẠ 300MM	759,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3235	B-65551	DOUBLE BOX WRENCH 5 PCS/SET	BỘ CỜ LÊ HAI ĐẦU VÒNG 5 CÁI/BỘ	825,000
3236	B-65610	PASS THRU HANDLE STRAIGHT	CẦN SIẾT XUYÊN TÂM	423,500
3237	B-65626	LOCKING FLEX PASS THRU HANDLE	CẦN SIẾT XUYÊN TÂM LOẠI ĐẦU XOAY	984,500
3238	B-65632	PASS THRU EXTENSION BAR	ĐẦU NỐI TUÝP XUYÊN TÂM	121,000
3239	B-65654	PASS THRU SOCKET 11MM	ĐẦU TUÝP XUYÊN TÂM 11MM	49,500
3240	B-65698	PASS THRU SOCKET 15MM	ĐẦU TUÝP XUYÊN TÂM 15MM	60,500
3241	B-65707	PASS THRU SOCKET 16MM	ĐẦU TUÝP XUYÊN TÂM 16MM	60,500
3242	B-65713	PASS THRU SOCKET 17MM	ĐẦU TUÝP XUYÊN TÂM 17MM	60,500
3243	B-65729	PASS THRU SOCKET 18MM	ĐẦU TUÝP XUYÊN TÂM 18MM	66,000
3244	B-65735	PASS THRU SOCKET 19MM	ĐẦU TUÝP XUYÊN TÂM 19MM	66,000
3245	B-65757	WATER PUMP PLIER 240MM	KIỀM MỎ QUẠ 240MM	1,094,500
3246	B-65763	WATER PUMP PLIER 300MM	KIỀM MỎ QUẠ 300MM	1,540,000
3247	B-65844	SOCKET ADAPTER 1/4"	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CỐT 1/4"	121,000
3248	B-65850	SOCKET ADAPTER 3/8"	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CỐT 3/8"	121,000
3249	B-65894	HEX KEY WRENCH 9 PCS/SET	BỘ LỤC GIÁC ĐẦU BI 9 CÁI/BỘ	239,250
3250	B-65903	SCREW DRIVER PH1x100MM	TUA-VÍT PH1x100MM	145,750
3251	B-65919	SCREW DRIVER PH2x100MM	TUA-VÍT PH2x100MM	156,750
3252	B-65931	SCREW DRIVER PH3x150MM	TUA-VÍT PH3x150MM	206,250
3253	B-65953	SCREW DRIVER PZ2x100MM	TUA-VÍT PZ2x100MM	137,500
3254	B-66020	SCREW DRIVER SL4x100MM	TUA-VÍT SL4x100MM	100,375
3255	B-66036	SCREW DRIVER SL5.5x100MM	TUA-VÍT SL5.5x100MM	127,875
3256	B-66042	SCREW DRIVER SL6.5x125MM	TUA-VÍT SL6.5x125MM	156,750
3257	B-66058	SCREW DRIVER SL8x150MM	TUA-VÍT SL8x150MM	222,750
3258	B-66064	GO THROUGH SCREWDRIVER PH1x75	TUA-VÍT ĐÓNG PH1x75	138,875
3259	B-66070	GO THROUGH SCREWDRIVER PH2x100M	TUA-VÍT ĐÓNG PH2x100MM	189,750
3260	B-66086	GO THROUGH SCREWDRIVER PH3x150M	TUA-VÍT ĐÓNG PH3x150MM	255,750
3261	B-66092	GO THROUGH SCREWDRIVER PZ1x75MI	TUA-VÍT ĐÓNG PZ1x75MM	137,500
3262	B-66101	GO THROUGH SCREWDRIVER PZ2x100M	TUA-VÍT ĐÓNG PZ2x100MM	159,500
3263	B-66329	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE	LƯỠI CẮT SÂU 32X60MM/GỖ VÀ KIM LC	389,125
3264	B-66335	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE	LƯỠI CẮT SÂU 65X50MM/GỖ VÀ KIM LC	484,000
3265	B-66341	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE	LƯỠI CẮT SÂU 32X60MM/GỖ/STARLOCI	301,125
3266	B-66357	TC BAR PLUNGE BLADE 32X50MM/MET	LƯỠI CƯA DÙNG CHO MÁY ĐA NĂNG 3	661,375
3267	B-66363	TC BAR PLUNGE BLADE 45X50MM/MET	LƯỠI CƯA DÙNG CHO MÁY ĐA NĂNG 4	723,250
3268	B-66379	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 32	LƯỠI CẮT SÂU ĐA NĂNG 32X50MM/STA	723,250
3269	B-66385	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 52	LƯỠI CẮT SÂU ĐA NĂNG 52X50MM/STA	750,750
3270	B-66391	TC SEGMENT SAW BLADE 53X40MM/FR	LƯỠI CẮT SÂU 53X40MM/STARLOCK PL	525,250
3271	B-66400	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE	LƯỠI CẮT SÂU 32X80MM/GỖ VÀ KIM LC	405,625
3272	B-66416	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE	LƯỠI CẮT SÂU 52X70MM/GỖ VÀ KIM LC	434,500
3273	B-66422	SEGMENT SAW BLADE 100X45MM/WOC	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN 100X45MM/GỖ V	723,250
3274	B-66438	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE	LƯỠI CẮT SÂU 32X80MM/GỖ/STARLOCI	301,125
3275	B-66444	TC BAR PLUNGE BLADE 32X70MM/MET	LƯỠI CƯA DÙNG CHO MÁY ĐA NĂNG 3	712,250
3276	B-66450	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 32	LƯỠI CẮT SÂU ĐA NĂNG 32X70MM/STA	737,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3277	B-66466	JOINT CUTTER BLADE 70MM/SEALING	LƯỠI CẮT KHỚP NỐI 70MM/STARLOCK	402,875
3278	B-66472	JOINT CUTTER BLADE 60MM/SEALING	LƯỠI CẮT KHỚP NỐI 60MM/STARLOCK	200,750
3279	B-66494	TC SEGMENT SAW BLADE 68X10MM/RC	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN 68X10MM/CẮT	884,125
3280	B-66503	TC SEGMENT SAW BLADE 69X30MM/RC	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN 69X30MM/CẮT	884,125
3281	B-66519	DIAMOND SEGMENT SAW BLADE 68X3	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 68X	1,189,375
3282	B-66525	DIAMOND SEGMENT SAW BLADE 68X1	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 68X	1,189,375
3283	B-66531	TC SEGMENT SAW BLADE 68X30MM/RC	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN 68X30MM/CẮT	683,375
3284	B-66547	TC SEGMENT SAW BLADE 100X45MM/R	LƯỠI CƯA PHÂN ĐOẠN 100X45MM/CẮT	825,000
3285	B-66553	TC SANDING PLATE 116MM/MORTAR O	TẤM NHÁM TC 116MM/STARLOCK MAX	660,150
3286	B-66569	TC SANDING PLATE 116MM/MORTAR O	TẤM NHÁM TC 116MM/STARLOCK MAX	660,150
3287	B-66575	TC SANDING PLATE 116MM/WOOD ADH	TẤM NHÁM TC 116MM/STARLOCK MAX	660,150
3288	B-66581	TC SANDING PLATE 116MM/WOOD ADH	TẤM NHÁM TC 116MM/STARLOCK MAX	660,150
3289	B-66933	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL F	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 100	966,625
3290	B-66949	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL F	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN180	2,200,000
3291	B-66955	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL F	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 405	5,889,125
3292	B-67430	TCT SAW BLADE EFFICUT 260X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 260X25.4X60T	1,423,125
3293	B-67446	TCT SAW BLADE EFFICUT 260X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 260X25.4X80T	1,666,500
3294	B-67452	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X60T	1,777,875
3295	B-67468	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X80T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X80T	2,101,000
3296	B-67474	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X100	LƯỠI CƯA HỢP KIM 305X25.4X100T	2,428,250
3297	B-67480	MULTI TOOL SET/PLUNGE CUT SET	BỘ CẮT XUYÊN TÂM CHO MÁY ĐA NĂN	1,511,125
3298	B-67496	MULTI TOOL SET/TILE SET2	BỘ CẮT GẠCH 2 CHO MÁY ĐA NĂNG	1,823,250
3299	B-67505	MULTI TOOL SET/FLOOR SET 2	BỘ CẮT GỖ 2 CHO MÁY ĐA NĂNG	1,472,625
3300	B-67511	MULTI TOOL SET/CARPENTY SET	BỘ LƯỠI DÀNH CHO NGÀNH MỘC	1,777,875
3301	B-67795	HSS-TIN DRILL BIT SET 1.5MM-10MM(19	BỘ MŨI KHOAN HSS-TIN 1.5MM-10MM(	572,000
3302	B-67804	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	53,625
3303	B-67810	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	59,125
3304	B-67826	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	59,125
3305	B-67832	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	67,375
3306	B-67848	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	83,875
3307	B-67854	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	105,875
3308	B-67860	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	72,875
3309	B-67876	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	100,375
3310	B-67882	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	77,000
3311	B-67898	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	83,875
3312	B-67907	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	105,875
3313	B-67913	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	116,875
3314	B-67929	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	116,875
3315	B-67935	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	130,625
3316	B-67941	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	162,250
3317	B-67957	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	134,750
3318	B-67963	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	159,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3319	B-67979	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	159,500
3320	B-67985	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	222,750
3321	B-67991	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	301,125
3322	B-68002	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	334,125
3323	B-68018	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	434,500
3324	B-68024	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	434,500
3325	B-68030	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	440,000
3326	B-68046	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	145,750
3327	B-68052	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	228,250
3328	B-68068	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	301,125
3329	B-68074	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	367,125
3330	B-68080	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	473,000
3331	B-68096	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	522,500
3332	B-68105	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	528,000
3333	B-68111	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PL	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PL	589,875
3334	B-68127	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X110MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 5X110M	53,625
3335	B-68133	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 5X160M	53,625
3336	B-68149	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 5X210M	66,000
3337	B-68155	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 5X260M	66,000
3338	B-68161	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X310MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X310M	82,500
3339	B-68177	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 18X	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 18X260M	408,375
3340	B-68183	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 20X	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 20X260M	503,250
3341	B-68199	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 22X	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 22X260M	631,125
3342	B-68208	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 25X	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 25X260M	783,750
3343	B-68236	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 18X	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 18X460M	496,375
3344	B-68242	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 20X	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 20X460M	600,875
3345	B-68258	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 22X	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 22X460M	776,875
3346	B-68264	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 25X	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 25X460M	841,500
3347	B-68301	TCT SAW BLADE 150MM FOR THICK ME	LƯỠI CƯA TCT CHO KIM LOẠI 150X20X	972,125
3348	B-68345	MAGNET NUTSETTER IN CANDY JAR, 5	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC 50 CÁI 8MM	1,244,375
3349	B-68389	ABRASIVE PAPER DISC 40x225MM(25PC	ĐĨA NHÁM 40x225MM(25PCS)/DSL800	1,124,550
3350	B-68395	ABRASIVE PAPER DISC 80x225MM(25PC	ĐĨA NHÁM 80x225MM(25PCS)/DSL800	1,063,800
3351	B-68404	ABRASIVE PAPER DISC 120x225MM(25P	ĐĨA NHÁM 120x225MM(25PCS)/DSL800	922,050
3352	B-68410	ABRASIVE PAPER DISC 180x225MM(25P	ĐĨA NHÁM 180x225MM(25PCS)/DSL800	922,050
3353	B-68426	ABRASIVE PAPER DISC 320x225MM(25P	ĐĨA NHÁM 320x225MM(25PCS)/DSL800	922,050
3354	B-68476	BIT ADAPTER FOR 1/2"SQ TO 1/4"HEX	BỘ CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG	356,125
3355	B-68482	BIT ADAPTER FOR 3/8"SP TO 1/4"HEX	BỘ CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG SANG C	350,625
3356	B-68616	TCT SAW BLADE EFFICUT 185MM x 20 x	LƯỠI CẮT HỢP KIM EFFICUT 185MM x 2	873,125
3357	B-68644	TCT SAW BLADE EFFICUT 190MM x 20 x	LƯỠI CẮT HỢP KIM EFFICUT 190MM x 2	841,500
3358	B-69434	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 136X	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 136X20X45T	1,342,000
3359	B-69440	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 150X	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 150X20X33T	1,134,375
3360	B-69456	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 150X	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 150X20X48T	1,377,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3361	B-69755	TC BAR PLUNGE BLADE/ METAL/TMA0	LƯỠI CẮT SÂU/ KIM LOẠI TMA079	939,125
3362	B-69761	TC PLUNGE BLADE/ MULTIMATERIAL/T	LƯỠI CẮT SÂU HÌNH THANG/NHIỀU VẬ	655,875
3363	B-69777	PLUNGE CUT SAW BLADE/ DRYWALL/T	LƯỠI VÁCH THẠCH CAO/TMA081	394,625
3364	B-69783	JOINT CUTTER BLADE/ SEALING/TMA08	LƯỠI CẮT LẤY RÃNH CHO THUYỀN/TM	539,000
3365	B-69799	TC SANDING PLATE/ MORTAR #20/TM08	TẤM CHÀ NHÁM CHO VỮA #20/TM083	587,250
3366	B-69808	TC SANDING PLATE/ MORTAR #40/TM08	TẤM CHÀ NHÁM CHO VỮA #40/TM084	587,250
3367	B-69814	TC SANDING PLATE/ MORTAR #60/TMA	TẤM CHÀ NHÁM CHO VỮA #60/TMA085	587,250
3368	B-69820	TC SANDING PLATE/ MORTAR #86/TMA	TẤM CHÀ NHÁM CHO VỮA #86/TMA086	587,250
3369	B-69892	TCT SAW BLADE EFFICUT 165X20X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM EFFICUT 165X20X6	1,156,375
3370	B-69901	SCREW BIT 31 PCS SET IN BATTERY TY	BỘ MŨI VÍT 31 CÁI KIỂU VỎ PIN	429,000
3371	B-69917	BATTERY TYPE CASE	HỘP ĐỰNG MŨI VÍT HÌNH PIN	121,500
3372	B-80226	PORTABLE COFFEE HARVESTER	PHỤ KIỆN THU HOẠCH CÀ PHÊ	8,536,000
3373	B-90009	SLIM PHILLIPS BIT 45MM(10PCS/SETS)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 45MM(10 CÁI/H	116,875
3374	B-90015	SLIM PHILLIPS BIT 65MM(10PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 65MM(10 CÁI/H	148,500
3375	B-90059	SLIM PHILLIPS BIT 82MM(6PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 82MM(6 CÁI/HỘ	123,750
3376	B-90065	SLIM PHILLIPS BIT 110MM(6PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 110MM(6 CÁI/H	182,875
3377	B-90071	SLIM PHILLIPS BIT 150MM(6PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 150MM(6 CÁI/H	217,250
3378	BAC01	POWER CONVERTER	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN	20,021,375
3379	BL1055B	BATTERY/BL1055B	PIN SẠC DỰ PHÒNG/BL1055B	4,400,000
3380	CE00000001	20L COVER/CW001G	TẤM BẢO VỆ MÁY/CW001G	1,833,300
3381	CE00000002	50L COVER/CW002G	TẤM BẢO VỆ MÁY/CW002G	2,378,700
3382	CE00000003	7L COVER/CW003G	TẤM BẢO VỆ MÁY/CW003G	1,440,450
3383	CE00000004	29L COVER/CW004G	TẤM BẢO VỆ MÁY/CW004G	2,269,350
3384	CP00000001	ADP09 AA BATTERY PACK/SK700GD	ADP09 BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN AA/SK700G	911,625
3385	D-00016	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 4x110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 4X110	37,125
3386	D-00022	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5×110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5×110	37,125
3387	D-00038	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5×160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5×160	37,125
3388	D-00044	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5×110M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5.5×11	37,125
3389	D-00050	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6×110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 6X110	37,125
3390	D-00066	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 6X160	42,625
3391	D-00072	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 6X210	48,125
3392	D-00088	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5×110M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 6.5X11	42,625
3393	D-00094	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 6.5X16	42,625
3394	D-00103	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 7×110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 7X110	42,625
3395	D-00119	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 7×160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 7X160	42,625
3396	D-00125	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 8X110	42,625
3397	D-00131	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 8X160	42,625
3398	D-00147	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8×210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 8X210	48,125
3399	D-00153	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8×260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 8X260	53,625
3400	D-00169	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9×210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 9X210	48,125
3401	D-00175	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X160M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 10X160	42,625
3402	D-00181	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10x210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 10X210	48,125

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3403	D-00197	SDS-PLUS HAMMERS 10X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 10×26(	53,625
3404	D-00206	SDS-PLUS HAMMERS 10X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 10×31(	66,000
3405	D-00212	SDS-PLUS HAMMERS 11X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 11×16(	42,625
3406	D-00228	SDS-PLUS HAMMERS 12X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12x160	48,125
3407	D-00234	SDS-PLUS HAMMERS 12X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12×21(	59,125
3408	D-00240	SDS-PLUS HAMMERS 12X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12×26(	66,000
3409	D-00256	SDS-PLUS HAMMERS 13X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 13×16(	48,125
3410	D-00262	SDS-PLUS HAMMERS 14X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14×160	59,125
3411	D-00278	SDS-PLUS HAMMERS 14X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14×26(	77,000
3412	D-00284	SDS-PLUS HAMMERS 15X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15×16(	71,500
3413	D-00290	SDS-PLUS HAMMERS 16X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16x210	88,000
3414	D-00309	SDS-PLUS HAMMERS 16X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16×31(	100,375
3415	D-00315	SDS-PLUS HAMMERS 17X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17×21(	100,375
3416	D-00321	SDS-PLUS HAMMERS 18X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18×21(	100,375
3417	D-00337	SDS-PLUS HAMMERS 18X300MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18x300	134,750
3418	D-00343	SDS-PLUS HAMMERS 19X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 19×21(	123,750
3419	D-00359	SDS-PLUS HAMMERS 20X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20×21(	129,250
3420	D-00365	SDS-PLUS HAMMERS 20X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20×31(	165,000
3421	D-00371	SDS-PLUS HAMMERS 22X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 22×26(	170,500
3422	D-00387	SDS-PLUS HAMMERS 25X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25×26(	211,750
3423	D-00393	SDS-PLUS HAMMERS 26X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 26×26(	233,750
3424	D-00795	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT 5P/SET 5,6,	BỘ MŨI KHOAN SDS-PLUS 5CÁI/BỘ 5,6,	154,000
3425	D-01096	SDS-PLUS DRILL 4.3X110	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 4.3×11(	37,125
3426	D-01105	SDS-PLUS DRILL 6.4X160	MŨI KHOAN BÊ TÔNG 6.4X160MM	42,625
3427	D-01149	SDS-PLUS DRILL 14.5X160	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14.5×1(	71,500
3428	D-03268	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.8X110M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5.8X11	37,125
3429	D-03274	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9.5X210M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 9.5X21	48,125
3430	D-03280	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.7X160	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12.7X1	48,125
3431	D-03296	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.7X350	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12.7X3	82,500
3432	D-03305	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17.5X160	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17.5X1	94,875
3433	D-03311	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25X350	240,625
3434	D-03327	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX10T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165MMX20MMX10T	189,750
3435	D-03333	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165MMX20MMX24T	239,250
3436	D-03349	TCT SAW BLADE FOR WOOD 165MMX20	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO GỖ 165MMX20	350,625
3437	D-03355	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX20MMX24T	287,375
3438	D-03361	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX20MMX40T	334,125
3439	D-03377	SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235MMX25.4MMX40	606,375
3440	D-03408	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX70T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 260MMX25.4MMX70	1,034,000
3441	D-03414	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX100T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 260MMX25.4MMX10	1,210,000
3442	D-03903	TCT SAW BLADE 185MMX30MMX16T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX30MMX16T	246,125
3443	D-03919	SAW BLADE 185MMX30MMX40T FOR M	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX30MMX40T	334,125
3444	D-03925	TCT SAW BLADE 235X30X207	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X30X207	467,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3445	D-03931	SAW BLADE 235MMX30MMX48T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235MMX30MMX48T	617,375
3446	D-03981	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16×160M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X160	77,000
3447	D-03997	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14.3X160M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14.3X1	59,125
3448	D-05175	MASONRY DRILL BIT ASSY 5PCS/SET 4X	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5 CÁ	110,000
3449	D-05181	CHISEL ASSORTMENT 20x250MM, 40x25	BỘ MŨI ĐỤC DẸP 20x250MM, 40x250MM	651,200
3450	D-05206	DIA.WHL.CORRUGATED 105X20	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 105	176,000
3451	D-05212	DIA.WHL.CONTINUOUSRIM 110X20	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG MÉP LIÊN	105,875
3452	D-05228	MASONRY DRILL BIT 3X60MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 3X60	24,750
3453	D-05234	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 4X70	24,750
3454	D-05240	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5X85	24,750
3455	D-05256	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 6X10	24,750
3456	D-05262	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 6X15	24,750
3457	D-05278	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 7X10	30,250
3458	D-05284	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 7X15	24,750
3459	D-05290	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 8X11	30,250
3460	D-05309	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 8X15	30,250
3461	D-05315	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 9X15	30,250
3462	D-05321	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 10X1	37,125
3463	D-05337	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 11X1	37,125
3464	D-05343	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 12X1	42,625
3465	D-05359	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 13X1	53,625
3466	D-05365	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 14X1	53,625
3467	D-05371	MASONRY BRILL BIT 15X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 15X1	59,125
3468	D-05387	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 16X1	66,000
3469	D-06242	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 1.75X46(1	72,875
3470	D-06258	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2X49(10 C	71,500
3471	D-06264	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2.25X53(1	89,375
3472	D-06270	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2.5X57(10	88,000
3473	D-06286	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2.75X61(1	111,375
3474	D-06292	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3X61(10 C	111,375
3475	D-06301	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3.25X65(1	133,375
3476	D-06323	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 3.75X70	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 3.75X	173,250
3477	D-06345	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 4.25X75	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 4.25X	200,750
3478	D-06367	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 4.75X80(1	244,750
3479	D-06389	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 5.25X86(1	290,125
3480	D-06404	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 5.75X93	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 5.75	334,125
3481	D-06426	HSS-G METAL DRILL BITS 6.25X101(10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6.25X101(	416,625
3482	D-06432	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6.5X101(1	412,500
3483	D-06448	HSS METAL DRILL BIT 6.75X109(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6.75X109(	495,000
3484	D-06454	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7X109(10	489,500
3485	D-06460	HSS-G METAL DRILL BITS 7.25X109(10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7.25X109(	544,500
3486	D-06476	HSS METAL DRILL BIT(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7.5X109(1	539,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3487	D-06482	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 7.75X11	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 7.75	650,375
3488	D-06507	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 8.25X117(	367,125
3489	D-06513	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 8.25X117(	363,000
3490	D-06529	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 8.75X125	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 8.75X	445,500
3491	D-06535	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 9X125(5 C	440,000
3492	D-06541	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 9.25X125	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 9.25X	489,500
3493	D-06557	HSS METAL DRILL BIT(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 9.5X125(5	484,000
3494	D-06563	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 9.75X133	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 9.75X	578,875
3495	D-06579	HSS METAL DRILL BIT(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10X133(5 (	572,000
3496	D-06585	HSS METAL DRILL BITS 10.25X133(5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10.25X133	622,875
3497	D-06591	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10.5X133(	616,000
3498	D-06600	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 11X142(5 (	687,500
3499	D-06616	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 11.5X142(	753,500
3500	D-06638	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 12.5X151	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 12.5X	924,000
3501	D-06644	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13X151(5 (	1,012,000
3502	D-07026	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 3X60(1 CÁI)	24,750
3503	D-07032	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 4X75(1 CÁI)	24,750
3504	D-07048	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 5X85(1 CÁI)	24,750
3505	D-07054	WOOD DRILL BITS (1PCS) 6X95MM	MŨI KHOAN GỖ (1 CÁI) 6X95MM	24,750
3506	D-07060	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 7X110(1 CÁI)	30,250
3507	D-07076	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 8X115(1 CÁI)	30,250
3508	D-07082	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 9X125(1 CÁI)	30,250
3509	D-07098	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 10X135(1 CÁI)	37,125
3510	D-07107	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 12X155(1 CÁI)	48,125
3511	D-07113	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 14X170(1 CÁI)	59,125
3512	D-07129	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 16X180(1 CÁI)	71,500
3513	D-07135	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 18X200(1 CÁI)	111,375
3514	D-07141	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 20X200(1 CÁI)	116,875
3515	D-07157	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 6X315(1 CÁI)	82,500
3516	D-07163	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 8X315(1 CÁI)	88,000
3517	D-07179	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 10X315(1 CÁI)	100,375
3518	D-07185	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 12X315(1 CÁI)	129,250
3519	D-07191	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 14X315(1 CÁI)	159,500
3520	D-07200	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 16X315(1 CÁI)	188,375
3521	D-07216	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 18X335(1 CÁI)	240,625
3522	D-07222	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 20X335(1 CÁI)	292,875
3523	D-07238	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 6X200(1 CÁI)	64,625
3524	D-07244	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 8X200(1 CÁI)	70,125
3525	D-07250	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 10X200(1 CÁI)	81,125
3526	D-07266	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 12X200(1 CÁI)	86,625
3527	D-07272	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 14X200(1 CÁI)	92,125
3528	D-07288	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 16X200(1 CÁI)	105,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3529	D-07294	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 18X200(1 CÁI)	116,875
3530	D-07303	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 20X200(1 CÁI)	122,375
3531	D-07319	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 22X200(1 CÁI)	145,750
3532	D-07325	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 24X200(1 CÁI)	156,750
3533	D-07331	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 6X250(1 CÁI)	70,125
3534	D-07347	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 8X250(1 CÁI)	70,125
3535	D-07353	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 10X250(1 CÁI)	86,625
3536	D-07369	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 12X250(1 CÁI)	92,125
3537	D-07375	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 14X250(1 CÁI)	111,375
3538	D-07381	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 16X250(1 CÁI)	116,875
3539	D-07397	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 18X250(1 CÁI)	133,375
3540	D-07406	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 20X250(1 CÁI)	133,375
3541	D-07412	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 22X250(1 CÁI)	156,750
3542	D-07428	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 24X250(1 CÁI)	178,750
3543	D-07434	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 8X400(1 CÁI)	133,375
3544	D-07440	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 10X400(1 CÁI)	138,875
3545	D-07456	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 12X400(1 CÁI)	162,250
3546	D-07462	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 14X400(1 CÁI)	178,750
3547	D-07478	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 16X400(1 CÁI)	198,000
3548	D-07484	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 18X400(1 CÁI)	231,000
3549	D-07490	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 20X400(1 CÁI)	244,750
3550	D-07509	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 22X400(1 CÁI)	272,250
3551	D-07515	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 24X400(1 CÁI)	345,125
3552	D-07521	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 26X400(1 CÁI)	372,625
3553	D-07537	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 28X400(1 CÁI)	445,500
3554	D-07543	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 30X400(1 CÁI)	500,500
3555	D-07559	AUGER BITS(1PCS) 8X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 8X450MM(1 CÁI)	167,750
3556	D-07565	AUGER BITS(1PCS) 10X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 10X450MM(1 CÁI	173,250
3557	D-07571	AUGER BITS(1PCS) 12X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 12X450MM(1 CÁI	203,500
3558	D-07587	AUGER BITS(1PCS) 14X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 14X450(1 CÁI)	214,500
3559	D-07593	AUGER BITS(1PCS) 16X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 16X450(1 CÁI)	258,500
3560	D-07602	AUGER BITS(1PCS) 18X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 18X450(1 CÁI)	281,875
3561	D-07618	AUGER BITS(1PCS) 20X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 20X450(1 CÁI)	306,625
3562	D-07624	AUGER BITS(1PCS) 22X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 22X450MM(1CÁI	339,625
3563	D-07630	AUGER BITS(1PCS) 24X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 24X450(1 CÁI)	394,625
3564	D-07646	AUGER BITS(1PCS) 26X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 26X450MM(1CÁI	434,500
3565	D-07652	AUGER BITS(1PCS) 28X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 28X450MM(1CÁI	506,000
3566	D-07668	AUGER BITS(1PCS) 30X450MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC 30X450MM(1CÁI	584,375
3567	D-07674	FLAT BITS 6X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 6X150(1 CÁI)	37,125
3568	D-07680	FLAT BITS 8X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 8X150(1 CÁI)	37,125
3569	D-07696	FLAT BITS 10X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 10X150(1 CÁI)	42,625
3570	D-07705	FLAT BITS 12X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 12X150(1 CÁI)	42,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3571	D-07711	FLAT BITS 14X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 14X150(1 CÁI)	42,625
3572	D-07727	FLAT BITS 15X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 15X150(1 CÁI)	42,625
3573	D-07733	FLAT BITS 16X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 16X150(1 CÁI)	42,625
3574	D-07749	FLAT BITS 18X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 18X150(1 CÁI)	48,125
3575	D-07755	FLAT BITS 20X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 20X150(1 CÁI)	53,625
3576	D-07761	FLAT BITS 22X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 22X150(1 CÁI)	53,625
3577	D-07777	FLAT BITS 24X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 24X150(1 CÁI)	53,625
3578	D-07783	FLAT BITS 25X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 25X150MM(1 CÁI)	53,625
3579	D-07799	FLAT BITS 26X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 26X150(1 CÁI)	59,125
3580	D-07808	FLAT BITS 28X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 28X160(1 CÁI)	67,375
3581	D-07814	FLAT BITS 30X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 30X160(1 CÁI)	71,500
3582	D-07820	FLAT BITS 32X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 32X160(1 CÁI)	77,000
3583	D-07836	FLAT BITS 34X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 34X160(1 CÁI)	83,875
3584	D-07842	FLAT BITS 34X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 35X160(1 CÁI)	83,875
3585	D-07858	FLAT BITS 36X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DẸT 36X160(1 CÁI)	83,875
3586	D-07892	STRAIGHT BIT 12MM	MŨI PHAY THẲNG 12MM	255,200
3587	D-07967	PLANER BLADE TC 82MM(2PCS/SET)	BỘ LƯỠI BÀO 82MM TC(2CÁI/HỘP)	350,625
3588	D-08034	BULL POINT 160	MŨI ĐỤC NHỌN 160	39,875
3589	D-08040	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 9X110	42,625
3590	D-08056	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 9X160	42,625
3591	D-08062	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X310MI	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 22X31(	188,375
3592	D-08078	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 26X310MI	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 26X31(	257,125
3593	D-08218	FLASH BIT/DCO181	MŨI KHOÉT THẠCH CAO/DCO181	350,625
3594	D-08517	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X310MI	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25X31(	228,250
3595	D-08682	BULL POINT 280	MŨI ĐỤC NHỌN 280	99,000
3596	D-08707	COLD CHISEL 19*280	MŨI ĐỤC DẸP 19*280	108,625
3597	D-08713	BULL POINT 250	MŨI ĐỤC NHỌN 250	83,875
3598	D-08729	COLD CHISEL 20*250	MŨI ĐỤC DẸP 20*250	94,875
3599	D-08735	SCALING CHISEL 40*250	MŨI ĐỤC DẸP 40*250	130,625
3600	D-08822	110MM HSS P.B.(2PCS/PKG)	BỘ LƯỠI BÀO110MM HSS (2CÁI/GÓI)MT	539,000
3601	D-09117	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X110MI	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 10X11(	42,625
3602	D-09173	STRAIGHT BITS 1/4"X6MM	MŨI PHAY THẲNG 1/4"X6MM	220,000
3603	D-09329	ROUND NOSE BITS 6MM	MŨI PHAY TRÒN 6MM	316,800
3604	D-09341	DOUBLE PANEL POINT BITS 6MM	MŨI PHAY THẲNG LƯỠI 2 PHẦN 6MM	686,400
3605	D-09379	V GROOVE BITS 30 23MM	MŨI VÁT GÓC 30 23MM	572,000
3606	D-09385	V GROOVE BITS 45 20MM	MŨI VÁT GÓC 45 20MM	541,200
3607	D-09400	COVE BITS 4R 20MM	MŨI PHAY RÃNH TRÒN 4R 20MM	583,000
3608	D-09444	ROUNDING OVER BITS 6R 21MM	MŨI PHAY TRÒN 6R 21MM	550,000
3609	D-09472	FLUSH TRIM BITS 10MM	MŨI CẮT MÉP THẲNG Ổ BI 10MM	330,000
3610	D-09494	CHAMFER BITS 60 20MM	MŨI PHAY CẠNH 60 20MM	545,600
3611	D-09547	BEADING BITS 8R 26MM	MŨI GẮN MÉP Ổ BI 26MM	589,600
3612	D-09553	CAVETTO BITS 20MM	MŨI PHAY TRÒN 20MM	730,400

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3613	D-09569	CAVETTO BITS 26MM	MŨI PHAY TRÒN 26MM	840,400
3614	D-09581	WAVY MOLD BITS 3/6R 26MM	MŨI PHAY GỢN SÓNG 3/6R 26MM	717,200
3615	D-09628	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX16T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165MMX20MMX16T	211,750
3616	D-09634	TCT SAW BLADE 185MMX30MMX20T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX30MM20T	287,375
3617	D-09640	TCT SAW BLADE 235X30X60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235X30X60T	650,375
3618	D-09656	HSS METAL DRILL BITS 1.5X40MM(1PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CÁI)	16,500
3619	D-09662	HSS METAL DRILL BITS 2X40MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 1.5X40(1 C	22,000
3620	D-09678	HSS METAL DRILL BITS 2.5X57MM (1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 2.5X57(1CÁI	22,000
3621	D-09684	HSS METAL DRILL BIT 3X61MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3X61(1 CÁ	22,000
3622	D-09690	HSS METAL DRILL BITS 3.5X70MM (1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3.5X70(1 C	22,000
3623	D-09709	HSS METAL DRILL BITS 4X75MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 4X75(1 CÁ	27,500
3624	D-09715	HSS METAL DRILL BITS 4.5X80MM (1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 4.5X80(1 C	33,000
3625	D-09737	HSS METAL DRILL BITS 5.5X93MM(1PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 5.5X93(1 CÁ	44,000
3626	D-09743	HSS METAL DRILL BITS 6X93MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6X93(1 CÁ	44,000
3627	D-09759	HSS METAL DRILL BITS 6.5X101MM(1P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 6.5X101(1 C	49,500
3628	D-09765	HSS METAL DRILL BITS 7X109MM (1PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7X109(1 C	55,000
3629	D-09771	HSS METAL DRILL BITS 7.5X109MM (1P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 7.5X109(1 CA	66,000
3630	D-09787	HSS METAL DRILL BITS 8X117MM(1PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 8X117(1 C	77,000
3631	D-09793	HSS METAL DRILL BITS 8.5X117MM(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 8.5X117(1 C	77,000
3632	D-09802	HSS METAL DRILL BITS 9X125MM(1PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 9X125(1 C	93,500
3633	D-09818	HSS METAL DRILL BITS 9.5X125MM(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 9.5X125(1 CA	104,500
3634	D-09824	HSS METAL DRILL BITS 10X133MM(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10X133(1 (	121,000
3635	D-09830	HSS METAL DRILL BIST 10.4X133MM(1I	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10.4X133(	132,000
3636	D-09846	HSS METAL DRILL BITS 11X142MM(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 11X142(1 (	148,500
3637	D-09852	HSS METAL DRILL BITS 11.5X142MM(1P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 11.5X142(1 C	154,000
3638	D-09868	HSS METAL DRILL BITS 12X151MM(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 12X151(1 (	176,000
3639	D-09874	HSS METAL DRILL BITS 12.5X151MM(1P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 12.5X151(	187,000
3640	D-09880	HSS METAL DRILL BITS 13X151MM(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13X151(1 (	209,000
3641	D-14093	CHUCK ADADTER WITH SCREW	ĐẦU NỐI MŨI VÍT	53,625
3642	D-14102	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.5X160	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12.5X1	48,125
3643	D-15235	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20X46(	211,750
3644	D-15241	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 22X46(	233,750
3645	D-15257	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25X46(	281,875
3646	D-15263	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 26X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 26X46(	328,625
3647	D-15285	BULL POINT 400	MŨI ĐỤC NHỌN 400	517,000
3648	D-15300	COLD CHISEL 30*400	MŨI ĐỤC DẸP 30*400	514,250
3649	D-15453	90 VEE GROVING BIT 20MM	MŨI PHAY 90 20MM	418,000
3650	D-15475	4.8MM ROUNDING OVER BIT 21MM	MŨI PHAY TRÒN 21MM	484,000
3651	D-15562	TCT SAW BLADE 110MMX20MMX12T FC	LƯỠI CƯA HỢP KIM 110MMX20MMX12T	121,000
3652	D-15578	TCT SAW BLADE 110MMX20MMX24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 110MMX20MMX24T	148,500
3653	D-15590	DIAMOND POLISHING PAD GRIT #100 1(	MIẾNG KIM CƯƠNG ĐÁNH BÓNG CỠ HA	303,600
3654	D-15609	DIAMOND POLISHING PAD GRIT #200 1(	MIẾNG KIM CƯƠNG ĐÁNH BÓNG CỠ HA	303,600

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3655	D-15615	DIAMOND POLISHING PAD GRIT #400 1(	MIẾNG KIM CƯƠNG ĐÁNH BÓNG CỠ HA	303,600
3656	D-15637	DIAMOND POLISHING PAD GRIT #1500 1	MIẾNG KIM CƯƠNG ĐÁNH BÓNG CỠ HA	303,600
3657	D-15665	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 3.5X110M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 3.5X11	37,125
3658	D-15811	TCT SAW BLADE FOR MBR 235MMX25M	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO MBR 235MMX	489,500
3659	D-16106	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X160M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5.5X16	42,625
3660	D-16112	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12X350	71,500
3661	D-16128	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 13X350	82,500
3662	D-16134	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14X350	94,875
3663	D-16140	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15X350	116,875
3664	D-16156	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X260M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X260	94,875
3665	D-16162	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X350	116,875
3666	D-16178	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X160M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17X160	94,875
3667	D-16184	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X260M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17X260	116,875
3668	D-16190	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17X350	141,625
3669	D-16209	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X160M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X160	94,875
3670	D-16215	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X260M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X260	116,875
3671	D-16221	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X350	141,625
3672	D-16243	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 19X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 19X350	176,000
3673	D-16259	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X260M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20X260	141,625
3674	D-16265	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X350M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20X350	176,000
3675	D-16271	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12X460	134,750
3676	D-16287	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X460	165,000
3677	D-16293	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 19X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 19X460	211,750
3678	D-16302	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 24X460	251,625
3679	D-16318	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 28X460	374,000
3680	D-16346	82MM HSS P.B.(2PCS/PKG)	BỘ LƯỠI BÀO 82MM HSS (2CÁI/GÓI)MT	159,500
3681	D-16374	HEX SHANK BULL POINT 17X210	MŨI ĐỤC NHỌN CHUÔI LỤC GIÁC 17X2	78,375
3682	D-16427	CRACK CHASER 105MM	LƯỠI CẮT CÓ RÃNH 105MM	1,474,000
3683	D-16477	CRACK CHASER 125MM	LƯỠI CẮT CÓ RÃNH 125MM	2,002,000
3684	D-16499	HEX SHANK BULL POINT 21X320	MŨI ĐỤC NHỌN CHUÔI LỤC GIÁC 21X32	154,000
3685	D-16508	MASONRY DRILL BIT ASSY5PCS/SET 7X	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5CÁI	116,875
3686	D-16520	TCT SAWBLADE TRING15.88 FOR MGF 3	LƯỠI CƯA HỢP KIM TRING15.88 CHO NI	1,364,000
3687	D-16570	TCT SAW BLADE FOR MBR 235MMX25M	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO MBR 235MMX	606,375
3688	D-16617	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 1.5×4(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 1	94,875
3689	D-16623	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)2×49M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 2	111,375
3690	D-16639	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBAL	111,375
3691	D-16645	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 3X61MM	154,000
3692	D-16651	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 3.2×6	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 3	162,250
3693	D-16667	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 3.5×7(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 3	167,750
3694	D-16673	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 4×75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 4	178,750
3695	D-16689	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 4.5×8(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 4	233,750
3696	D-16695	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 5×86M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 5	233,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3697	D-16704	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5% 5	272,250
3698	D-16710	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5% 5	301,125
3699	D-16726	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 6.5×1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)6.5	339,625
3700	D-16732	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7×109	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO (5CÁI)7×	389,125
3701	D-16748	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7.5×10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO (5CÁI)7.5	467,500
3702	D-16754	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)8×117	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO (5CÁI)8×	584,375
3703	D-16760	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)8.5×11	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)8.5	655,875
3704	D-16776	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 9×125	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI) 9×	739,750
3705	D-16782	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9.5×12	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)9.5	889,625
3706	D-16798	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)10×13	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)10	1,006,500
3707	D-16807	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)10.5×1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)10.	1,072,500
3708	D-16813	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11×14	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)11	1,262,250
3709	D-16829	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11.5×1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)11.	1,428,625
3710	D-16835	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)12×15	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)12	1,516,625
3711	D-16841	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)12.5×1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)12.	1,611,500
3712	D-16857	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13×15	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)13	1,750,375
3713	D-16863	BULL POINT 450	MŨI ĐỤC NHỌN 450	167,750
3714	D-16879	COLD CHISEL 19*450	MŨI ĐỤC DẸP 19*450	167,750
3715	D-16950	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 3.5X90MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 3.5X90	37,125
3716	D-16994	BIM HOLE SAW 16X38MM	MŨI KHOÉT BIM 16X38MM	78,375
3717	D-17005	BIM HOLE SAW 19X38MM	MŨI KHOÉT BIM 19X38MM	89,375
3718	D-17011	BIM HOLE SAW 22X38MM	MŨI KHOÉT BIM 22X38MM	94,875
3719	D-17027	BIM HOLE SAW 24X38MM	MŨI KHOÉT BIM 24X38MM	100,375
3720	D-17033	BIM HOLE SAW 25X38MM	MŨI KHOÉT BIM 25X38MM	100,375
3721	D-17049	BIM HOLE SAW 32X38MM	MŨI KHOÉT BIM 32X38MM	127,875
3722	D-17055	BIM HOLE SAW 35X38MM	MŨI KHOÉT BIM 35X38MM	133,375
3723	D-17061	BIM HOLE SAW 38X38MM	MŨI KHOÉT BIM 38X38MM	138,875
3724	D-17077	BIM HOLE SAW 44X38MM	MŨI KHOÉT BIM 44X38MM	156,750
3725	D-17083	BIM HOLE SAW 51X38MM	MŨI KHOÉT BIM 51X38MM	173,250
3726	D-17099	BIM HOLE SAW 57X38MM	MŨI KHOÉT BIM 57X38MM	189,750
3727	D-17108	BIM HOLE SAW 68X38MM	MŨI KHOÉT BIM 68X38MM	222,750
3728	D-17114	BIM HOLE SAW 76X38MM	MŨI KHOÉT BIM 76X38MM	244,750
3729	D-17120	BIM HOLE SAW 83X38MM	MŨI KHOÉT BIM 83X38MM	255,750
3730	D-17136	BIM HOLE SAW 92X38MM	MŨI KHOÉT BIM 92X38MM	290,125
3731	D-17142	BIM HOLE SAW 105X38MM	MŨI KHOÉT BIM 105X38MM	328,625
3732	D-17158	BIM HOLE SAW 127X38MM	MŨI KHOÉT BIM 127X38MM	405,625
3733	D-17164	BIM HOLE SAW 152X38MM	MŨI KHOÉT BIM 152X38MM	473,000
3734	D-17170	9.5MM ADAPTER WITH PILOT DRILL	CỤC CHUYỂN VỚI KHOAN ĐỊNH TÂM 9.	94,875
3735	D-17186	11MM ADAPTER WITH PILOT DRILL	CỤC CHUYỂN VỚI KHOAN ĐỊNH TÂM 1	173,250
3736	D-17192	71MM PILOT DRILL	KHOAN ĐỊNH TÂM 71MM	67,375
3737	D-17251	BIM HOLE SAW 20X38MM	MŨI KHOÉT BIM 20X38MM	89,375
3738	D-17267	BIM HOLE SAW 29X38MM	MŨI KHOÉT BIM 29X38MM	111,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3739	D-17273	BIM HOLE SAW 40X38MM	MŨI KHOÉT BIM 40X38MM	145,750
3740	D-17289	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 1.5X4	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 1.5X40(1	26,125
3741	D-17295	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)2X49M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2X49(1 C	26,125
3742	D-17304	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 2.5X5	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2.5X57(1	26,125
3743	D-17310	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 3X61	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3X61(1 C	37,125
3744	D-17326	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 3.2X6	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.2X65(1	37,125
3745	D-17332	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)3.5X7(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.5X70(1	37,125
3746	D-17348	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)4X75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4X75(1 C	42,625
3747	D-17354	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)4.5X8(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4.5X80(1	48,125
3748	D-17360	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)5X86M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5X86(1 C	53,625
3749	D-17376	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)5.5X9	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5.5X93(1	59,125
3750	D-17382	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)6X93M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6X93(1 C	67,375
3751	D-17398	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)6.5X1(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6.5X101(	71,500
3752	D-17407	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)7X109	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 7X109(1	89,375
3753	D-17413	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)7.5X1(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 7.5X109(	105,875
3754	D-17429	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)8X117	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 8X117(1	130,625
3755	D-17435	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)8.5X1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 8.5X117(	147,125
3756	D-17441	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)9X125	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 9X125(1	154,000
3757	D-17457	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)9.5X1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 9.5X125(	184,250
3758	D-17463	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 10X133(	206,250
3759	D-17479	HSS-CO METAL DRILL BITS 10.5X133(1P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 10.5X133	228,250
3760	D-17485	HSS-Co Metal Drill Bits(Cobalt 5%) 1pc 11×	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 11X142(	261,250
3761	D-17491	HSS-CO METAL DRILL BITS 11.5X142(1P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 11.5X142	295,625
3762	D-17500	HSS-Co Metal Drill Bits(Cobalt 5%) 1pc 12×	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 12X151(	317,625
3763	D-17516	HSS-CO METAL DRILL BITS 12.5X151(1P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 12.5X151	339,625
3764	D-17522	HSS-CO METAL DRILL BITS 13X151MM(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 13X151(	378,125
3765	D-17538	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 10X46(	129,250
3766	D-17544	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS14X460	141,625
3767	D-17550	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15X46(	176,000
3768	D-17566	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X46(	193,875
3769	D-17572	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X460M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 30X46(	485,375
3770	D-17588	21MM HEX SHANK COLD CHISEL 26*32(	MŨI ĐỤC DẸP CHUÔI LỤC GIÁC 21MM 2	145,750
3771	D-17594	COLD CHISEL 26*450	MŨI ĐỤC DẸP 26*450	206,250
3772	D-17603	SDS-PLUS ADP WITH PILOT DRILL 14 - 2	CỤC CHUYỂN VỚI MŨI KHOAN ĐỊNH VỊ	122,375
3773	D-17619	SDS-PLUS ADP WITH PILOT DRILL 32 - 7	CỤC CHUYỂN VỚI MŨI KHOAN ĐỊNH VỊ	217,250
3774	D-17625	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1.75×4	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1.	111,375
3775	D-17631	BULL POINT 410/HM1812	MŨI ĐỤC NHỌN 410/HM1812	489,500
3776	D-17647	COLD CHISEL 28*410/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 28*410/HM1812	489,500
3777	D-17675	BULL POINT 520/HM1812	MŨI ĐỤC NHỌN 520/HM1812	544,500
3778	D-17681	COLD CHISEL 28*520/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 28*520/HM1812	544,500
3779	D-17697	MASONRY BRILL BIT 12X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 12X4	100,375
3780	D-17706	MASONRY BRILL BIT 16X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 16X4	141,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3781	D-17712	MASONRY BRILL BIT 20X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 20X4	170,500
3782	D-17728	MASONRY BRILL BIT 12X600MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 12X6	134,750
3783	D-17734	MASONRY BRILL BIT 16X600MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 16X6	188,375
3784	D-17740	MASONRY BRILL BIT 20X600MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 20X6	233,750
3785	D-17756	DRESSING STONE 150-1200 SET	ĐÁ MÀI 150-1200 SET	159,300
3786	D-17784	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT 5P/SET 6,6.	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5CÁI/B	182,875
3787	D-17902	TCT SAW BLADE FOR MDF 185MMX30M	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO MDF 185MMX	704,000
3788	D-17918	TCT SAW BLADE FOR MDF 235MMX30X	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO MDF 235MMX	1,178,375
3789	D-18443	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (10	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (100 X 6 X	27,000
3790	D-18465	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (12	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (125 X 6 X	37,800
3791	D-18471	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (18	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (180 X 6 X	54,000
3792	D-18487	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (23	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (230 X 6 X	86,400
3793	D-18524	GRINDING WHEEL C24R FOR METAL (15	ĐÁ MÀI C24R CHO KIM LOẠI (150 X 6 X	54,000
3794	D-18552	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR ME	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 100X3X16	22,950
3795	D-18574	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR ME	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 125X3X22.2	24,300
3796	D-18580	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR ME	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 180X3X22.2	36,450
3797	D-18596	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR ME	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 230X3X22.2	47,250
3798	D-18655	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 100x2.5	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 100X2.5X16	17,550
3799	D-18677	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 125x2.5	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 125X2.5X22	22,950
3800	D-18683	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 180x2.5	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 180X2.5X22	33,750
3801	D-18699	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 230x2.5	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 230X2.5X22	49,950
3802	D-18720	CUTTING WHEEL C30S FOR MAS 125x3x	ĐÁ CẮT C30S CHO GẠCH 125X3X22.23M	27,000
3803	D-18758	THIN CUTTING WA60T FOR STA 100x1.0	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA60T	22,950
3804	D-18758-100	CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/THIN THIC	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP 100X1.0	1,375,650
3805	D-18770	THIN CUTTING FLAT WA60T FOR STAIN	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉPWA60TF	28,350
3806	D-18786	THIN CUTTING WA36R FOR STA 180x2x2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX WA36R FOR 1	44,550
3807	D-18792	THIN CUTTING FLAT WA36R FOR STAIN	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA36R	71,550
3808	D-18801	THIN CUTTING OFF SET WA60T FOR ST	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA60T	22,950
3809	D-18823	THIN CUTTING OFF SET WA46S FOR ST	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA46S	28,350
3810	D-18839	THIN CUTTINF OFF SET WA36R FOR ST	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA36R	44,550
3811	D-18845	THIN CUTTING OFF SET WA36R FOR ST	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉPT WA36	71,550
3812	D-18960	MASONRY BRILL BIT 10X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 10X4	94,875
3813	D-18976	MASONRY BRILL BIT 14X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 14X4	116,875
3814	D-18982	MASONRY BRILL BIT 18X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 18X4	165,000
3815	D-19015	BULL POINT 400MM	MŨI ĐỤC NHỌN 400MM	92,125
3816	D-19021	COLD CHISEL 20x400MM	MŨI ĐỤC DẸP 20X400MM	100,375
3817	D-19037	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX20MMX24T	264,000
3818	D-19043	SAW BLADE (2PCS/SET) 185MMX20MMX	LƯỠI CƯA HỢP KIM (2CÁI/BỘ) 185MMX	532,125
3819	D-19152	BULL POINT 140	MŨI ĐỤC NHỌN 140	50,875
3820	D-19168	COLD CHISEL 20*140	MŨI ĐỤC DẸP 20*140	50,875
3821	D-19825	TCT SAW BLADE FOR WOOD 235MMX25	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO GỖ 235MMX25	567,875
3822	D-20052	TCT SAW BLADE (2PCS/SET) 185MMX30	LƯỠI CƯA HỢP KIM (2CÁI/BỘ) 185MMX	433,125

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3823	D-20068	TCT SAW BLADE (2PCS/SET) 235MMX30	LƯỠI CƯA HỢP KIM (2CÁI/BỘ) 235MMX	966,625
3824	D-20127	17MM HEX SHANK DRILL BIT 16X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	189,750
3825	D-20133	17MM HEX SHANK DRILL BIT 16X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	266,750
3826	D-20149	17MM HEX SHANK DRILL BIT 18X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	206,250
3827	D-20155	TCT DRILL BIT 18X505MM	MŨI KHOAN HỢP KIM 18X505MM	301,125
3828	D-20161	17MM HEX SHANK DRILL BIT 19X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	228,250
3829	D-20177	17MM HEX SHANK DRILL 19X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM DRILL 19X505	350,625
3830	D-20183	17MM HEX SHANK DRILL BIT 20X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	233,750
3831	D-20199	17MM HEX SHANK DRILL BIT 20X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	350,625
3832	D-20208	17MM HEX SHANK DRILL BIT 22X 280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	261,250
3833	D-20214	17MM HEX SHANK DRILL BIT 22X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	389,125
3834	D-20220	17MM HEX SHANK DRILL BIT 26X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	284,625
3835	D-20236	17MM HEX SHANK DRILL BIT 25.5X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	400,125
3836	D-20242	17MM HEX SHANK DRILL BIT 28X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	328,625
3837	D-20258	17MM HEX SHANK DRILL BIT 28X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	500,500
3838	D-20264	17MM HEX SHANK DRILL BIT 32X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	517,000
3839	D-20270	17MM HEX SHANK DRILL BIT 32X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	712,250
3840	D-20286	17MM HEX SHANK DRILL BIT 35X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	633,875
3841	D-20292	17MM HEX SHANK DRILL BIT 35X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ	772,750
3842	D-20672	SCALING CHISEL 70*320	MŨI ĐỤC DẸP 70*320	266,750
3843	D-20694	SCALING CHISEL 50*280	MŨI ĐỤC DẸP 50*280	141,625
3844	D-20703	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT5PC/SET 5,6	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5CÁI/B	171,600
3845	D-20725	SCALING CHISEL 75*520/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 75*520/HM1812	628,375
3846	D-20937	CUTTING WHEEL (FLAT) C30S FOR MAS	ĐÁ CẮT 100X3X160X3X16	22,950
3847	D-20959	CUTTING WHEEL (FLAT) C30S FOR MAS	ĐÁ CẮT 125X3X22.25X3X22.2	28,350
3848	D-21032	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR M	ĐÁ CẮT 100X3X16100X3X16	22,950
3849	D-21048	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR M	ĐÁ CẮT 115X3X22.2115X3X22.2	28,350
3850	D-21054	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR M	ĐÁ CẮT 125X3X22.2125X3X22.2	22,950
3851	D-21060	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR M	ĐÁ CẮT 180X3X22.2180X3X22.2	44,550
3852	D-21076	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR M	ĐÁ CẮT 230X3X22.2230X3X22.2	49,950
3853	D-21319	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ)	995,500
3854	D-21331	BIT FOR SDS PLUS HAMMERS 14X210MI	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14X21(	71,500
3855	D-21397	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ)	528,000
3856	D-22816	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 1/16"X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/	92,400
3857	D-22838	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/32"X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/	110,000
3858	D-22844	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/64"X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/(	154,000
3859	D-22866	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9/64"X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)9/(	162,250
3860	D-22894	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/16"X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/	224,400
3861	D-22903	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13/64"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)13	259,600
3862	D-22919	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/32"X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/	259,600
3863	D-22931	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/4"X4	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/4	338,800
3864	D-22947	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)17/64"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)17	387,200

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3865	D-22953	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9/32"X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)9/	466,400
3866	D-22969	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)19/64"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)19	466,400
3867	D-22975	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)5/16"X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)5/	585,200
3868	D-22981	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)21/64"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)21	660,000
3869	D-22997	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11/32"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)11	739,200
3870	D-23008	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)23/64"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)23	897,600
3871	D-23014	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/8"X5	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/	897,600
3872	D-23020	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)25/64"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)25	1,012,000
3873	D-23036	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13/32"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)13	1,069,200
3874	D-23042	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)27/64"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)27	1,258,400
3875	D-23058	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/16"X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/	1,421,200
3876	D-23064	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)29/64"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)29	1,421,200
3877	D-23070	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)15/32"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)15	1,518,000
3878	D-23086	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)31/64"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)31	1,619,200
3879	D-23092	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/2"X6	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/	1,764,400
3880	D-23466	AUGER BITS (1PCS.) 5/8"X10"	MŨI KHOAN XOẮN ỐC (1PC.) 5/8"×10"	114,400
3881	D-23824	BULL POINT 450	MŨI ĐỤC NHỌN 450	217,250
3882	D-23868	SCALING CHISEL 75*310	MŨI ĐỤC DẸP 75*310	544,500
3883	D-24000	FLAT BITS (1/4"HEX SHANK) 7/8"X6"	MŨI KHOAN DẸT (CHUÔI LỤC GIÁC 1/4"	56,375
3884	D-24066	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60M	CHỔI KIM LOẠI 60MMXM10	76,950
3885	D-24072	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60M	CHỔI KIM LOẠI 60MMXM14	76,950
3886	D-24088	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75M	CHỔI KIM LOẠI 75MMXM10	109,350
3887	D-24094	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75M	CHỔI KIM LOẠI 75MMXM14	109,350
3888	D-24103	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60M	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 60MMXM1	121,500
3889	D-24119	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60M	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 60MMXM1	121,500
3890	D-24125	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75M	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 75MMXM1	133,650
3891	D-24131	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75M	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 75MMXM1	170,100
3892	D-24147	CUP BRUSH TWISTED WIRE 60MMXM10	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 60MMXM1	164,700
3893	D-24153	CUP BRUSH TWISTED WIRE 60MMXM14	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 60MMXM1	159,300
3894	D-24583	FLAT BIT 3/4"X6"	MŨI KHOÉT GỖ 3/4"X6"	35,200
3895	D-24876	BIM HOLE SAW 54X38MM	MŨI KHOÉT 54X38MM	178,750
3896	D-24882	BIM HOLE SAW 65X38MM	MŨI KHOÉT 65X38MM	206,250
3897	D-25111	GLASS DRILL BIT 3X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 3X65MM	45,375
3898	D-25127	GLASS DRILL BIT 4X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 4X65MM	56,375
3899	D-25133	GLASS DRILL BIT 5X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 5X65MM	56,375
3900	D-25149	GLASS DRILL BIT 6X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 6X65MM	61,875
3901	D-25155	GLASS DRILL BIT 8X70MM	MŨI KHOAN KÍNH 8X70MM	67,375
3902	D-25161	GLASS DRILL BIT 10X80MM	MŨI KHOAN KÍNH 10X80MM	83,875
3903	D-25177	GLASS DRILL BIT 12X80MM	MŨI KHOAN KÍNH 12X80MM	100,375
3904	D-25616	SCALING CHISEL 50*215	MŨI ĐỤC DẸP 50*215	129,250
3905	D-25638	SDS-PLUS DRILL 15X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15X26	94,875
3906	D-25644	SDS-PLUS DRILL 24X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 24X26	204,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3907	D-25666	SDS-PLUS DRILL 6X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 6X260	53,625
3908	D-25688	60MM BIM HOLE SAW	60X38MM MŨI KHOÉT	195,250
3909	D-25694	70MM BIM HOLE SAW	70X38MM MŨI KHOÉT	222,750
3910	D-26163	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (15	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (150 X 6 X	48,600
3911	D-26303	BULL POINT 280	MŨI ĐỤC NHỌN 280	100,375
3912	D-26587	COLD CHISEL 19*210	MŨI ĐỤC DẸP 19*210	81,125
3913	D-26973	FLAP DISC GE 100MM #A36 ANGLED	ĐĨA NHÁM XẾP 100MM #A36 GÓC	70,200
3914	D-29228	SCALING CHISEL 75*410/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 75*410/HM1812	573,375
3915	D-29284	CUP BRUSH CRIMPED WIRE 100MMXM	CHỔI KIM LOẠI 100MMXM14	148,500
3916	D-29290	CUP BRUSH TWISTED WIRE 100MMXM1	CHỔI KIM LOẠI XOẮN TRÒN 100MMXM	221,400
3917	D-29402	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 150x2.5	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 150X2.5X2	28,350
3918	D-29418	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 150x3x	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 150X3X22.	33,750
3919	D-29424	THIN CUTTING FLAT WA36R FOR STAIN	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA36R	39,150
3920	D-29555	WHEEL BRUSH TWISTED 100MMXM14	CHỔI XOẮN TRÒN 100MMXM14	136,350
3921	D-29561	WHEEL BRUSH TWISTED 115MMXM14	CHỔI XOẮN TRÒN 115MMXM14	136,350
3922	D-29577	WHEEL BRUSH TWISTED 125MMXM14	CHỔI XOẮN TRÒN 125MMXM14	191,700
3923	D-29614	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 2	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 2X49MM	22,000
3924	D-29620	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 2	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 2.5X57MM	22,000
3925	D-29636	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X61MM	27,500
3926	D-29686	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5,5X93MM	60,500
3927	D-29701	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6,5X101MM	66,000
3928	D-29717	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X109MM	82,500
3929	D-29723	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7.5X109MM	88,000
3930	D-29739	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X117MM	110,000
3931	D-29745	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8.5X117MM	110,000
3932	D-29751	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X125MM	137,500
3933	D-29767	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9,5X125MM	154,000
3934	D-29773	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X133MM	176,000
3935	D-29789	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10.5X133MM	187,000
3936	D-29795	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X142MM	209,000
3937	D-29804	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11,5X142MM	225,500
3938	D-29810	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X151MM	258,500
3939	D-29826	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12,5X151MM	264,000
3940	D-29832	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X151MM	302,500
3941	D-29860	BULL POINT 450	MŨI ĐỤC NHỌN 450	133,375
3942	D-29985	SELF FEED BIT(1PCS) 38MM	MŨI KHOÉT GỖ CHUÔI LỤC GIÁC 38MM	319,000
3943	D-30106	5PCS METER DRILL SETS ASSORT 5MM(	BỘ MŨI KHOAN 5 CÁI 5MM(1PCS), 6MM	154,000
3944	D-30140	64MM BIM HOLE SAW	64X38MM MŨI KHOÉT	200,750
3945	D-30287	OMNIBOHRER 3X60MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X60MM	23,375
3946	D-30293	OMNIBOHRER 4X70MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4X70MM	23,375
3947	D-30302	OMNIBOHRER 5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5X85MM	23,375
3948	D-30318	MULTI PURPOSE DRILL BIT 6X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6x100MM	23,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3949	D-30324	OMNIBOHRER 6X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X150MM	23,375
3950	D-30330	OMNIBOHRER 7X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X100MM	23,375
3951	D-30346	OMNIBOHRER 7X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X150MM	28,875
3952	D-30352	OMNIBOHRER 8X110MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X110MM	23,375
3953	D-30368	OMNIBOHRER 8X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X150MM	28,875
3954	D-30374	OMNIBOHRER 9X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X150MM	39,875
3955	D-30380	OMNIBOHRER 10X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X150MM	39,875
3956	D-30396	OMNIBOHRER 10X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X400MM	94,875
3957	D-30405	OMNIBOHRER 11X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X150MM	45,375
3958	D-30411	OMNIBOHRER 12X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X150MM	45,375
3959	D-30427	OMNIBOHRER 12X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X400MM	100,375
3960	D-30433	OMNIBOHRER 12X600MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X600MM	133,375
3961	D-30449	OMNIBOHRER 13X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X150MM	56,375
3962	D-30455	OMNIBOHRER 14X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X150MM	61,875
3963	D-30461	OMNIBOHRER 14X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X400MM	133,375
3964	D-30994	BULL POINT FOR 21MM HEX SHANK HA	MŨI ĐỤC NHỌN CHUÔI LỤC GIÁC 21MM	416,625
3965	D-31011-12	SCREW BIT IN COUNTER DISPLAY 12 SE	HỘP MŨI VẶN VÍT 12 BỘ	1,861,200
3966	D-31027	OMNIBOHRER 5.5X85	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X85	23,375
3967	D-31033	OMNIBOHRER 5.5X100	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X100	23,375
3968	D-31049	OMNIBOHRER 5.5X150	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X150	23,375
3969	D-31055	OMNIBOHRER 6.5X85	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X85	23,375
3970	D-31061	OMNIBOHRER 6.5X100	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X100	23,375
3971	D-31077	OMNIBOHRER 6.5X150	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X150	28,875
3972	D-31114	HSS-TIN METAL DRILL BITS (HEX SHAN	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUÔI	30,250
3973	D-31120	HSS METAL DRILL BITS (1PCS,HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CÁI, CHUÔ	34,375
3974	D-31136	HSS METAL DRILL BITS(1PCS,HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CÁI, CHUÔ	34,375
3975	D-31142	HSS METAL DRILL BITS(1PCS,HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUÔI	39,875
3976	D-31158	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX S	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUÔI	39,875
3977	D-31164	HSS METAL DRILL BITS(1PCS,HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CÁI,CHUÔ	39,875
3978	D-31170	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔ	45,375
3979	D-31186	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔ	56,375
3980	D-31192	HSS- TIN METAL DRILL BITS(HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔ	72,875
3981	D-31201	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔ	122,375
3982	D-31217	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔ	167,750
3983	D-31223	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔ	258,500
3984	D-31239	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHA	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔ	299,750
3985	D-31245	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 3X78	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁ	28,875
3986	D-31251	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX S	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC (1/4")	34,375
3987	D-31267	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX S	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC (1/4")	34,375
3988	D-31273	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 6X11	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁ	39,875
3989	D-31289	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX S	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC (1/4")	45,375
3990	D-31295	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 10X1	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁ	50,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
3991	D-31304	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 12X1	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁ	67,375
3992	D-31310	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 15X1	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁ	83,875
3993	d-31326	AUGER BITS (1PCS)6MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC(1CÁI) 6MM	83,875
3994	D-31332	AUGER BITS(1PCS) 8MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC (1CÁI) 8MM	89,375
3995	D-31348	AUGER BITS(1PCS) 10MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC (1CÁI) 10MM	100,375
3996	D-31354	AUGER BITS(1PCS) 12MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC (1CÁI) 12MM	111,375
3997	D-31360	AUGER BITS(1PCS) 14MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC (1CÁI) 14MM	116,875
3998	D-31376	AUGER BITS(1PCS) 16MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC (1CÁI) 16MM	116,875
3999	D-31382	AUGER BITS(1PCS) 18MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC (1CÁI) 18MM	138,875
4000	D-31398	AUGER BITS(1PCS) 20MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC (1CÁI) 20MM	151,250
4001	D-31407	AUGER BITS (1/4" HEX SHANK) 21X200M	MŨI KHOAN XOẮN ỐC(CHUÔI LỤC GIÁ	156,750
4002	D-31413	GLASS BITS(1PCS) 4X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 4X65MM	67,375
4003	D-31429	GLASS BITS(1PCS) 5X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 5X65MM	67,375
4004	D-31435	GLASS BITS(1PCS) 6X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 6X65MM	71,500
4005	D-31441	GLASS BITS(1PCS) 8X70MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 8X70MM	72,875
4006	D-31457	GLASS BITS(1PCS) 10X80MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 10X80MM	89,375
4007	D-31463	MASONRY DRILL BITS (1/4"3X80)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUÔI LỤC GIÁ	42,625
4008	D-31479	MASONRY DRILL BITS (1/4" 4X80)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUÔI LỤC GIÁ	48,125
4009	D-31485	MASONRY DRILL BITS (1/4" 5*90)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUÔI LỤC GIÁ	48,125
4010	D-31491	TCT DRILL BIT 6X100	MŨI KHOAN TƯỜNG (CHUÔI LỤC GIÁC)	48,125
4011	D-31500	MASONRY DRILL BITS (1/4" HEX SHANK	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUÔI LỤC GIÁ	59,125
4012	D-31516	DRILL BIT ASSORTMENT 5,6,8MM (5PCS	BỘ MŨI KHOAN GỖ, KIM LOẠI (CHUÔI I	286,000
4013	D-31522	DRILL BIT ASSORTMENT M/S 5,6,8MM(5	BỘ MŨI KHOAN GỖ, KIM LOẠI (CHUÔI I	220,000
4014	D-31653	DOUBLE HEAD SCREW BIT WITH MAG	MŨI VÍT 2 ĐẦU CÓ NAM CHÂM (NZ) 100	1,344,750
4015	D-33679	DOUBLE HEAD SCREW BIT SET PH2 65M	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 65MM(10 CÁI)	214,500
4016	D-33869	BIM HOLE SAW 80MM	MŨI KHOÉT 80X38MM	250,250
4017	D-33875	SDS-MAX TCT DRILL 12X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 12X340	255,750
4018	D-33881	SDS-MAX TCT DRILL 12X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 12X540	367,125
4019	D-33897	SDS-MAX TCT DRILL 14X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14X340	284,625
4020	D-33906	SDS-MAX TCT DRILL 14X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14X540	389,125
4021	D-33912	SDS-MAX TCT DRILL 15X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 15X340	312,125
4022	D-33928	SDS-MAX TCT DRILL 15X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 15X540	416,625
4023	D-33934	SDS-MAX TCT DRILL 16X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 16X340	312,125
4024	D-33940	SDS-MAX TCT DRILL 16X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 16X540	416,625
4025	D-33956	SDS-MAX TCT DRILL 18X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 18X340	339,625
4026	D-33962	SDS-MAX TCT DRILL 18X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 18X540	445,500
4027	D-33978	SDS-MAX TCT DRILL 20X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 20X340	378,125
4028	D-33984	SDS-MAX TCT DRILL 20X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 20X540	517,000
4029	D-33990	SDS-MAX TCT DRILL 22X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 22X340	416,625
4030	D-34001	SDS-MAX TCT DRILL 22X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 22X540	562,375
4031	D-34017	SDS-MAX TCT DRILL 24X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 24X340	440,000
4032	D-34023	SDS-MAX TCT DRILL 24X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 24X540	584,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4033	D-34039	SDS-MAX TCT DRILL 25X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 25X340	440,000
4034	D-34045	SDS-MAX TCT DRILL 25X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 25X540	584,375
4035	D-34051	SDS-MAX TCT DRILL 28X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 28X370	517,000
4036	D-34067	SDS-MAX TCT DRILL 28X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 28X570	789,250
4037	D-34073	SDS-MAX TCT DRILL 30X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 30X370	606,375
4038	D-34089	SDS-MAX TCT DRILL 30X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 30X570	972,125
4039	D-34095	SDS-MAX TCT DRILL 32X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 32X370	845,625
4040	D-34104	SDS-MAX TCT DRILL 32X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 32X570	1,078,000
4041	D-34110	SDS-MAX TCT DRILL 35X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 35X370	1,017,500
4042	D-34126	SDS-MAX TCT DRILL 35X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 35X570	1,194,875
4043	D-34132	SDS-MAX TCT DRILL 38X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 38X370	1,262,250
4044	D-34148	SDS-MAX TCT DRILL 38X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 38X570	1,516,625
4045	D-34154	SDS-MAX TCT DRILL 40X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 40X370	1,401,125
4046	D-34160	SDS-MAX TCT DRILL 40X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 40X570	1,589,500
4047	D-34176	SDS-MAX BULL POINT 300MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHỌN 300MM	154,000
4048	D-34182	SDS-MAX BULL POINT 400MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHỌN 400MM	178,750
4049	D-34182-10	SDS MAX BULL POINT 10PCS/SET 400M	MŨI ĐỤC NHỌN SDS MAX 10PCS/SET 40	1,534,500
4050	D-34198	SDS-MAX BULL POINT 600MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHỌN 600MM	261,250
4051	D-34207	SDS-MAX COLD CHISEL 300MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC DẸP 300MM	154,000
4052	D-34213	SDS-MAX COLD CHISEL 400MM	MŨI ĐỤC DẸP 400MM	178,750
4053	D-34213-10	SDS MAX COLO CHISEL 10PCS/SET 25X3	MŨI ĐỤC NHỌN CHUÔI SDS-MAX 10CÁI	1,531,200
4054	D-34229	SDS-MAX COLD CHISEL 600MM/HM1812	SDS-MAX MŨI ĐỤC DẸP 600MM	261,250
4055	D-34235	SDS-MAX SCALING CHISEL 50MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC DẸP 50MM	200,750
4056	D-34241	SDS-MAX SCALING CHISEL 80MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC DẸP 80MM	328,625
4057	D-34279	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 185MMX	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO GỖ 185MMX20	489,500
4058	D-34285	TCT SAW BLADE (3PC/SET) 185MMX20M	LƯỠI CƯA HỢP KIM (3 CÁI/BỘ) 185MMX	765,875
4059	D-34316	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET	LƯỠI CƯA HỢP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ)	851,125
4060	D-34394	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX100T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 260MMX25.4MMX10	1,333,750
4061	D-34811	30MM HEX SHANK SCALING CHISEL	MŨI ĐỤC DẸP CHUÔI LỤC GIÁC 30MM	445,500
4062	D-34827	DOUBLE HEAD SCREW BIT (NZ) 10 X PH	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU (NZ) 10 X PH2-45 BIT	195,250
4063	D-34833	DOUBLE HEAD SCREW BIT SET PH2 110	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 110MM(10 CÁI)	330,000
4064	D-34877	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOI	LƯỠI CƯA LỌNG GỖ/CƠ BẢN(5 CÁI/BỘ)	39,875
4065	D-34883	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOI	LƯỠI CƯA LỌNG GỖ/NHANH(5 CÁI/BỘ)	59,125
4066	D-34899	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOI	LƯỠI CƯA LỌNG GỖ/NHANH/CẮT CONG	59,125
4067	D-34908	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE META	LƯỠI CƯA LỌNG KIM LOẠI/CƠ BẢN(5CÁ	78,375
4068	D-34958	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBAL	233,750
4069	D-34992	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBAL	272,250
4070	D-35003	ELECTROPLATED CORE DRILL 35MM	MŨI KHOAN LÕI MẠ ĐIỆN 35MM	701,250
4071	D-35019	ELECTROPLATED CORE DRILL 30MM	MŨI KHOAN LÕI MẠ ĐIỆN 30MM	644,875
4072	D-35025	ELECTROPLATED CORE DRILL 25MM	MŨI KHOAN LÕI MẠ ĐIỆN 25MM	555,500
4073	D-35053	OMNIBOHRER 3X60MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X60MM	23,375
4074	D-35069	OMNIBOHRER 4X70MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4X70MM	23,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4075	D-35075	OMNIBOHRER 5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5X85MM	23,375
4076	D-35081	OMNIBOHRER 5.5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X85MM	23,375
4077	D-35097	OMNIBOHRER 5.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X100MM	23,375
4078	D-35106	OMNIBOHRER 5.5X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X150MM	23,375
4079	D-35112	OMNIBOHRER 6X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X100MM	23,375
4080	D-35128	OMNIBOHRER 6X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X150MM	23,375
4081	D-35134	OMNIBOHRER 6.5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X85MM	23,375
4082	D-35140	OMNIBOHRER 6.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X100MM	23,375
4083	D-35156	OMNIBOHRER 6.5X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X150MM	23,375
4084	D-35162	OMNIBOHRER 7X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X100MM	23,375
4085	D-35178	OMNIBOHRER 7X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X150MM	23,375
4086	D-35184	OMNIBOHRER 8X110MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X110MM	23,375
4087	D-35209	OMNIBOHRER 9X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X150MM	28,875
4088	D-35215	OMNIBOHRER 10X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X150MM	28,875
4089	D-35221	OMNIBOHRER 10X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X400MM	77,000
4090	D-35237	OMNIBOHRER 11X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X150MM	34,375
4091	D-35243	OMNIBOHRER 12X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X150MM	39,875
4092	D-35259	OMNIBOHRER 12X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X400MM	82,500
4093	D-35265	OMNIBOHRER 12X600MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X600MM	110,000
4094	D-35271	OMNIBOHRER 13X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X150MM	45,375
4095	D-35287	OMNIBOHRER 14X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X150MM	45,375
4096	D-35293	OMNIBOHRER 14X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X400MM	99,000
4097	D-35368	BIM HOLE SAW 14X38MM	MŨI KHOÉT 14X38MM	78,375
4098	D-35374	BIM HOLE SAW 17X38MM	MŨI KHOÉT 17X38MM	83,875
4099	D-35380	BIM HOLE SAW 21X38MM	MŨI KHOÉT 21X38MM	89,375
4100	D-35396	BIM HOLE SAW 27X38MM	MŨI KHOÉT 27X38MM	111,375
4101	D-35405	BIM HOLE SAW 30X38MM	MŨI KHOÉT 30X38MM	116,875
4102	D-35411	BIM HOLE SAW 33X38MM	MŨI KHOÉT 33X38MM	127,875
4103	D-35427	BIM HOLE SAW 37X38MM	MŨI KHOÉT 37X38MM	133,375
4104	D-35433	BIM HOLE SAW 41X38MM	MŨI KHOÉT 41X38MM	145,750
4105	D-35449	BIM HOLE SAW 43X38MM	MŨI KHOÉT 43X38MM	156,750
4106	D-35455	BIM HOLE SAW 46X38MM	MŨI KHOÉT 46X38MM	162,250
4107	D-35461	BIM HOLE SAW 48X38MM	MŨI KHOÉT 48X38MM	167,750
4108	D-35477	BIM HOLE SAW 52X38MM	MŨI KHOÉT 52X38MM	178,750
4109	D-35483	BIM HOLE SAW 56X38MM	MŨI KHOÉT 56X38MM	184,250
4110	D-35499	BIM HOLE SAW 59X38MM	MŨI KHOÉT 59X38MM	189,750
4111	D-35508	BIM HOLE SAW 67X38MM	MŨI KHOÉT 67X38MM	217,250
4112	D-35514	BIM HOLE SAW 73X38MM	MŨI KHOÉT 73X38MM	239,250
4113	D-35520	BIM HOLE SAW 79X38MM	MŨI KHOÉT 79X38MM	244,750
4114	D-35536	BIM HOLE SAW 86X38MM	MŨI KHOÉT 86X38MM	261,250
4115	D-35542	BIM HOLE SAW 89X38MM	MŨI KHOÉT 89X38MM	277,750
4116	D-35558	BIM HOLE SAW 95X38MM	MŨI KHOÉT 95X38MM	301,125

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4117	D-35564	BIM HOLE SAW 98X38MM	MŨI KHOÉT 98X38MM	301,125
4118	D-35570	BIM HOLE SAW 102X38MM	MŨI KHOÉT 102X38MM	312,125
4119	D-35586	BIM HOLE SAW 108X38MM	MŨI KHOÉT 108X38MM	345,125
4120	D-35592	BIM HOLE SAW 111X38MM	MŨI KHOÉT 111X38MM	356,125
4121	D-35601	BIM HOLE SAW 114X38MM	MŨI KHOÉT 114X38MM	367,125
4122	D-35617	BIM HOLE SAW 121X38MM	MŨI KHOÉT 121X38MM	383,625
4123	D-35623	BIM HOLE SAW 140X38MM	MŨI KHOÉT 140X38MM	434,500
4124	D-36049	SDS PLUS DRILL ASSORTMENT (4PCS) 6	SDS PLUS DRILL ASSORTMENT (4CÁI) 6	173,250
4125	D-36055	SHIP AUGER BIT 10X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	217,250
4126	D-36061	SHIP AUGER BIT 12X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	244,750
4127	D-36077	SHIP AUGER BIT 14X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	261,250
4128	D-36083	SHIP AUGER BIT 16X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	272,250
4129	D-36099	SHIP AUGER BIT 18X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	295,625
4130	D-36108	SHIP AUGER BIT 20X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	312,125
4131	D-36114	SHIP AUGER BIT 22X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	350,625
4132	D-36120	SHIP AUGER BIT 24X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	378,125
4133	D-36136	SHIP AUGER BIT 26X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	400,125
4134	D-36142	SHIP AUGER BIT 28X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	440,000
4135	D-36158	SHIP AUGER BIT 30X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	489,500
4136	D-36164	SHIP AUGER BIT 32X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	528,000
4137	D-36170	SHIP AUGER BIT 35X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	644,875
4138	D-36186	SHIP AUGER BIT 38X165MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	739,750
4139	D-36192	SHIP AUGER BIT 10X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	328,625
4140	D-36201	SHIP AUGER BIT 12X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	367,125
4141	D-36217	SHIP AUGER BIT 14X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	440,000
4142	D-36223	SHIP AUGER BIT 16X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	456,500
4143	D-36239	SHIP AUGER BIT 18X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	506,000
4144	D-36245	SHIP AUGER BIT 20X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	544,500
4145	D-36251	SHIP AUGER BIT 22X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	573,375
4146	D-36267	SHIP AUGER BIT 24X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	655,875
4147	D-36273	SHIP AUGER BIT 26X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	706,750
4148	D-36289	SHIP AUGER BIT 28X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	811,250
4149	D-36295	SHIP AUGER BIT 30X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	851,125
4150	D-36304	SHIP AUGER BIT 32X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	979,000
4151	D-36310	SHIP AUGER BIT 35X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	1,094,500
4152	D-36326	SHIP AUGER BIT 38X470MM	MŨI KHOAN XOẮN ỐC CHUÔI LỤC GIÁ	1,333,750
4153	D-36728	MASONRY DRILL BIT 5.5X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5.5X1	24,750
4154	D-36734	MASONRY DRILL BIT 5.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5.5X1	24,750
4155	D-36740	MASONRY DRILL BIT 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 6.5X1	24,750
4156	D-36756	MASONRY DRILL BIT 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 6.5X1	24,750
4157	D-36974	T.C.T DRILL BIT 5 PCS SET WITH STRAI	BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUÔI THẲN	148,500
4158	D-37306	COUNTERSINK 7CUTTING EDGES 13.0M	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 7LƯỠI CẮT 13X5	89,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4159	D-37312	COUNTERSINK 6.3X31MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6.3X31MM	100,375
4160	D-37328	COUNTERSINK 8.3X31MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8.3X31MM	122,375
4161	D-37334	COUNTERSINK 10.4X34MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10.4X34MM	145,750
4162	D-37340	COUNTERSINK 12.4X35MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12.4X35MM	167,750
4163	D-37356	COUNTERSINK 16.5X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16.5X40MM	239,250
4164	D-37362	COUNTERSINK 20.5X41MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20.5X41MM	317,625
4165	D-37378	COUNTERSINK 6X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6X48MM	94,875
4166	D-37384	COUNTERSINK 8X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8X48MM	111,375
4167	D-37390	COUNTERSINK 10X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10X40MM	133,375
4168	D-37409	COUNTERSINKC 12X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12X40MM	178,750
4169	D-37415	COUNTERSINK 16X43MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16X43MM	200,750
4170	D-37421	COUNTERSINK 20X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20X45MM	284,625
4171	D-37437	COUNTERSINK 6.3X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6.3X45MM	100,375
4172	D-37443	COUNTERSINK 8.3X50MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8.3X50MM	127,875
4173	D-37459	COUNTERSINK 10.4X50MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10.4X50MM	156,750
4174	D-37465	COUNTERSINK 12.4X56MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12.4X56MM	173,250
4175	D-37471	COUNTERSINK 16.5X60MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16.5X60MM	233,750
4176	D-37487	COUNTERSINK 20.5X63MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20.5X63MM	312,125
4177	D-37493	COUNTERSINK 25X67MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 25X67MM	405,625
4178	D-37502	COUNTERSINK (2-5)X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (2-5)X45MM	195,250
4179	D-37518	COUNTERSINK (5-10)X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (5-10)X48MM	389,125
4180	D-37524	COUNTERSINK (10-15)X65MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (10-15)X65MM	600,875
4181	D-37530	COUNTERSINK (15-20)X85MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (15-20)X85MM	1,178,375
4182	D-37568	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 125	222,750
4183	D-37580	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 230	500,500
4184	D-37605	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 125	222,750
4185	D-37611	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 180	361,625
4186	D-37627	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 230	506,000
4187	D-37633	MULT POINT HSS DRILL BIT 3,5X65	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3,5X65MM	38,500
4188	D-37649	MULT.POINT HSS DRILL BIT 1PCS 4,2X7	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4,2X75MM	44,000
4189	D-37655	MULT POINT HSS DRILL BIT 5,2X86	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5,2X86MM	60,500
4190	D-37661	HANGER DISPLAY	KỆ TRƯNG BÀY	2,453,760
4191	D-37677	HANGER DISPLAY	KỆ TRƯNG BÀY	2,795,040
4192	D-37683	DRILL BITS	MŨI KHOAN	1,474,000
4193	D-38283	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 1MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ1	23,375
4194	D-38299	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 1.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 1	23,375
4195	D-38308	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2	23,375
4196	D-38314	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2	23,375
4197	D-38320	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2.6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2	23,375
4198	D-38336	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3	23,375
4199	D-38342	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3	23,375
4200	D-38358	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3	23,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4201	D-38364	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 4MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 4	23,375
4202	D-38370	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	23,375
4203	D-38386	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	23,375
4204	D-38392	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	23,375
4205	D-38401	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	23,375
4206	D-38417	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 5.5MI	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	23,375
4207	D-38423	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	23,375
4208	D-38439	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 6.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	23,375
4209	D-38445	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 7MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	23,375
4210	D-38451	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 7.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	28,875
4211	D-38467	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	34,375
4212	D-38473	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 8.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	34,375
4213	D-38489	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 9MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	39,875
4214	D-38495	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 10MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	45,375
4215	D-38504	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 11MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	50,875
4216	D-38510	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 12MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	61,875
4217	D-38526	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 13MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI	61,875
4218	D-38532	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 1MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	34,375
4219	D-38548	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 1.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	39,875
4220	D-38554	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	39,875
4221	D-38560	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 2.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	45,375
4222	D-38576	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 3MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	56,375
4223	D-38582	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 3.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	61,875
4224	D-38598	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 3.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	61,875
4225	D-38607	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	67,375
4226	D-38613	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	72,875
4227	D-38629	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	72,875
4228	D-38635	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4.8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	78,375
4229	D-38641	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	78,375
4230	D-38657	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 5.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	83,875
4231	D-38663	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	100,375
4232	D-38679	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 6.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	165,000
4233	D-38685	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 7MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	127,875
4234	D-38691	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 7.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	138,875
4235	D-38700	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	173,250
4236	D-38716	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 8.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	211,750
4237	D-38722	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 9MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	228,250
4238	D-38738	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 9.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	244,750
4239	D-38744	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 10MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ	317,625
4240	D-38750	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 10.5M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘT	178,750
4241	D-38766	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 11MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 1	195,250
4242	D-38772	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 11.5M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 1	206,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4243	D-38788	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 12MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 1	244,750
4244	D-38794	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 12.5M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 1	255,750
4245	D-38803	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 13MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 1	330,000
4246	D-39746	CUP BRUSH CRIMPED 60MM X M14	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG CỐC) 60MM X M1	76,950
4247	D-39768	CUP BRUSH CRIMPED 75MM X M14	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG CỐC) 75MM X M1	87,750
4248	D-39780	CUP BRUSH CRIMPED 90MM X M14	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG CỐC) 90MM X M1	109,350
4249	D-39805	CUP BRUSH CRIMPED 100MM X M14	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG CỐC) 100MM X M	172,800
4250	D-39827	BEVEL BRUSH CRIMPED 100MM X M14	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG VÁT MÉP) 100MM	98,550
4251	D-39849	BEVEL BRUSH CRIMPED 115MM X M14	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG VÁT MÉP) 115MM	109,350
4252	D-39861	BEVEL BRUSH CRIMPED 100MM X M14	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG VÁT MÉP) 100MM	109,350
4253	D-39883	BEVEL BRUSH CRIMPED 115MM X M14	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG VÁT MÉP) 115MM	120,150
4254	D-39908	CUP BRUSH SHANK 38MM X(6MM SHAN	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 38MMX(CH	44,550
4255	D-39914	CUP BRUSH SHANK 50MMX(6MM SHAN	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 50MMX(6M	49,950
4256	D-39920	CUP BRUSH SHANK 63MMX(6MM SHAN	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 63MMX(CH	49,950
4257	D-39936	CUP BRUSH SHANK 75MMX(6MM SHAN	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 75MMX(CH	55,350
4258	D-39942	CUP BRUSH SHANK 80MMX(6MM SHAN	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 80MMX(CH	68,850
4259	D-39958	WHEEL BRUSH SHANK 38MMX(6MM SH	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRÒN) 38MMX(C	44,550
4260	D-39964	WHEEL BRUSH SHANK 50MMX(6MM SH	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRÒN) 50MMX(C	44,550
4261	D-39970	WHEEL BRUSH SHANK 63MMX(6MM SH	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRÒN) 63MMX(C	44,550
4262	D-39986	WHEEL BRUSH SHANK 75MMX(6MM SH	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRÒN) 75MMX(C	49,950
4263	D-39992	WHEEL BRUSH SHANK 100MMX(6MM S	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRÒN) 100MMX(	55,350
4264	D-40004	END BRUSH SHANK 12MMX(6MM SHAN	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 12MMX(CH	33,750
4265	D-40010	END BRUSH SHANK 19MMX(6MM SHAN	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 19MMX(CH	44,550
4266	D-40026	END BRUSH SHANK 25MMX(6MM SHAN	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 25MMX(CH	52,650
4267	D-40032	END BRUSH SHANK 30MMX(6MM SHAN	CHỔI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 30MMX(CH	55,350
4268	D-40048	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	361,625
4269	D-40054	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	600,875
4270	D-40060	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	1,222,375
4271	D-40076	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	2,156,000
4272	D-40107	STEP DIRLL BIT	MŨI KHOAN BẬC	1,556,500
4273	D-40135	STEP DIRLL BIT	MŨI KHOAN BẬC	1,622,500
4274	D-40163	STEP DIRLL BIT	MŨI KHOAN BẬC	1,355,750
4275	D-40191	STEP DRILL BIT 4-32MM	MŨI KHOAN BẬC 4-32MM	1,423,125
4276	D-40412	CONE DRILL BIT (24~40)X89(64)	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP (24~40)X89(64)	2,022,625
4277	D-40587	SDS-MAX TCT DRILL 3PC ASSORTMENT	BỘ MŨI KHOAN SDS-MAX TCT (Φ16, Φ1	1,038,400
4278	D-40674	SDS-PLUS DRILL ASSORTMENT (10PC.)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS (10PC.)	244,750
4279	D-40680	SDS-PLUS DRILL ASSORTMENT (25PC.)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS (25PC.)	578,875
4280	D-40727	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3X60M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	17,875
4281	D-40733	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3.5X7	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4282	D-40749	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 4X75M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	17,875
4283	D-40755	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 4.5X8	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	17,875
4284	D-40761	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5X85M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	17,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4285	D-40777	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5X150	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4286	D-40783	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5.5X8	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	17,875
4287	D-40799	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5.5X1	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4288	D-40808	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X100	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4289	D-40814	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X150	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4290	D-40820	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X200	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	28,875
4291	D-40836	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X400	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	45,375
4292	D-40842	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X1	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4293	D-40858	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X1	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4294	D-40864	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X4	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	61,875
4295	D-40870	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X100	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4296	D-40886	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X150	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4297	D-40892	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X400	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	61,875
4298	D-40901	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X120	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4299	D-40917	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X150	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4300	D-40923	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X200	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	34,375
4301	D-40939	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X400	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	61,875
4302	D-40945	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 9X120	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	23,375
4303	D-40951	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X12	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	28,875
4304	D-40967	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X15	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	28,875
4305	D-40973	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X20	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	45,375
4306	D-40989	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X40	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	67,375
4307	D-40995	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 11X15	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	39,875
4308	D-41006	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X15	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	39,875
4309	D-41012	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X20	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	50,875
4310	D-41028	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X40	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	78,375
4311	D-41034	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3PCS/	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO	49,500
4312	D-41517	IMPACT SOCKET SET 9PCS/1/2"/8-24MM	BỘ ĐẦU TUÝP 9 CÁI/1/2"/8-24MM	1,034,000
4313	D-41791	MASONRY DRILL BIT 8PCS/SET 3->10MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 8CÁI/E	180,400
4314	D-42531	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	89,375
4315	D-42553	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	105,875
4316	D-42581	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	100,375
4317	D-42606	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	100,375
4318	D-42628	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	111,375
4319	D-42634	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	82,500
4320	D-42640	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	116,875
4321	D-42955	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 1X34M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 1X	38,500
4322	D-42961	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 1.5X40	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 1.5	38,500
4323	D-42977	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 2X49M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 2X	44,000
4324	D-42983	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 2.5X57	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 2.5	44,000
4325	D-43016	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 3.2X65	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 3.2	55,000
4326	D-43038	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 3.5X70	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 3.5	55,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4327	D-43044	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 4X75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 4X	66,000
4328	D-43066	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 4.2X75	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 4.2	44,000
4329	D-43072	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 4.5X80	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 4.5	44,000
4330	D-43094	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 5X86M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 5X	44,000
4331	D-43119	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 5.5X93	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 5.5	49,500
4332	D-43125	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 6X93M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 6X	55,000
4333	D-43131	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 6.5X10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 6.5	60,500
4334	D-43147	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 7X109M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 7X	66,000
4335	D-43181	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 9X125M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 9X	110,000
4336	D-43206	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 10X133	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 10	137,500
4337	D-43212	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 11X142	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 11	170,500
4338	D-43228	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 12X151	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 12	203,500
4339	D-43234	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 13X151	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 13	236,500
4340	D-43240	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 1X34M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 1	88,000
4341	D-43256	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 1.5X4(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 1	88,000
4342	D-43290	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 3.2X6	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 3	165,000
4343	D-43321	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4X75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 4	209,000
4344	D-43343	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4.2X7	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 4	242,000
4345	D-43393	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 5.5X9	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 5	341,000
4346	D-43424	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 7X019	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 7	594,000
4347	D-43468	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 9X125	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 9	1,045,000
4348	D-43474	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 9.5X1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 9	1,144,000
4349	D-43496	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 10.5X1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 10	731,500
4350	D-43505	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 11X142	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 11	819,500
4351	D-43511	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 11.5X1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 11	896,500
4352	D-43533	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 12.5X1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 12	1,083,500
4353	D-43549	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 13X151	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 13	1,188,000
4354	D-43555	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6PCS 2,3,4,5,	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 6CÁI 2,3	275,000
4355	D-44258	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	110,000
4356	D-44286	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	246,125
4357	D-44292	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	385,000
4358	D-44317	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	312,125
4359	D-44323	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	511,500
4360	D-44351	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	89,375
4361	D-44367	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	83,875
4362	D-45004	ECTROPLATED DIAMOND WHEEL FOR	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG CẮT ĐÁ CẨM TH	356,125
4363	D-45509	NYLON CUP BRUSH (50MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (50MM	87,750
4364	D-45515	NYLON CUP BRUSH (63MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (63MM	120,150
4365	D-45521	NYLON CUP BRUSH (75MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (75MM	136,350
4366	D-45537	NYLON CUP BRUSH (50MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (50MM	87,750
4367	D-45543	NYLON CUP BRUSH (63MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (63MM	120,150
4368	D-45559	NYLON CUP BRUSH (75MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (75MM	136,350

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4369	D-45565	NYLON WHEEL BRUSH (38MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (38	66,150
4370	D-45571	NYLON WHEEL BRUSH (50MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (50	82,350
4371	D-45587	NYLON WHEEL BRUSH (63MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (63	93,150
4372	D-45593	NYLON WHEEL BRUSH (75MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (75	120,150
4373	D-45602	NYLON WHEEL BRUSH (100MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (10	136,350
4374	D-45618	NYLON WHEEL BRUSH (38MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (38	66,150
4375	D-45624	NYLON WHEEL BRUSH (50MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (50	82,350
4376	D-45630	NYLON WHEEL BRUSH (63MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (63	93,150
4377	D-45646	NYLON WHEEL BRUSH (75MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (75	120,150
4378	D-45652	NYLON WHEEL BRUSH (100MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (10	136,350
4379	D-45668	NYLON END BRUSH (12MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (12MM,	55,350
4380	D-45674	NYLON END BRUSH (19MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (19MM,	66,150
4381	D-45680	NYLON END BRUSH (25MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (25MM,	76,950
4382	D-45696	NYLON END BRUSH (30MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (30MM,	109,350
4383	D-45705	NYLON END BRUSH (12MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (12MM,	55,350
4384	D-45711	NYLON END BRUSH (19MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (19MM,	66,150
4385	D-45727	NYLON END BRUSH (25MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (25MM,	76,950
4386	D-45733	NYLON END BRUSH (30MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (30MM,	109,350
4387	D-45749	NYLON FLAP BRUSH (100MM, #80)	CHỔI NYLON ĐẾ VÀNH (100MM, #80)	175,500
4388	D-45755	NYLON FLAP BRUSH (100MM, #240)	CHỔI NYLON ĐẾ VÀNH (100MM, #240)	175,500
4389	D-45761	WIRE WHEEL BRUSH 150MMXM14	CHỔI KIM LOẠI 150MMXM14	207,900
4390	D-45777	WIRE WHEEL BRUSH 175MMXM14	CHỔI KIM LOẠI 175MMXM14	306,450
4391	D-46202	DRILL BIT 18PCS SET IN METAL CASE	BỘ MŨI KHOAN 18 CÁI/BỘ(CHỨA TRON	473,000
4392	D-46414	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẬC NZ	389,125
4393	D-46420	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẬC NZ	666,875
4394	D-46436	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẬC NZ	405,625
4395	D-46442	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẬC NZ	694,375
4396	D-46458	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẬC NZ	500,500
4397	D-46464	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẬC NZ	672,375
4398	D-46470	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẬC NZ	511,500
4399	D-46486	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẬC NZ	706,750
4400	D-46492	DISPLAY FOR MULTI TOOL BLADE	KỆ TRƯNG BÀY CHO LƯỠI MÁY ĐA NĂ	2,204,400
4401	D-46539	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX S	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(CHUÔI	28,875
4402	D-46545	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX S	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(CHUÔI	50,875
4403	D-46567	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10CÁI/HỘP	133,375
4404	D-46589	HSS METAL DRILL BITS 1PC 3.2X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC3.2X65(3	22,000
4405	D-46595	HSS METAL DRILL BITS 1PC 3.3X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC3.3X65(3	22,000
4406	D-46604	HSS METAL DRILL BITS 1PC 4.2X75(43)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC4.2X75(4	33,000
4407	D-46610	HSS METAL DRILL BITS 1PC 5.2X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC5.2X86(5	39,875
4408	D-46626	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT (	MŨI KHOAN ĐA NĂNG (1PC./HỘP)3.3X65	33,000
4409	D-46632	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBAL	162,250
4410	D-46648	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 2.	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP	111,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4411	D-46654	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 5.	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP	290,125
4412	D-46660	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1PC3.3X	37,125
4413	D-46676	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBAL	48,125
4414	D-46682	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBAL	59,125
4415	D-46698	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 3.3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/HỘ	61,875
4416	D-46707	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 5.2	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/HỘ	83,875
4417	D-46713	HSS-R METAL DRILL BIT 2PCS/PKG 3.3X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/HỘP	23,375
4418	D-46729	HSS-R METAL DRILL BIT 5.2X86MM(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5.2X86MM	23,375
4419	D-46779	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 6.	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP	495,000
4420	D-46785	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 8.8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)	445,500
4421	D-46791	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 10.	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)	622,875
4422	D-46800	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 10.	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)	694,375
4423	D-46816	HSS METAL DRILL BITS 1PC 2.9X61(33)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC2.9X61(3	23,375
4424	D-46822	HSS METAL DRILL BITS 1PC 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC5.3X86(5	39,875
4425	D-46838	HSS METAL DRILL BITS 1PC 6.8X109(69)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC6.8X109(	56,375
4426	D-46844	HSS METAL DRILL BITS 1PC 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC8.8X125(	94,875
4427	D-46850	HSS METAL DRILL BITS 1PC 10.3X133(87	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC10.3X133	133,375
4428	D-46866	HSS METAL DRILL BITS 1PC 10.8X142(94	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC10.8X142	151,250
4429	D-46872	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 2.9	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP	56,375
4430	D-46888	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 5.3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP	83,875
4431	D-46894	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 6.8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP	122,375
4432	D-46903	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 8.8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP	222,750
4433	D-46919	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/PKG 10.3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R5CÁI/HỘP	178,750
4434	D-46925	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/PKG 10.8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R5CÁI/HỘP	189,750
4435	D-46931	HSS-R METAL DRILL BIT 2.9×61MM(2PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2.9X61MM	23,375
4436	D-46947	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 5.3X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP	23,375
4437	D-46953	HSS-R METAL DRILL BIT 6.8×109MM(1P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 6.8X109M	23,375
4438	D-46969	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 8.8X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP	39,875
4439	D-46975	HSS-R METAL DRILL BIT 10.3×133MM(1I	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10.3X133M	45,375
4440	D-46981	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 10.8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP	50,875
4441	D-49264	TCT ROUTER BIT 3/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 RÃNH 3/8"	195,250
4442	D-49317	TCT ROUTER BIT 1/4"	MŨI PHAY 1/4"	170,500
4443	D-49426	TCT ROUTER BIT 3/4"	MŨI PHAY 3/4"	328,625
4444	D-49507	TCT ROUTER BIT 3/4"	MŨI PHAY 3/4"	272,250
4445	D-49535	TCT ROUTER BIT 3/8"	MŨI PHAY 3/8"	184,250
4446	D-49638	TCT ROUTER BIT 1"	MŨI PHAY 1"	328,625
4447	D-49666	TCT ROUTER BIT 1-15/64"	MŨI PHAY 1-15/64"	397,375
4448	D-49694	TCT ROUTER BIT 1"	MŨI PHAY 1"	367,125
4449	D-49797	TCT ROUTER BIT 1-1/8"	MŨI PHAY 1-1/8"	367,125
4450	D-49909	TCT ROUTER BIT 1-1/8"	MŨI PHAY 1-1/8"	345,125
4451	D-50033	TCT ROUTER BIT 1-5/8"	MŨI PHAY 1-5/8"	562,375
4452	D-50061	TCT ROUTER BIT 1-1/4"	MŨI PHAY 1-1/4"	391,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4453	D-50099	TCT ROUTER BIT 1-1/2"	MŨI PHAY 1-1/2"	514,250
4454	D-50457	HSS-G METAL DRILL BIT 25PC INDEX SI	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 25 CÁI	1,632,400
4455	D-50485	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX16T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165MMX20MMX16T	138,875
4456	D-50491	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165MMX20MMX24T	162,250
4457	D-50500	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 165MMX20MMX40T	200,750
4458	D-50516	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX16T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX25.4MMX1(	195,250
4459	D-50522	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX25.4MMX2(	211,750
4460	D-50538	TCT SAW BLADE 185mmx25.4mmx40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185mmx25.4mmx40T	250,250
4461	D-50544	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX20T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235MMX25.4MMX2(	339,625
4462	D-50550	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235MMX25.4MMX4(	380,875
4463	D-50566	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 235MMX25.4MMX6(	440,000
4464	D-51188	TC GRIT HOLESAW 33MM	MŨI KHOÉT HẠT TC 33MM	195,250
4465	D-51194	TC GRIT HOLESAW 43MM	MŨI KHOÉT HẠT TC 43MM	233,750
4466	D-51203	TC GRIT HOLESAW 53MM	MŨI KHOÉT HẠT TC 53MM	284,625
4467	D-51219	TC GRIT HOLESAW 63MM	MŨI KHOÉT HẠT TC 63MM	328,625
4468	D-51225	TC GRIT HOLESAW 67MM	MŨI KHOÉT HẠT TC 67MM	345,125
4469	D-51231	TC GRIT HOLESAW 73MM	MŨI KHOÉT HẠT TC 73MM	378,125
4470	D-51247	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW 8	MŨI KHOÉT GẠCH 83X64MM	473,000
4471	D-51253	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW	BỘ CHUYỂN ĐỔI VÀ MŨI KHOAN ĐỊNH	222,750
4472	D-51269	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM	105,875
4473	D-51655	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 14T 1	LƯỠI CƯA KIẾM CHO KIM LOẠI 14T 225	138,875
4474	D-51683	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 40	GIẤY CHÀ NHÁM 50CÁI/BỘ (CỠ HẠT 40	232,200
4475	D-51699	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 60	GIẤY CHÀ NHÁM 50CÁI/BỘ (CỠ HẠT 60	232,200
4476	D-51708	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 80	GIẤY CHÀ NHÁM 50CÁI/BỘ (CỠ HẠT 80	221,400
4477	D-51714	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 10	GIẤY CHÀ NHÁM 50CÁI/BỘ (CỠ HẠT 10(	221,400
4478	D-51720	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 12	GIẤY CHÀ NHÁM 50CÁI/BỘ (CỠ HẠT 12(	221,400
4479	D-51736	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 15	GIẤY CHÀ NHÁM 50CÁI/BỘ (CỠ HẠT 15(	189,000
4480	D-51742	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 18	GIẤY CHÀ NHÁM 50CÁI/BỘ (CỠ HẠT 18(	189,000
4481	D-51758	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 24	GIẤY CHÀ NHÁM 50CÁI/BỘ (CỠ HẠT 24(	189,000
4482	D-52548	SCALING CHISEL FOR 17MM HEX SHAN	MŨI ĐỤC DẸP TỰ MÀI CHUÔI LỤC GIÁC	228,250
4483	D-53017	COMBINATION SET (NZ) 103 PCS	HỘP MŨI TỔNG HỢP 103 CÁI (NZ)	2,310,000
4484	D-53453	WOOD DRILL BITS 13×151MM	MŨI KHOAN GỖ 13X151MM	53,625
4485	D-53469	WOOD DRILL BITS 15×160MM	MŨI KHOAN GỖ 15X160MM	66,000
4486	D-53475	SINGLE SPUR AUGER BIT 13X250MM	MŨI KHOAN GỖ XOẮN ỐC CHUÔI THẲN	100,375
4487	D-53481	SINGLE SPUR AUGER BIT 15X250MM	MŨI KHOAN GỖ XOẮN ỐC CHUÔI THẲN	111,375
4488	D-53497	SINGLE SPUR AUGER BIT 13X450MM	MŨI KHOAN GỖ XOẮN ỐC CHUÔI THẲN	209,000
4489	D-53506	SINGLE SPUR AUGER BIT 15X450MM	MŨI KHOAN GỖ XOẮN ỐC CHUÔI THẲN	231,000
4490	D-53687	COMBINATION SET (NZ) 50 PCS	HỘP MŨI TỔNG HỢP 50 CÁI (NZ)	995,500
4491	D-53702	COMBINATION SET (NZ) 30 PCS	HỘP MŨI TỔNG HỢP 30 CÁI (NZ)	478,500
4492	D-54075	HSS-R METAL DRILL BIT 13PC METAL E	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13 CÁI	137,500
4493	D-54097	HSS-R METAL DRILL BIT 25PC METAL E	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 25 CÁI	660,000
4494	D-54134	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A40 -8 H	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 125MM-A40-8	82,350

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4495	D-54140	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A60 -8 H	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 125MM-A60-	82,350
4496	D-54156	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A80 -8 H	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 125MM-A80-	82,350
4497	D-54162	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A100 -8 I	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 125MM-A10(	82,350
4498	D-54178	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A120 -8	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 125MM-A120-	82,350
4499	D-54184	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A150 -8 I	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 125MM-A150-	82,350
4500	D-54190	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A180 -8	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 125MM-A180-	82,350
4501	D-54209	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A240 -8	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 125MM-A240-	82,350
4502	D-54215	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A320 -8	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 125MM-A320-	82,350
4503	D-54570	ABRASIVE DISC 125-320(10PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHÁM DÁN 125-320(10CÁI/B(	93,150
4504	D-54586	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-140-15 H	GIẤY CHÀ NHÁM TRÒN CHO GỖ 150MM	130,950
4505	D-54592	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A60-15 I	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 150MM-A60-1	130,950
4506	D-54601	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A80 -15	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 150MM-A80-1	130,950
4507	D-54617	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A100-15	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 150MM-A100-	130,950
4508	D-54623	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A120 -1	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 150MM-A120-	130,950
4509	D-54639	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A150-15	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 150MM-A150-	130,950
4510	D-54645	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A180-15	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 150MM-A180-	130,950
4511	D-54651	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A240 -1	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 150MM-A240-	130,950
4512	D-54667	ABRASIVE DISC 150-320(10PCS/SET)	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO GỖ 150MM-A320-	130,950
4513	D-54994	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMME	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUÔI SDS-M	306,625
4514	D-55011	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMME	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUÔI SDS-M	323,125
4515	D-55033	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMME	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUÔI SDS-M	473,000
4516	D-55055	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMME	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUÔI SDS-M	584,375
4517	D-55061	MASONRY BIT WITH 1/4"HEX. SHANK(M	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI LỤC GIÁC I	53,625
4518	D-56530	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	205,200
4519	D-56546	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	189,000
4520	D-56552	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	189,000
4521	D-56568	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	189,000
4522	D-56574	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	191,700
4523	D-56580	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	189,000
4524	D-56596	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	189,000
4525	D-56677	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	464,400
4526	D-56683	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SE	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 50CÁI/	464,400
4527	D-56699	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	367,200
4528	D-56708	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SE	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 50CÁI/	367,200
4529	D-56714	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	371,250
4530	D-56720	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SE	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 50CÁI/	371,250
4531	D-56736	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	371,250
4532	D-56742	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SE	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 50CÁI/	371,250
4533	D-56758	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SE	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 50CÁI/	371,250
4534	D-56873	ABRASIVE PAPER FOR WOOD 230X280M	GIẤY NHÁM GỖ 230X280 CỠ HẠT 320	189,000
4535	D-56889	ABRASIVE PAPER FOR WOOD 230X280M	GIẤY NHÁM GỖ 230X280 CỠ HẠT 400	189,000
4536	D-56960	ADAPTER FOR WOOL BONNET DOUBLE	BỘ CHUYỂN ĐỔI CHO ĐỆM LÔNG CỪUI	45,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4537	D-56982	DIAMOND WHEEL LASER WELDING 300	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG HÀN LASER 300	1,717,375
4538	D-56998	DIAMOND WHEEL LASER WELDING 350	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG HÀN LASER 350	1,911,250
4539	D-57009	DIAMOND WHEEL LASER WELDING 400	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG HÀN LASER 400	2,095,500
4540	D-57043	ADAPTER FOR WOOL BONNET DOUBLE	BỘ CHUYỂN ĐỔI CHO ĐỆM LÔNG CỪU	34,375
4541	D-57093	ADJUSTABLE CIRCLE CUTTER 30-120M	MŨI KHOÉT LỖ TRÒN 30-120MM	275,000
4542	D-57102	ADJUSTABLE CIRCLE CUTTER 30-200M	MŨI KHOÉT LỖ TRÒN 30-200MM	334,125
4543	D-57118	ADJUSTTABLE CIRCLE CUTTER BLADE	LƯỠI CỦA MŨI KHOÉT LỖ TRÒN 2 CÁI/	50,875
4544	D-57146	WOOL BONNET DOUBLE SIDE YELLOW	TẤM ĐỆM ĐÁNH BÓNG HAI MẶT 230MM	572,400
4545	D-57196	HSS-G METAL DRILL ASSORTMENT 6 P	HSS-G BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI 6PCS	198,000
4546	D-58578	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #4	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC CHO GỖ #	49,950
4547	D-58584	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #6	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC CHO GỖ #	49,950
4548	D-58590	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #8	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC CHO GỖ #	49,950
4549	D-58609	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #1	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC CHO GỖ #	49,950
4550	D-58615	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #1	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC CHO GỖ #	49,950
4551	D-58621	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #1	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC CHO GỖ #	49,950
4552	D-58637	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #1	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC CHO GỖ #	49,950
4553	D-58643	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #2	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC CHO GỖ #	49,950
4554	D-58659	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #3	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC CHO GỖ #	49,950
4555	D-58665	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 114X102MM(	55,350
4556	D-58671	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 114X102MM(	55,350
4557	D-58687	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 114X102MM(	55,350
4558	D-58693	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 114X102MM(	55,350
4559	D-58702	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 114X102MM(	55,350
4560	D-58718	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 114X102MM(	55,350
4561	D-58724	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 114X102MM(	55,350
4562	D-58730	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 114X102MM(	55,350
4563	D-58746	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 114X102MM(	55,350
4564	D-58752	LED PEN LIGHT	ĐÈN PIN MINI	165,000
4565	D-58833	RATCHET SCREWDRIVER	MŨI VẶN VÍT ĐA NĂNG	134,750
4566	D-58899	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL(1	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG(180MM)	694,375
4567	D-58908	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL(2	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG(230MM)	778,250
4568	D-58964	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	502,200
4569	D-58986	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	496,800
4570	D-58992	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	453,600
4571	D-59003	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	496,800
4572	D-59019	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	496,800
4573	D-59025	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	453,600
4574	D-59031	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	453,600
4575	D-59047	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	453,600
4576	D-59053	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	453,600
4577	D-59069	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	453,600
4578	D-59075	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	453,600

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4579	D-59162	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO NHÔM	734,250
4580	D-59190	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 60)	NHÁM BĂNG 3CÁI/SET(CỠ HẠT 60)	54,000
4581	D-59221	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 120)	NHÁM BĂNG 3CÁI/SET(CỠ HẠT 120)	55,350
4582	D-59243	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 180)	NHÁM BĂNG 3CÁI/SET(CỠ HẠT 180)	54,000
4583	D-59259	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 240)	NHÁM BĂNG 3CÁI/SET(CỠ HẠT 240)	54,000
4584	D-59346	SANDING BELT 100X610 A40 3PCS/SET	GIẤY NHÁM BĂNG CỠ HẠT 100X610 A40	125,550
4585	D-59352	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 60)	NHÁM BĂNG 3CÁI/SET(CỠ HẠT 60)	93,150
4586	D-59380	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 120)	NHÁM BĂNG 3CÁI/SET(CỠ HẠT 120)	98,550
4587	D-59405	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 180)	NHÁM BĂNG 3CÁI/SET(CỠ HẠT 180)	93,150
4588	D-59411	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 240)	NHÁM BĂNG 3CÁI/SET(CỠ HẠT 240)	93,150
4589	D-60682	OFFSET DIAMOND WHEEL(125MM)	ĐÁ MÀI KIM CƯƠNG CHO BÊ TÔNG(125	437,400
4590	D-60698	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	1,193,400
4591	D-60707	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	1,193,400
4592	D-60713	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	1,205,550
4593	D-60729	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	1,193,400
4594	D-60735	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	1,063,800
4595	D-60741	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	972,000
4596	D-60757	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	1,063,800
4597	D-60791	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	1,053,000
4598	D-60800	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	972,000
4599	D-60816	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	972,000
4600	D-60822	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	1,080,000
4601	D-61020	SDS-PLUS SCALING CHISEL 40X250MM	MŨI ĐỤC DẸP 80X250MM	339,625
4602	D-61042	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMM	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUÔI SDS-P	367,125
4603	D-61058	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO NHÔM	783,750
4604	D-61064	DIAMOND CORE BIT/DDF484	MŨI KHOAN KIM CƯƠNG/DDF484	313,500
4605	D-61466	TCT SAW BLADE 185MM X 20MM X 60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MM X 20MM X 6	357,500
4606	D-62088-5	CUT-OFF WHEEL 14 INCH 355x3x25.4 (5P	ĐÁ CẮT 14 INCH 355X3X25.4 (5PCS/SET)	459,000
4607	D-62119	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 185X	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO NHÔM	264,000
4608	D-62234	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX100T	LƯỠI CƯA ĐA GÓC 260MMX30MMX100T	800,250
4609	D-62240	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX120T	LƯỠI CƯA ĐA GÓC 260MMX30MMX120T	862,125
4610	D-62284	OFFSET DIAMOND WHEEL SINGLE TYP	LƯỠI BÀO BÊ TÔNG CỰC THÔ(100MMX	382,250
4611	D-62290	OFFSET DIAMOND WHEEL SINGLE TYP	LƯỠI BÀO BÊ TÔNG CỰC THÔ(180MMX	885,500
4612	D-62309	OFFSET DIAMOND WHEEL DOUBLE TYI	LƯỠI BÀO BÊ TÔNG THÔ(100MMX22.23M	500,500
4613	D-62321	OFFSET DIAMOND WHEEL DOUBLE TYI	LƯỠI BÀO BÊ TÔNG THÔ(180MMX22.23M	1,078,000
4614	D-62337	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE	LƯỠI BÀO BÊ TÔNG MỊN(100MMX22.23M	495,000
4615	D-62359	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE	LƯỠI BÀO BÊ TÔNG MỊN(180MMX22.23M	1,210,000
4616	D-62511	POLISHING SPONGE ORANGE (FLAT TY	BỌT BIỂN ĐÁNH BÓNG MÀU CAM(LOẠ	148,500
4617	D-62549	POLISHING SPONGE BLUE (FLAT TYPE)	BỌT BIỂN ĐÁNH BÓNG MÀU XANH(LO	148,500
4618	D-62577	POLISHING SPONGE BLACK (FLAT TYPI	BỌT BIỂN ĐÁNH BÓNG MÀU ĐEN(LOẠI	148,500
4619	D-62608	POLISHING SPONGE ORANGE (WAVE TY	BỌT BIỂN ĐÁNH BÓNG MÀU CAM(LOẠ	148,500
4620	D-62636	POLISHING SPONGE BLUE (WAVE TYPE	BỌT BIỂN ĐÁNH BÓNG MÀU XANH(LO	148,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4621	D-62664	POLISHING SPONGE BLACK (WAVE TY	BỌT BIỂN ĐÁNH BÓNG MÀU ĐEN(LOẠ	148,500
4622	D-62723	T.C.T DRILL BIT 12 PCS (6,8,10,12) SET F(	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUÔI SDS-F	451,000
4623	D-63351	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KIM CƯƠNG KHOÉT LỖ 32MM	660,000
4624	D-63395	FLAP DISC A40 100MMX16MM	ĐĨA NHÁM XẾP A40 100MMX16MM	28,350
4625	D-63404	FLAP DISC A60 100MMX16MM	ĐĨA NHÁM XẾP A60 100MMX16MM	28,350
4626	D-63410	FLAP DISC A80 100MMX16MM	ĐĨA NHÁM XẾP A80 100MMX16MM	28,350
4627	D-63426	FLAP DISC A120 100MMX16MM	ĐĨA NHÁM XẾP A120 100MMX16MM	28,350
4628	D-63476	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM	ĐĨA NHÁM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.	44,550
4629	D-63482	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM	ĐĨA NHÁM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.	44,550
4630	D-63498	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM	ĐĨA NHÁM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.	44,550
4631	D-63507	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM	ĐĨA NHÁM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.	44,550
4632	D-63513	FLAP DISC 180MM A40	NHÁM XẾP 180MM A40	66,150
4633	D-63529	FLAP DISC 180MM A60	NHÁM XẾP 180MM A60	66,150
4634	D-63535	FLAP DISC 180MM A80	NHÁM XẾP 180MM A80	66,150
4635	D-63541	FLAP DISC 180MM A120	NHÁM XẾP 180MM A120	66,150
4636	D-63557	CURCULAR SAW 235MMX30MMX60T	LƯỠI CƯA ĐĨA 235MMX30MMX60T	533,500
4637	D-63563	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX80T	LƯỠI CƯA ĐA GÓC 260MMX30MMX80T	737,000
4638	D-63579	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX80T	LƯỠI CƯA ĐA GÓC 305MMX30MMX80T	990,000
4639	D-63585	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX100T	LƯỠI CƯA ĐA GÓC 305MMX30MMX100T	1,145,375
4640	D-63591	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX120T	LƯỠI CƯA ĐA GÓC 305MMX30MMX120	1,284,250
4641	D-63616	TCT SAW BLADE 165MMX30MMX60T	LƯỠI CƯA ĐA GÓC 165MMX30MMX60T	405,625
4642	D-63622	CURCULAR SAW 185MMX30MMX60T	LƯỠI CƯA ĐĨA 185MMX30MMX60T	445,500
4643	D-63694	MASONRY BIT WITH 1/4"HEX. SHANK(M	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI LỤC GIÁC 1	42,625
4644	D-63703	FLAP DISC 100MM Z40	NHÁM XẾP 100MM Z40	33,750
4645	D-63719	FLAP DISC 100MM Z60	NHÁM XẾP 100MM Z60	33,750
4646	D-63725	FLAP DISC 100MM Z80	NHÁM XẾP 100MM Z80	33,750
4647	D-63731	FLAP DISC 100MM Z120	NHÁM XẾP 100MM Z120	33,750
4648	D-63781	FLAP DISC 125MM Z40	NHÁM XẾP 125MM Z40	49,950
4649	D-63797	FLAP DISC 125MM Z60	NHÁM XẾP 125MM Z60	49,950
4650	D-63806	FLAP DISC 125MM Z80	NHÁM XẾP 125MM Z80	48,600
4651	D-63812	FLAP DISC 125MM Z120	NHÁM XẾP 125MM Z120	49,950
4652	D-63828	FLAP DISC 180MM Z40	NHÁM XẾP 180MM Z40	98,550
4653	D-63834	FLAP DISC 180MM Z60	NHÁM XẾP 180MM Z60	98,550
4654	D-63840	FLAP DISC 180MM Z80	NHÁM XẾP 180MM Z80	98,550
4655	D-63856	FLAP DISC 180MM Z120	NHÁM XẾP 180MM Z120	98,550
4656	D-63862	PLASTIC CASE FOR DIAMOND WHEEL	HỘP ĐỰNG LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG	130,950
4657	D-64004	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	23,375
4658	D-64010	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI K	23,375
4659	D-64026	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 2	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	23,375
4660	D-64032	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 2	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	23,375
4661	D-64048	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 3	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	28,875
4662	D-64054	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 3	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	28,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4663	D-64060	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 4	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	28,875
4664	D-64076	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 4	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	28,875
4665	D-64082	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 5	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	28,875
4666	D-64098	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 5	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	28,875
4667	D-64107	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 6	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	28,875
4668	D-64113	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 6	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	34,375
4669	D-64129	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 7	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	34,375
4670	D-64135	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 7	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	39,875
4671	D-64141	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	45,375
4672	D-64157	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	45,375
4673	D-64163	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 9	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	45,375
4674	D-64179	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 9	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	56,375
4675	D-64185	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	61,875
4676	D-64191	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	61,875
4677	D-64200	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	66,000
4678	D-64216	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	72,875
4679	D-64222	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	83,875
4680	D-64238	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	83,875
4681	D-64244	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH T	83,875
4682	D-64250	HSS-TIN METAL DRILL 1.0X34X12 BIT10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1.0X34X	89,375
4683	D-64266	HSS-TIN METAL DRILL 1.5X40X18 BIT10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1.5X40X	89,375
4684	D-64272	HSS-TIN METAL DRILL BIT (2X49MM) 10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI K	89,375
4685	D-64288	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 2.5X5	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2.5X57M	89,375
4686	D-64294	HSS-TIN METAL DRILL 3.0X61X33 BIT10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 3.0X61X	94,875
4687	D-64303	HSS-TIN METAL DRILL BIT (3.5X70MM)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI K	94,875
4688	D-64319	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4X75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUÔI	94,875
4689	D-64325	HSS-TIN METAL DRILL 4.5X80X47 BIT10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 4.5X80X	122,375
4690	D-64331	HSS-TIN METAL DRILL 5.0X86X52 BIT10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5.0X86X	156,750
4691	D-64347	HSS-TIN METAL DRILL 5.5X93X57 BIT10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5.5X93X	184,250
4692	D-64353	HSS-TIN METAL DRILL BIT (6X93MM) 10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI K	222,750
4693	D-64369	HSS-TIN METAL DRILL 6.5X101X63 BIT1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 6.5X101	222,750
4694	D-64375	HSS-TIN METAL DRILL 7.0X109X69 BIT1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 7.0X109	233,750
4695	D-64381	HSS-TIN METAL DRILL 7.5X109X69 BIT1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 7.5X109	233,750
4696	D-64397	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 8X1	244,750
4697	D-64406	HSS-TIN METAL DRILL 8.5X117X75 BIT5	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 8.5X117	156,750
4698	D-64412	HSS-TIN METAL DRILL 9.0X125X81 BIT5	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 9.0X125	178,750
4699	D-64428	HSS-TIN METAL DRILL 9.5X125X81 BIT5	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 9.5X125	195,250
4700	D-64434	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 10X133	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUÔI	217,250
4701	D-64440	HSS-TIN METAL DRILL 10.5X133X87 BIT	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10.5X13	255,750
4702	D-64456	HSS-TIN METAL DRILL 11X142X94 BIT5I	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 11X142X	277,750
4703	D-64462	HSS-TIN METAL DRILL 11.5X142X94 BIT	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 11.5X14	312,125
4704	D-64478	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 12X	350,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4705	D-64484	HSS-TIN METAL DRILL 12.5X151X101 BI	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 12.5X15	361,625
4706	D-64490	HSS-TIN METAL DRILL 13X151X101 BIT	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 13X151	378,125
4707	D-65034	HEX SHANK 350MM BULL POINT 28.6M	MŨI ĐỤC NHỌN 350MM CHUÔI LỤC GIÁ	423,500
4708	D-65090	GRINDING WHEEL FOR METAL 100X6.0	ĐÁ MÀI/KIM LOẠI 100X6.0X16MM/A24P	27,000
4709	D-65121	SDS-PLUS HAMMERS 25PCS/SET 8X210M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS	884,125
4710	D-65252	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 (CỠ HẠT 60)	49,950
4711	D-65268	ABRASIVE PAPER 93X228 #100	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 (CỠ HẠT 100)	49,950
4712	D-65274	ABRASIVE PAPER 93X228 #120	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 (CỠ HẠT 120)	49,950
4713	D-65280	ABRASIVE PAPER 93X228 #180	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 (CỠ HẠT 180)	49,950
4714	D-65296	ABRASIVE PAPER 93X228 #240	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 (CỠ HẠT 240)	49,950
4715	D-65305	ABRASIVE PAPER 93X228 #320	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 (CỠ HẠT 320)	49,950
4716	D-65311	ABRASIVE PAPER114 X140#80	GIẤY CHÀ NHÁM 114X140 (CỠ HẠT 80)	44,550
4717	D-65327	ABRASIVE PAPER114 X140#100	GIẤY CHÀ NHÁM 114X140 (CỠ HẠT100)	44,550
4718	D-65333	ABRASIVE PAPER114 X140#120	GIẤY CHÀ NHÁM 114X140 (CỠ HẠT120)	44,550
4719	D-65349	ABRASIVE PAPER114 X140#180	GIẤY CHÀ NHÁM 114X140 (CỠ HẠT180)	44,550
4720	D-65355	ABRASIVE PAPER114 X140#240	GIẤY CHÀ NHÁM 1144X140 (CỠ HẠT 240	44,550
4721	D-65361	ABRASIVE PAPER114 X140#320	GIẤY CHÀ NHÁM 114X140 (CỠ HẠT 320)	44,550
4722	D-65414	TCT SAW BLADE FOR WOOD 260X25.4X	LƯỠI CƯA TCT DÙNG CHO GỖ 260X25.4	372,625
4723	D-65539	DOUBLE-END(C-FORM)	MŨI VÍT HAI ĐẦU (DẠNG C)	1,232,000
4724	D-65551	"DOUBLE-END(C-FORM)"	MŨI VÍT HAI ĐẦU (DẠNG C)	313,500
4725	D-65713	SNAP-OFF KNIFE (BLUE)	DAO RỌC (XANH)	162,250
4726	D-65729	SHANK WIRE BRUSH 4PCS. 6MM(1/4INC	CHỔI ĐÁNH SỢI KIM LOẠI CHUÔI 6MM	210,600
4727	D-65735	WOOL BONNET 150MM	ĐỆM LÔNG CỪU 150MM	240,300
4728	D-65816	ABRASIVE PAPER DISC10PCS, WITH 8 H	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN 125MM-A40-	82,350
4729	D-65822	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN 125MM-A60-	66,150
4730	D-65838	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN125MM-A80-	66,150
4731	D-65844	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN 125MM-A100	66,150
4732	D-65850	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN 125MM-A120	66,150
4733	D-65866	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN 125MM-A150	66,150
4734	D-65872	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN 125MM-A180	66,150
4735	D-65888	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN 125MM-A240	66,150
4736	D-65894	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN 125MM-A320	66,150
4737	D-65903	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/	ĐĨA NHÁM TRÒN CHO SƠN 125MM-A400	66,150
4738	D-65947	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 100X1	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 100X1.0X16//WA46	12,150
4739	D-65947-10	THIN CUTTING/FLAT/100X1.0X16MM/W	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 100X1.0X16/WA46F	101,250
4740	D-65969	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 125X1	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 125X1.0X22.234507	22,950
4741	D-65969-10	THIN CUTTING/FLAT/125X1.0X22.23MM/	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 125X1.0X22.23/WA-	180,900
4742	D-65975	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 180X2	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 180X2.0X22.23	36,450
4743	D-65981	BRUSH CUTTER BLADE TCT (230MMX2	LƯỠI CẮT CỎ TCT (230MMX25.4X36T)	301,125
4744	D-65997	BRUSH CUTTER BLADE TCT (255MMX2	LƯỠI CẮT CỎ TCT (255MMX25.4X40T)	356,125
4745	D-66008	BRUSH CUTTER BLADE (230MMX25.4X4	LƯỠI CẮT CỎ (230MMX25.4X4T)	206,250
4746	D-66014	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X4	LƯỠI CẮT CỎ (255MMX25.4X4T)	211,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4747	D-66020	BRUSH CUTTER BLADE (230MMX25.4X3	LƯỠI CẮT CỎ (230MMX25.4X3T)	244,750
4748	D-66036	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X3	LƯỠI CẮT CỎ (255MMX25.4X3T)	250,250
4749	D-66042	BRUSH CUTTER BLADE (305MMX25.4X3	LƯỠI CẮT CỎ (305MMX25.4X3T)	272,250
4750	D-66058	BRUSH CUTTER BLADE 230X25.4X2T	LƯỠI CẮT CỎ (230MMX25.4X2T)	167,750
4751	D-66064	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X2	LƯỠI CẮT CỎ (255MMX25.4X2T)	178,750
4752	D-66092	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	129,600
4753	D-66101	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	130,950
4754	D-66117	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	129,600
4755	D-66123	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	121,500
4756	D-66139	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	121,500
4757	D-66145	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO SƠN 230X280MM	125,550
4758	D-66189	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	126,900
4759	D-66204	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	120,150
4760	D-66210	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	108,000
4761	D-66226	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	120,150
4762	D-66232	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	120,150
4763	D-66248	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	108,000
4764	D-66254	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	108,000
4765	D-66260	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	108,000
4766	D-66276	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	108,000
4767	D-66298	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	108,000
4768	D-66307	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230	GIẤY CHÀ NHÁM CHO OTO 230X280MM	108,000
4769	D-66313	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	59,400
4770	D-66329	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	59,400
4771	D-66335	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	48,600
4772	D-66341	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	48,600
4773	D-66357	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	48,600
4774	D-66363	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	43,200
4775	D-66379	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	43,200
4776	D-66385	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	43,200
4777	D-66391	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	43,200
4778	D-66400	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X28	GIẤY CHÀ NHÁM CHO GỖ 230X280MM	43,200
4779	D-66416	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	54,000
4780	D-66422	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	48,600
4781	D-66438	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	48,600
4782	D-66444	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	48,600
4783	D-66450	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	52,650
4784	D-66466	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	48,600
4785	D-66472	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X	GIẤY CHÀ NHÁM CHO VỮA 230X280MM	48,600
4786	D-66488	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	108,000
4787	D-66494	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	108,000
4788	D-66503	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	86,400

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4789	D-66519	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	97,200
4790	D-66525	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	93,150
4791	D-66531	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	93,150
4792	D-66547	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	87,750
4793	D-66553	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	87,750
4794	D-66569	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X2	GIẤY CHÀ NHÁM CHO KIM LOẠI 230X2	87,750
4795	D-66612	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 4X	MŨI KHOAN SDS-PLUS 4X160MM	42,625
4796	D-66628	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X	MŨI KHOAN SDS-PLUS 5X210MM	48,125
4797	D-66634	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.	MŨI KHOAN SDS-PLUS 6.5X260MM	53,625
4798	D-66640	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X	MŨI KHOAN SDS-PLUS 8X310MM	71,500
4799	D-66656	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 10	MŨI KHOAN SDS-PLUS 10X350MM	71,500
4800	D-66662	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 11	MŨI KHOAN SDS-PLUS 11X210MM	53,625
4801	D-66678	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 11	MŨI KHOAN SDS-PLUS 11X260MM	66,000
4802	D-66684	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN SDS-PLUS 12X310MM	71,500
4803	D-66690	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 13	MŨI KHOAN SDS-PLUS 13X210MM	71,500
4804	D-66709	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN SDS-PLUS 14X310MM	94,875
4805	D-66715	OFFSET DIAMOND WHEEL (125MMX22.2	LƯỠI BÀO BÊ TÔNG THÔ (125MMX22.23	693,000
4806	D-66999	T.C.T.SAW BLADE 125X40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 125X40T	151,250
4807	D-67359	ROUND FILE4.0MM(5/32")X246MM 2PCS	DŨA TRÒN4.0MM(5/32")X246MM 2 CÁI	100,375
4808	D-67365	ROUND FILE4.0MM(5/32")X246MM 12PCS	DŨA TRÒN4.0MM(5/32")X246MM 12 CÁI	467,500
4809	D-67371	ROUND FILE4.5MM(11/64")X246MM 2PCS	DŨA TRÒN4.5MM(11/64")X246MM 2 CÁI	100,375
4810	D-67387	ROUND FILE4.5MM(11/64")X246MM 12PC	DŨA TRÒN4.5MM(11/64")X246MM 12 CÁ	467,500
4811	D-67393	ROUND FILE 4.8MM	DŨA TRÒN 4.8MM	133,375
4812	D-67402	ROUND FILE 4.8MM 12PCS/SET	DŨA TRÒN 4.8MM 12PCS/SET	589,875
4813	D-67418	ROUND FILE 5.2MM	DŨA TRÒN 5.2MM	133,375
4814	D-67424	ROUND FILE 5.2MM 12PCS/SET	DŨA TRÒN 5.2MM 12PCS/SET	589,875
4815	D-67430	ROUND FILE 5.5MM	DŨA TRÒN 5.5MM	133,375
4816	D-67446	ROUND FILE 5.5MM 12PCS/SET	DŨA TRÒN 5.5MM 12PCS/SET	589,875
4817	D-67452	FLAT FILE 1PC	DŨA ĐẸP 1PC	94,875
4818	D-67468	FLAT FILE 12 PCS/SET	DŨA ĐẸP 12 CÁI/BỘ	706,750
4819	D-67480	LOGGER'S FILING VISE	ÊTÔ DŨA XÍCH	217,250
4820	D-67549	HSS METAL DRILL BIT SET(19PCS)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G(19 CÁ	891,000
4821	D-67555	HSS-G METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 25CÁI	1,650,000
4822	D-67561	HSS-CO METAL DRILL BIT 19PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 19CÁ	1,270,500
4823	D-67577	HSS-CO METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 25CÁ	2,552,000
4824	D-67599	M-FORCE METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI M-FORCE 25(	2,552,000
4825	D-67608	WIRE BRUSH FOR DRILL FOR WOOD 80	CHỔI KIM LOẠI DÀNH CHO GỖ 80MMX(	153,900
4826	D-67614	FLAT BIT 13X150MM	MŨI KHOAN DẸT 13X150MM	42,625
4827	D-67620	SCREW BIT SET(10PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT(10 CÁI/BỘ)	162,250
4828	D-68862	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/8	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM	133,375
4829	D-68878	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/3	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM	136,125
4830	D-68884	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/1	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM	127,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4831	D-68890	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM	127,875
4832	D-68909	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/4	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/2" (12.7MM	145,750
4833	D-68915	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/8	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/2" (12.7MM	170,500
4834	D-68921	STRAIGHT BIT 2 FLUTE 1/4" (6.35MM) 1/4	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	136,125
4835	D-68937	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/1	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	151,250
4836	D-68943	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	145,750
4837	D-68959	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	200,750
4838	D-68965	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	133,375
4839	D-68971	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	136,125
4840	D-68987	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	156,750
4841	D-68993	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	156,750
4842	D-69004	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	151,250
4843	D-69010	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 9/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	176,000
4844	D-69026	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	195,250
4845	D-69032	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 23	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	228,250
4846	D-69048	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/4	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	242,000
4847	D-69054	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/4	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	162,250
4848	D-69060	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 5/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	170,500
4849	D-69076	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	170,500
4850	D-69082	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	211,750
4851	D-69098	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	211,750
4852	D-69107	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	295,625
4853	D-69113	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 9/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	228,250
4854	D-69129	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 5/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	244,750
4855	D-69135	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	312,125
4856	D-69141	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	301,125
4857	D-69157	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	456,500
4858	D-69163	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 7/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	389,125
4859	D-69179	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 7/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	328,625
4860	D-69185	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	356,125
4861	D-69191	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	517,000
4862	D-69200	STRAIGHT BIT-SUPER1/2" (12.7MM) 1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	411,125
4863	D-69216	STRAIGHT BIT – PATTERN1/2" (12.7MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	489,500
4864	D-69222	HINGE MORTISING1/4" (6.35MM) 1/2"X2-	MŨI PHAY BẢNG LỀ 1/4" (6.35MM) 1/2"X	176,000
4865	D-69238	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	165,000
4866	D-69244	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	176,000
4867	D-69250	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	184,250
4868	D-69266	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	170,500
4869	D-69272	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM	184,250
4870	D-69288	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	242,000
4871	D-69294	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	317,625
4872	D-69303	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	478,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4873	D-69319	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	323,125
4874	D-69325	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM)	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM	423,500
4875	D-69331	FLUSH TRIM BIT 3 FLUTE1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY THẲNG 3 CẠNH 1/4" (6.35MM	266,750
4876	D-69347	FLUSH TRIM BIT 3 FLUTE1/2" (12.7MM)	MŨI PHAY THẲNG 3 CẠNH 1/2" (12.7MM	334,125
4877	D-69353	TOP BEARING STRAIGHT1/4" (6.35MM) 1	MŨI PHAY RÃNH TRÊN 1/4" (6.35MM) 1/2	295,625
4878	D-69369	TOP BEARING STRAIGHT1/4" (6.35MM) 1	MŨI PHAY RÃNH TRÊN 1/4" (6.35MM) 1/2	361,625
4879	D-69375	PANEL PILOT BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X2-9/	MŨI PHAY BẢN 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-9/1	136,125
4880	D-69381	PANEL PILOT BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X3"	MŨI PHAY BẢN 1/2" (12.7MM) 3/8"X3"	184,250
4881	D-69397	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X	228,250
4882	D-69406	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-3	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/4"X	133,375
4883	D-69412	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-3	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/4" (6.35MM) 3/8"X	151,250
4884	D-69428	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/8"X	165,000
4885	D-69434	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 1/2"X2-3	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1/2"X	255,750
4886	D-69440	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/4"X	484,000
4887	D-69456	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	MŨI PHAY LỐI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 1/2	165,000
4888	D-69462	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-7/8"	MŨI PHAY LỐI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 3/4	195,250
4889	D-69478	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỐI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 1/2	156,750
4890	D-69484	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỐI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 5/8	170,500
4891	D-69490	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 1/2"X2-1/8"	MŨI PHAY LỐI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 1/2	162,250
4892	D-69509	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 5/8"X2"	MŨI PHAY LỐI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 5/8	176,000
4893	D-69515	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 7/8"X2-1/4"	MŨI PHAY LỐI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 7/8	317,625
4894	D-69521	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2-1/4"	MŨI PHAY LỐI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 3/4	301,125
4895	D-69537	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 1-1/8"X2-3/8	MŨI PHAY LỐI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 1-1	429,000
4896	D-69543	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-1/2"	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/4"X	127,875
4897	D-69559	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 5/16"X 1-37/	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/4" (6.35MM) 5/16'	136,125
4898	D-69565	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-5/8"	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/4" (6.35MM) 3/8"X	145,750
4899	D-69571	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-5/8"	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X	151,250
4900	D-69587	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/4" (6.35MM) 5/8"X	195,250
4901	D-69593	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2"	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/4"X	236,500
4902	D-69602	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 1"X2-1/4"	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1"X2	367,125
4903	D-69618	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/8	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1-1/4	589,875
4904	D-69624	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/2"	MŨI PHAY LỐI ĐUÔI ÉN 1/4"(6.35MM) 1/4	145,750
4905	D-69630	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-9/16'	MŨI PHAY LỐI ĐUÔI ÉN 1/4"(6.35MM) 3/8	151,250
4906	D-69646	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỐI ĐUÔI ÉN 1/4"(6.35MM) 1/2	156,750
4907	D-69652	DOVETAIL BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/8"	MŨI PHAY LỐI ĐUÔI ÉN 1/2" (12.7MM) 3/	156,750
4908	D-69668	BALL GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-	MŨI PHAY LỐI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X	176,000
4909	D-69674	PLUNGE CUT ROUNDOVER BIT1/4" (6.35	MŨI PHAY RÃNH 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-3	242,000
4910	D-69680	PLUNGE CUT ROUNDOVER BIT1/4" (6.35	MŨI PHAY RÃNH 1/4" (6.35MM) 1"X1-7/8	295,625
4911	D-69696	OGEE BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-11/16"	MŨI PHAY RÃNH CONG 1/4" (6.35MM) 3/	244,750
4912	D-69705	CLASSIC PANEL BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X	MŨI PHAY RÃNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-2	165,000
4913	D-69711	CLASSIC PANEL BIT1/2" (12.7MM) 1"X2-	MŨI PHAY RÃNH 1/2" (12.7MM) 1"X2-1/8	328,625
4914	D-69727	CLASSICAL PLUNGE BIT1/4" (6.35MM) 3	MŨI PHAY RÃNH 1/4" (6.35MM) 3/4"-1-11	244,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4915	D-69733	OVOLO BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-11/16"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1/	165,000
4916	D-69749	"ROUNDOVER BIT- WITH BEARING -1/4'	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	217,250
4917	D-69755	"ROUNDOVER BIT- WITH BEARING -1/4'	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	272,250
4918	D-69761	"ROUNDOVER BIT- WITH BEARING -1/4'	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	301,125
4919	D-69777	"ROUNDOVER BIT- WITH BEARING -1/4'	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	323,125
4920	D-69783	"ROUNDOVER BIT- WITH BEARING -1/4'	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	383,625
4921	D-69799	"ROUNDOVER BIT- WITH BEARING -1/4'	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	462,000
4922	D-69808	"ROUNDOVER BIT- WITH BEARING -1/2'	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/2" (12.7MM	489,500
4923	D-69814	"ROUNDOVER BIT- WITH BEARING -1/2'	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/2" (12.7MM	728,750
4924	D-69820	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	217,250
4925	D-69836	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	272,250
4926	D-69842	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	301,125
4927	D-69858	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	383,625
4928	D-69864	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ổ BI 1/4" (6.35MM	462,000
4929	D-69870	DOUBLE ROUNDOVER BIT1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY TRÒN 2 GÓC Ổ BI 1/4" (6.35M	309,375
4930	D-69886	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 5/	272,250
4931	D-69892	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 3/	236,500
4932	D-69901	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 7/	253,000
4933	D-69917	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1-	328,625
4934	D-69923	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1-	400,125
4935	D-69939	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1-	484,000
4936	D-69945	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (	MŨI PHAY VÁT CẠNH 1/4" (6.35MM) 1"X	295,625
4937	D-69951	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (	MŨI PHAY VÁT CẠNH XIÊN Ổ BI 1/4" (6.	244,750
4938	D-69967	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (	MŨI PHAY VÁT CẠNH XIÊN Ổ BI 1/4" (6.	345,125
4939	D-69973	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (	MŨI PHAY VÁT CẠNH XIÊN Ổ BI 1/4" (6.	367,125
4940	D-69989	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (	MŨI PHAY VÁT CẠNH XIÊN Ổ BI 1/4" (6.	544,500
4941	D-69995	RABBETING BIT - WITH BEARING 1/4" (6	MŨI GHÉP Ổ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-1/	361,625
4942	D-70007	RABBETING BIT - WITH BEARING 1/2" (	MŨI GHÉP Ổ BI 1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/	367,125
4943	D-70013	ROMAN OGEE BIT - WITH BEARING 1/4"	MŨI PHAY CẠNH HÌNH CHỮ S 1/4" (6.35	295,625
4944	D-70029	ROMAN OGEE BIT - WITH BEARING 1/4"	MŨI PHAY CẠNH HÌNH CHỮ S 1/4" (6.35	478,500
4945	D-70035	OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM	MŨI PHAY CẠNH HÌNH CHỮ S 1/4" (6.35	506,000
4946	D-70041	MULTI EDGE BEADING BIT1/2" (12.7MM	MŨI PHAY CẠNH CHỮ S 1/2" (12.7MM) 2-	1,211,375
4947	D-70057	REVERSIBLE RAIL & STILE BIT1/2" (12.7	MŨI PHAY GHÉP MỘNG 1/2" (12.7MM) 1-	1,012,000
4948	D-70063	KEYHOLE BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-7/8"	MŨI PHAY LỖ KHÓA 1/4" (6.35MM) 3/8"X	133,375
4949	D-70079	"REVERSIBLE GLUE JOINT BIT- STRAIG	MŨI PHAY GHÉP MỘNG 1/2" (12.7MM) 1-	717,750
4950	D-70085	TONGUE & GROOVE ASSEMBLY1/2" (12	MŨI PHAY GHÉP MỘNG 1/2" (12.7MM) 1-	789,250
4951	D-70091	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUT	MŨI PHAY RÃNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35	389,125
4952	D-70100	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUT	MŨI PHAY RÃNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35	389,125
4953	D-70116	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUT	MŨI PHAY RÃNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35	389,125
4954	D-70122	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUT	MŨI PHAY RÃNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35	378,125
4955	D-70138	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUT	MŨI PHAY RÃNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35	378,125
4956	D-70144	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUT	MŨI PHAY RÃNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35	400,125

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4957	D-70150	CLASSICAL BIT1/2" (12.7MM) 1-3/8"X2-9/	MŨI PHAY CẠNH 1/2" (12.7MM) 1-3/8"X2	451,000
4958	D-70786	SPONGE PAD (LOW REPULSION) 190MM	TẤM BỌT BIỂN 190MM (MÀU VÀNG)	453,600
4959	D-70792	SPONGE PAD (LOW REPULSION) 190MM	TẤM BỌT BIỂN 190MM (MÀU TRẮNG)	453,600
4960	D-70801	SPONGE PAD 190MM(SOFT/BLACK)	TẤM ĐỆM BỌT BIỂN 190MM(NGẮN/ MÀU	295,650
4961	D-70823	MINI PLANER BLADE TC 82MM	LƯỠI BÀO MINI 82MM	206,250
4962	D-70867	WOOL BONNET 125MM	ĐỆM LÔNG CỪU 125MM	218,700
4963	D-70873	WOOL BONNET DOUBLE SIDE 230MM	ĐỆM LÔNG CỪU 230MM (MÀU TRẮNG)	469,800
4964	D-70889	WOOL BONNET DOUBLE SIDE 230MM	ĐỆM LÔNG CỪU 230MM (MÀU VÀNG)	469,800
4965	D-70910	PLANER BLADE 155MM/1805N	LƯỠI BÀO 155MM/1805N	400,125
4966	D-70926	T.C.T.SAW BLADE 125X24T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 125X24T	138,875
4967	D-70948	ROUND FILE & GUIDE SET 4MM	CÂY GIŨA HẦU XÍCH 4MM	277,750
4968	D-70954	ROUND FILE & GUIDE SET 4.5MM	CÂY GIŨA HẦU XÍCH 4.5MM	277,750
4969	D-70960	ROUND FILE & GUIDE SET 4.8MM	CÂY GIŨA HẦU XÍCH 4.8MM	239,250
4970	D-70976	ROUND FILE & GUIDE SET 5.2MM	CÂY GIŨA HẦU XÍCH 5.2MM	261,250
4971	D-70982	ROUND FILE & GUIDE SET 5.5MM	CÂY GIŨA HẦU XÍCH 5.5MM	239,250
4972	D-70998	FLAT FILE & DEPTH GAUGE TOOLS SET	CÂY GIŨA DÂY XÍCH VÀ THƯỚC CANH	195,250
4973	D-71009	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 105X	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105X20X9	57,750
4974	D-71021	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 125X	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125X22.23X9	93,500
4975	D-71093	TCT HINGE CUTTING BIT 15X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 15X77MM	39,875
4976	D-71102	TCT HINGE CUTTING BIT 19X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 19X77MM	48,125
4977	D-71118	TCT HINGE CUTTING BIT 20X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 20X77MM	53,625
4978	D-71124	TCT HINGE CUTTING BIT 25X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 25X77MM	59,125
4979	D-71130	TCT HINGE CUTTING BIT 26X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 26X77MM	66,000
4980	D-71146	TCT HINGE CUTTING BIT 30X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 30X77MM	77,000
4981	D-71152	TCT HINGE CUTTING BIT 32X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 32X77MM	77,000
4982	D-71168	TCT HINGE CUTTING BIT 35X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 35X77MM	83,875
4983	D-71211	HSS PLANER BLADE 110MM/1911B	LƯỠI BÀO 110MM/1911B	323,125
4984	D-71227	HSS PLANER BLADE 136MM/1804N	LƯỠI BÀO 136MM/1804N	397,375
4985	D-71249	BULL POINT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI ĐỤC NHỌN SDS-PLUS 230MM	71,500
4986	D-71255	COLD CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI ĐỤC DẸP SDS-PLUS 20X160MM	39,875
4987	D-71261	COLD CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI ĐỤC DẸP SDS-PLUS 20X230MM	75,625
4988	D-71277	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMM	MŨI ĐỤC DẸP SDS-PLUS 40X230MM	100,375
4989	D-71283	BULL POINT FOR 17MM HEX SHANK HA	MŨI ĐỤC NHỌN 17MM 255MM	82,500
4990	D-71299	COLD CHISEL FOR 17MM HEX SHANK H	MŨI ĐỤC DẸP 17MM 22X255MM	89,375
4991	D-71308	SCALING CHISEL FOR 17MM HEX SHAN	MŨI ĐỤC DẸP 17MM 40X255MM	123,750
4992	D-71364	T.C.T. SAW BLADE FOR METAL 305×25.4	LƯỠI CƯA T.C.T DÙNG CHO KIM LOẠI 3	1,916,750
4993	D-71788	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 3X60MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5PCS	111,375
4994	D-71794	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 4X70MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5PCS	111,375
4995	D-71803	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 5X85MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5PCS	111,375
4996	D-71819	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6X100M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5PCS	111,375
4997	D-71825	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6X150M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5PCS	111,375
4998	D-71831	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6.5X100	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5PCS	111,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
4999	D-71847	MASONRY DRILL BIT ASSY 5PCS/SET 8	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5 CÁ	122,375
5000	D-71853	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 8X150M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5PCS	127,875
5001	D-71869	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 10X150M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP 5PCS	156,750
5002	D-71978	DRILL SITS ASSORTMENT 9PCS/SET	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG/GỖ/KIM LOẠI 9	264,000
5003	D-72104	P.C.D. SAW BLADE 165X20X4T	LƯỠI CƯA XI MĂNG SỢI 165X20X4T	761,750
5004	D-72154	TEXTILE SHARPENING SET 4MM	BỘ DŨA HẦU XÍCH 4MM	745,250
5005	D-72160	TEXTILE SHARPENING SET 4.5MM	BỘ DŨA HẦU XÍCH 4.5MM	745,250
5006	D-72176	TEXTILE SHARPENING SET 4.8MM	BỘ DŨA HẦU XÍCH 4.8MM	616,000
5007	D-72182	TEXTILE SHARPENING SET 5.2MM	BỘ DŨA HẦU XÍCH 5.2MM	682,000
5008	D-72198	TEXTILE SHARPENING SET 5.5MM	BỘ DŨA HẦU XÍCH 5.5MM	682,000
5009	D-72207	TC PLANER BLADE 82MM	LƯỠI BÀO 82MM	266,750
5010	D-72241	GRINDING WHEEL/METAL 100X6.0X16M	ĐÁ MÀI KIM LOẠI 100X6.0X16MM	18,900
5011	D-72279	T.C.T. SAW BLADE FOR MDF WITH LAM	LƯỠI CƯA GỖ VÁN ÉP 255X25.4X100T	878,625
5012	D-72285	T.C.T. SAW BLADE FOR MDF WITH LAM	LƯỠI CƯA GỖ VÁN ÉP 260X25.4X84T	770,000
5013	D-72366	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4	LƯỠI CƯA GỖ 305X25.4X60T	816,750
5014	D-72372	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4	LƯỠI CƯA GỖ 305X25.4X80T	906,125
5015	D-72388	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4	LƯỠI CƯA GỖ 305X25.4X100T	1,012,000
5016	D-72718	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE FOR V	BỘ LƯỠI CƯA LỌNG LOẠI KINH TẾ CHO	100,375
5017	D-72833	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY(	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI K	143,000
5018	D-72861	WOOD DRILL BIT(5PCS/SET)	MŨI KHOAN GỖ(5 CÁI/BỘ)	115,500
5019	D-72877	T.C.T. DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN T.C.T CHUÔI THẲNG(5 CÁI	121,000
5020	D-72914	GROUT RAKES FOR TILE	DAO CẠO RON GẠCH	143,000
5021	D-73047	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 185X	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO NHÔM	445,500
5022	D-73053	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 210X	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO NHÔM	478,500
5023	D-73069	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 235X	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO NHÔM	661,375
5024	D-73075	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO NHÔM	665,500
5025	D-73081	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 305X	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO NHÔM	1,006,500
5026	D-73097	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 305X	LƯỠI CƯA HỢP KIM DÙNG CHO NHÔM	1,167,375
5027	D-73209	DRILL & DRIVE BIT 2.4MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỒI VÀ MŨI VẶN VÍ	217,250
5028	D-73215	DRILL & DRIVE BIT 2.8MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỒI VÀ MŨI VẶN VÍ	217,250
5029	D-73221	DRILL & DRIVE BIT 3.2MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỒI VÀ MŨI VẶN VÍ	217,250
5030	D-73237	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 2.4MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỒI 2.4MM	61,875
5031	D-73243	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 2.8MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỒI 2.8MM	61,875
5032	D-73259	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 3.2MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỒI 3.2MM	67,375
5033	D-73324	8-TOOTH CUTTER BLADE 230MMX25.4M	LƯỠI CẮT CỎ 8 RĂNG 230MMX25.4MMX	440,000
5034	D-73330	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STA	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 80MM (I-N	355,050
5035	D-73346	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (STA	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 75MM (I-N	259,200
5036	D-73352	WIRE WHEEL BRUSHES (FULL KNOTTE	CHỔI XOẮN TRÒN (SỢI DÀY) 115MM (I-	409,050
5037	D-73368	WIRE WHEEL BRUSHES(STRINGER KNO	CHỔI XOẮN TRÒN (SỢI NHỎ) 115MM (I-	480,600
5038	D-73374	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STE	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 80MM (TH	191,700
5039	D-73380	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STA	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 80MM (I-N	191,700
5040	D-73396	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (STE	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 75MM (TH	170,100

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5041	D-73405	WIRE WHEEL BRUSHES(FULL KNOTTEI	CHỔI XOẮN TRÒN (SỢI DÀY) 115MM (TI	207,900
5042	D-73411	WIRE WHEEL BRUSHES (STRINGER KN(	CHỔI XOẮN TRÒN (SỢI NHỎ) 115MM (TI	311,850
5043	D-73427	WIRE WHEEL BRUSHES(CRIMPED) 115 (	CHỔI XOẮN TRÒN 115MM (THÉP)/ X-LO	229,500
5044	D-73433	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (BRA	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 75MM (MẠ	178,200
5045	D-73449	WIRE BEVEL BRUSHES (CRIMPED) 100 (	CHỔI KIM LOẠI HÌNH NÓN 100MM (THÉ	164,700
5046	D-73483	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 12 (	266,750
5047	D-73564	WIRE WHEEL BRUSH 100X120MM(STEE	BÁNH XE ĐÁNH GỈ 100X120(DÂY THÉP)	676,350
5048	D-73570	WIRE WHEEL BRUSH 100X120MM(BRAS	BÁNH XE ĐÁNH GỈ 100X120(DÂY ĐỒNG	676,350
5049	D-73586	NYLON WHEEL BRUSH 100X120MM(NY	BÁNH XE CHÀ NHÁM 100X120(DÂY NYI	873,450
5050	D-73592	NYLON WHEEL BRUSH100X120MM (NY	BÁNH XE CHÀ NHÁM 100X120(DÂY NYI	873,450
5051	D-73798	WIRE CUP BRUSH (KNOTTED)63MM(2-1	CHỔI SỢI KIM (LOẠI HÌNH CHÉN) 63MM	103,950
5052	D-73807	WIRE CUP BRUSH (KNOTTED)75MM(3")	CHỔI SỢI KIM (LOẠI HÌNH CHÉN) 75MM	109,350
5053	D-73813	WIRE WHEEL BRUSH (KNOTTED)75MM(	CHỔI SỢI KIM (LOẠI ĐÁNH MÉP) 75MM(	98,550
5054	D-73829	WIRE WHEEL BRUSH (KNOTTED)100MM	CHỔI SỢI KIM (LOẠI ĐÁNH MÉP) 100MM	103,950
5055	D-73835	WIRE END BRUSH (KNOTTED)12MM(1/2	CHỔI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 12MM(1/2"	49,950
5056	D-73841	WIRE END BRUSH (KNOTTED)19MM(3/4	CHỔI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 19MM(3/4"	66,150
5057	D-73857	WIRE END BRUSH (KNOTTED)24MM(1")	CHỔI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 24MM(1")	76,950
5058	D-73863	WIRE END BRUSH (KNOTTED)28MM(1-1	CHỔI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 28MM(1-1/	93,150
5059	D-73879	BRUSHCUTTER BLADE 230X80TX25.4M	LƯỠI CẮT CỎ 230X80TX25.4MM	295,625
5060	D-73885	BRUSHCUTTER BLADE 255X80TX25.4M	LƯỠI CẮT CỎ 255X80TX25.4MM	350,625
5061	D-73891	CORE CUTTERΦ30MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ30MM	156,750
5062	D-73900	CORE CUTTERΦ35MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ35MM	167,750
5063	D-73916	CORE CUTTERΦ40MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ40MM	178,750
5064	D-73922	CORE CUTTERΦ50MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ50MM	200,750
5065	D-73938	CORE CUTTERΦ68MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ68MM	266,750
5066	D-73944	CORE CUTTERΦ82MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ82MM	356,125
5067	D-73950	CORE CUTTERΦ90MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ90MM	445,500
5068	D-73966	CORE CUTTERΦ100MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ100MM	484,000
5069	D-73972	PILOT DRILL FOR CORE CUTTER 8X110	MŨI ĐỊNH TÂM CHO MŨI KHOÉT TƯỜN	39,875
5070	D-73988	ADAPTER FOR CORE CUTTER 110MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT TƯỜNG	89,375
5071	D-73994	ADAPTER FOR CORE CUTTER 200MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT TƯỜNG	127,875
5072	D-74005	ADAPTER FOR CORE CUTTER 350MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT TƯỜNG	173,250
5073	D-74011	CORE CUTTER SETΦ68MM	BỘ MŨI KHOÉT TƯỜNG 68MM	405,625
5074	D-74027	CORE CUTTER SETΦ82MM	BỘ MŨI KHOÉT TƯỜNG 82MM	500,500
5075	D-74083	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 105	LƯỠI KIM CƯƠNG 105X12X20(16)	151,250
5076	D-74108	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 125	LƯỠI KIM CƯƠNG 125X12X22.23(20)	189,750
5077	D-74114	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 180	LƯỠI KIM CƯƠNG 180X12X25.4(22.23)	400,125
5078	D-74120	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 230	LƯỠI KIM CƯƠNG 230X12X22.23	522,500
5079	D-74304	SELF FEEDING BIT 25MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 25MMX127MM	228,250
5080	D-74310	SELF FEEDING BIT 28MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 28MMX127MM	284,625
5081	D-74326	SELF FEEDING BIT 32MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 32MMX127MM	306,625
5082	D-74332	SELF FEEDING BIT 35MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 35MMX127MM	323,125

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5083	D-74348	SELF FEEDING BIT 38MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 38MMX127MM	356,125
5084	D-74354	SELF FEEDING BIT 45MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 45MMX127MM	423,500
5085	D-74360	SELF FEEDING BIT 51MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 51MMX127MM	467,500
5086	D-74376	SELF FEEDING BIT 54MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 54MMX127MM	517,000
5087	D-74382	SELF FEEDING BIT 57MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 57MMX127MM	622,875
5088	D-74398	SELF FEEDING BIT 65MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 65MMX127MM	688,875
5089	D-74407	SELF FEEDING BIT 76MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 76MMX127MM	1,089,000
5090	D-74413	SELF FEEDING BIT 92MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 92MMX127MM	1,222,375
5091	D-74429	SELF FEEDING BIT 117MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 117MMX127MM	1,556,500
5092	D-74435	SCREW POINT FOR SELF FEEDING BITS	ĐẦU ĐỊNH TÂM DÙNG CHO MŨI KHOÉT	28,875
5093	D-74441	SCREW POINT FOR SELF FEEDING BITS	ĐẦU ĐỊNH TÂM DÙNG CHO MŨI KHOÉT	28,875
5094	D-74457	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BI	THANH NỐI DÀI DÙNG CHO MŨI KHOÉ	244,750
5095	D-74463	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BI	THANH NỐI DÀI DÙNG CHO MŨI KHOÉ	290,125
5096	D-74479	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BI	THANH NỐI DÀI DÙNG CHO MŨI KHOÉ	350,625
5097	D-74491	GRINDING WHEEL/METAL/A24P125X6.0	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 125X6.0X22.23	33,750
5098	D-74500	GRINDING WHEEL/METAL/A24P150X6.0	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 150X6.0X22.23	36,450
5099	D-74516	GRINDING WHEEL/METAL/A24P180X6.0	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 180X6.0X22.23	47,250
5100	D-74522	GRINDING WHEEL/METAL/A24P230X6.0	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 230X6.0X22.23	75,600
5101	D-74572	SPONGE PAD 190MM(SOFT/ORANGE)	TẤM ĐỆM BỌT BIỂN 190MM(NGẮN/MÀU (	295,650
5102	D-74588	SPONGE PAD 190MM(SOFT/BLUE)	TẤM ĐỆM BỌT BIỂN 190MM(NGẮN/MÀU)	295,650
5103	D-74594	WOOL BONNET 180MM	ĐỆM LÔNG CỪU DẠNG CHỤP 180MM	328,050
5104	D-74625	FELT 180MM	ĐỆ NỈ 180MM	261,900
5105	D-74631	FELT 125MM	ĐỆ NỈ 125MM	159,300
5106	D-74653	SPONGE PAD 125MM(YELLOW)	TẤM ĐỆM BỌT BIỂN 125MM(MÀU VÀNG)	229,500
5107	D-74681	TCT HINGE CUTTING BIT 16X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 16X77MM	45,375
5108	D-74697	TCT HINGE CUTTING BIT 18X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 18X77MM	48,125
5109	D-74706	TCT HINGE CUTTING BIT 22X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 22X77MM	59,125
5110	D-74712	TCT HINGE CUTTING BIT 23X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 23X77MM	67,375
5111	D-74728	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER	BỘ MŨI KHOAN SDS-PLUS 4 CÁI (6.5,8.1(	154,000
5112	D-74734	SNAP OFF KNIFE BLADWS 100X18X0.5M	LƯỠI DAO RỌC GIẤY 100X18X5MM 10 C	56,375
5113	D-74815-5	CUT-OFF WHEEL STAINLESS THIN THIC	ĐÁ CẮT INOX 76X1.0X10MM WA60T(5 C	87,750
5114	D-74837	TUNGSTEN CARBIDE GRIT BLADE 76X1	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG ĐA NĂNG 76X10	110,000
5115	D-74930	SCREW BIT 50MM H3 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-50MM (3 CÁI/BỘ)	48,125
5116	D-74946	SCREW BIT 50MM H4 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-50MM (3 CÁI/BỘ)	48,125
5117	D-74952	SCREW BIT 50MM H5 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-50MM (3 CÁI/BỘ)	48,125
5118	D-74968	SCREW BIT 50MM H6 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-50MM (3 CÁI/BỘ)	48,125
5119	D-74974	SCREW BIT 90MM H3 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-90MM (1 CÁI)	37,125
5120	D-74980	SCREW BIT 90MM H4 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-90MM (1 CÁI)	37,125
5121	D-74996	SCREW BIT 90MM H5 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-90MM (1 CÁI)	37,125
5122	D-75007	SCREW BIT 90MM H6 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-90MM (1 CÁI)	37,125
5123	D-75013	SCREW BIT 150MM H3 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-150MM (1 CÁI)	53,625
5124	D-75029	SCREW BIT 150MM H4 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-150MM (1 CÁI)	53,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5125	D-75035	SCREW BIT 150MM H5 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-150MM (1 CÁI)	53,625
5126	D-75041	SCREW BIT 150MM H6 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-150MM (1 CÁI)	53,625
5127	D-75063	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	187,000
5128	D-75079	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	187,000
5129	D-75085	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	192,500
5130	D-75091	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	192,500
5131	D-75100	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	198,000
5132	D-75116	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	203,500
5133	D-75122	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	220,000
5134	D-75138	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	236,500
5135	D-75144	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	242,000
5136	D-75150	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	308,000
5137	D-75166	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	308,000
5138	D-75172	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	385,000
5139	D-75188	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	440,000
5140	D-75194	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	484,000
5141	D-75203	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO M	594,000
5142	D-75415	EARTH AUGER DRILL BIT 30X600X200M	MŨI KHOAN ĐẤT 30X600X200MM	394,625
5143	D-75421	EARTH AUGER DRILL BIT 45X600X200M	MŨI KHOAN ĐẤT 45X600X200MM	434,500
5144	D-75437	EARTH AUGER DRILL BIT 70X600X200M	MŨI KHOAN ĐẤT 70X600X200MM	484,000
5145	D-75443	EARTH AUGER DRILL BIT 100X600X240	MŨI KHOAN ĐẤT 100X600X200MM	539,000
5146	D-75459	EARTH AUGER DRILL BIT 130X600X280	MŨI KHOAN ĐẤT 130X600X200MM	606,375
5147	D-75605	ANGLE PLATE	THƯỚC CANH GÓC	120,150
5148	D-75611	ANGLE PLATE & FILE BIT 4.0MM 1/4" HE	THƯỚC CANH GÓC VÀ DŨA XÍCH 1/4"C	313,500
5149	D-75627	ANGLE PLATE & FILE BIT 4.5MM 1/4"HE	THƯỚC CANH GÓC VÀ DŨA XÍCH 1/4"C	313,500
5150	D-75758	"METAL DRILL BIT HSS-G ASSORTMEN	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6PCS	324,500
5151	D-75998	FLAP DISC Z36 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHÁM XẾP 125MM Z36/X-LOCK	136,350
5152	D-76009	FLAP DISC Z40 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHÁM XẾP 125MM Z40/X-LOCK	125,550
5153	D-76015	FLAP DISC Z60 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHÁM XẾP 125MM Z60/X-LOCK	120,150
5154	D-76021	FLAP DISC Z80 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHÁM XẾP 125MM Z80/X-LOCK	120,150
5155	D-76037	FLAP DISC Z120 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHÁM XẾP 125MM Z120/X-LOCK	120,150
5156	D-77198	DIAMOND WHEEL FOR CERAMIC TITLE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG CHO SỨ 105MM	105,875
5157	D-77229	ABRASIVE PAPER ASSORMENT SET 125	BỘ ĐĨA NHÁM TRÒN ĐA NĂNG 125MM-	162,000
5158	D-77235	ABRASIVE PAPER ASSORMENT SET 150	BỘ ĐĨA NHÁM TRÒN ĐA NĂNG 150MM-	259,200
5159	D-77241	"METAL DRILL BIT HSS-G FLUTE COAT	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G PHỦ T	236,500
5160	D-77263	DIAMOND WHEEL FOR TILE 76x10MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DÙNG ĐỂ CẮT G	133,375
5161	D-77338	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 260MMX	LƯỠI CƯA GỖ TCT 260MMX25.4X40T	435,875
5162	D-77350	T.C.T SAW BLADE FOR WOOD 216MMX2	LƯỠI CƯA GỖ TCT 216MMX25.4X40T	369,875
5163	D-77372	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG HÚT BỤI 6MM	184,250
5164	D-77388	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG HÚT BỤI 8MM	195,250
5165	D-77394	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG HÚT BỤI 10MM	206,250
5166	D-77403	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG HÚT BỤI 12MM	211,750

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5167	D-77425	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 65MM X M1	CHỔI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X	153,900
5168	D-77431	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 65MM X M1	CHỔI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X	153,900
5169	D-77447	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 75MM X M1	CHỔI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X	191,700
5170	D-77453	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 75MM X M1	CHỔI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X	191,700
5171	D-77469	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 65MM X M	CHỔI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X	245,700
5172	D-77475	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 65MM X M	CHỔI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X	245,700
5173	D-77481	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 75MM X M	CHỔI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X	272,700
5174	D-77497	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 75MM X M	CHỔI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X	272,700
5175	D-77506	BEVEL WIRE BRUSH CRIMPED 100MMX	CHỔI SỢI KIM LOẠI(DẠNG VÁT MÉP/DÂ	180,900
5176	D-77512	WHEEL WIRE BRUSH CRIMPED 115MM	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 115MM X 1	245,700
5177	D-77528	BEVEL WIRE BRUSH KNOTTED 100MMX	CHỔI SỢI KIM LOẠI(DẠNG VÁT MÉP/DÂ	224,100
5178	D-77534	WHEEL WIRE BRUSH KNOTTED 115MM	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 115MM X 1	295,650
5179	D-77540	WHEEL WIRE BRUSH KNOTTED 125MM	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 125MM X 1	349,650
5180	D-77556	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 100MMXM1	CHỔI SỢI KIM LOẠI(HÌNH CHÉN/DÂY X	175,500
5181	D-77562	BEVEL WIRE BRUSH CRIMPED 115MM X	CHỔI ĐÁNH GỈ DẠNG VÁT MÉP 115MM	224,100
5182	D-77578	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 100MMXM	CHỔI SỢI KIM LOẠI(HÌNH CHÉN/DÂY TI	210,600
5183	D-77584	BEVEL WIRE BRUSH KNOTTED 115MM	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 115MM X 1	295,650
5184	D-77687	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS1.0X34M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS1.0X	26,125
5185	D-77693	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS1.5X40M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS1.5X	31,625
5186	D-77702	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS2X4	34,375
5187	D-77718	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS2.5X57M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS2.5X	37,125
5188	D-77724	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3X61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3X6	37,125
5189	D-77730	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3.2X65M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3.2X	48,125
5190	D-77746	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3.3X65M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3.3X	48,125
5191	D-77752	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3.5X70M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3.5X	48,125
5192	D-77768	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS4X7	53,625
5193	D-77774	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC4.2X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC4.2X	34,375
5194	D-77780	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC4.5X80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC4.5X	34,375
5195	D-77796	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC5X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC5X86	39,875
5196	D-77805	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC5.5X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC5.5X	45,375
5197	D-77811	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC6X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC6X93	48,125
5198	D-77827	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC6.5X101M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC6.5X	59,125
5199	D-77833	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC7X10	64,625
5200	D-77849	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC7.5X109M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC7.5X	72,875
5201	D-77855	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC8X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC8X11	83,875
5202	D-77861	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC8.5X117M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC8.5X	86,625
5203	D-77877	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC9X12	103,125
5204	D-77883	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC9.5X125M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC9.5X	111,375
5205	D-77899	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC10X1	127,875
5206	D-77908	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC10.5X133M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC10.5X	138,875
5207	D-77914	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC11X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC11X	156,750
5208	D-77920	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC11.5X142M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC11.5X	162,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5209	D-77936	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC12X151MI	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC12X1	187,000
5210	D-77942	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC12.5X151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC12.5X	192,500
5211	D-77958	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC13X151MI	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC13X1	214,500
5212	D-77964	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC14X160MI	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC14X1	372,625
5213	D-77970	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC15X169MI	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC15X1	423,500
5214	D-77986	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC16X178MI	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC16X1	478,500
5215	D-77992	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS1.0x34M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS1.0	56,375
5216	D-78003	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS1.5x40M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS1.5	61,875
5217	D-78019	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS2x49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS2x	67,375
5218	D-78025	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS2.5x57M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS2.5	83,875
5219	D-78031	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS3x61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS3x	100,375
5220	D-78047	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS3.2x65M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS3.2	122,375
5221	D-78053	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS3.5x70M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS3.5	127,875
5222	D-78069	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS4x75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS4x	151,250
5223	D-78075	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS4.2x75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS4.2	173,250
5224	D-78081	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS4.5x80M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS4.5	178,750
5225	D-78097	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS5x86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS5x	211,750
5226	D-78106	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS5.5x93M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS5.5	244,750
5227	D-78112	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS6x93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS 6x	284,625
5228	D-78128	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS6.5x101	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS6.5	334,125
5229	D-78134	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS7x109M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS7x	405,625
5230	D-78140	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS7.5x109	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS7.5	456,500
5231	D-78156	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS8x117M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS8x	528,000
5232	D-78162	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS8.5x117M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS8.5x	312,125
5233	D-78178	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS9x125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS9x1	350,625
5234	D-78184	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS9.5x125M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS9.5x	378,125
5235	D-78190	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS10x133M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS10x	434,500
5236	D-78209	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS10.5x133	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS10.5	478,500
5237	D-78215	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS11x142M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS11x	533,500
5238	D-78221	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS11.5x142	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS11.5	578,875
5239	D-78237	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS12x151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS12x	650,375
5240	D-78243	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS12.5x151	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS12.5	694,375
5241	D-78259	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS13x151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS13x	739,750
5242	D-78271	DIAMOND WHEEL TILE CONTINUOUS R	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG MÉP LIÊN TỤC	105,875
5243	D-78293	DIAMOND WHEEL TILE CONTINUOUS R	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG MÉP LIÊN TỤC 1	217,250
5244	D-78302	DIAMOND WHEEL TILE CONTINUOUS R	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG MÉP LIÊN TỤC 2	284,625
5245	D-78324	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMM	MŨI ĐỤC DẸP CHUÔI SDS-PLUS CHO GẠ	184,250
5246	D-78330	SCALING CHISEL FOR SDS-MAX HAMM	MŨI ĐỤC DẸP CHUÔI SDS-MAX CHO GẠ	290,125
5247	D-78346	METAL DRILL BIT HSS-GS ASSORTMEN	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 6PCS/SET	228,250
5248	D-78374	TUNGSTEN CARBIDE GRIT BLADE 76X1	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG ĐA NĂNG 76X10	151,250
5249	D-78564	WHEEL WIRE BRUSH CRIMPED 100MMX	CHỔI SỢI KIM LOẠI(DẠNG ĐÁNH MÉP/I	256,500
5250	D-78570	WHEEL WIRE BRUSH KNOTTED 100MM	CHỔI SỢI KIM LOẠI(DẠNG ĐÁNH MÉP/I	441,450

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5251	D-78617	NUTSETTER E-FORM(NZ) 8X50MM	ĐẦU TUÝP VẶN VÍT CÓ NAM CHÂM 8X	48,125
5252	D-78623	NUTSETTER E-FORM(NZ) 10X50MM	ĐẦU TUÝP VẶN VÍT CÓ NAM CHÂM 8X	48,125
5253	D-78639	NUTSETTER E-FORM(NZ) 12X50MM	ĐẦU TUÝP VẶN VÍT CÓ NAM CHÂM 10X	53,625
5254	D-78645	NUTSETTER E-FORM(NZ) 13X50MM	ĐẦU TUÝP VẶN VÍT CÓ NAM CHÂM 13X	53,625
5255	D-80307	RECIPRO SAW BLADE METAL 225MMX(	LƯỠI CƯA KIẾM DÀNH CHO KIM LOẠI 2	145,750
5256	DA00000169	CUTTER/EM2500U	LƯỠI CẮT/EM2500U	308,000
5257	DA00000454	NYLON CORD SET/EM2500U	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC/EM2500U	401,500
5258	DA00001274	BLADE/PLM4631N2	LƯỠI CẮT/PLM4631N2	451,000
5259	DML801	LED FLASHLIGHT (18V/14.4V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(18V/14.4V)	1,276,000
5260	DML805	CORDED AND CORDLESS LED WORKLI	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN (18V/14.	4,683,250
5261	DML807	CORDLESS LED WORKLIGHT (18V, 14.4V	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN (18V, 14	2,795,375
5262	DML808	LED FLASHLIGHT(14.4V-18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(14.4V-18V)	1,828,750
5263	DML812	CORDLESS FLASHLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN DÙNG PIN(18V/14.4V)	4,666,750
5264	DML813	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(18V/14.4	10,923,000
5265	DML814	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(18V/14.4	11,088,000
5266	DML815	CORDLESS FLASHLIGHT(14.4V/18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(14.4V/18V)	1,056,000
5267	DML816X	CORDLESS FLASHLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(18V/14.4V)	2,178,000
5268	DML817	CORDLESS WORKLIGHT(18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(18V)	1,733,875
5269	DML818	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DẠNG THANH DÙN	11,665,500
5270	E-00393	GRINDING WHEEL FOR METAL(X-LOCK	ĐÁ MÀI CHO KIM LOẠI(X-LOCK 125X6X	66,150
5271	E-00402	GRINDING WHEEL(X-LOCK/125X6X22.23	ĐÁ MÀI CHO INOX(X-LOCK 125X6X22.23	82,350
5272	E-00418	CUTTING WHEEL(X-LOCK/125X1.2X22.2	ĐÁ CẮT(X-LOCK 125X1.2X22.23/A60T)	66,150
5273	E-00480	GRINDING WHEEL FOR METAL(X-LOCK	ĐÁ MÀI CHO KIM LOẠI(X-LOCK/100X6X	33,750
5274	E-00496	GRINDING WHEEL FOR STAINLESS(X-L	ĐÁ MÀI CHO INOX(X-LOCK/100X6X22.23	44,550
5275	E-00505	CUTTING WHEEL(X-LOCK/100X1.2X22.2	ĐÁ CẮT(X-LOCK 100X1.2X22.23/A60T)	48,600
5276	E-01731	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MM	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH DƯƠNG	98,550
5277	E-01747	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MM	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH DƯƠNG	186,300
5278	E-01753	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MM	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH DƯƠNG	1,528,200
5279	E-01769	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0M	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0M	114,750
5280	E-01775	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0M	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0M	218,700
5281	E-01781	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0M	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0M	1,408,050
5282	E-01797	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4I	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX	136,350
5283	E-01806	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4I	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX	264,600
5284	E-01812	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4I	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX	1,408,050
5285	E-01828	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX15	144,450
5286	E-01834	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX30	299,700
5287	E-01840	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX	DÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX18	1,408,050
5288	E-01959	TCT SAW BLADE EFFICUT 235X25X24T	LƯỠI CƯA EFFICUT 235X25X24T	935,000
5289	E-02054	DIAMOND WHEEL FOR X-LOCK GRINDI	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG X-LOCK 100MM	816,750
5290	E-02076	DIAMOND WHEEL FOR X-LOCK GRINDI	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG X-LOCK 125MM	939,125
5291	E-02375	ABRASIVE PAPER DISC 150X225MM(25P	ĐĨA NHÁM 150X225MM(25CÁI)/DSL800	999,000
5292	E-02381	ABRASIVE PAPER DISC 220X225MM(25P	ĐĨA NHÁM 220X225MM(25CÁI)/DSL800	999,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5293	E-02705	ROUND TRIM NYLON CORD(GREEN)2.0-	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU XANH)2	87,750
5294	E-02711	ROUND TRIM NYLON CORD(GREEN)2.0-	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU XANH)2	382,050
5295	E-02727	ROUND TRIM NYLON CORD(WHITE)1.3	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU TRẮNG	82,350
5296	E-02733	ROUND TRIM NYLON CORD(BLUE)1.6-1	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU XANH)	82,350
5297	E-02749	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELL	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2	120,150
5298	E-02761	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELL	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2	409,050
5299	E-02783	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELL	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2	1,020,600
5300	E-02808	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YEL	DÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG	125,550
5301	E-02814	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YEL	DÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG	382,050
5302	E-02820	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YEL	DÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG	1,020,600
5303	E-02836	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELL(	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN ĐÔI(MÀU VÀ	175,500
5304	E-02842	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELL(	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN ĐÔI(MÀU VÀ	475,200
5305	E-02858	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELL(	DÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN ĐÔI(MÀU VÀ	1,178,550
5306	E-02870	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELL	DÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG ĐÔI(MÀU V	186,300
5307	E-02886	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELL	DÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG ĐÔI(MÀU V	448,200
5308	E-02892	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELL	DÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG ĐÔI(MÀU V	1,178,550
5309	E-02967	DIAMOND WHEEL 230X13X22.23MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230X13X22.23MM	3,316,500
5310	E-02989	SOCKET IN ROLL UP POUCH 8PCS/SET/1	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 8CÁI/BỘ/1	792,000
5311	E-03006	CUTING WHEEL (230X2.0X22.23MM)	ĐÁ CẮT KIM LOẠI (230X2.0X22.23MM)	66,150
5312	E-03006-25	CUT-OFF WHEEL STAINLESS THIN THIC	BỘ ĐÁ CẮT KIM LOẠI 230X2.0X22.23MM	1,468,800
5313	E-03274	TORSION SCREW BIT(E-FORM)	MŨI VÍT TORSION PH2	127,875
5314	E-03442	MAG BOOSTER IMPACT PREMIER	NAM CHÂM TĂNG LỰC HÚT IMPACT PR	108,000
5315	E-03632	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 16X4	MŨI KHOÉT HSS 16X44MM	255,750
5316	E-03648	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 17X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 17X44MM	255,750
5317	E-03654	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 19X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 19X44MM	261,250
5318	E-03660	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 20X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 20X44MM	266,750
5319	E-03676	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 22X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 22X44MM	277,750
5320	E-03682	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 24X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 24X44MM	277,750
5321	E-03698	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 25X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 25X44MM	272,250
5322	E-03707	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 27X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 27X44MM	277,750
5323	E-03713	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 29X4	MŨI KHOÉT HSS 29X44MM	277,750
5324	E-03729	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 30X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 30X44MM	272,250
5325	E-03735	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 32X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 32X44MM	301,125
5326	E-03741	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 35X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 35X44MM	295,625
5327	E-03757	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 37X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 37X44MM	306,625
5328	E-03763	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 38X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 38X44MM	306,625
5329	E-03779	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 40X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 40X44MM	306,625
5330	E-03785	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 41X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 41X44MM	339,625
5331	E-03791	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 44X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 44X44MM	334,125
5332	E-03800	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 46X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 46X44MM	345,125
5333	E-03816	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 48X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 48X44MM	350,625
5334	E-03822	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 51X4	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 51X44MM	350,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5335	E-03838	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 52X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 52X44MM	416,625
5336	E-03844	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 54X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 54X44MM	416,625
5337	E-03850	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 56X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 56X44MM	416,625
5338	E-03866	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 57X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 57X44MM	440,000
5339	E-03872	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 60X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 60X44MM	456,500
5340	E-03888	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 64X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 64X44MM	456,500
5341	E-03894	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 65X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 65X44MM	473,000
5342	E-03903	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 68X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 68X44MM	473,000
5343	E-03919	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 70X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 70X44MM	473,000
5344	E-03925	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 73X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 73X44MM	489,500
5345	E-03931	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 76X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 76X44MM	489,500
5346	E-03947	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 79X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 79X44MM	511,500
5347	E-03953	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 83X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 83X44MM	511,500
5348	E-03969	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 86X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 86X44MM	533,500
5349	E-03975	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 92X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 92X44MM	562,375
5350	E-03981	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 95X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 95X44MM	650,375
5351	E-03997	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 102X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 102X44MM	761,750
5352	E-04008	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 105X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 105X44MM	789,250
5353	E-04014	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 111X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 111X44MM	966,625
5354	E-04020	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 114X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 114X44MM	1,012,000
5355	E-04036	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 121X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 121X44MM	1,145,375
5356	E-04042	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 127X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 127X44MM	1,205,875
5357	E-04058	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 140X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 140X44MM	1,273,250
5358	E-04064	EZYCHANGE BIM HOLESAW 8%CO 152X	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 152X44MM	1,322,750
5359	E-04070	ADAPTER+PILOT DRILL BIT 85MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI VÀ MŨI KHOAN ĐỊN	701,250
5360	E-04086	PILOT DRILL HSS-G 85MM	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G 85MM	206,250
5361	E-04092	PILOT DRILL HSS-CO 85MM	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-CO 85MM	272,250
5362	E-04101	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(14T/1	LƯỠI CƯA VÒNG 0.5X13X730MM(14T/1I	1,355,750
5363	E-04117	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(18T/1	LƯỠI CƯA VÒNG 0.5X13X730MM(18T/1I	1,355,750
5364	E-04123	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(24T/1	LƯỠI CƯA VÒNG 0.5X13X730MM(24T/1I	1,355,750
5365	E-04933	GO THROUGH SCREW DRIVER SL5.5X75	TUA VÍT 2 CẠNH SL 5.5X75	116,875
5366	E-04949	GO THROUGH SCREW DRIVER SL6.5X15	TUA VÍT 2 CẠNH SL 6.5X150	154,000
5367	E-04955	GO THROUGH SCREW DRIVER SL8X200	TUA VÍT 2 CẠNH SL 8X200	220,000
5368	E-05094	DRILL HOLSTER UNIVERSAL L/R HAND	TÚI ĐỰNG MÁY KHOAN ĐA NĂNG 170x	729,000
5369	E-05119	IMPACT DRIVER HOLSTER UNIVERSAL	TÚI ĐỰNG MÁY KHOAN VÀ MŨI VÍT 15	502,200
5370	E-05125	UNIVERSAL POUCH & DRILL HOLSTER	TÚI ĐỰNG MÁY KHOAN VÀ PHỤ KIỆN Đ	1,382,400
5371	E-05131	ULTIMATE 2 POCKET FIXING POUCH 26	TÚI ĐỰNG ĐA NĂNG 2 NGĂN 260x145x27	955,800
5372	E-05147	ULTIMATE 3 POCKET FIXING POUCH 32	TÚI ĐỰNG ĐA NĂNG 3 NGĂN 320x145x27	1,274,400
5373	E-05181	ULTIMATE ELECTRICIANS POUCH 250X	TÚI ĐỰNG DÀNH CHO THỢ ĐIỆN 250x12	999,000
5374	E-05197	FIXING POUCH & HAMMER HOLDER 18(	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ VÀ GIỮ BÚA 180x1	642,600
5375	E-05206	ZIP TOP POUCH - DUAL BATTERY OR FI	TÚI ĐỰNG PIN ĐA NĂNG CÓ NẮP KHÓA	637,200
5376	E-05228	ULTIMATE 3-WAY HAMMER & TOOL H(	TÚI GIỮ BÚA VÀ DỤNG CỤ 185x85x205M	626,400

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5377	E-05278	TAPE MEASURE HOLDER 110X80X165M	TÚI ĐỰNG THƯỚC KÉO 110x80x165MM	318,600
5378	E-05290	QUICK RELEASE BELT & SHOULDER ST	ĐAI LƯNG, QUAI ĐEO VAI CÓ CHỐT TH	302,400
5379	E-05315	BELT LOOP - 6 PACK	ĐỈA DÂY (6 CÁI/BỘ)	279,450
5380	E-05321	ULTIMATE PADDED BELT WITH BELT L	ĐAI LƯNG THÁO NHANH CÓ ĐỆM VÀ Đ	1,166,400
5381	E-05337	QUICK RELEASE BELT & BELT LOOP 15	ĐAI LƯNG THÁO NHANH CÓ ĐỈA DÂY 1	421,200
5382	E-05359	LEATHER BELT BLACK M 1130x38MM	THẮT LƯNG MÀU ĐEN M 1130x38MM	758,700
5383	E-05365	LEATHER BELT BLACK L 1330x38MM	THẮT LƯNG MÀU ĐEN L 1330x38MM	758,700
5384	E-05371	LEATHER BELT BROWN M 1130x38MM	THẮT LƯNG MÀU NÂU M 1130x38MM	758,700
5385	E-05387	LEATHER BELT BROWN L 1330x38MM	THẮT LƯNG MÀU NÂU L 1330x38MM	758,700
5386	E-05424	REINFORCED ADJUSTABLE TOOL CASE	TÚI ĐỰNG MÁY, PIN SẠC VÀ DỤNG CỤ	2,851,200
5387	E-05446	ULTIMATE COVERED TOOL TOTE 510x	TÚI ĐỰNG MÁY VÀ DỤNG CỤ CÓ NẮP Đ	2,786,400
5388	E-05452	ULTIMATE GATE MOUTH TOOL BAG 51	TÚI XÁCH CÓ KHUNG 510x295x280MM	1,900,800
5389	E-05468	ULTIMATE WIDE MOUTH TOOL BAG 44	TÚI XÁCH CÓ KHUNG 440x240x250MM	1,641,600
5390	E-05496	SEMI-RIGID TOOL BAG 520x250x270MM	TÚI ĐỰNG ĐA NĂNG 520x250x270MM	2,224,800
5391	E-05583	ULTIMATE SMARTPHONE HOLDER 90X	TÚI ĐỰNG ĐIỆN THOẠI 90x40x165MM	496,800
5392	E-05599	THERMAL FLASK & HOLDER 90X85X200	BÌNH GIỮ NHIỆT 90x85x200MM	912,600
5393	E-05608	THERMAL MUG & HOLDER 125X100X17	LY GIỮ NHIỆT 125x100x170MM	475,200
5394	E-05636	WORK VEST - ADJUSTABLE POCKETS 5	ÁO GILE CÔNG TRÌNH 510x640MM	1,771,200
5395	E-05664	1.4M / 1.5M GUIDE RAIL PROTECTIVE H	TÚI BẢO VỆ THANH DẪN HƯỚNG 1.4M /	1,331,100
5396	E-05670	1M GUIDE RAIL BAG 1070X45X220MM	TÚI BẢO VỆ THANH DẪN HƯỚNG 1M(10	1,200,150
5397	E-06345	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM	LƯỠI CẮT NHÔM EFFICUT 260MMX 25.4	1,978,625
5398	E-06351	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 3X60M	34,375
5399	E-06367	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 4X70M	34,375
5400	E-06373	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 5X85M	34,375
5401	E-06389	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 5X150M	34,375
5402	E-06395	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 5.5X10	34,375
5403	E-06404	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUÔI THẲNG	34,375
5404	E-06410	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 6X100M	34,375
5405	E-06426	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 6X150M	34,375
5406	E-06432	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUÔI THẲNG	50,875
5407	E-06448	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUÔI THẲNG	34,375
5408	E-06454	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUÔI THẲNG	34,375
5409	E-06460	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 7X100M	34,375
5410	E-06476	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 7X150M	34,375
5411	E-06482	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 8X110M	34,375
5412	E-06498	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 8X150M	34,375
5413	E-06507	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUÔI THẲNG	56,375
5414	E-06513	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 9X150M	39,875
5415	E-06529	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 10X150	39,875
5416	E-06535	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUÔI THẲNG	67,375
5417	E-06541	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 12X150	45,375
5418	E-06557	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 12X250	72,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5419	E-06563	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 14X150	61,875
5420	E-06579	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 14X250	89,375
5421	E-06585	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 16X150	71,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5422	E-06591	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 18X200	105,875
5423	E-06600	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHAN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 20X200	116,875
5424	E-06638	IMPACT BLACK 35PCS SET	BỘ MŨI VÍT IMPACT BLACK (35 CÁI/ BỘ	783,750
5425	E-06644	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 20X60MM	562,375
5426	E-06650	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 22X60MM	595,375
5427	E-06666	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 25X60MM	562,375
5428	E-06672	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 32X60MM	644,875
5429	E-06688	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 35X60MM	644,875
5430	E-06694	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 38X60MM	683,375
5431	E-06703	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 40X60MM	683,375
5432	E-06719	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 44X60MM	723,250
5433	E-06725	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 51X60MM	767,250
5434	E-06731	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 54X60MM	911,625
5435	E-06747	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 60X60MM	950,125
5436	E-06753	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 64X60MM	955,625
5437	E-06769	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 67X60MM	984,500
5438	E-06775	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 68X60MM	984,500
5439	E-06781	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 70X60MM	1,006,500
5440	E-06797	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 73X60MM	1,034,000
5441	E-06806	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 76X60MM	1,034,000
5442	E-06812	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 83X60MM	1,072,500
5443	E-06828	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 102X60MM	1,661,000
5444	E-06834	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOL	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 127X60MM	3,495,250
5445	E-06840	HSS-G PILOT DRILL BIT(105MM)	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G(105MM)	261,250
5446	E-06856	HSS-CO PILOT DRILL BIT(105MM)	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-CO(105MM	367,125
5447	E-06862	TCT PILOT DRILL BIT(105MM)	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM TCT(105MM)	339,625
5448	E-06878	EZYCHANGE EXTENSION BAR(150MM)	BỘ CHUYỂN ĐỔI NỐI DÀI(150MM)	767,250
5449	E-06884	EZYCHANGE EXTENSION BAR(300MM)	BỘ CHUYỂN ĐỔI NỐI DÀI (300MM)	811,250
5450	E-06937	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 150MM X 20	LƯỠI CƯA GỖ EFFICUT 150MMX20MMX	655,875
5451	E-06959	EZYCHANGE ADAPTER 3/8" SHANK+TC	BỘ CHUYỂN ĐỔI NHANH 3/8" VÀ MŨI K	845,625
5452	E-07010	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25	LƯỠI CƯA T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4	1,267,750
5453	E-07082	BIT SET WITH CLEAR CASE(18PCS)	BỘ MŨI KHOAN VÀ MŨI VÍT(18 CÁI)	622,875
5454	E-07107	BIT SET WITH CLEAR CASE(28PCS)	BỘ MŨI VÍT(28 CÁI)	528,000
5455	E-07129	BIT SET WITH CLEAR CASE(30PCS)	BỘ MŨI VÍT(30 CÁI)	694,375
5456	E-07135	BIT SET WITH CLEAR CASE(32PCS)	BỘ MŨI VÍT(32 CÁI)	528,000
5457	E-07294	EARTH AUGER BIT 100X800MM	MŨI KHOAN ĐẤT 100X800MM	2,022,625
5458	E-07303	EARTH AUGER BIT 150X800MM	MŨI KHOAN ĐẤT 150X800MM	2,378,750
5459	E-07319	EARTH AUGER BIT 200X800MM	MŨI KHOAN ĐẤT 200X800MM	2,822,875
5460	E-07325	EXTENSION BAR 540MM	THANH NỐI DÀI MŨI KHOAN ĐẤT 540M	712,250
5461	E-07331	PIN FOR EARTH AUGER DRILL BIT	CHỐT GÀI MŨI KHOAN ĐẤT	78,375
5462	E-07412	FIBER SANDING DISC 50MM (A60)	ĐĨA CHÀ NHÁM 50MM (A60)	1,102,950
5463	E-07428	FIBER SANDING DISC 50MM (A80)	ĐĨA CHÀ NHÁM 50MM (A80)	1,102,950
5464	E-07434	FIBER SANDING DISC 50MM (A120)	ĐĨA CHÀ NHÁM 50MM (A120)	1,058,400

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5465	E-07440	FIBER SANDING DISC 50MM (Z60)	ĐĨA CHÀ NHÁM 50MM (Z60)	1,058,400
5466	E-07456	FIBER SANDING DISC 50MM (Z80)	ĐĨA CHÀ NHÁM 50MM (Z80)	1,058,400
5467	E-07462	SURFACE CONDITIONING DISC COARSE	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (THÔ/CỨNG) 50MM	1,985,850
5468	E-07478	SURFACE CONDITIONING DISC MEDIUN	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (VỪA/CỨNG) 50MM	1,985,850
5469	E-07484	SURFACE CONDITIONING DISC FINE/HA	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (MỊN/CỨNG) 50MM	1,985,850
5470	E-07490	SURFACE CONDITIONING DISC MEDIUN	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (VỪA/MỀM) 50MM	1,723,950
5471	E-07509	SURFACE CONDITIONING DISC FINE/SO	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (MỊN/MỀM) 50MM	1,723,950
5472	E-07515	SURFACE CONDITIONING DISC VERY F	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (RẤT MỊN/MỀM) 50	1,723,950
5473	E-07630	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 100MM/	LƯỠI CHO MŨI KHOAN ĐẤT 100MM/DD	233,750
5474	E-07646	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 150MM/	LƯỠI CỦA MŨI KHOAN ĐẤT 150MM/DD	255,750
5475	E-07652	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 200MM/	LƯỠI CỦA MŨI KHOAN ĐẤT 200MM/DD	301,125
5476	E-07733	TCT SAW BLADE EFFICUT 260MMX25M	LƯỠI CƯA EFFICUT 260MMX25MMX24T	1,267,750
5477	E-07755	3D WOOD LONG DRILL BIT 6X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 6X400MM	723,250
5478	E-07761	3D WOOD LONG DRILL BIT 8X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 8X400MM	723,250
5479	E-07777	3D WOOD LONG DRILL BIT 9X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 9X400MM	723,250
5480	E-07783	3D WOOD LONG DRILL BIT 10X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 10X400MM	723,250
5481	E-07799	3D WOOD LONG DRILL BIT 10.5MMX400	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 10.5MMX400MM	655,875
5482	E-07808	3D WOOD LONG DRILL BIT 11X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 11X400MM	723,250
5483	E-07814	3D WOOD LONG DRILL BIT 12X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 12X400MM	723,250
5484	E-07820	3D WOOD LONG DRILL BIT 13X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 13X400MM	900,625
5485	E-07836	3D WOOD LONG DRILL BIT 13.5MMX400	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 13.5MMX400MM	822,250
5486	E-07842	3D WOOD LONG DRILL BIT 15X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 15X400MM	900,625
5487	E-07858	3D WOOD LONG DRILL BIT 16X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 16X400MM	1,078,000
5488	E-07864	3D WOOD LONG DRILL BIT 18X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 18X400MM	1,078,000
5489	E-07870	3D WOOD LONG DRILL BIT 21X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 21X400MM	1,289,750
5490	E-07886	3D WOOD LONG DRILL BIT 22X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 22X400MM	1,556,500
5491	E-07892	3D WOOD LONG DRILL BIT 24X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 24X400MM	1,556,500
5492	E-07901	3D WOOD LONG DRILL BIT 27X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 27X400MM	1,733,875
5493	E-07917	3D WOOD LONG DRILL BIT 30X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 30X400MM	1,933,250
5494	E-07923	3D WOOD LONG DRILL BIT 10.5X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 10.5X500MM	739,750
5495	E-07939	3D WOOD LONG DRILL BIT 12X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 12X500MM	739,750
5496	E-07945	3D WOOD LONG DRILL BIT 13.5MMX500	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 13.5MMX500MM	884,125
5497	E-07951	3D WOOD LONG DRILL BIT 15X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 15X500MM	917,125
5498	E-07967	3D WOOD LONG DRILL BIT 18.0MMX500	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 18.0MMX500MM	1,061,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5499	E-07973	3D WOOD LONG DRILL BIT 21.0MMX500	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 21.0MMX500MM	1,267,750
5500	E-07989	3D WOOD LONG DRILL BIT 24X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 24X500MM	1,534,500
5501	E-07995	3D WOOD LONG DRILL BIT 27.0MMX500	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 27.0MMX500MM	1,733,875
5502	E-08006	3D WOOD LONG DRILL BIT 30X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 30X500MM	1,911,250
5503	E-08707	FLAT BIT SET(8PCS)	MŨI KHOAN DẸP(8 CÁI)	489,500
5504	E-08763	IMPACT BLACK PH2-50MM,2PCS	MŨI VÍT PH2-50MM IMPACT BLACK (2 C	59,125
5505	E-08779	IMPACT BLACK PH3-50MM,2PCS	MŨI VÍT PH3-50MM IMPACT BLACK (2 C	59,125
5506	E-08785	IMPACT BLACK MAGNETIC BITHOLDEI	ĐẦU GIỮ MŨI VÍT CÓ NAM CHÂM IMPA	83,875
5507	E-08791	IMPACT BLACK SLEEVE CHUCK BITHO	ĐẦU GIỮ MŨI VÍT CÓ KHÓA IMPACT B	105,875
5508	E-08800	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 6	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC IMPACT BLACK 6M	53,625
5509	E-08816	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 8	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC IMPACT BLACK 8M	53,625
5510	E-08822	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 1	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC IMPACT BLACK 10M	59,125
5511	E-08838	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 1	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC IMPACT BLACK 13M	59,125
5512	E-08844	IMPACT BLACK 3/8"SOCKET ADAPTER,	ĐẦU CHUYỂN VĂN VÍT SANG BU LÔNG	56,375
5513	E-08850	IMPACT BLACK 1/2"SOCKET ADAPTER,	ĐẦU CHUYỂN VĂN VÍT SANG BU LÔNG	72,875
5514	E-08969	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25	LƯỠI CƯA T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4	1,511,125
5515	E-08975	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25	LƯỠI CƯA T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4	1,777,875
5516	E-10702	CUT-OFF WHEEL/MULTI MATERIAL/TH	ĐÁ CẮT MỎNG ĐA NĂNG 100X1.2X16MM	39,150
5517	E-10724	CUT-OFF WHEEL/MULTI MATERIAL/TH	ĐÁ CẮT MỎNG ĐA NĂNG 125X1.2X22.23	44,550
5518	E-10855	CUTTING WHEEL/THIN THICKNESS/INO	ĐÁ CẮT MỎNG INOX 100X0.8X16MM Z6	37,800
5519	E-10877	CUTTING WHEEL/THIN THICKNESS/INO	ĐÁ CẮT MỎNG INOX 125X0.8X22.23MM	45,900
5520	E-10958	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	39,875
5521	E-10964	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	39,875
5522	E-10970	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	39,875
5523	E-10986	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	45,375
5524	E-10992	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	45,375
5525	E-11003	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	50,875
5526	E-11019	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	45,375
5527	E-11025	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	56,375
5528	E-11031	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	50,875
5529	E-11047	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	61,875
5530	E-11053	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	67,375
5531	E-11069	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	78,375
5532	E-11075	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	89,375
5533	E-11081	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUÔI THẲ	105,875
5534	E-11097	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 110M	LƯỠI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 110MMX3	1,355,750
5535	E-11265	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 1	LƯỠI CẮT GỖ EFFICUT 190MMX20MMX	737,000
5536	E-11271	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 1	LƯỠI CẮT GỖ EFFICUT 190MMX20MMX	1,111,000
5537	E-11287	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 1	LƯỠI CẮT GỖ EFFICUT 190MMX20MMX	1,254,000
5538	E-11324	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 12X340M	272,250
5539	E-11330	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 12X540M	372,625
5540	E-11346	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 14X340M	334,125
5541	E-11352	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 14X540M	423,500
5542	E-11368	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 16X340M	400,125
5543	E-11374	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 16X540M	489,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5544	E-11380	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 18X340M	539,000
5545	E-11396	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 18X540M	622,875
5546	E-11405	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 20X340M	633,875
5547	E-11411	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 20X540M	756,250
5548	E-11427	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 22X340M	734,250
5549	E-11433	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 22X540M	862,125
5550	E-11449	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 24X340M	827,750
5551	E-11455	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 24X540M	955,625
5552	E-11461	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 25X340M	862,125
5553	E-11477	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 25X540M	984,500
5554	E-11483	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 28X370M	1,067,000
5555	E-11499	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 28X570M	1,311,750
5556	E-11508	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 30X370M	1,311,750
5557	E-11514	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMER	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 30X570M	1,622,500
5558	E-11558	DRIVE RATCHET HANDLE 1/4"	CẦN SIẾT TỰ ĐỘNG TAY 1/4"	418,000
5559	E-11564	DRIVE RATCHET HANDLE 3/8"	CẦN SIẾT TỰ ĐỘNG TAY 3/8"	528,000
5560	E-11570	DRIVE RATCHET HANDLE 1/2"	CẦN SIẾT TỰ ĐỘNG TAY 1/2"	682,000
5561	E-11601	COMBINATION WRENCH 12MM	CỜ LÊ VÒNG 12MM	94,875
5562	E-11617	COMBINATION WRENCH 13MM	CỜ LÊ VÒNG 13MM	100,375
5563	E-11623	COMBINATION WRENCH 14MM	CỜ LÊ VÒNG 14MM	122,375
5564	E-11639	COMBINATION WRENCH 15MM	CỜ LÊ VÒNG 15MM	127,875
5565	E-11645	COMBINATION WRENCH 16MM	CỜ LÊ VÒNG 16MM	133,375
5566	E-11651	COMBINATION WRENCH 17MM	CỜ LÊ VÒNG 17MM	145,750
5567	E-11667	COMBINATION WRENCH 18MM	CỜ LÊ VÒNG 18MM	145,750
5568	E-11673	COMBINATION WRENCH 19MM	CỜ LÊ VÒNG 19MM	156,750
5569	E-11972	TCT SAW BLADE EFFICUT COMPOSITE	LƯỠI CƯA TCT DÙNG CHO GỖ NHỰA18	906,125
5570	E-11988	TCT SAW BLADE EFFICUT COMPOSITE	LƯỠI CƯA TCT DÙNG CHO GỖ NHỰA26	1,689,875
5571	E-12083	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL305MI	LƯỠI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 305X25.4X	4,461,875
5572	E-12354	IMPACT DEEP SOCKET FOR WHEEL NU	BỘ ĐẦU TUÝP 3 CÁI(17X86,19X86,21X86	688,875
5573	E-12790-5	CUT-OFF WHEEL METAL FOR DC POWE	ĐÁ CẮT KIM LOẠI PHÙ HỢP CHO MÁY I	1,571,400
5574	E-12918	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL185MI	LƯỠI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 185X20X4	1,889,250
5575	E-12924	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL185MI	LƯỠI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 185X20X6	2,355,375
5576	E-12974	TCT SAW BLADE EFFICUT 270MMX25.4M	LƯỠI CƯA GỖ EFFICUT 270X25.4X24T	1,267,750
5577	E-13029	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX H	MŨI ĐÓNG CỌC TIẾP ĐẤT SDS-MAX 13.1	1,078,000
5578	E-13035	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX H	MŨI ĐÓNG CỌC TIẾP ĐẤT SDS-MAX 16.1	1,100,000
5579	E-13041	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX H	MŨI ĐÓNG CỌC TIẾP ĐẤT SDS-MAX 22.2	1,238,875
5580	E-13281	TCT SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 3	LƯỠI CẮT NHÔM EFFICUT 305X25.4X81	2,733,500
5581	E-13340	TCT SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 1	LƯỠI CẮT NHÔM EFFICUT 305X25.4X96	3,062,125
5582	E-13611	EARTH AUGER BIT 50X800MM	MŨI KHOAN ĐẤT 50X800MM	1,867,250
5583	E-13627	EARTH AUGER BIT 60X800MM	MŨI KHOAN ĐẤT 60X800MM	1,978,625
5584	E-13633	EARTH AUGER BIT 80X800MM	MŨI KHOAN ĐẤT 80X800MM	2,000,625
5585	E-13649	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 50MM	LƯỠI CHO MŨI KHOAN ĐẤT 50MM	200,750
5586	E-13655	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 60MM	LƯỠI CHO MŨI KHOAN ĐẤT 60MM	217,250
5587	E-13661	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 80MM	LƯỠI CHO MŨI KHOAN ĐẤT 80MM	228,250
5588	E-13742	THIN CUT-OFF WHEEL/ STAINLESS/ FLA	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/150X1.6X22.2	47,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5589	E-13758	THIN CUT-OFF WHEEL/ STAINLESS/ FLA	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/180X1.6X22.2	58,050
5590	E-13764	THIN CUT-OFF WHEEL/ STAINLESS/ FLA	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/230X1.9X22.2	87,750
5591	E-14152	EZYCHANGE BIM HOLESAW 67MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 67MM	533,500
5592	E-14168	EZYCHANGE BIM HOLESAW 89MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 89MM	611,875
5593	E-14174	EZYCHANGE BIM HOLESAW 133MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 133MM	1,395,625
5594	E-14255	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUÔI THẲN	242,000
5595	E-14320	TCT SAW BLADE 185MMFOR THICK ME	LƯỠI CẮT TCT CHO KIM LOẠI 185MM	1,666,500
5596	E-14336	IMPACT SOCKET 1/4" 8PCS WITH SOCKI	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1/4" CÓ ĐẢ	306,625
5597	E-14495	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	200,750
5598	E-14504	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	239,250
5599	E-14510	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	277,750
5600	E-14526	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	372,625
5601	E-14532	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	211,750
5602	E-14548	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	244,750
5603	E-14554	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	290,125
5604	E-14560	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	383,625
5605	E-14576	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	533,500
5606	E-14582	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	683,375
5607	E-14598	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	255,750
5608	E-14607	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	416,625
5609	E-14613	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	473,000
5610	E-14629	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	506,000
5611	E-14635	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	272,250
5612	E-14641	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	429,000
5613	E-14657	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	484,000
5614	E-14663	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	528,000
5615	E-14679	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	555,500
5616	E-14685	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	745,250
5617	E-14691	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	416,625
5618	E-14700	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	467,500
5619	E-14716	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	511,500
5620	E-14722	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	683,375
5621	E-14738	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	434,500
5622	E-14744	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	484,000
5623	E-14750	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	539,000
5624	E-14766	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	573,375
5625	E-14772	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	701,250
5626	E-14788	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLU	917,125
5627	E-15110	DRILL&SCREW BIT 75PCS/SET(NZ)	BỘ MŨI KHOAN VÀ MŨI VÍT 75 CÁI/BỘ(	869,000
5628	E-15827	DOUBLE ENDED SCREW BIT PH2-65MM	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU IMPACT BLACK PH2	272,250
5629	E-15833	DOUBLE ENDED SCREW BIT PH2-110MM	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU IMPACT BLACK PH2	416,625
5630	E-15877	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 6MM	100,375
5631	E-15883	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 7MM	100,375
5632	E-15899	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 8MM	100,375
5633	E-15908	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 9MM	100,375

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5634	E-15914	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 10MM	100,375
5635	E-15920	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 11MM	100,375
5636	E-15936	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 12MM	103,125
5637	E-15942	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 13MM	116,875
5638	E-15958	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 14MM	116,875
5639	E-15964	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 15MM	116,875
5640	E-15970	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 16MM	116,875
5641	E-15986	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 17MM	122,375
5642	E-15992	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 18MM	133,375
5643	E-16003	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 19MM	133,375
5644	E-16019	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 20MM	138,875
5645	E-16025	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 21MM	138,875
5646	E-16031	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 22MM	151,250
5647	E-16047	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 8MM	116,875
5648	E-16053	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 9MM	116,875
5649	E-16069	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 10MM	116,875
5650	E-16075	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 11MM	116,875
5651	E-16081	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 12MM	116,875
5652	E-16097	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 13MM	116,875
5653	E-16106	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 14MM	116,875
5654	E-16112	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 15MM	116,875
5655	E-16128	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 16MM	127,875
5656	E-16134	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 17MM	127,875
5657	E-16140	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 18MM	133,375
5658	E-16156	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 19MM	133,375
5659	E-16162	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 20MM	138,875
5660	E-16178	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 21MM	138,875
5661	E-16184	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 22MM	162,250
5662	E-16190	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 23MM	195,250
5663	E-16209	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 24MM	200,750
5664	E-16215	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 27MM	211,750
5665	E-16221	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 30MM	239,250
5666	E-16237	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IN	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 32MM	328,625
5667	E-16243	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 7M	122,375
5668	E-16259	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 8M	122,375
5669	E-16265	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 9M	122,375
5670	E-16271	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 10M	122,375
5671	E-16287	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 11M	122,375
5672	E-16293	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 12M	122,375
5673	E-16302	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 13M	122,375
5674	E-16318	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 14M	122,375
5675	E-16324	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 15M	151,250
5676	E-16330	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 16M	151,250
5677	E-16346	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 17M	156,750
5678	E-16352	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 18M	173,250

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5679	E-16368	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 19M	173,250
5680	E-16374	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 20M	178,750
5681	E-16380	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 21M	195,250
5682	E-16396	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 22M	211,750
5683	E-16405	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 8M	138,875
5684	E-16411	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 10M	138,875
5685	E-16427	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 11M	138,875
5686	E-16433	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 12M	138,875
5687	E-16449	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 13M	138,875
5688	E-16455	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 14M	156,750
5689	E-16461	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 16M	156,750
5690	E-16477	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 17M	173,250
5691	E-16483	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 18M	184,250
5692	E-16499	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 19M	189,750
5693	E-16508	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 21M	217,250
5694	E-16514	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 22M	239,250
5695	E-16520	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 24M	261,250
5696	E-16536	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 27M	284,625
5697	E-16542	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 30M	312,125
5698	E-16558	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DR	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 32M	345,125
5699	E-16564	IMPACT SOCKET 1/2" IN PLASTIC CASE	BỘ ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 9PCS	1,211,375
5700	E-16570	IMPACT SOCKET 1/2" IN PLASTIC CASE	BỘ ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 9PCS	1,111,000
5701	E-16586	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" IN PLASTIC	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG IMPACT B	2,833,875
5702	E-16601	IMPACT SOCKET 1/2" IN ROLL UP POUC	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG IMPACT B	1,117,875
5703	E-16617	IMPACT SOCKET 1/2" IN ROLL UP POUC	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG IMPACT B	1,322,750
5704	E-16623	IMPACT SOCKET 1/2" WITH SOCKET AD	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG IMPACT B	840,125
5705	E-16966-5	CUT-OFF WHEEL 355 FOR MASONRY	ĐÁ CẮT 355 DÀNH CHO XÂY DỰNG	2,421,900
5706	E-19598	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER	MŨI KHOAN TCT CHUÔI SDS PLUS NEM	1,644,500
5707	E-19607	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER	MŨI KHOAN TCT CHUÔI SDS PLUS NEM	1,689,875
5708	E-19613	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER	MŨI KHOAN TCT CHUÔI SDS PLUS NEM	1,933,250
5709	E-19788	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 305M	LƯỠI CƯA EFICUT 305MMX25.4MMX96T	8,111,125
5710	E-19794	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/	MŨI BẮN VÍT CHUÔI ĐẦU TUÝP SIẾT BU	236,500
5711	E-19803	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/	MŨI BẮN VÍT CHUÔI ĐẦU TUÝP SIẾT BU	236,500
5712	E-19819	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/	MŨI BẮN VÍT CHUÔI ĐẦU TUÝP SIẾT BU	236,500
5713	E-19825	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/	MŨI BẮN VÍT CHUÔI ĐẦU TUÝP SIẾT BU	236,500
5714	E-19831	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/	MŨI BẮN VÍT CHUÔI ĐẦU TUÝP SIẾT BU	236,500
5715	E-19847	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/	MŨI BẮN VÍT CHUÔI ĐẦU TUÝP SIẾT BU	236,500
5716	E-19853	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/	MŨI BẮN VÍT CHUÔI ĐẦU TUÝP SIẾT BU	236,500
5717	E-22224	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 17X51MM	423,500
5718	E-22230	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 19X51MM	423,500
5719	E-22246	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 21X51MM	423,500
5720	E-22252	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 22X51MM	423,500
5721	E-22268	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 24X51MM	423,500
5722	E-22274	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 26X53MM	434,500
5723	E-22280	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 27X53MM	434,500

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5724	E-22296	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 30X53MM	451,000
5725	E-22305	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 32X57MM	451,000
5726	E-22311	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 35X57MM	511,500
5727	E-22327	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 36X57MM	511,500
5728	E-22333	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 19X90MM	611,875
5729	E-22349	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 21X90MM	611,875
5730	E-22355	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 24X90MM	611,875
5731	E-22361	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 27X90MM	644,875
5732	E-22377	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 30X90MM	701,250
5733	E-22383	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 32X90MM	706,750
5734	E-22399	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 36X90MM	789,250
5735	E-22408	O RING FOR IMPACT SOCKET FOR 3/4" S	VÒNG ĐỆM CHỮ O DÙNG CHO ĐẦU TU	22,950
5736	E-22414	PIN FOR IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQU	CHỐT GÀI DÙNG CHO ĐẦU TUÝP 3/4"	17,875
5737	E-22420	IMPACT SOCKET FOR 1" SQUARE DRIVI	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 41X90MM	1,244,375
5738	E-22436	O RING FOR IMPACT SOCKET FOR 1" SQ	VÒNG ĐỆM CHỮ O DÙNG CHO ĐẦU TU	28,350
5739	E-22442	PIN FOR IMPACT SOCKET FOR 1" SQUA	CHỐT GÀI DÙNG CHO ĐẦU TUÝP 1"	23,375
5740	E-22458	THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLA	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/150X1.6X22.2	58,050
5741	E-22464	THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLA	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/180X1.6X22.2	58,050
5742	E-22470	THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLA	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/230X1.9X22.2	101,250
5743	E-22931	ULTRA THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLE	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX Z60V 100X0.8	49,950
5744	E-22953	ULTRA THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLE	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX Z60V 125X0.8	55,350
5745	E-24511	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 27M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 27MM	584,375
5746	E-24527	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 30M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 30MM	584,375
5747	E-24533	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 32M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 32MM	584,375
5748	E-24549	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 33M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 33MM	584,375
5749	E-24555	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 34M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 34MM	584,375
5750	E-24561	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 36M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 36MM	655,875
5751	E-24599	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 41M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 41MM	761,750
5752	E-24620	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 46M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 46MM	851,125
5753	E-24636	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 50M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 50MM	900,625
5754	E-24642	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 55M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 55MM	1,028,500
5755	E-24664	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 65M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 65MM	1,361,250
5756	E-24670	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 70M	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 70MM	1,984,125
5757	E-24686	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 27MM	862,125
5758	E-24692	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 30MM	862,125
5759	E-24701	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 32MM	862,125
5760	E-24717	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 33MM	862,125
5761	E-24723	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 34MM	862,125
5762	E-24739	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 36MM	1,227,875
5763	E-24773	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 46MM	1,445,125
5764	E-24789	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 50MM	1,527,625
5765	E-24795	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 55MM	1,606,000
5766	E-24810	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVI	ĐẦU TUÝP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 65MM	1,962,125
5767	F-01697	BRAD NAIL 32(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 32MM (2021 ĐINH/HỘP)	803,000
5768	F-01703	BRAD NAIL 38(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 38MM (2021 ĐINH/HỘP)	891,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5769	F-01716	BRAD NAIL 45(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 45MM (2021 ĐINH/HỘP)	1,012,000
5770	F-01729	BRAD NAIL 50(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 50MM (2021 ĐINH/HỘP)	1,094,500
5771	F-01732	BRAD NAIL 57(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 57MM (2021 ĐINH/HỘP)	1,254,000
5772	F-01745	BRAD NAIL 64(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 64MM (2021 ĐINH/HỘP)	1,342,000
5773	F-30939	PHOSPHATED 3.9X45 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X45 PH2 (1000 CÁ	572,000
5774	F-31140	PHOSPHATED 3.9X55 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X55 PH2 (1000 CÁ	654,500
5775	F-31153	PHOSPHATED 3.9X35 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X35 PH2 (1000 CÁ	500,500
5776	F-31179	PHOSPHATED 3.9X35 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X35 PH2 (1000 CÁ	500,500
5777	F-31182	PHOSPHATED 3.9X41 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X41 PH2 (1000 CÁ	528,000
5778	F-31201	ZINC PLATED 4.2X40 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ KẼM 4.2X40 PH2 (1000 CÁI/HỘ	654,500
5779	F-31748	PHOSPHATED 3.9X30 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X30 PH2 (1000 CÁ	475,750
5780	F-31825	PIN NAIL 18MM(10000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18MMMM (ĐINH/HỘP)	372,625
5781	F-31838	PIN NAIL 25MM(10000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 25MM(10,000 ĐINH/HỘP)	467,500
5782	F-31841	PIN NAIL 30MM 10000PC/BOX	ĐINH 30MM 10000CÁI/HỘP	522,500
5783	F-31854	PIN NAIL 35MM 10000PC/BOX	ĐINH 35MM 10000CÁI/HỘP	595,375
5784	F-31867	BRAD NAIL 15MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 15MM 5000CÁI/HỘP	291,500
5785	F-31870	18 GA BRAD NAIL 20MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 20MM(5000 GHIM/HỘP	368,500
5786	F-31883	BRAD NAIL 25MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 25MM 5000CÁI/HỘP	423,500
5787	F-31902	18 GA BRAD NAIL 32MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 32MM(5000 GHIM/HỘP	528,000
5788	F-31928	18 GA BRAD NAIL 38MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 38MM(5000 GHIM/HỘP	605,000
5789	F-31931	18 GA BRAD NAIL 40MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 40MM(5000 GHIM/HỘP	638,000
5790	F-31944	18 GA BRAD NAIL 45MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 45MM(5000 GHIM/HỘP	709,500
5791	F-31957	BRAD NAIL 50MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 50MM 5000CÁI/HỘP	781,000
5792	F-32142	STAINLESS PIN NAIL 18MM 10000PC/BO	ĐINH KHÔNG GỈ 18MM 10000CÁI/HỘP	862,125
5793	F-32155	STAINLESS PIN NAIL 25MM 10000PC/BO	ĐINH KHÔNG GỈ 25MM 10000CÁI/HỘP	1,134,375
5794	F-32168	STAINLESS PIN NAIL 30MM 10000PC/BO	ĐINH KHÔNG GỈ 30MM 10000CÁI/HỘP	1,267,750
5795	F-32171	STAINLESS PIN NAIL 35MM 10000PC/BO	ĐINH KHÔNG GỈ 35MM 10000CÁI/HỘP	1,467,125
5796	F-32245	FLAT TAPE COLLATED SCREWS 3.9X30	VÍT CUỘN 3.9X30MM(1000CÁI)	462,000
5797	F-32483	STAINLESS STEL 4.2X55 PH2 (1000PCS/S	ĐINH KHÔNG GỈ 4.2X55 PH2 (1000 CÁI/H	3,019,500
5798	F-33218	YELLOW ZINC 4.2X50 SQ2 (800PCS/SET)	ĐINH MẠ KẼM VÀNG 4.2X50 SQ2 (800CÁ	594,000
5799	GB00000042	BLADE 330/DLM330	LƯỠI CẮT CỎ 330/DLM330	217,250
5800	GB00000165	WIDE NOZZLE/DUB187	ĐẦU THỔI RỘNG/DUB187	180,900
5801	GB00000198	SHOULDER HARNESS ASSY/DUB187	BỘ DÂY ĐEO/DUB187	153,900
5802	GM00001028	SHOULDER HOOK SET/ML105	DÂY TREO/ML105	39,150
5803	GM00001288	SHOULDER HOOK SETML006G/ML006G	BỘ MÓC TREO/ML006G	33,750
5804	GM00001326	LAMP SHADE/ML006G	CHỤP ĐÈN CHỐNG LÓA/ML006G	162,250
5805	GM00001369	UNDER STAND FOR LED WORKLIGHT	GIÁ ĐỠ 3 CHÂN CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜN	197,100
5806	GM00001396	VISE FOR LED WORKLIGHT	KẸP CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG	489,500
5807	GM00001499	DUST COVER	NẮP TÚI BỤI	462,240
5808	GM00001683	MAGNET ATTACHEMENT/ML105	NAM CHÂM/ML105	368,550
5809	GM00002073	TRIPOD FOR DML809/DML811	GIÁ ĐỠ 3 CHÂN CHO DML809/DML811	5,698,000
5810	GM00002239	STRAP HOOK ASSY/DML812	DÂY ĐEO/DML812	82,350
5811	GM00002283	TRIPOD/DML805	BỘ CHÂN ĐỠ MÁY/DML805	2,172,500
5812	GM00002286	LAMP SHADE/DML809	CHỤP CHỐNG CHÓI MẮT/DML809	522,500
5813	GM00002287	LAMP SHADE/DML811	CHỤP CHỐNG CHÓI MẮT/DML811	330,000

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5814	GM00002312	LAMP SHADE/ML003G	TẤM CHỐNG CHÓI/ML003G	162,250
5815	GM00002358	LAMP SHADE/ML005G	CHỤP ĐÈN CHỐNG CHÓI/ML005G	356,125
5816	GM00002359	ANTI-GLARE FILM/ML005G	MÀN CHỐNG CHÓI/ML005G	206,250
5817	GM00002376	ANTI-GLARE FILM/ML009G	MÀN CHỐNG CHÓI/ML009G	333,450
5818	GM00002377	LAMP SHADE/ML009G	CHỤP ĐÈN CHỐNG CHÓI/ML009G	529,200
5819	GM00002378	TRIPOD/ML009G	GIÁ ĐỠ 3 CHÂN CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜN	5,467,000
5820	GM00002379	FLAT BAR/ML005G/ML003G	ĐẾ ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN/ML0	1,134,375
5821	HY00000212	WHEEL KITS	BÁNH XE	4,577,375
5822	JM00000445	HEX WRENTCH/LS0816F	CỜ LÊ LỤC GIÁ/LS0816F	17,875
5823	JM00000535	DUST BAG ASSY/LS0816F	TÚI CHỨA BỤI/LS0816F	87,750
5824	JM00000624	DUST BAG ASSY/LS1110F	TÚI CHỨA BỤI/LS1110F	91,800
5825	JM00000674	HAMMER CARRIER/HM004G	XE ĐẨY CHO MÁY ĐỤC/HM004G	5,110,875
5826	JM21000300	EXTENSION TABLE SET/LB1200F	BÀN TRƯỢT/LB1200F	1,680,750
5827	JM21000320	CIRCULAR CUTTING ATTACHMENT/LB	KẸP LƯỠI/LB1200F	489,500
5828	JM21000330	BELT SANDING ATTACHMENT SET/LB1	THANH THÉP GIỮ CỐ ĐỊNH GIẤY NHÁM	295,625
5829	JM21080230	RIP FENCE ASSY/LB1200F	THANH CỮ/LB1200F	426,600
5830	JM21080293	DUST COLLECTOR PORT A/LB1200F	ỐNG HÚT BỤI A/LB1200F	22,950
5831	JM21080294	SAW BLADE 6/LB1200F	LƯỠI CƯA 6/LB1200F	687,500
5832	JM21080295	SAW BLADE 13/LB1200F	LƯỠI CƯA VÒNG 13/LB1200F	661,375
5833	JM21080296	SAW BLADE 16/LB1200F	LƯỠI CƯA VÒNG 16/LB1200F	661,375
5834	JM21080297	SAW BLADE 16/LB1200F	LƯỠI CƯA 16/LB1200F	687,500
5835	JM23000065	FLANGE/MT230	MẶT BÍCH/MT230	67,375
5836	JM23010003	DUST BAG ASSEMBLY/M2300B	TÚI CHỨA BỤI/M2300B	71,550
5837	JM23100124	BLADE FLANGE/LS1018L	MẶT BÍCH LƯỠI CẮT/LS1018L	94,875
5838	JM23500038	BLADE FLANGE/LS0815FL	MẶT BÍCH NGOÀI/LS0815FL	105,875
5839	JM23510009	VISE ASSEMBLY	THANH KẸP VẬT LIỆU	197,100
5840	JM23510010	DUST BAG/LS0815FL	TÚI CHỨA BỤI/LS0815FL	98,550
5841	JM23610050	BRACKET SET/WST06	KHUNG ĐỠ/WST06	2,033,625
5842	JM27000086	PUSH STICK	GẬY ĐẨY	49,950
5843	JM27000087	WRENCH B	CỜ LÊ B	67,375
5844	JM27000090	DUST POINT/MLT100	ĐẦU NỐI HÚT BỤI/MLT100	28,350
5845	JM27000171	INNER FLANGE/MLT100	MẶT BÍCH TRONG/MLT100	39,875
5846	JM27000179	OUTER FLANGE/MLT100	MẶT BÍCH NGOÀI/MLT100	39,875
5847	JM27000300	STAND SET(WST03)/MLT100	GIÁ ĐỠ MÁY CƯA BÀN(WST03)/MLT100	13,332,000
5848	JM27000329	WRENCH	CỜ LÊ	23,375
5849	JPA122194	NOZZLE ASS""Y	VÒI HÚT	322,650
5850	JPA122197	NOZZLE ASS""Y	VÒI HÚT	1,576,800
5851	JPA122275	JOINT 55 ASS""Y	KHỚP NỐI 55	159,840
5852	KF00000020	STAINLESS CUP/DCM501	CỐC ĐỰNG CAFÉ/DCM501	312,125
5853	KF00000066	FILTER SET/DCM501	PHỄU LỌC/DCM501	66,150
5854	KF00000068	SPOON/DCM501	MUỖNG NHỰA/DCM501	28,350
5855	KF00000069	CUP COVER/DCM501	NẮP ĐẬY CỐC/DCM501	44,550
5856	LE00855702	LASER RECEIVER/LDX1	THIẾT BỊ THU TIA LAZER/LDX1	7,854,300
5857	LE00870137	WALL MOUNT/SK105	GIÁ ĐỠ/SK105	2,888,875
5858	LX00000002	ANGLE NOZZLE/HW180D	ĐẦU XỊT GÓC/HW180D	496,800

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5859	LX00000003	WHEEL BRUSH/HW180D	ĐẦU XỊT DẠNG CHỔI/HW180D	376,650
5860	LX00000004	PLASTIC BOTTLE ADAPTER/HW180D	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CHAI NHỰA/HW180D	175,500
5861	ML001G	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(40V MAX)	1,423,125
5862	ML002G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MA	3,361,875
5863	ML003G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MA	6,144,875
5864	ML005G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MA	9,638,750
5865	ML006GX	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(40V MAX)	2,333,375
5866	ML007G	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN DÙNG PIN(40V MAX)	5,161,750
5867	ML009GX	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MA	15,554,000
5868	ML010G	CORDLESS AREA WORKLIGHT(40V MA	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MA	17,220,500
5869	ML011G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(40V MAX)	2,090,000
5870	ML012G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DẠNG THANH DÙ	14,581,875
5871	ML104	CORDLESS LED FLASHLIGHT (12V MAX	ĐÈN LED DÙNG PIN(12V MAX)	2,777,500
5872	ML106	CORDLESS LED FLASHLIGHT(12V MAX	ĐÈN LED DÙNG PIN(12V MAX)	1,828,750
5873	ML107	CORDLESS WORKLIGHT(12V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(12V MAX)	1,445,125
5874	ML187	RECHARGEABLE FLASH LIGHT(G-BATT	ĐÈN LED DÙNG PIN(PIN TIẾT KIỆM)(14.4	1,111,000
5875	P-32954	CRD S/N MM 93X228 NON FOR #100 X10	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 NON FOR #100	64,800
5876	P-32960	CRD S/N MM 93X228 NON FOR #150 X10	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 NON FOR #150	64,800
5877	P-33102	KE5 S/N MM 114X102 VEL 6F #80X10 SCA	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X102 VEL 6F #	97,200
5878	P-33146	KE5 S/N MM 114X102 VEL 6F #180X10 SC	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X102 VEL 6F #	97,200
5879	P-33277	E28 S/N DELTA C.94 VEL/FOR #80X10 SC	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC C.94 VEL/F	86,400
5880	P-33320	E28 S/N DELTA C.94 VEL/FOR #240X10 S	GIẤY CHÀ NHÁM TAM GIÁC C.94 VEL/F	86,400
5881	P-35988	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #150X50	GIẤY CHÀ NHÁM 93X185MM 8F #150X50	406,080
5882	P-35994	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #180X50	GIẤY CHÀ NHÁM 93X185MM 8F #180X50	406,080
5883	P-36005	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #240X50	GIẤY CHÀ NHÁM 93X185MM 8F #240X50	410,400
5884	P-36164	CRD S/N VELL MM 93X228 NON FOR #18	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #180 X10SCAT	64,800
5885	P-36239	CRD S/N VELL MM 93X230 #150X50 SCA	GIẤY CHÀ NHÁM 93X230 #150X50	205,200
5886	P-36245	CRD S/N VELL MM 93X230 #180X50 SCA	GIẤY CHÀ NHÁM 93X230 #180X50	203,040
5887	P-36479	KE5 S/N MM 114X140 #120X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #120X50	224,640
5888	P-36485	KE5 S/N MM 114X140 #150X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #150X50	224,640
5889	P-36500	KE5 S/N MM 114X140 #240X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #240X50	224,640
5890	P-36516	D24 S/N MM 114X140 #40X10	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #40X10	98,550
5891	P-36522	D24 S/N MM 114X140 #60X10	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #60X10	93,150
5892	P-36538	D24 S/N MM 114X140 #80X10	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #80X10	93,150
5893	P-36544	D24 S/N MM 114X140 #100X10	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #100X10	93,150
5894	P-36550	D24 S/N MM 114X140 #120X10	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #120X10	93,150
5895	P-36566	D24 S/N MM 114X140 #150X10	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #150X10	93,150
5896	P-36572	D24 S/N MM 114X140 #180X10	GIẤY CHÀ NHÁM 114X140/A180X10	93,150
5897	P-36588	D24 S/N MM 114X140 #240X10	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #240X10	93,150
5898	P-36594	D24 S/N MM 114X140 #40X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #40X50	426,600
5899	P-36603	D24 S/N MM 114X140 #60X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #60X50	382,050
5900	P-36619	D24 S/N MM 114X140 #80X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #80X50	317,250
5901	P-36625	D24 S/N MM 114X140 #100X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #100X50	306,450
5902	P-36631	D24 S/N MM 114X140 #120X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #120X50	306,450
5903	P-36647	D24 S/N MM 114X140 #150X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #150X50	306,450

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5904	P-36653	D24 S/N MM 114X140 #180X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #180X50	306,450
5905	P-36669	D24 S/N MM 114X140 #240X50	GIẤY CHÀ NHÁM MM 114X140 #240X50	306,450
5906	P-36968	IMX S/N MM 100X610 #60 X25	GIẤY CHÀ NHÁM 100X610 #60 X25	1,178,550
5907	P-36974	IMX S/N MM 100X610 #80 X25	GIẤY CHÀ NHÁM 100X610 #80 X25	1,156,950
5908	P-36980	IMX S/N MM 100X610 #100 X25	GIẤY CHÀ NHÁM 100X610 #100 X25	1,156,950
5909	P-36996	IMX S/N MM 100X610 #120 X25	GIẤY CHÀ NHÁM 100X610 #120 X25	1,156,950
5910	P-42488	KE5 S/N MM 102X114 VEL 6 FORI GR.240	GIẤY CHÀ NHÁM MM 102X114 VEL 6 FC	371,520
5911	P-42846	D24 S/N DELTA C.94 VEL/FOR GR.240X5(	GIẤY CHÀ NHÁM D24 S/N DELTA C.94 V	275,400
5912	P-67885	T.C.T SAW BLADE 255MMX25.4MMX40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255MMX25.4MMX4(	467,500
5913	P-67957	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX20MMX40T	312,125
5914	P-67963	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX20MMX60T	321,750
5915	P-67979	T.C.T SAW BLADE 230MMX25.4MMX60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 230MMX25.4MMX6(	578,875
5916	P-67991	T.C.T SAW BLADE 255MM25.4MMX60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255MM25.4MMX60T	555,500
5917	P-68002	T.C.T SAW BLADE 255MMX25.4MMX100	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255MMX25.4MMX1(	867,625
5918	P-70219	FILTER ELEMENT/VC2000L	BỘ LỌC/VC2000L	835,650
5919	P-70297	DISPOSAL BAG(5PCS)/VC2000L	TÚI CHỨA BỤI(5CÁI)/VC2000L	988,200
5920	P-70421	ADAPTER 35-38/VC2000L	KHỚP NỐI 35-38/VC2000L	550,800
5921	P-71071	T.C.T SAW BLADE 230MMX25.4MMX40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 230MMX25.4MMX4(	467,500
5922	P-71934	HAMMER AND TOOL HOLDER	TÚI GIỮ BÚA VÀ CÔNG CỤ	704,160
5923	P-72899	FILTER BAG(5PCS)/VC2000L	TÚI ĐỰNG BỤI(5CÁI)/VC2000L	731,700
5924	P-72942	SUCTION TUBE 35X520MM 2PCS/VC200(	ỐNG THẲNG 35X520MM 2CÁI/VC2000L	688,875
5925	P-81739	SUCTION HOSE D32X3500 W/TUBE/VC2(	ỐNG MỀM 32X3500/VC2000L	922,050
5926	P-81745	TOOL ADAPTER 24/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN 24/VC2000L	529,200
5927	P-83901	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX20MMX40T	350,625
5928	P-83917	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX60T	LƯỠI CƯA HỢP KIM 185MMX20MMX60T	352,000
5929	P-84355	TCT SAW BLADE 255X25.4X120T FOR AI	LƯỠI CƯA HỢP KIM 255X25.4X120T(NHÔ	935,000
5930	PDC1200A02	BACKPACK BATTERY(CONNECTOR TY	BỘ TRỮ PIN ĐEO VAI(BỘ CẤP NGUỒN/4	47,796,375
5931	PDC1500A01	BACKPACK BATTERY(CONNECTOR TY	BỘ TRỮ PIN ĐEO VAI(BỘ CẤP NGUỒN/4	77,770,000
5932	PF400MP	PUMP ATTACHMENT/PF400MP	PHỤ KIỆN BƠM NƯỚC/PF400MP	7,354,875
5933	PILOTL	PILOT L FOR HSS BLADE 11MM/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM ĐƯỜNG KÍNH 1	200,750
5934	PILOTS	PILOT S FOR HSS BLADE 11MM/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM ĐƯỜNG KÍNH 1	167,750
5935	PILOTU1A	S/R PILOT TCT CUTTERS UPTO 17MM D	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM S/R TCT KHOAN	133,375
5936	PILOTU1B	S/R PILOT TCT CUTTERS OVER 17MM D	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM S/R TCT KHOAN	173,250
5937	PILOTU2A	L/R PILOT TCT CUTTERS UPTO 17MM D	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM L/R TCT KHOAN	133,375
5938	PILOTU2B	L/R PILOT TCT CUTTERS OVER 17MM D	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM L/R TCT KHOAN	173,250
5939	PR00000028	GLASS PROTECTION NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG CHO KÍNH	145,750
5940	PR00000029	WIDE SLOT NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG DẠNG KHE RỘNG	138,875
5941	PR00000030	REFLECTOR NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG DẠNG PHẢN XẠ NHIỆT	178,750
5942	PR00000031	REDUCTION NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG DẠNG HỘI TỤ	156,750
5943	PR00000032	OVERLAP WELDING NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG DẠNG DẸP	323,125
5944	PR00000033	SOLDER SLEEVES REFLECTOR	ĐẦU THỔI NÓNG CHO HÀN PHẢN XẠ N	383,625
5945	PR00000034	WELDING NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG CHO HÀN	145,750
5946	PR00000035	PRESSURE ROLLER	CON LĂN ÁP LỰC	233,750
5947	PR00000036	WELDING RODS ABS	QUE HÀN ABS	229,500
5948	PR00000037	WELDING RODS HDPE	QUE HÀN HDPE	207,900

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5949	PR00000038	WELDING RODS PP	QUE HÀN PP	207,900
5950	PR00000039	SPEED WELDING NOZZLE	ĐẦU HÀN NHANH CHO MÁY THỔI NÓN	167,750
5951	PR00000040	SCRAPER	ĐẦU NẠO	228,250
5952	PR00000041	SCRAPER SET	BỘ ĐẦU NẠO	200,750
5953	PR00000042	SCRAPER	ĐẦU NẠO	162,250
5954	PR00000128	SHOULDER STRAP/DUS054	DÂY ĐEO/DUS054	153,900
5955	PR00000142	TOW HEAD NOZZLE/DUS054	ĐẦU VÒI PHUN/DUS054	87,750
5956	PR00000144	HOOK/DUS054	MÓC TREO/DUS054	17,550
5957	PR00000145	SPRAY WAND/DUS054	ỐNG CẦN PHUN/DUS054	277,750
5958	PR00000255	TWIN HEAD MIST NOZZLE ASSY/DUS10	ĐẦU BÉT PHUN ĐÔI/DUS108	153,900
5959	PR00000314	HOOK FOR SPRAY WAND/DUS108/DUS1	GIỮ ĐẦU PHUN/DUS108/DUS158	22,950
5960	PR00000317	MEASURING CUP/DUS158	LY ĐỊNH LƯỢNG/DUS158	76,950
5961	QY00000093	POWER SUPPLY CORD/ML010G	DÂY ĐIỆN/ML010G	467,500
5962	SC00000103	HEX. WRENCH M3/DSC163	ỐC LỤC GIÁC M3/DSC163	28,875
5963	SC00000104	HEX. WRENCH M4/DSC163	ỐC LỤC GIÁC M4/DSC163	28,875
5964	SC00000105	HEX. WRENCH M5/DSC163	ỐC LỤC GIÁC M5/DSC163	39,875
5965	SC00000107	WRENCH 17-14/DSC163	CỜ LÊ 14-17/DSC163	233,750
5966	SC00000130	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỠI CẮT	2,578,125
5967	SC00000203	DIE SB-6(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-6/DPP200	2,755,500
5968	SC00000205	DIE SB-6.5(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-6.5/DPP200	2,755,500
5969	SC00000207	DIE SB-8(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 8(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
5970	SC00000209	DIE SB-8.5(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-8.5/DPP200	2,755,500
5971	SC00000211	DIE SB-10(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 10(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
5972	SC00000213	DIE SB-11(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-11/DPP200	2,755,500
5973	SC00000215	DIE SB-12(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 12(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
5974	SC00000217	DIE SB-13(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-13/DPP200	2,755,500
5975	SC00000219	DIE SB-14(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 14(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
5976	SC00000221	DIE SB-15(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-15/DPP200	2,755,500
5977	SC00000223	DIE SB-18(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-18/DPP200	2,755,500
5978	SC00000244	OBLONG DIE B6.5X10/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B6.5X10/DPP200	2,755,500
5979	SC00000246	OBLONG DIE B6.5X13/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B6.5X13/DPP200	2,755,500
5980	SC00000248	OBLONG DIE B8.5X13(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 8.5X13(HÌNH BẦU DỤC)/DP	2,534,125
5981	SC00000250	OBLONG DIE B8.5X17/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B8.5X17/DPP200	2,755,500
5982	SC00000252	OBLONG DIE B9X13.5/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B9X13.5/DPP200	2,755,500
5983	SC00000254	OBLONG DIE B9X18/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B9X18/DPP200	2,755,500
5984	SC00000256	OBLONG DIE B10X15(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 10X15(HÌNH BẦU DỤC)/DP	2,534,125
5985	SC00000258	OBLONG DIE B10X20/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B10X20/DPP200	2,755,500
5986	SC00000260	OBLONG DIE B11X16.5/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B11X16.5/DPP20	2,755,500
5987	SC00000262	OBLONG DIE B12X18(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 12X18(HÌNH BẦU DỤC)/DP	2,534,125
5988	SC00000264	OBLONG DIE B13X19.5/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B13X19.5/DPP20	2,755,500
5989	SC00000266	OBLONG DIE B14X21(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 14X21(HÌNH BẦU DỤC)/DP	2,534,125
5990	SC00000508	CUTTER 8MM SET	BỘ LƯỠI CẮT 8MM	3,711,125
5991	SC00000510	CUTTER 10MM SET	BỘ LƯỠI CẮT 10MM	3,711,125
5992	SC00000512	CUTTER 12MM SET	BỘ LƯỠI CẮT 12MM	3,711,125
5993	SC00000514	STAINLESS STEEL CUTTRER 8MM	BỘ LƯỠI CẮT KHÔNG GỈ 8MM	3,711,125

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
5994	SC00000515	STAINLESS STEEL CUTTER 10MM	BỘ LƯỠI CẮT KHÔNG GỈ 10MM	3,711,125
5995	SC00000562	CUTTER 6MM SET	BỘ LƯỠI CẮT 6MM	3,711,125
5996	SC00000580	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỠI CẮT	6,578,000
5997	SC03300790	SLIDE STOPPER/DPP200	THƯỚC CANH CHỐNG TRƯỢT/DPP200	1,956,625
5998	SC03801080	WORK STAND/DPP200	GIÁ ĐỠ/DPP200	2,422,750
5999	SC05332710	DIE SB-16(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-16/DPP200	2,755,500
6000	SC05332740	DIE SB-19(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,556,125
6001	SC05340040	PUNCH 6MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 6MM/DPP200	2,733,500
6002	SC05340050	PUNCH 6.5MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 6.5MM/DPP200	2,733,500
6003	SC05340060	PUNCH 8(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 8(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
6004	SC05340070	PUNCH 8.5MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 8.5MM/DPP200	2,733,500
6005	SC05340080	PUNCH 10(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 10(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
6006	SC05340090	PUNCH 11MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 11MM/DPP200	2,733,500
6007	SC05340100	PUNCH 12(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 12(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
6008	SC05340110	PUNCH 13MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 13MM/DPP200	2,733,500
6009	SC05340120	PUNCH 14(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 14(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
6010	SC05340130	PUNCH 15MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 15MM/DPP200	2,733,500
6011	SC05340140	PUNCH 16MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 16MM/DPP200	2,733,500
6012	SC05340150	PUNCH 18MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 18MM/DPP200	2,733,500
6013	SC05340160	PUNCH 20(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
6014	SC05340170	PUNCH 19(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 19(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,556,125
6015	SC05340200	OBLONG PUNCH 6.5X10/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 6.5X10/DPP200	3,733,125
6016	SC05340210	OBLONG PUNCH 6.5X13/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 6.5X13/DPP200	3,733,125
6017	SC05340220	OBLONG PUNCH 8.5X13(OVAL)/DPP200	MŨI ĐỘT 8.5X13(HÌNH BẦU DỤC)/DPP20	3,444,375
6018	SC05340230	OBLONG PUNCH 8.5X17/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 8.5X17/DPP200	3,733,125
6019	SC05340240	OBLONG PUNCH 9X13.5/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 9X13.5/DPP200	3,733,125
6020	SC05340250	OBLONG PUNCH 9X18/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 9X18/DPP200	3,733,125
6021	SC05340260	OBLONG PUNCH 10X15(OVAL)/DPP200	MŨI ĐỘT 10X15(HÌNH BẦU DỤC)/DPP20(	3,444,375
6022	SC05340270	OBLONG PUNCH 10X20/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 10X20/DPP200	3,733,125
6023	SC05340280	OBLONG PUNCH 11X16.5/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 11X16.5/DPP200	3,733,125
6024	SC05340290	OBLONG PUNCH 12X18(OVAL)/DPP200	MŨI ĐỘT 12X18(HÌNH BẦU DỤC)/DPP20(	3,444,375
6025	SC05340300	OBLONG PUNCH 13X19.5/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 13X19.5/DPP200	3,733,125
6026	SC05340310	OBLONG PUNCH 14X21(OVAL)/DPP200	MŨI ĐỘT 14X21(HÌNH BẦU DỤC)/DPP20(	3,444,375
6027	SC05352510	DIE SB-20(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,534,125
6028	SC09002450	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỠI CẮT	3,711,125
6029	SC09002470	CUTTER BLADE SET/DSC163	LƯỠI CẮT/DSC163	5,867,125
6030	SC09002700	CUTTER M8/DSC121	LƯỠI CẮT M8/DSC121	3,999,875
6031	SC09002710	CUTTER M10/DSC121	LƯỠI CẮT M10/DSC121	3,999,875
6032	SC09002720	CUTTER M12/DSC121	LƯỠI CẮT M12/DSC121	3,999,875
6033	SC09002730	CUTTER W3/8/DSC121	LƯỠI CẮT W3/8 /DSC121	3,625,600
6034	SE00000679	AC ADAPTER/DMR114	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN/DMR114	666,875
6035	SE00000792	AC ADAPTER/DMR203	BỘ CHUYỂN ĐỔI ĐIỆN NGUỒN ĐIỆN/DM	290,125
6036	SH00000027	CUP FILTER ASSY/DCL500	BỘ LỌC KHÍ LY TÂM/DCL500	816,480
6037	SH00000034	P SUC-HOSE 1ST ASSY	TAY CẦM HÚT BỤI	1,790,100
6038	SH00000042	T CREVICE NOZZLE/DCL501	ĐẦU HÚT KHE/DCL501	279,450

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
6039	SH00000058	FLOOR NOZZLE ASSY/DCL501	ĐẦU HÚT BỤI/DCL501	676,350
6040	SH00000059	DRIVE PIPE ASSY/DCL500	ỐNG HÚT BỤI/DCL500	384,750
6041	SH00000060	SCREW PIPE ASSY/DCL501	ỐNG HÚT BỤI/DCL501	1,933,250
6042	SH00000064	BOTTOM PLATE ASSY	NẮP ĐẬY TRỤC LĂN	814,000
6043	SH00000065	SIDE BRUSH 2PCS(STANDARD)/DRC200	CHỔI QUÉT BỤI 2CÁI(TIÊU CHUẨN)/DRC	1,178,550
6044	SH00000213	FILTER UNIT'S ASSY/DRC200	LỌC BỤI/DRC200	1,702,350
6045	SH00000231	SENSOR WALL TAPE 15M ROLL/DRC200	BĂNG KEO CẢM ỨNG KHOANH VÙNG 1	1,462,050
6046	SH00000240	SENSOR WALL TAPE 15M ROLL/DRC200	BĂNG KEO CẢM ỨNG KHOANH VÙNG 1	1,386,000
6047	SH00000286	CUP FILTER ASSY/DCL501	BỘ LỌC KHÍ LY TÂM/DCL501	922,625
6048	SH00000313	POWER BRUSH(STANDARD)/DRC200	TRỤC LĂN QUÉT BỤI(TIÊU CHUẨN)/DRC	2,226,150
6049	SH00000314	BOTTOM PLATE ASSY	NẮP ĐẬY TRỤC LĂN	933,625
6050	SH00000319	POWER BRUSH (COMBINATION)/DRC20	TRỤC LĂN QUÉT BỤI (KẾT HỢP)/DRC20	3,119,850
6051	SH00000320	POWER BRUSH (SOFT)/DRC200	TRỤC LĂN QUÉT BỤI (MỀM)/DRC200	2,771,550
6052	SH00000321	SIDE BRUSHES 2 PCS (SOFT)/DRC200	CHỔI QUÉT BỤI 2 PCS (MỀM)/DRC200	1,767,150
6053	STEX122177	ANGLE ATTACHEMENT/DS4011	PHỤ KIỆN GÓC/DS4011	5,020,650
6054	STEX122198	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	1,804,000
6055	STEX122299	BELT SANDER STAND	BỘ CHÀ NHÁM BĂNG ĐỨNG	3,756,500
6056	STEX122385	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN MÁY ĐÁNH CẠNH	1,078,000
6057	STEX122390	TRIMMER BASE ASSY	ĐẾ MÁY ĐÁNH CẠNH	1,006,500
6058	SY00146013	UPPER BLADE(BULK)/EM407MP	LƯỠI CẮT TRÊN/EM407MP	911,625
6059	SY00146014	LOWER BLADE(BULK)/EM407MP	LƯỠI CẮT DƯỚI/EM407MP	827,750
6060	TD00000110	BATTERY HOLDER 12V MAX	BỘ GIỮ PIN 12V MAX	1,380,500
6061	TD00000111	BATTERY HOLDER 18V	BỘ GIỮ PIN 18V	1,419,000
6062	TD00000112	CABLE UNIT B	DÂY CÁP B	110,000
6063	TE00000242	AC ADAPTER/CF100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN/CF100D	400,125
6064	TE00000333	SWIM RING ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI/MP100D	28,350
6065	TE00000334	FRENCH ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI/MP100D	22,000
6066	TE00000335	BALL ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI/MP100D	22,000
6067	TE00000440	ADAPT0R(FRA)/DCF203	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN AC/DCF203	578,875
6068	TE00000442	AC ADAPTER/DCF301	BỘ CHUYỂN ĐỔI AC/DCF301	862,125
6069	TE00000594	FRENCH ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI ỐNG BƠM HƠI/MP100D	28,875
6070	TE00000691	AIR CHUCK/MP001G	TAY CẦM BƠM HƠI NỐI DÀI/MP001G	672,375
6071	TE00000779	POWER SUPPLY CORD/CF003G	DÂY ĐIỆN/CF003G	244,750
6072	TE00000793	AC ADAPTER/CF003G	BỘ CHUYỂN ĐỔI/CF003G	1,280,125
6073	TE00000796	0 DEGREES AIR CHUCK/MP001G	TAY CẦM BƠM HƠI NỐI DÀI/MP001G	688,875
6074	TK00SB0001	SHOULDER BELT/SK312GD	DÂY ĐEO VAI/SK312GD	197,100
6075	TK02100200	GLASSES LASER VISIBILITY/SK312GD	PHỤ KIỆN KÍNH HIỂN THỊ LAZE/SK312G	371,250
6076	TK0219UNIM	CD-ROM/SK312GD	ĐĨA CD/SK312GD	473,000
6077	TK0LDG301F	LASER RECEIVER LDG-3/SK312GD	THIẾT BỊ THU TIA LAZER LDG-3/SK312C	8,208,000
6078	TK0LDG501F	LASER RECEIVER LDG-5/SK10GD	PHỤ KIỆN THU TIA LAZER/SK10GD	5,236,650
6079	TK0LM2000F	MINI TRIPOD/SK312GD	GIÁ 3 CHÂN NHỎ/SK312GD	1,333,750
6080	TK0LM4001F	TRIPOD 1800	CHÂN MÁY	3,578,850
6081	TK0LM5030F	TRIPOD 2900/SK312GD	CHÂN MÁY/SK312GD	5,377,625
6082	TK0LVE3062	CABLE GCX(F)/SK312GD	CÁP GCX(F)/SK312GD	317,625
6083	TK219UNQSG	OPERATION GUIDE/SK312GD	SÁCH HƯỚNG DẪN/SK312GD	109,350

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
6084	TKAK400MUN	STORAGE CASE/SK312GD	THÙNG MÁY/SK312GD	5,688,375
6085	TKERW219UN	LEAD UNIT/SK312GD	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/SK312GD	206,250
6086	TKLM400117	STORAGE BAG/TK0LM4001F	TÚI BẢO QUẢN/TK0LM4001F	737,100
6087	TKLM503023	STORAGE BAG/TK0LM5030F	TÚI BẢO QUẢN/TK0LM5030F	862,650
6088	TP00000153	NOZZLE A	VÒI DẸP THỔI NÓNG A	43,200
6089	TP00000159	FISHTAIL SPREADER	PHỤ KIỆN MÁY THỔI NÓNG C	22,000
6090	TP00000164	BATTERY 4.8V / 6723DW	PIN 4.8V/ 6723DW	378,000
6091	TR00000001	TROLLEY	XE KÉO BẰNG TAY ĐỂ CHỞ HÀNG	5,247,450
6092	UD00UPC14L	CUTTER TCT(LONG)14X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)14X55MM	947,375
6093	UD00UPC14S	CUTTER TCT(SHORT)14X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)14X35MM	891,000
6094	UD00UPC15L	CUTTER TCT(LONG)15X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)15X55MM	947,375
6095	UD00UPC15S	CUTTER TCT(SHORT)15X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)15X35MM	891,000
6096	UD00UPC16L	CUTTER TCT(LONG)16X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)16X55MM	947,375
6097	UD00UPC16S	CUTTER TCT(SHORT)16X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)16X35MM	891,000
6098	UD00UPC17L	CUTTER TCT(LONG)17X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)17X55MM	947,375
6099	UD00UPC17S	CUTTER TCT(SHORT)17X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)17X35MM	891,000
6100	UD00UPC18L	CUTTER TCT(LONG)18X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)18X55MM	947,375
6101	UD00UPC18S	CUTTER TCT(SHORT)18X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)18X35MM	891,000
6102	UD00UPC19L	CUTTER TCT(LONG)19X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)19X55MM	947,375
6103	UD00UPC19S	CUTTER TCT(SHORT)19X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)19X35MM	891,000
6104	UD00UPC20L	CUTTER TCT(LONG)20X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)20X55MM	969,375
6105	UD00UPC20S	CUTTER TCT(SHORT)20X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)20X35MM	891,000
6106	UD00UPC21L	CUTTER TCT(LONG)21X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)21X55MM	969,375
6107	UD00UPC21S	CUTTER TCT(SHORT)21X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)21X35MM	891,000
6108	UD00UPC22L	CUTTER TCT(LONG)22X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)22X55MM	969,375
6109	UD00UPC22S	CUTTER TCT(SHORT)22X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)22X35MM	891,000
6110	UD00UPC23L	CUTTER TCT(LONG)23X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)23X55MM	1,089,000
6111	UD00UPC23S	CUTTER TCT(SHORT)23X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)23X35MM	918,500
6112	UD00UPC24L	CUTTER TCT(LONG)24X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)24X55MM	1,089,000
6113	UD00UPC24S	CUTTER TCT(SHORT)24X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)24X35MM	918,500
6114	UD00UPC25L	CUTTER TCT(LONG)25X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)25X55MM	1,089,000
6115	UD00UPC25S	CUTTER TCT(SHORT)25X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)25X35MM	918,500
6116	UD00UPC26L	CUTTER TCT(LONG)26X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)26X55MM	1,089,000
6117	UD00UPC26S	CUTTER TCT(SHORT)26X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)26X35MM	1,010,625
6118	UD00UPC27L	CUTTER TCT(LONG)27X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)27X55MM	1,089,000
6119	UD00UPC27S	CUTTER TCT(SHORT)27X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)27X35MM	1,010,625
6120	UD00UPC28L	CUTTER TCT(LONG)28X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)28X55MM	1,089,000
6121	UD00UPC28S	CUTTER TCT(SHORT)28X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)28X35MM	1,010,625
6122	UD00UPC29L	CUTTER TCT(LONG)29X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)29X55MM	1,089,000
6123	UD00UPC29S	CUTTER TCT(SHORT)29X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)29X35MM	1,010,625
6124	UD00UPC30L	CUTTER TCT(LONG)30X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)30X55MM	1,089,000
6125	UD00UPC30S	CUTTER TCT(SHORT)30X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)30X35MM	1,010,625
6126	UD00UPC31L	CUTTER TCT(LONG)31X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)31X55MM	1,315,875
6127	UD00UPC31S	CUTTER TCT(SHORT)31X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)31X35MM	1,179,750
6128	UD00UPC32L	CUTTER TCT(LONG)32X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)32X55MM	1,315,875

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**
6129	UD00UPC32S	CUTTER TCT(SHORT)32X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)32X35MM	1,179,750
6130	UD00UPC33L	CUTTER TCT(LONG)33X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)33X55MM	1,315,875
6131	UD00UPC33S	CUTTER TCT(SHORT)33X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)33X35MM	1,179,750
6132	UD00UPC34L	CUTTER TCT(LONG)34X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)34X55MM	1,315,875
6133	UD00UPC34S	CUTTER TCT(SHORT)34X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)34X35MM	1,179,750
6134	UD00UPC35L	CUTTER TCT(LONG)35X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)35X55MM	1,315,875
6135	UD00UPC35S	CUTTER TCT(SHORT)35X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)35X35MM	1,179,750
6136	W000014295	NOZZLE UNIVERSAL/VC2000L	ĐẦU HÚT CHỮ T/VC2000L	76,950
6137	W000029541	CREVICE NOZZLE/VC2000L	ĐẦU HÚT KHE HẸP/VC2000L	93,150
6138	W107402706	FLOOR NOZZLE 36X260MM/VC2000L	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN 36X260MM/VC2	333,450
6139	W107409979	TUBE HOLDER KIT/VC2000L	VÒNG GÀI/VC2000L	191,700
6140	W107413340	HAND TUBE WITH REGULATION/VC200	ỐNG MỀM CẦM TAY/VC2000L	459,000
6141	W107418661	TOOL ADAPTOR 22MM WITH REGULAT	ĐẦU CHUYỂN ỐNG HÚT BỤI 22MM/VC2	507,600
6142	W107418680	TOOL ADAPTER 38MM/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN ỐNG HÚT BỤI 38MM/VC2	486,000
6143	WL00000002	CIGAR SOCKET CABLE/CW001G	CÁP CHUYỂN ĐỔI NGUỒN TẨU THUỐC/	261,250
6144	WL00000058	AC CORD ADAPTER/CW001G	DÂY CHUYỂN ĐỔI AC/CW001G	1,762,750
6145	WL00000313	AC ADAPTOR/CW002G	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN AC/CW0	2,289,375
6146	WST05	MITERSAW STAND/DEAWST05	ĐẾ MÁY CƯA ĐA GÓC/DEAWST05	7,033,125
6147	WST06	MITERSAW STAND/WST06	ĐẾ MÁY CƯA ĐA GÓC/WST06	7,332,875
6148	WST07	MITERSAW STAND/WST07	ĐẾ MÁY CƯA ĐA GÓC/WST07	8,016,250
6149	XNR0000085	PLUG SOCKET/EBH340R	CẦU CHÌ/EBH340R	164,700
6150	XNR0000126	CORD STRAP/EBH340R	DÂY ĐEO/EBH340R	22,950
6151	XNR0000532	ROTOR L/KR401MP	LƯỠI XỚI ĐẤT L/KR401MP	467,500
6152	XNR0000535	ROTOR R/KR401MP	LƯỠI XỚI ĐẤT R/KR401MP	467,500
6153	XNR0000549	SWEEPER COMPLETE/SW400MP	CHỔI/SW400MP	2,956,500
6154	YA00000747	BLADE 410MM/ELM4120	LƯỠI CẮT 410MM/ELM4120	317,625
6155	Z29704	BLOWER ATTACHM.SET G/UB401MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB401MP	2,484,000
6156	Z87705	ROTARY SCISSORS ATTACHMENT/EM4	LƯỠI CẮT CỎ BÁNH XE/EM407M	6,578,000
6157	ZM00000129	MOVING BLADE/DTC100, DTC101	LƯỠI CẮT CÁP/DTC100, DTC101	5,359,750
6158	ZM00000134	STATIONARY BLADE/DTC100, DTC101	LƯỠI CẮT CÁP/DTC100, DTC101	5,359,750
6159	ZM00000175	MOVING BLADE/DTC100, DTC101	LƯỠI CẮT CÁP/DTC100, DTC101	14,634,125
6160	ZM00000189	MOVING BLADE ASSY/DTC100, DTC101	MIẾNG THÉP CHE LƯỠI CẮT/DTC100, DT	280,500
6161	ZM00000191	STATIONARY BLADE/DTC100, DTC101	LƯỠI CẮT CÁP/DTC100, DTC101	11,573,375
6162	ZM00000219	DIN K DIE K12/DTC301/DTC302	KHUÔN ĐỘT K12/DTC301/DTC302	8,127,625
6163	ZM00000220	DIN K DIE K14/DTC301/DTC302	KHUÔN ĐỘT K14/DTC301/DTC302	8,127,625
6164	ZM00000221	DIN K DIE K16/DTC301/DTC302	KHUÔN ĐỘT K16/DTC301/DTC302	8,127,625
6165	ZM00000225	DIN K DIE K25/DTC301/DTC302	KHUÔN ĐỘT K25/DTC301/DTC302	8,127,625
6166	ZM00000226	DIN K DIE K28/DTC301/DTC302	KHUÔN ĐỘT K28/DTC301/DTC302	8,127,625
6167	ZM00000227	DIN K DIE K32/DTC301/DTC302	KHUÔN ĐỘT K32/DTC301/DTC302	8,127,625
6168	ZM00000228	DIN K DIE K34/DTC301/DTC302	KHUÔN ĐỘT K34/DTC301/DTC302	8,127,625

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**

BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Áp dụng từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	**Mã sản phẩm**	**Tên sản phẩm (Tiếng Anh)**	**Tên sản phẩm (Tiếng Việt)**	**Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)**